

Dịch từ: Epoch Times - epochtimes.com
Nguồn: epochtimesviet.com

Thiên Cổ Anh Hùng

THÀNH CÁT TƯ HÃN

10.2024

Nguồn: epochtimesviet.com

Dịch từ: epochtimes.com

MỤC LỤC

<i>Chương 1: Giáng sinh nơi thảo nguyên, trưởng thành trong tuyết cảnh</i>	<i>1</i>
<i>Chương 2: Nhân duyên đã định, anh hùng tụ nghĩa - Thiết Mộc Chân quật khởi</i>	<i>17</i>
<i>Chương 3: Khoan dung nhân từ, thu phục lòng người - chiêu mộ nhân tài</i>	<i>31</i>
<i>Chương 4: Chinh phục thảo nguyên</i>	<i>44</i>
<i>Chương 5: Xứng hùng trên thảo nguyên</i>	<i>58</i>
<i>Chương 6: Xây dựng đại Mông Cổ - Phong công thần - Mở rộng đội quân Khiếp Tiết</i>	<i>73</i>
<i>Chương 7: Ban bố Đại Trát Tát - Tín ngưỡng Trường Sinh Thiên nhập pháp điển</i>	<i>87</i>
<i>Chương 8: Tam chinh Tây Hạ đắc trợ lực - Kiểm chỉ Đại Kim Quốc</i>	<i>100</i>
<i>Chương 9: Trận đầu thắng Kim, vui mừng được mãnh tướng người Hán</i>	<i>116</i>

<i>Chương 10: Chiếm lĩnh Trung Đô - Giành được một nửa giang sơn nước Kim</i>	<i>131</i>
<i>Chương 11: Thương đội Mông Cổ gặp nạn - Tây chinh Hoa Lạt Tử Mô</i>	<i>148</i>
<i>Chương 12: Hoa Lạt Tử Mô diệt vong, Khâu Xứ Cơ tiết lộ thiên cơ</i>	<i>162</i>
<i>Chương 13: Chinh phục Caucasus và Nam Nga - Kiến lập tứ Đại Hãn quốc</i>	<i>180</i>
<i>Chương 14: Gia Luật Sở Tài thực hiện hoài bão - Mộc Hoa Lê chinh Kim</i>	<i>196</i>
<i>Chương 15: Chinh phục Tây Hạ - Lưu di sách diệt Kim - Trở về Trời trường sinh</i>	<i>212</i>

Chương 1: Giáng sinh nơi thảo nguyên, trưởng thành trong tuyết cánh

Vào thế kỷ 13, khi triều đại Nam Tống đang yên phận ở Giang Nam, cùng với hai nước Tây Hạ và Kim tạo thành thế chân vạc, thì trên thảo nguyên bao la bát ngát phía Bắc, một chú hùng ưng đang giương cánh vút bay, từng bước thống nhất thảo nguyên Mạc Bắc. Một đế quốc thảo nguyên “Đại Mông Cổ Quốc” được thành lập và người anh hùng Mông Cổ có tên Thiết Mộc Chân được người đời tôn xưng là “Thành Cát Tư Hãn”. Ông cùng con cháu của mình đã ba lần dẫn đầu đội thiết kỵ của Mông Cổ viễn chinh về phía Tây, trải dài khắp lục địa Á-Âu, thậm chí còn đánh tới cả dải lãnh thổ gồm Liên bang Nga, Ba Lan, Hungary ngày nay, khiến cả Âu Châu chấn động.

Cùng với các cuộc viễn chinh của người Mông Cổ, các phương diện như khoa học kỹ thuật, chiến tranh, vải da, buôn bán, ẩm thực, nghệ thuật, văn học và âm nhạc của người Âu Châu đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và người Mông Cổ, đồng thời, văn nghệ thời kỳ Phục Hưng cũng có sự thay đổi. Chính bởi sự ảnh hưởng vô cùng to lớn của văn hóa Trung Hoa và người Mông Cổ với Âu Châu, nhà văn trứ danh người Anh Geoffrey Chaucer đã không tiếc lời tán dương ca tụng Thành Cát Tư Hãn và những thành tựu mà ông đạt được trong tác phẩm Canterbury Tales của mình, ông ca ngợi: “Vị quân vương cao quý này tên gọi là Thành Cát Tư Hãn, vào thời đại của mình, ông uy danh lừng

lấy bốn phương, không một địa phương nào, không một khu vực nào xuất hiện một vị Chủ của vạn vật kiệt xuất như ông.”



*Vua Mông Cổ Thành Cát Tư Hãn
(Ảnh: Vương Song Khoan/Epoch Times)*

Lời tiên tri của tổ tiên

Tổ tiên của dân tộc Mông Cổ là một chi của tộc người thiểu số Đột Quyết, một phần của một dân tộc cổ xưa ở miền bắc Trung Quốc. Ban đầu, tộc người này sinh sống du mục ở thượng du của Hắc Long Giang, về sau dần dần tỏa ra khắp vùng đất rộng lớn của cao nguyên Mông Cổ. Nơi đó địa hình cao và giá rét, nên mỗi năm thời gian kết băng kéo dài từ 4 đến 5 tháng, và tại thời điểm lạnh nhất nhiệt độ hạ xuống khoảng âm 25 độ C. Vào thời Ngũ Đại, Liêu, Tống, Kim: từ “Mông Cổ” được dịch thành Mạt Kiếp Tử, Mai Cổ Tất, Mô Cát Thất, Mao Cát Thạch, Mao Yết Thất, Manh Cổ Tử, Mông Quốc Tư, Mông Cổ Tư, Mông Cổ Lý, Manh Cốt Tử, Mông Cốt. Vào thời nhà Nguyên, nó được dịch thành Mông Cổ. Thuật ngữ “Mông Cổ” trong “Tuyển tập lịch sử” của Rashid-al-Din Hamadani có nghĩa là “yếu đuối và thuần phác”, hàm nghĩa của từ này phù hợp với tình trạng yếu ớt và thuần phác của bộ lạc Mông Cổ nguyên thủy ở vùng rừng núi xa xôi trong núi sâu rừng thẳm thừa ban sơ.

Vào thời Nam Tống, các bộ tộc Mông Cổ mọc lên như nấm, năm bè bảy mối, giống như một mâm cát. Trên danh nghĩa các bộ tộc này đều thuộc về nước Kim, nhưng lúc thì nổi dậy lúc lại đầu hàng. Vì nơi này địa thế cao mà giá rét nên nước Kim coi đây là một vùng không thể ở, chủ yếu để thực hiện các biện pháp phòng ngự, chẳng hạn như xây dựng trường thành, tập trung lực đối phó với sự tấn công của Nam Tống, do đó cũng mang đến không gian phát triển cho các bộ lạc Mông Cổ.

Lúc đó, các bộ lạc Mông Cổ chủ yếu có hơn 20 bộ tộc như: Khất Nhan, TaTar, Miệt Nhi Khất Dịch, Khắc

Liệt Diệt Dịch và Nãi Man... Dân tộc du mục Mông Cổ sống tách biệt bên ngoài thế giới, việc săn bắn và trao đổi, chăn thả gia súc và chiến tranh là cuộc sống chủ yếu của họ. Vì để giành được của cải, giữa các bộ tộc Mông Cổ thường xuyên xảy ra những cuộc giao tranh tàn khốc, và mỗi người đàn ông Mông Cổ đều tự biến mình trở thành thợ săn và chiến binh. Các tổ tiên của Thành Cát Tư Hãn cũng vậy.

Mẫu thân của Bột Đao Sát Nhi, tổ tiên mười đời của Thành Cát Tư Hãn là A Lan Quả Hỏa, sau khi được gả cho Liễu Thoát Bôn Mị Lý Kiền, bà sinh hạ hai người con trai. Sau đó chồng bà qua đời. Một đêm góa phụ A Lan mộng thấy ánh sáng trắng từ trên trời chiếu thẳng qua cửa sổ vào trướng ngủ và hóa thành một Thần nhân màu vàng kim. Sau đó A Lan có thai, hạ sinh một người con trai, tức là Bột Đao Sát Nhi. Bột Đao Sát Nhi diện mạo kỳ dị, trầm mặc ít nói, người nhà đều nói ông là một kẻ đần độn, chỉ có A Lan nói: “Đứa trẻ này chắc chắn không hề ngu đần, con cháu đời sau tất có người đại phú quý”.

Về sau, A Lan tạ thế, hai huynh trưởng của Bột Đao Sát Nhi phân chia gia sản, nhưng không chia cho ông bầy ngựa, đồ ăn, hay bất kỳ thứ gì. Bột Đao Sát Nhi cũng không để tâm, mà ngược lại, ông cho rằng giàu sang hay nghèo khổ đều là định mệnh. Rời xa hai huynh trưởng, Bột Đao Sát Nhi một thân một mình cưỡi ngựa màu xanh trắng, đến vùng đất Bát Lý Truân A Lại của một bán đảo. Ông dựa vào cách thả chim ưng săn dã thú để sống, cuộc sống săn bắt của ông rất thuận lợi, tựa như lúc nào cũng được ông Trời giúp đỡ.

Vài tháng trôi qua, có mấy chục gia đình từ Đô Diệc Liên Sơn di cư đến, trở thành hàng xóm của Bột Đoan Sát Nhi, nhưng hai bên cũng không thân thiết với nhau. Một hôm, người anh thứ hai đột nhiên nhớ đến ông, không rõ ông sống thế nào, liền tự mình đến tìm ông, còn mời ông trở về nhà. Trên đường đi, Bột Đoan Sát Nhi nói với anh hai: “Tất cả đám người Cấp Lý Hốt Lỗ ở bên suối là một đám dân tản mác, không có lớn nhỏ, không có tôn ti trật tự, hơn nữa không có thủ lĩnh, nếu như phát binh, có thể hàng phục bọn họ”. Anh hai rất tán thành, về nhà lựa chọn một số tráng sĩ, để Bột Đoan Sát Nhi dẫn đầu quay về đột kích, quả nhiên là thu phục được những người đó.

Di tượng khi Thiết Mộc Chân ra đời

Bộ lạc Khất Nhan là bộ lạc nguyên thủy nhất của dân tộc Mông Cổ, sau này sản sinh ra “gia tộc hoàng kim” Bột Nhi Chích Cân Thị. Trong lịch sử, Khất Nhan Bộ có rất nhiều nhánh gia tộc, nhưng thật sự thuộc về “gia tộc hoàng kim” thì chỉ có mấy dòng họ, là Chủ Nhi Cần, Thái Diệc Xích Ô, Bột Nhi Chích Cân. Khi Bột Đoan Sát Nhi đơn lẻ hình thành nên thị tộc, ban đầu gọi là Bột Nhi Chích Cân, cũng chính là nói, tên gọi này của họ được cải biến ra từ tôn hiệu “Bột Đoan Sát Nhi”. Trong “Mông Cổ Bí Sử” có ghi: “Bột Đoan Sát Nhi đã trở thành họ Bột Nhi Chích Cân”.

Bột Đoan Sát Nhi là thủy tổ của họ Bột Nhi Chích Cân. Sau khi Bột Đoan Sát Nhi qua đời, thế lực bộ tộc Khất Nhan được khuếch trương vào thời kỳ cháu nội Nạp Chân và chắt nội Hải Đô, ngày càng nhiều người

quy thuận. Vào thời kỳ tổ tiên thứ tư Họp Bồ Lạc Hãn của Thiết Mộc Chân, từ “Khất Nhan” lại được đặt trước “Bột Nhi Chích Cân”, gọi là là “Khất Nhan – Bột nhi Chích Cân”. Đến thời đại của Thành Cát Tư Hãn, Thiết Mộc Chân sau này, mới sử dụng Bột Nhi Chích Cân làm họ riêng độc lập để biểu thị sự tôn quý.

Trong chớp mắt đã đến thời kỳ cha của Thành Cát Tư Hãn là Dã Tốc Cai. Ông trở thành thủ lĩnh của tộc Bột Nhi Chích Cân của bộ tộc Khất Nhan và trưởng liên minh của bộ tộc Mông Cổ. Dã Tốc Cai, một vị dũng sĩ của dân tộc Mông Cổ, cương nghị nhưng cũng rất tình cảm. Một hôm, khi ông ở bên sông Oát Nan thả chim ưng săn mồi, nhìn thấy Dã Khách Xích Liệt Đô của bộ tộc Miệt Nhi Khất Dịch lấy vợ từ bộ tộc Oát Lạc Hốt Nột Ngột Dịch, đối diện với dung mạo xinh đẹp vô cùng của Hạ Ngạch Luân nên ông vừa thấy đã yêu ngay, bèn cùng với ba người anh em đuổi theo xe ngựa, chọn cách thức cưới vợ thứ hai trên thảo nguyên là: cướp dâu. Dã Khách Xích Liệt Đô nghĩ đủ cách để giải thoát khỏi bọn họ, nhưng chẳng được kết quả gì, cuối cùng Hạ Ngạch Luân trở thành vợ hai của Dã Tốc Cai, tức “Hạ Ngạch Luân Ngột Chân”. Ngột Chân có nghĩa là “phu nhân” trong Hán ngữ. Người vợ thứ nhất của ông tên là Sách Tế Cách Lạc, có một con trai gọi là Biệt Khắc Thiếp Nhi.

Một năm sau, Hạ Ngạch Luân trẻ tuổi sinh hạ một đứa bé, mới sinh ra “tay đã cầm cục máu đông như đá đỏ”. Mà khi đó, Dã Tốc Cai lại phát động một cuộc chiến tranh với người TaTar. Vốn ông chú Yêm Ba Hải từng bị người TaTar bắt làm tù binh, và bị đưa đến nước Kim, người Kim đem danh tướng phản nghịch đóng đinh trên lưng con lừa gỗ cho đến chết. Các bộ lạc Mông Cổ

vì thế đã nhiều lần giao đấu với người TaTar và người Kim, lấy máu báo thù. Vào năm 1155, Dã Tốc Cai phát động một trận chiến như thế, giết chết một thủ lĩnh tên là Thiết Mộc Chân Ngột Cách. Khi ông về đến bộ lạc, Dã Tốc Cai bèn lấy tên “Thiết Mộc Chân” đặt tên cho con trai, để kỷ niệm chiến công của mình. Về sau, Hạ Ngạc Luân còn sinh thêm ba người con trai là Hợp Tát Nhi, Hợp Xích Ôn, Thiếp Mộc Cách và một người con gái Thiếp Mộc Luân.

Dị tượng khi Thiết Mộc Chân ra đời cũng dẫn đến sự chú ý của một người. Một người thợ sắt là Trát Nhi Xích Ngột Đãi của bộ lạc Ngột Lương Hợp đích thân đến xem hài nhi, tặng cho nó một cái tã làm bằng lông chồn chuột để làm quà gặp mặt, đồng thời nói bản thân cũng mới sinh một con trai, gọi là Lạc Miệt, đợi đến khi nó trưởng thành, sẽ cho làm người hầu của Thiết Mộc Chân. Đương nhiên, Trát Nhi Xích Ngột Đãi có con mắt độc đáo, có tầm nhìn xa trông rộng, biết được cuộc đời của Thiết Mộc Chân sẽ không phải bình thường.

Những bài giáo huấn đầu tiên và mệnh đế vương

Thiết Mộc Chân hồi nhỏ rất thích nghe kể chuyện, nên thường ngồi cùng với những người giỏi kể chuyện như những người hầu thân cận của Dã Tốc Cai như Sát Lạt Hợp, Ba Lân Bộ Nhân Ngột Tôn của bộ tộc Hoảng Khoát Đan Thị và Cổ Ôn Khoát A của bộ tộc Trát Thích Nhi (cha của Mộc Hoa Lê). Bọn họ bàn nhiều câu chuyện về hưng vong của quốc gia, mưu kế chiến tranh, dao thót thịt cá... giúp cho ông phân biệt được thiện ác, thị

phi đúng sai, đây có lẽ là một phần quan trọng trong những bước đầu giáo dục của Thiết Mộc Chân.

Sát Lạt Hợp vì yêu quý Thiết Mộc Chân, liền cho con trai là Mông Lược Khắc đến chăm sóc ông. Mông Lược Khắc biết thầy tướng số nổi tiếng Khoát Nhi Xích của bộ lạc Mông cổ khi đó, liền mời đến xem tướng cho Thiết Mộc Chân. Khoát Nhi Xích vừa nhìn thấy Thiết Mộc Chân, nói rằng ông có mệnh đế vương, nên thường đến dạy bảo Thiết Mộc Chân. Thiết Mộc Chân học tiếng Đột Quyết, tiếng Mông Cổ và tiếng Đông Hồ, và nghe được càng nhiều câu chuyện hơn. Tất cả những chuyện này đều là sự sắp đặt của ông Trời cho người được thừa thiên mệnh Thiết Mộc Chân.

Một lần, khi di chuyển doanh trại, người cha Dã Tốc Cai vô ý để cậu bé nhỏ tuổi Thiết Mộc Chân đi lạc, bộ lạc Thái Diệc Xích Ô phát hiện ra ông, thủ lĩnh của họ là Táp Nhi Hốt Đài đem ông về nhà của mình, đồng thời giữ lại một thời gian. Sau đó, Thiết Mộc Chân được đưa về bộ lạc của mình, Dã Tốc Cai và bộ lạc Thái Diệc Xích Ô bắt đầu giao hảo, có điều, sau lại vì cạnh tranh chức trưởng liên minh mà nảy sinh hiềm khích.

Duyên định mệnh gặp Hoàng hậu

Đến năm chín tuổi, theo tập tục của Mông Cổ, Thiết Mộc Chân được cha dắt đến nhà gia tộc của mẹ Hạ Ngạch Luân tìm vợ tương lai. Trên đường đi, bọn họ gặp Đức Tiết Thiên (ý nghĩa là “người đại hiền”) là người của bộ lạc Ông Cát Lạt Dịch. Đức Tiết Thiên sau khi nhìn thấy Thiết Mộc Chân, vừa nhìn là biết người này nhân phẩm phi phàm, nói cậu ta “trong mắt có lửa, trên mặt có hào

quang”, đây là thành ngữ người Mông cổ dành ca ngợi người trẻ tuổi hoạt bát nhanh nhẹn. Ông còn trực tiếp gọi Dã Tốc Cai là “thông gia”, nói hôm qua mình có một giấc mộng, mà giấc mộng này là Thần thủ hộ của bộ tộc Khất Nhan đến gửi gắm. Trong mộng, ông thấy một con Hải Đông Thanh (một loại chim ưng) màu trắng, cắp nhật nguyệt bay tới, rơi vào tay của mình, đây là điềm tốt, mà đây ứng với việc Dã Tốc Cai, Thiết Mộc Chân đến, báo trước cuộc sống phi thường của Thiết Mộc Chân trong tương lai.

Vì giấc mộng này, Đức Tiết Thiên mời hai cha con Thiết Mộc Chân về nhà mình, đến gặp con gái ông Bột Nhi Thiếp, cô vẹn vẹn hơn cậu đúng một tuổi. Cô gái Bột Nhi Thiếp xinh đẹp thông minh này, chính là hoàng hậu và vợ hiền tương lai của Thành Cát Tư Hãn. Năm 1178, khi cô 18 tuổi đã kết hôn với Thiết Mộc Chân, sau sinh ra bốn cậu con trai và năm cô con gái. Bốn con trai là Truật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài, Đà Lôi đều là những người nổi tiếng. Không chỉ có vậy, bà còn là người tham mưu nhìn xa trông rộng của Thiết Mộc Chân và chiếm vị trí rất cao trong lòng Thiết Mộc Chân. Khi đó Thiết Mộc Chân vừa nhìn thấy Bột Nhi Thiếp cũng giống như là “trên mặt có hào quang, trong mắt có lửa”, thấy là ưng ý ngay, bèn lập tức cầu hôn. Đức Tiết Thiên đồng ý, Dã Tốc Cai nhận thấy Đức Tiết Thiên hiểu biết sâu rộng, có thể là người thầy, cũng vui vẻ tán đồng, hai bên tiến hành lễ đính hôn. Theo quy định của người Mông Cổ, Thiết Mộc Chân phải ở lại sinh sống và làm việc ở nhà Đức Tiết Thiên, Dã Tốc Cai sau khi để lại sính lễ, ông quay về một mình.



Tổ tiên Tumanba Khan, Bộ nhi Thiếp và chín người con của Thành Cát Tư Hãn (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Phụ thân gặp nạn

Dã Tốc Cai trên đường trở về, vì đói nên muốn kiếm chút gì để ăn, vừa lúc nhìn thấy một nhóm người TaTar đang cử hành yến tiệc trên thảo nguyên. Tuy ông biết bản thân mình cách đây tám năm trước đã giết chết người đồng tộc của họ, cần phải che giấu thân phận, nhưng ông vẫn xuống ngựa tiến về chỗ bọn họ, theo quy định của nơi đó mà tham dự yến tiệc.

Rất nhanh, có người TaTar nhận ra Dã Tốc Cai, bèn lén cho thuốc độc vào phần ăn của ông. Tuy Dã Tốc Cai trúng độc rất nặng, nhưng ông vẫn nghĩ cách trốn thoát, và ba ngày sau về đến chỗ ở của gia tộc mình. Cho người khẩn cấp gọi Thiết Mộc Chân từ nhà Đức Tiết Thiên về, dặn dò người hầu Mông Lục Khắc chăm sóc vợ góa con côai xong, Dã Tốc Cai qua đời.

Đợi đến khi Thiết Mộc Chân vội vàng về đến nhà, chỉ nhìn thấy di thể của phụ thân, mà phụ thân để lại hai người vợ và bảy người con chưa đến mười tuổi, trong đó có hai người là cùng cha khác mẹ với Thiết Mộc Chân: Biệt Khắc Thiếp Nhi và Biệt Khắc Cổ Đài. Do họ Bột Nhi Chích Cân mất đi thủ lĩnh, lòng người tan rã. Bộ lạc Thái Diệc Xích Ô vốn dựa vào Dã Tốc Cai nay thấy hai bà góa và bảy đứa trẻ không có chỗ nào dùng được, không muốn cung cấp lương thực cho bọn họ, nên trong khi bộ lạc di chuyển, bèn bỏ rơi bọn họ, và còn mang đi rất nhiều người và gia súc của Dã Tốc Cai. Khi đó, chỉ có Sát Lạt Hợp đứng ra kháng nghị hành vi bắt nạt kẻ yếu thế, nhưng bị đâm một nhát. Thiết Mộc Chân tận mắt chứng kiến lại không làm gì được.



Hạ Ngạch Luân và bốn người con
(Ảnh: KoizumiBS/Wikimedia Commons)

Còn có một người hầu tên là Thoát Đoan Hỏa Nhi Chân, rất vô tình mà chọn lựa rời xa gia đình Thiết Mộc Chân. Thiết Mộc Chân khóc lóc níu giữ, nhưng ông ta lại nói: “Ao sâu đã cạn, hòn đá cứng đã vỡ, giữ lại thì có tác dụng gì chứ?” rồi dẫn một đám người ngựa rời đi. Hạ Ngạch Luân kiên nghị đã dốc nỗ lực cuối cùng, bà nhảy lên ngựa, vung cờ của người chồng quá cố, đuổi theo những người vứt bỏ họ. Một nửa số người cảm thấy xấu hổ tạm thời quay về doanh trại, nhưng khi màn đêm buông xuống, bọn họ đã từng người một lên đi, chỉ còn lại gia đình Thiết Mộc Chân. Cả gia đình quả thật rơi vào hoàn cảnh vô cùng khốn khó.

Trong nghịch cảnh tôi luyện ý chí kiên cường

Tuy vậy, dưới sự nỗ lực đảm đang của Hạ Ngạch Luân, cả gia tộc đã ngoan cường tiếp tục cuộc sống. Vì để nuôi dưỡng những đứa trẻ, dạy dỗ chúng trở thành những nam tử hán kiệt xuất sau này, Hạ Ngạch Luân ngày đêm lặn lội trên dưới bờ sông Oát Nan, tìm kiếm những đồ ăn như đỗ, lê, quả dại, hẹ núi, hẹ dại... trên đất thì đào rễ cây du, cỏ lươi chó... Thiết Mộc Chân hiểu chuyện cùng với những người em của mình uốn kim thành lưới câu câu cá, kết lưới bắt cá, đi vớt những con cá nhỏ, cá lớn, chế những cái tên bằng gỗ dùng bắt các loại chuột để giảm bớt gánh nặng cho mẫu thân. May mắn là người hầu Mông Lục Khắc mà Dã Tốc Cai ủy thác trước khi qua đời và cha của ông ta Sát Lạt Hợp đã tận lực giúp đỡ cho họ. Sự trung thành và thiện lương của Mông Lục Khắc cũng ảnh hưởng đến Thiết Mộc Chân. Gia đình Thiết Mộc Chân trong hoàn cảnh khốn

khó cũng đã có một chút ấm áp. Sau này Mông Lục Khắc trở thành cha kế của Thiết Mộc Chân, cũng là một công thần khai quốc của đế quốc Mông Cổ, Thiết Mộc Chân luôn nhất mực tôn kính ông.

Qua một giai đoạn thời gian, thủ lĩnh Thập Nhi Hốt Đài của bộ lạc Thái Diệc Xích Ô lo sợ sau khi Thiết Mộc Chân trưởng thành sẽ trả thù bọn họ, liền đem người đến bắt Thiết Mộc Chân, muốn trừ cỏ tận gốc. Thiết Mộc Chân cưỡi ngựa chạy trốn vào trong rừng rậm, người Thái Diệc Xích Ô liền bao vây chặt khu rừng.

Sau khi trốn ở trong rừng ba ngày, Thiết Mộc Chân định đi ra, nhưng yên ngựa của ông bị rơi mất, kỳ quặc là tấm che ngực vẫn còn nguyên ở đó, đai bụng vẫn còn buộc ở đó, ông cảm thấy điều này có lẽ là ông trời muốn cản trở mình ra ngoài, thế là ông lại quay vào trong rừng, lại đợi ba ngày nữa. Khi lại muốn ra ngoài, ông nhìn thấy cửa ra của khu rừng có một tảng đá to chắn lối, ông tự nói với mình: “Không phải là ông trời ngăn cản ta ra ngoài sao?”. Ông bèn quay vào trong rừng ở thêm ba đêm.

Chín ngày trôi qua, Thiết Mộc Chân đã không ăn không uống rồi, cuối cùng ông nghĩ “như thế này im hơi lặng tiếng mà chết đi, chi bằng đi ra ngoài thôi”. Và như vậy ông đi ra ngoài. Ông vừa ra khỏi khu rừng, liền bị người Thái Diệc Xích Ô bắt, bọn họ dùng cùm bằng gỗ khóa ông lại, khiến cho hai tay ông không thể cử động, không có cách nào có thể tự ăn tự uống được, mỗi ngày đều có gia đình khác nhau đến để đảm nhận việc canh chừng ông. Người Thái Diệc Xích Ô còn đưa ông đi khắp nơi thị chúng, hy vọng có thể bẻ gãy ý chí

của ông, đồng thời cắt đứt cái tư tưởng nghĩ Thiết Mộc Chân trở thành đế vương của dân chúng.

Nhưng trong những ngày bị giam giữ, Thiết Mộc Chân tuổi còn nhỏ nhưng không chịu khuất phục, mà là chọn cách chịu nhục chịu khổ. Về những ngày bị giam giữ này là bao lâu, tư liệu lịch sử còn chưa rõ ràng, có lẽ thời gian phải đến mấy năm. Sau đó, trong một lần khi người Thái Diệc Xích Ô tổ chức yến tiệc, Thiết Mộc Chân đánh ngất xỉu người canh giữ trẻ tuổi, trốn đi. Vì để tránh người Thái Diệc Xích Ô truy bắt, ông nhanh trí nằm ngửa trốn dưới nước, mặc cho cùm gỗ trôi theo dòng nước, chỉ lộ mặt ra ngoài. Sau đó dưới sự giúp đỡ của một người nô bộc tốt bụng đã từng canh gác ông, Thiết Mộc Chân trốn thoát ra ngoài.

Một mặt để có thể khiến cho người của bộ lạc thù địch khiếp sợ, đồng thời nghĩ trăm phương ngàn kế phá vỡ ý chí của họ, mặt khác cũng có thể khiến người của bộ lạc đối địch giúp đỡ, thậm chí cung cấp ngựa, lương thực, Thiết Mộc Chân nhất định phải có điểm gì đặc biệt xuất chúng, ví như sự kiên cường, mà những điểm hơn người của ông sẽ dần dần hiển lộ trong những ngày tháng sắp tới.

Sau khi trốn thoát, Thiết Mộc Chân đã tìm thấy mẹ và các em của mình, cả gia đình cùng đoàn tụ. Cả nhà trốn trong núi Bất Nhi Hãn, dựa vào bắt chuột chũi, chuột đồng để duy trì cuộc sống. Trong thời gian này, Thiết Mộc Chân nhiều lần bị người anh cùng cha khác mẹ Biệt Khắc Thiếp Nhi gây sự, con người trẻ tuổi như ông đã không kìm được tức giận mà giết người anh. Hành động này bị người mẹ Hạ Ngạch Luân vô cùng tức giận, nhưng Biệt Khắc Thiếp Nhi trước khi chết

cũng không hề trách ông. Thay vào đó, người anh này hy vọng rằng ông sẽ đối xử tốt với người anh em cùng cha khác mẹ Biệt Lạc Cổ Đài. Thiết Mộc Chân hoàn toàn tỉnh ngộ và từ đó anh em đồng tâm, cùng nhau mưu đồ đại sự. Biệt Lạc Cổ Đài cũng trở thành một khai quốc công thần của Mông Cổ.

Không nghi ngờ gì, cuộc sống khó khăn gian khổ và những ma nạn đã tôi luyện ý chí kiên cường của anh em Thiết Mộc Chân và giúp họ trưởng thành nhanh chóng. Ý chí ấy cũng là một trong những nhân tố quan trọng đã giúp Thiết Mộc Chân quật khởi trên thảo nguyên sau khi trưởng thành.



Núi Burkhan Khaldun (Ảnh: Ganzorig Gavaa/Wikimedia Commons)

Chương 2: Nhân duyên đã định, anh hùng tự nghĩa - Thiết Mộc Chân quật khởi

Trải qua những năm tháng gian khổ sau khi mất cha, ngoài việc tôi luyện ý chí kiên cường của mình khiến Thiết Mộc Chân có được tính cách kiên trì, thể chất và ý chí mạnh mẽ, sự nhẫn nại hơn người, ông còn đem đến ảnh hưởng như thế nào, có lẽ còn có thể từ câu chuyện nhỏ sau sẽ nhìn ra được.

Một ngày khi mới 13 tuổi, Thiết Mộc Chân phát hiện tám con ngựa thiếu màu xám bạc ở trước cửa bị người ta lấy mất, liền tức tốc cưỡi một con ngựa kém hơn, lần theo dấu tích đuổi theo. Đuổi ba ngày ba đêm, Thiết Mộc Chân khi ấy vẫn chưa nhìn thấy bóng dáng của ngựa đâu. Buổi sáng ngày thứ tư, Thiết Mộc Chân gặp được một thiếu niên đang vắt sữa ngựa, bèn hỏi cậu ta có nhìn thấy đám ngựa màu xám bạc chạy qua không?

Cậu thiếu niên nhìn thấy người này tuy dáng vẻ rất mệt mỏi, nhưng ý chí kiên cường, liền nhiệt tình cho cậu đồ ăn và đổi cho Thiết Mộc Chân một con ngựa tốt, và cùng với cậu đi tìm tám con ngựa kia. Cậu thiếu niên nói với Thiết Mộc Chân mình tên là Bác Nhĩ Thuật. Hai ngày sau, hai người tìm được bảy ngựa, cùng nhau dắt về, hóa ra bị người Thái Diệc Xích Ô lấy cắp. Đối mặt với việc người Thái Diệc Xích Ô truy đuổi, Thiết Mộc Chân không muốn ảnh hưởng đến Bác Nhĩ Thuật, bèn để anh ta đi trước, bản thân mình quay người bắn tên, nghênh chiến. Lúc đó trời đã gần tối, nên đám người đuổi theo đành bỏ cuộc.

Thiết Mộc Chân và Bác Nhĩ Thuật đi ba ngày ba đêm mới đến được nhà Bác Nhĩ Thuật. Để cảm ơn Bác Nhĩ Thuật, Thiết Mộc Chân biểu thị muốn dành một phần ngựa trong số ngựa tìm được cho cậu ta, nhưng Bác Nhĩ Thuật cũng rất nghĩa khí, nói bản thân mình không cần, anh ta chỉ muốn giúp đỡ bạn tốt của mình. Từ đó Thiết Mộc Chân và Bác Nhĩ Thuật trở thành bằng hữu tốt của nhau, sau này Bác Nhĩ Thuật và Mộc Hoa Lê đều trở thành trợ thủ đắc lực của Thành Cát Tư Hãn, cùng với hai người nữa là Bác Nhĩ Hốt, Xích Lão Ôn hợp thành “*Tứ kiệt Mông Cổ*”. Họ cùng nhau lập được nhiều chiến công hiển hách trong các cuộc thảo phạt của Thành Cát Tư Hãn.



Tượng Thành Cát Tư Hãn ở Ulan Bator và hai vị đại tướng Mộc Hoa Lê (phải) và Bác Nhĩ Thuật (trái) (Ảnh: shutterstock)

Từ câu chuyện nhỏ trên có thể nhìn thấy, Thiết Mộc Chân quả thật có sức hấp dẫn phi thường, có thể khiến một người trong một thời gian rất ngắn tin nhiệm và đi theo ông, điều đó tự nhiên bao gồm sự quả cảm, khí phách hơn người và sự quyết đoán mà ông đã thể hiện.

Đưa vào Vương Hãn liên kết đồng minh đầu tiên

Năm 1178, Thiết Mộc Chân, 17 tuổi, đến nhà vị hôn thê Bột Nhi Thiếp và cùng với cô kết hôn, sau đó hai người quay về nơi ở của gia đình Thiết Mộc Chân. Theo phong tục trên thảo nguyên, tân nương phải tặng cha mẹ chồng một bộ y phục làm lễ vật. Bột Nhi Thiếp mang tặng là một chiếc áo khoác lông điều màu đen rất trân quý trên thảo nguyên. Thiết Mộc Chân quyết định dùng chiếc áo quý giá này để khôi phục lại một phần tình hữu nghị của cha trước đây. Ông tìm đến người có thể giúp gia đình mình khôi phục sự hưng thịnh, người đó chính là Vương Hãn của bộ tộc Khắc Liệt Diệt Dịch là Thoát Oát Lân Lặc. Ông ta từng giết chết hai người em và cháu trai của mình để đoạt ngôi vị Hãn, sau nhờ cống nạp cho nước Kim, nên ông được phong là “Vương” gọi là Vương Hãn.

Vương Hãn hồi trẻ cùng với Dã Tốc Cai từng cùng nhau kết làm “an đáp”, tức kết nghĩa huynh đệ. Dã Tốc Cai giúp đỡ Vương Hãn giành ngôi Hãn, hai người từng kết làm đồng minh, cùng nhau đối phó với các bộ lạc khác. Sau khi Thiết Mộc Chân dẫn hai huynh đệ là Hợp Tát Nhi và Biệt Lặc Cổ Đài đem lễ vật kết hôn của mình dâng lên, ông ta vui vẻ nhận lấy, đồng thời đồng ý giúp

đỡ Thiết Mộc Chân xây dựng lại bộ tộc Bột Nhi Chích Côn. Ông nói: “Ta sẽ vì ngươi mang những người thất tán khắp nơi tập hợp lại, để đáp lại việc ngươi đem áo khoác lông điếu đen tặng ta”. Điều đó có nghĩa là Vương Hãn không chỉ đồng ý nhận Thiết Mộc Chân là con nuôi của mình, mà còn sẽ bảo hộ và trợ giúp anh ta. Thiết Mộc Chân kiến lập được đồng minh đầu tiên và cũng là lần đầu tiên sử dụng thành công sách lược của mình.

Sau khi Thiết Mộc Chân được Vương Hãn Khắc Liệt Diệt Dịch chấp nhận, ông đã từ chối đề nghị làm một chức thủ lĩnh nhỏ của ông ta mà quay về gia tộc của mình. Không lâu sau, một người thợ sắt tên là Trát Nhi



Thiết Mộc Chân giương cung bắn đại điếu. (Ảnh: Epoch Times)

Xích Ngột Đãi mang con trai Giả Lặc Miệt đến tặng cho Thiết Mộc Chân. Từ khi mới sinh đứa con này, ông đã nói tương lai muốn đem cậu bé tặng làm người hầu cho Thiết Mộc Chân. Cậu bé là thân binh sớm nhất của Thiết Mộc Chân, sau được bổ nhiệm là thị vệ trưởng, luôn sát cánh cùng Thiết Mộc Chân chinh chiến khắp nơi, vô cùng dũng mãnh, cùng với Hốt Tất Lai, Tốc Bất Đài, Triết Biệt hợp xưng “Mông Cổ tứ mãnh”. Trát Nhi Xích Ngột Đãi có thể bồi dưỡng Giả Lặc Miệt được xuất sắc như thế, tặng cho Thiết Mộc Chân, có thể ông đã thấy thân thủ bất phàm của Thiết Mộc Chân. Bác Nhĩ Thuật và Giả Lặc Miệt trở thành hai người trung thành bên cạnh Thiết Mộc Chân sớm nhất.

Lần đầu tham dự tập kích

Thời khắc khảo nghiệm Thiết Mộc Chân đến rất nhanh. Nghe nói Thiết Mộc Chân đã thành hôn, hơn 300 người Miệt Nhi Khất Dịch dưới sự đứng đầu của thủ lĩnh Thoát Hắc Thoát A, xuất phát từ tâm lý muốn báo thù, vào lúc tờ mờ sáng, đột kích vào chỗ ở của gia tộc Thiết Mộc Chân, cướp đi thê tử của Thiết Mộc Chân là Bột Nhi Thiếp. Trong tình trạng bất ngờ không kịp chuẩn bị, Thiết Mộc Chân chỉ còn biết chạy thoát thân, sau đó mưu tính kế hoạch làm thế nào để cứu thê tử. Sau khi nghiên cứu kỹ hình thế thảo nguyên, ông quyết định đem huynh đệ đi tìm Vương Hãn Khắc Liệt Diệc Dịch cầu xin sự giúp đỡ.

Wang Hãn vốn có mối thù truyền kiếp với người Miệt Nhi Khất Dịch đã giữ chữ tín, ông không chỉ đồng ý cung cấp người, ngựa mà còn kiến nghị Thiết Mộc

Chân đến nhờ sự giúp đỡ của Trát Mộc Hợp của bộ lạc Trát Chích Lạt Dịch, đề nghị ông ta cùng xuất binh. Gia tộc Trát Mộc Hợp cũng có thù địch với người Miệt Nhi Khất Dịch, vì họ cũng từng bị cướp đoạt người và của cải, mà Trát Mộc Hợp cũng là kết bái tuyên thệ làm huynh kết nghĩa với Thiết Mộc Chân, cũng là dũng sĩ có thực lực tương đối lớn trên thảo nguyên, đang lúc cường thịnh, nghe nói thê tử của Thiết Mộc Chân bị bắt, lại phần nhiều vì lo sợ Vương Hãn lập được công lớn, nên liền đồng ý xuất binh.

Nhóm người của Thiết Mộc Chân cùng Trát Mộc Hợp sau khi dẫn hai vạn người cộng thêm hai vạn người ngựa của Khắc Liệt Diệc Dịch tập hợp xong, đi trước đánh người Miệt Nhi Khất Dịch. Trong trận đột kích lần này, Trát Mộc Hợp có thực lực hùng mạnh đảm nhận làm tổng chỉ huy. Ông đã quy định rõ ràng thời gian, địa điểm tập hợp các cánh quân và đường lối tiến quân của đại quân, phương pháp công chiến, đồng thời đưa ra kỷ luật rõ ràng. Đây cũng là trận tập kích đầu tiên Thiết Mộc Chân tham dự, ông đi theo Trát Mộc Hợp bắt đầu trận chiến đầu tiên trong đời.

Người Miệt Nhi Khất Dịch căn bản không nghĩ đến Vương Hãn của Khắc Liệt Diệc Dịch và Trát Mộc Hợp sẽ xuất binh vì Thiết Mộc Chân, cho nên không có bất kỳ chuẩn bị nào. Cuộc đột kích khiến bọn họ quân lính tan rã, đồng thời trong lúc hoảng loạn chạy trốn khắp nơi. Thiết Mộc Chân cùng với Vương Hãn và Trát Mộc Hợp dẫn đại quân truy đuổi phía sau, cướp hết dê, bò, xe ngựa v.v. Trong đám người chạy tán loạn, ông lớn tiếng kêu to tên của Bột Nhi Thiếp. Bột Nhi Thiếp nghe thấy tiếng của Thiết Mộc Chân, từ trên chiếc xe lớn

đang chạy trốn nhảy xuống, hướng về tiếng gọi và tìm được Thiết Mộc Chân. Bọn họ “lao vào nhau” ôm hôn thăm thiết.

Lần đột kích vào người Miệt Nhi Khất Dịch này đã giành được thắng lợi trọn vẹn, Thiết Mộc Chân tìm được thê của mình, mà nam nhân của bộ tộc Miệt Nhi Khất Dịch hoặc bị giết chết, hoặc bị làm tù binh, chỉ còn lại phụ nữ người già và trẻ em. Thiết Mộc Chân vì thế bày tỏ lòng cảm ơn đối với Vương Hãn của bộ lạc Khắc Liệt Dịch Dịch và Trát Mộc Hợp. Hai người, Vương Hãn và Trát Mộc Hợp thì thắng lớn trở về.

Này sinh mâu thuẫn với Trát Mộc Hợp

Sau khi cứu được Bột Nhi Thiếp, Thiết Mộc Chân dẫn các thành viên gia tộc của mình đi theo Trát Mộc Hợp về phía đông. Ông hy vọng nhờ vào lực lượng của Trát Mộc Hợp, thu nạp về các thuộc hạ cũ của Dã Tốc Cai cha mình, để chặn chĩnh lại bộ tộc. Trên đường đi, Bột Nhi Thiếp sinh hạ con trai đầu lòng của họ Truật Xích.

Trong lúc nói chuyện, Thiết Mộc Chân và Trát Mộc Hợp nhắc đến chuyện cũ trước đây hai người kết an đáp (kết nghĩa huynh đệ). Hai người kết an đáp lần đầu tiên là lúc Thiết Mộc Chân 11 tuổi, khi đó Trát Mộc Hợp tặng cho Thiết Mộc Chân bể đá hươu bào, Thiết Mộc Chân tặng lại Trát Mộc Hợp một cái bể đá đúc đồng. Mùa xuân năm thứ hai, hai người cùng nhau chơi cung gỗ bắn tên, Trát Mộc Hợp lấy cái tù và được làm từ hai sừng của con trâu hai tuổi dính lại tặng cho Thiết Mộc Chân, Thiết Mộc Chân tặng lại cho Trát Mộc Hợp cái đầu đỉnh gỗ bách, hai người họ lại lần nữa kết giao an đáp.

Giờ đây bọn họ đều đã trưởng thành lần thứ ba kết an đáp. Bọn họ công khai nói: “Nghe những người già thời xưa nói: ‘Phàm là kết an đáp rồi, thì chính là cùng một sinh mệnh, không được rời xa nhau, phải sống dựa vào nhau, cùng giúp đỡ nhau’. Đạo lý giữa bạn bè thân thiết là phải như vậy. Bây giờ [hai người họ] làm lại nghi thức an đáp, hai người chúng ta cần phải thân thiết yêu thương lẫn nhau.” Vì thế bọn họ đối y phục cho nhau, chia sẻ sở thích của nhau, trao đổi đai lưng, tặng cho nhau tuần mã, đồng thời cùng đắp chung chăn, để biểu thị sự thân thiết của họ là không thể chia cắt.

Trong thời gian một năm rưỡi, Thiết Mộc Chân chấp nhận sự lãnh đạo của Trát Mộc Hợp. Trong các bộ lạc gồm mấy chục nghìn người do Trát Mộc Hợp thống soái, cũng có một số thuộc hạ cũ của Dã Tốc Cai. Đối với người đã có ảnh hưởng lớn trên thảo nguyên như Trát Mộc Hợp mà nói, tuyệt đối sẽ không vì tình nghĩa huynh đệ mà chủ động đưa các thuộc hạ cũ của Dã Tốc Cai trả về cho Thiết Mộc Chân. Khi Thiết Mộc Chân ý thức được điểm này, ông đành phải dựa vào nỗ lực của bản thân, đi kết giao với các nhân sĩ hào kiệt, đồng thời cùng với bọn họ đàm luận về hình thế hiện tại và tiền đồ của người Mông Cổ. Trong khi nói chuyện, ông thể hiện ra chí lớn muốn cứu nước cứu dân, tức là lập nên một đế quốc Mông Cổ lớn mạnh có tiền đồ tươi sáng, khiến cho các bộ lạc của Mông Cổ có thể tự do du mục. Những hành động của Thiết Mộc Chân tự nhiên khiến Trát Mộc Hợp cảnh giác, nhưng Trát Mộc Hợp lại không có tài hiểu được người khác và thiện dụng họ.

Dần dần, Trát Mộc Hợp không coi Thiết Mộc Chân là người đã kết an đáp nữa, mà coi địa vị của ông thấp

như những người tùy tùng của mình. Biểu hiện rõ nhất là trung tuần tháng 5 năm 1181, khi di chuyển doanh trại, Trát Mộc Hợp dùng phương thức tỉ dụ (người chăn ngựa và người chăn dê mỗi người có một môi trường thích hợp riêng, nên phân ra thì thuận tiện hơn), uyển chuyển ám thị với Thiết Mộc Chân rằng hai người nên phân ra để có tiền đồ riêng, như vậy tiện cho cả hai bên. Mới đầu Thiết Mộc Chân hoàn toàn không hiểu ý tứ của Trát Mộc Hợp, nhưng sau khi được Bột Nhi Thiếp thông minh giải thích cho, thì ông cũng bắt đầu hiểu ra.

Thiết Mộc Chân liền dẫn theo một số người đi theo lên đường suốt đêm, rời khỏi Trát Mộc Hợp, tiến về phía đông của núi Bất Hãn Nhi, là nơi sinh ra ông để



Tượng sáp Trát Mộc Hợp (Ảnh: CeeGee/Wikimedia Commons)

lập nghiệp. Trong số những người đi theo, có rất nhiều người là thuộc hạ cũ của Dã Tốc Cai. Trát Mộc Hợp hoàn toàn không cho người đuổi theo, có lẽ cũng là do không để tâm, suy cho cùng thì thể lực của bản thân ông quá mạnh. Sự rạn nứt trong quan hệ của hai người phát triển trở thành cuộc chiến tranh trường kỳ giữa hai bên. Khi rời khỏi Trát Mộc Hợp, Thiết Mộc Chân mới có 19 tuổi, nhưng từ đó ông bắt đầu thu hút được rất nhiều người đi theo, và xây dựng cơ sở quyền lực của mình.

Thần thị hiện rằng Thiết Mộc Chân trở thành quốc chủ.

Danh tiếng của Thiết Mộc Chân đã được rất nhiều người trong các bộ lạc Mông Cổ khắp thảo nguyên biết đến. Không chỉ các thuộc hạ cũ của Dã Tốc Cai lần lượt về quy thuận, người của các bộ lạc khác cũng được Thần trên trời thị hiện cho, nên đều đến để nương nhờ.

Ví như Khoát Nhi Xích, người có cùng tổ tiên với Trát Mộc Hợp, đã từng dự ngôn về Thiết Mộc Chân có thiên mệnh, nói: “Chúng ta lẽ ra không nên rời xa Trát Mộc Hợp. Nhưng Thần đã giáng lâm nói cho ta, khiến cho ta tận mắt nhìn thấy. Có một con bò mẹ màu trắng vàng đi quanh Trát Mộc Hợp, húc vào nhà xe, húc xô vào Trát Mộc Hợp, húc gãy một cái sừng, chạy làm tung bụi đất, hướng về phía Trát Mộc Hợp gào thét liên hồi: ‘Trả sừng lại cho ta!’ Lại có một con bò đực màu trắng vàng không có sừng kéo cái cột của phòng trướng, từ phía sau Thiết Mộc Chân đi theo đường xe ngựa đến, gào lớn: ‘Trời đất đã bàn bạc xong rồi, để Thiết Mộc

Chân làm quốc chủ, ta mang quốc gia đến đây rồi!’ Đây là Thần chỉ thị cho ta, khiến cho ta tận mắt nhìn thấy.”

Thần đã khải thị và tuyên bố Thiết Mộc Chân mang theo thiên mệnh mà đến như vậy. Những hào kiệt trên thảo nguyên tin tưởng câu chuyện đó, nghe nói Thiết Mộc Chân hiểu biết sâu rộng, trí huệ và tính toán sâu xa, có khí phách lớn, có thể thành tựu sự nghiệp lẫy lừng, họ đều mang theo tài sản cùng với thủ hạ tụ tập dưới trướng của Thiết Mộc Chân. Thiết Mộc Chân cũng chân tình đối đãi, kết giao và trọng dụng những chí sĩ này. Để thành đại nghiệp cần nhất là nhân tài, Thiết Mộc Chân đang đặt định cơ sở cho sự nghiệp của mình.

Được ủng hộ trở thành Khả Hãn

Trong những năm tháng tiếp theo, với hoài bão lớn lao, Thiết Mộc Chân dần dần quy tụ được những người thân thích và các thuộc hạ trước kia bị thất tán của bộ tộc, đồng thời thu hút nhiều hào kiệt hơn về đầu quân và làm lớn mạnh lực lượng của mình. Do huynh đệ của Thiết Mộc Chân đều tài giỏi chinh chiến, vì thế liên tục giành được thắng lợi trong các cuộc chiến với các bộ lạc nhỏ khác. Dưới trướng của ông đã có sáu, bảy bộ lạc Mông Cổ, thuộc hạ có đến hàng vạn. Đồng thời vào lúc đó, Trát Mộc Hợp cũng ra sức mở rộng thế lực trên thảo nguyên.

Sau khi rời khỏi Trát Mộc Hợp được tám năm, tức mùa hè năm 1189, Thiết Mộc Chân và những người theo ông ở trên thảo nguyên gần chân núi “Hình Tim” bên cạnh hồ nước xanh, mở hội nghị Hốt Lý Lặc Đài. Hốt Lý Lặc Đài là hội nghị sự giữa các bộ tộc của Mông

Cổ cố đại, tộc Đột Quyết và liên minh các bộ tộc, dùng cho việc đại sự như đề cử thủ lĩnh, quyết định việc chinh chiến, phân bố pháp lệnh, v.v. Có học giả gọi đây là “Quốc hội” của Mông Cổ. Nó đã có vai trò đảm nhận vai diễn quan trọng trong những năm tháng tương lai.

Trong hội nghị lần này, do có chút thành tích nên Thiết Mộc Chân chính thức được các quý tộc họ Khất Nhan trong hội nghị ủng hộ làm “Khả Hãn” của toàn Mông Cổ. Năm đó Thiết Mộc Chân mới có 27 tuổi.

Sau khi Thiết Mộc Chân trở thành Khả Hãn, bắt đầu bổ nhiệm quan viên, bố trí cơ cấu. Đại trướng có tính tổng hợp của Khả Hãn, được coi là trung tâm thống trị của bộ lạc, tức là bộ thống soái hợp nhất cả quân sự và chính trị, gọi là “Oát Nhĩ Đóa”. Thiết Mộc Chân còn giao cho “Oát Nhĩ Đóa” nhiệm vụ phân chia chức vụ cho những người đi theo mà ông tín nhiệm, phân thành đội mang cung tên, đội mang đao, đội đánh xe, đội lo việc ăn uống, đội chăn dê, chăn ngựa, đội sửa chữa xe cộ và đội hộ vệ cung trướng, tổng cộng 10 chức vụ. Người phụ trách quản lý chung gọi là quan Đại Đoạn Sự, người phụ trách văn thư gọi là Tất Đô Xích, người phụ trách hậu cần gọi là Bảo Ngột Nhi Xích... Trước kia phần lớn các thành viên của Oát Nhĩ Đóa trong các bộ lạc trên thảo nguyên là do người thân và quý tộc của Khả Hãn đảm nhận, nhưng Thiết Mộc Chân lại cải biến cơ cấu của tổ chức này, tức là căn cứ vào năng lực và mức độ trung thành của từng cá nhân mà không cần cùng huyết thống để đề bạt thành viên.

Ông còn xây dựng một đội hộ vệ tinh anh gồm 150 người, hộ vệ khu vực xung quanh cung trướng của ông, giữ an toàn cho ông. Chức trách của đội hộ vệ giao cho

những người em vừa khô ngô vừa cường tráng Hợp Tát Nhi, Bác Nhĩ Thuật và Giả Lạc Miệt là thị vệ trưởng. Trông coi súc vật là người em cùng cha khác mẹ Biệt Lạc Cổ Đài. Không còn nghi ngờ, dưới sự quản lý của Thiết Mộc Chân, cơ cấu hành chính của các bộ lạc Mông Cổ khi đó đã thể hiện những trạng thái mạnh nha.

Khi được đề cử làm Khả Hãn, Thiết Mộc Chân ý thức được rõ ràng năng lực của bản thân còn hạn chế. Để thể hiện cử động lần này của mình hoàn toàn không phải khiêu chiến Vương Hãn của Khắc Liệt Diệc Dịch, ông sai sứ giả đến chỗ Vương Hãn giải thích, đồng thời biểu thị bản thân vẫn sẽ trung thành với ông ta. Vương



Binh sĩ Mông Cổ trong biểu diễn lịch sử thời đại Thành Cát Tư Hãn cử hành tại ULan Bator Mông Cổ năm 2006. (Ảnh: Shutterstock)

Hãn tuy không muốn nhìn thấy người Mông Cổ thống nhất, nhưng nhận thấy tình thế vẫn còn nằm trong khả năng không chế của mình, bèn chấp nhận lời giải thích của Thiết Mộc Chân. Tuy nhiên, Trát Mộc Hợp kiên quyết cự tuyệt việc chấp nhận Thiết Mộc Chân là Khả Hãn của toàn thể dân tộc Mông Cổ, ngược lại còn quyết định dạy cho ông một bài học. Từ đó Khả Hãn – Thiết Mộc Chân bước vào những năm tháng giành quyền tối cao trên thảo nguyên.

Chương 3: Khoan dung nhân từ, thu phục lòng người - chiêu mộ nhân tài

Thiết Mộc Chân dần dần lớn mạnh trên thảo nguyên và phát hiện rằng: Trát Mộc Hợp, người đã từng ba lần kết an đáp với mình, càng ngày càng coi mình như kẻ thù. Một năm sau khi Thiết Mộc Chân được đề cử là Khả Hãn, tức vào năm 1190, Trát Mộc Hợp muốn cho Thiết Mộc Chân một bài học, lấy cớ là có một thanh niên trong bộ tộc của mình trong lúc tranh giành gia súc bị thuộc hạ của Thiết Mộc Chân giết chết, liền liên hợp với 13 bộ lạc, tổng cộng có ba vạn kỵ binh, tấn công Thiết Mộc Chân. Thiết Mộc Chân cũng đưa hơn một vạn thuộc hạ của mình phân thành 13 cánh quân, lịch sử gọi là “Trận chiến 13 cánh quân”.

Trát Mộc Hợp thống lĩnh quân liên minh đánh bại bộ lạc với quân số ít hơn của Thiết Mộc Chân, đồng thời ép bọn họ rút lui về hẻm núi Triết Liệt Niết gần sông Oát Nan. Đây cũng là trận thua duy nhất của Thiết Mộc Chân trong 60 năm chinh chiến. Vì để đề phòng sự phản kích của Thiết Mộc Chân đồng thời tiêu diệt tinh thần của ông, Trát Mộc Hợp đã dùng thủ đoạn tàn nhẫn vô cùng hiểm thấy trên thảo nguyên để giết chết và làm nhục tù binh, bằng cách dùng 70 cái nôi to lược những tù binh trẻ tuổi, đồng thời đem đầu của một thủ lĩnh buộc vào đuôi ngựa của mình.

Thủ đoạn của Trát Mộc Hợp tàn nhẫn như vậy, tuy khiến những người non gan khiếp sợ, nhưng cũng khiến các dũng sĩ căm hận, cho rằng ông ta tàn bạo,



Sông Onen là một nhánh của dòng sông nằm giữa Mông cổ và nước Nga. (Ảnh: Chinneebe/Wikimedia Commons)

vô hình chung làm tổn hại hình tượng của ông ta. Sau trận chiến này, rất nhiều người đang nương nhờ Trát Mộc Hợp vội vã bỏ trốn, chuyển sang đầu quân cho thủ lĩnh nhân nghĩa là Thiết Mộc Chân. Đối với Thiết Mộc Chân mà nói đây là một bước ngoặt lớn. Tuy ông chưa giành được thắng lợi, nhưng lại tăng thêm được rất nhiều thuộc hạ. Thiết Mộc Chân vui mừng quá đỗi, liền tổ chức tiệc rượu trong khu rừng bên bờ sông Óát Nan (nay là sông Onen).

Nhân quân độ lượng, khoan nhân phục chúng

Người Thái Diệc Xích Ô là kẻ thù của Thiết Mộc Chân, bộ lạc Chiếu Liệt là một bộ lạc trực thuộc của họ, cũng cư ngụ gần chỗ ở của Thiết Mộc Chân. Trong một lần đi săn, Thiết Mộc Chân tình cờ gặp người Chiếu Liệt. Do trời sắp tối, ông mời những người Chiếu Liệt ngủ lại, để ngày mai tiếp tục đi săn. Nhưng người Chiếu

Liệt nói, bọn họ có 400 người, vì không đem đủ nôi và lương thực, nên chỉ có thể để lại một nửa số người, nửa còn lại phải quay về. Sau khi Thiết Mộc Chân biết, kiên quyết giữ tất cả ở lại, đồng thời cung cấp đầy đủ nôi và lương thực mà người Chiếu Liệt cần.

Trong cuộc đi săn ngày hôm sau, Thiết Mộc Chân còn cố tình để dã thú chạy sang vòng vây của người Chiếu Liệt, khiến bọn họ bắt được dã thú nhiều hơn trước kia nhiều. Người Chiếu Liệt vô cùng cảm kích Thiết Mộc Chân, họ nói riêng với nhau: “Thái Diệc Xích Ô mặc dù là bằng hữu với chúng ta, nhưng lại thường hay tranh giành xe ngựa và lương thực của chúng ta, họ không có lòng độ lượng, xem ra người nhân nghĩa độ lượng, duy chỉ có Thiết Mộc Chân thôi!”

Sau đó Vương Luật, thủ lĩnh của bộ lạc Chiếu Liệt vì không chịu nổi sự sỉ nhục của người Thái Diệc Xích Ô, đã cùng với Thập Hải Đáp Lỗ thống lĩnh toàn bộ bộ tộc trực thuộc, biểu thị muốn giết người Thái Diệc Xích Ô để tỏ lòng trung thành. Không may, bọn họ chưa thực hiện được lời hứa đã bị phản bội, không lâu sau bị người bộ tộc Thái Diệc Xích Ô giết chết, bộ tộc Chiếu Liệt diệt vong.

Nhưng nghĩa cử khoáng đạt, nhân từ độ lượng, khảng khái của Thiết Mộc Chân đã lan truyền trong các bộ lạc phụ thuộc vào Thái Diệc Xích Ô và trên khắp thảo nguyên. Rất nhiều người bất mãn với thủ lĩnh Thái Diệc Xích Ô và vì mộ nghĩa mà liên tục đến hàng Thiết Mộc Chân, trong đó bao gồm cả những người như Xích Lão Ôn, Triết Biệt, Thất Lịch Ca Dã Bất Can... Bọn họ trong những năm tháng tương lai trở thành những công thần

phò tá Thành Cát Tư Hãn chinh chiến tứ phương. Đây chẳng phải là an bài của ông trời hay sao?

Nhiều chuyện khác cũng chứng minh ông là một vị Vương độ lượng, ví dụ chuyện Thiết Mộc Chân đối đãi với Triết Biệt. Triết Biệt, tiếng Mông Cổ có nghĩa là “Giỏi bắn cung”. Ông từng là thủ lĩnh giỏi của Thái Diệc Xích Ô. Trong trận chiến do Trát Mộc Hợp phát động, ông đã bắn chết chiến mã của Thiết Mộc Chân. Sau khi đến đầu quân, Thiết Mộc Chân đã hỏi người bắn chết con ngựa quý của ta là ai, Triết Biệt lập tức thừa nhận là mình làm, và nói: “Nếu như ngài tha thứ và ban cho tôi một mạng, tôi sẽ vì ngài mà nhảy vào nước sôi lửa bỏng



Triết Biệt, tiếng Mông Cổ có nghĩa là “Giỏi bắn cung”. (Ảnh: Shutterstock)

cũng không từ”. Thiết Mộc Chân lập tức nói: “Triết Biệt thành thật như vậy, chúng ta có thể kết giao bằng hữu”. Ông còn muốn Triết Biệt bảo vệ ông giống như những ‘Triết Biệt’ khác đã theo ông trước kia. Thiết Mộc Chân không để bụng chuyện cũ, chân thành đối đãi, khiến cho Triết Biệt rất cảm động, từ đó trung thành tuyệt đối với Thiết Mộc Chân.

Tiến đánh bộ lạc TaTar, tiếp xúc văn hóa Trung Nguyên

Năm 1196, Thiết Mộc Chân, khi đó 30 tuổi, đã có một cơ hội lớn. Hoàng đế nước Kim vì Miệt Cổ Chân Tiết Ngột Lặc người TaTar mưu đồ vi phạm hiệp ước, liền phái quân và đồng thời liên hợp với Vương Hãn của Khắc Liệt Diệt Dịch đi trước tấn công bọn họ. Thành Cát Tư Hãn khi biết được tin này, ông liền chủ động thỉnh cầu Vương Hãn cho tham chiến, bởi vì người Tatar là kẻ thù giết cha của ông. Ông cũng yêu cầu những người Chủ Nhi Cần như Tiết Triết Biệt Cát Soái, Thái Xuất là một nhánh của bộ lạc Khắc Nhan đến trước trợ giúp. Người Chủ Nhi Cần đồng ý rồi nhưng đợi đã sáu ngày mà không thấy họ đến, Thiết Mộc Chân bèn cùng Vương Hãn xuất binh, men theo sông Ngô Lặc Trát đi xuống, cùng với thừa tướng Vương Kinh của nước Kim đồng loạt tiến công người Tatar.

Khi bộ tộc TaTar bị quân Kim đánh cho đại bại phải chạy tán loạn đến sông Ngô Lặc Trát, thì gặp liên quân của Thiết Mộc Chân và Vương Hãn. Miệt Cổ Chân Tiết Ngột Lặc dẫn một số người TaTar trốn trong một doanh trại chưa xây xong, một bộ phận chạy về hướng

đông. Thiết Mộc Chân tấn công người Tatar ở trong trại, Vương Hãn thì đuổi theo những người chạy trốn.

Trong trận tấn công đó, người TaTar ra sức cố thủ, Thiết Mộc Chân và thuộc hạ phải đánh nửa tháng mới hạ được. Tường hào vừa hạ, Miệt Cổ Chân Tiết Ngột Lặc và rất nhiều thuộc hạ đều bị giết chết, một số người đầu hàng bị bắt làm tù binh. Thiết Mộc Chân thu được rất nhiều gia súc, quân nhu cùng phẩm vật, trong đó có rất nhiều chế phẩm thủ công tinh xảo đến từ Trung nguyên, bao gồm một cái nôi có trạm trổ hoa văn bằng bạc và cái chần có đính hạt châu lớn. Trong nôi có một hài nhi tuần tú, Thiết Mộc Chân đưa đứa bé tới chỗ mẹ để bà nuôi dưỡng và coi như một người em trai nữa của mình.

Sở dĩ có sản phẩm thủ công đến từ Trung Nguyên, là vì người TaTar có quan hệ mật thiết với nước Kim bị Hán hóa. Những hàng hóa đến từ đất Hán đều nhiều hơn bất kỳ bộ tộc nào trên thảo nguyên. Cũng không chắc chắn, đây có phải là lần đầu tiên Thiết Mộc Chân tiếp xúc gần gũi với văn hóa Trung nguyên như thế hay không, nhưng có thể tưởng tượng, người Mông Cổ nhìn thấy sản phẩm tinh xảo, sẽ không thể không hướng về nơi nguồn gốc của văn hóa Hán rực rỡ, không thể không khiến Thiết Mộc Chân chấn động từ đáy lòng. Trong tương lai Thiết Mộc Chân phát triển hướng ra bên ngoài, thì người Hán và người Khiết Đan chịu ảnh hưởng của người Hán cũng đóng một vai diễn không thể thiếu được, ngược lại văn hóa Hán cũng ảnh hưởng đến người Mông Cổ.

Sau khi đánh bại bộ tộc TaTar, nước Kim phong cho Thiết Mộc Chân là “Trát Ngột Dịch Hốt Lý”, tức là Chiêu

Thảo Sứ, phong Thoát Oát Lân Lặc Hãn của Khắc Liệt Diệc Dịch là Vương. Việc này không chỉ khiến Thiết Mộc Chân nâng cao quyền lực khống chế các bộ lạc Mông Cổ khác, mà còn thu hút được càng nhiều thuộc hạ hơn.

Giúp Vương Hãn khôi phục bộ lạc Khắc Liệt Diệc Dịch

Vương Hãn Khắc Liệt Diệc Dịch trong lúc truy đuổi người TaTar, do ham lấy của cải của bọn họ, đã quay về chậm trễ. Hậu phương để trống khiến Bộ tộc Nãi Man thừa cơ giúp đỡ người em cùng cha khác mẹ với Vương Hãn là Ngạch Nhi Khách Hợp Lạt tiến đánh người em cùng cha mẹ với Vương Hãn là Trát Hợp Cảm Bất tại đại bản doanh. Trát Hợp Cảm Bất thua trận, rút lui về phía bắc. Người Nãi Man cùng Ngạch Nhi Khách Hợp Lạt bố trí mai phục trên đường Vương Hãn trở về.

Vương Hãn chiến thắng trở về mà không biết trong bộ tộc có biến, cho nên trên đường về bị mai phục mà đại bại. Vương Hãn biết kẻ địch nhất định sẽ cản trở mình chạy về tìm Thiết Mộc Chân nương tựa, bèn dẫn thuộc hạ chạy về phía tây, vòng qua đồng cỏ chăn nuôi của người Nãi Man đến nhờ hậu duệ của vua Liêu, người đã kiến lập nước Tây Liêu. Ngạch Nhi Khách Hợp Lạt kế thừa tất cả các bãi chăn nuôi của Vương Hãn, trở thành Khắc Liệt Diệc Dịch Khả Hãn mới.

Trát Hợp Cảm Bất và một nhóm bộ tộc cũ của Vương Hãn vì không địch được người Nãi Man, liền tiếp đến nhờ Thiết Mộc Chân. Mà Vương Hãn cầu xin trợ giúp của nước Tây Liêu cũng không được, thất vọng trở về. Trong lúc cùng đường, phái người tìm Thiết Mộc

Chân cầu viện. Con người tín nghĩa Thiết Mộc Chân lập tức đưa quân đi trợ giúp Vương Hãn và khai chiến với Ngạc Nhi Khách Hợp Lạt, Ngạc Nhi Khách Hợp Lạt do nội bộ chưa ổn định nên một trận là thua, phải bỏ chạy về bộ tộc Nãi Man.

Vương Hãn sau khi được Thiết Mộc Chân trợ giúp, dựa vào sức hút của bản thân và công lao đánh thắng người TaTar, ông trả được mối thù truyền kiếp, khiến cho bách tính các bộ tộc đến quy thuận rất nhiều. Ông chấn hưng thanh thế và khôi phục lại bộ tộc Khắc Liệt Diệt Dịch, chỉ là so sánh với lúc cực thịnh thì thuộc hạ thiếu mất non nửa.

Để tỏ lòng cảm tạ, Vương Hãn trong lúc gặp Thiết Mộc Chân, nhắc lại liên kết cha con, thậm chí ngầm hứa



Tranh minh họa “Trưởng lão John” (người ở giữa mặc áo màu đỏ), tức Vương Hãn trong «Marco Polo du ký». (Ảnh: Phạm vi công cộng)

bản thân sau này khi trăm tuổi sẽ không đem bách tính trong bộ tộc giao cho con trai, mà sẽ giao cho Thiết Mộc Chân tiếp quản. Từ đó về sau, mỗi khi có chinh phạt, Vương Hãn đều mong muốn cùng Thiết Mộc Chân chinh chiến. Thuộc hạ của Vương Hãn hoàn toàn không muốn Thiết Mộc Chân là người kế thừa, nhưng vì còn dựa vào Thiết Mộc Chân, nên tạm thời chung sống.

Sửa đổi phương thức phân phối, thu được càng nhiều nhân tâm

Khác biệt với các thủ lĩnh bộ tộc khác, Thiết Mộc Chân không chỉ sơ bộ sắp đặt cơ cấu hành chính của bộ lạc Mông Cổ, mà còn tiến hành cải cách căn bản những thói quen cũ đang chi phối lâu dài cuộc sống trên thảo nguyên.

Như năm 1202 sau chiến tranh nhằm vào người TaTar, Thiết Mộc Chân yêu cầu thuộc hạ sau khi giành được thắng lợi trọn vẹn rồi mới phân chia chiến lợi phẩm, không thể vì tranh nhau chiến lợi phẩm mà để kẻ bại trận chạy tứ tán, để cho họ cơ hội phản kích sau khi tụ tập lại. Ông khi đó đã đưa ra quân lệnh: “Khi chiến thắng kẻ địch, không được tham lam của cải. Toàn bộ của cải đó đều là của chúng ta, chúng ta sẽ cùng nhau phân phối. Nếu như bị kẻ địch đánh cho phải rút lui, lui đến chỗ trận địa ban đầu xuất phát thì phải phản công; người lui đến chỗ trận địa ban đầu xuất phát mà không phản công, sẽ bị xử tử!”

Ngoài ra, ông cũng hạ lệnh không được tự tiến hành cướp bóc, đồng thời thay đổi phương thức phân chia chiến lợi phẩm, tức là tất cả các chiến lợi phẩm

do ông quản lý, sau đó tiến hành phân phối thích đáng lại cho các thuộc hạ, đối tượng phân phối bao gồm các cô nhi quả phụ của binh sĩ đã mất. Chính sách như vậy khiến cho Thiết Mộc Chân được các thuộc hạ tầng thấp ủng hộ và hết lòng trung thành. Họ ý thức được, cho dù họ có chết trận, thì người nhà của họ cũng sẽ được quan tâm thích đáng.

Những cải cách mặc dù khiến quý tộc và một bộ phận tùy tùng bất mãn, nhưng lại đắc được nhiều nhân tâm và sự trung thành hơn. Hiệu quả của nó cũng hết sức rõ ràng, đó chính là bộ tộc của Thiết Mộc Chân thu được nhiều tài vật và gia súc hơn, còn gần như thu được trọn vẹn quân đội cùng toàn bộ dân chúng. Làm thế nào để các bộ tộc có sự khác biệt về huyết thống tập hợp lại cùng nhau, hiển nhiên là Thiết Mộc Chân phải đối mặt với vấn đề mới. Lúc này, việc dựa vào liên kết hôn nhân giữa các bộ tộc và thu nhận nuôi dưỡng cô nhi là không đủ.

Cải cách biên chế quân đội và xây dựng chế độ

Năm thứ Hai sau khi chinh phục người TaTar, Thiết Mộc Chân hạ lệnh tiến hành một cuộc cải cách có tính căn bản đối với quân đội và bộ lạc. Ông biên chế quân đội dựa theo thập tiến vị chế, mười người thuộc một đội, có đội trưởng hoặc gọi là “đầu bảng hiệu”, họ thường là người nhiều tuổi. Mười người này bất kể quần thể huyết tộc hay nguồn gốc bộ tộc của mình, đều được yêu cầu phải đối đãi với nhau như huynh đệ. Có điều, cha-con và anh-em có thể ở chung một đội.

Mười đội tổ hợp thành “trăm hộ”, do 100 người tổ hợp thành, bọn họ có thể tự chọn ra người lãnh đạo là trưởng 100 hộ này. Mười nhóm 100 hộ tổ hợp lại thành “nghìn hộ”, do 1,000 người tổ thành, người lãnh đạo gọi là Trưởng thiên hộ. Mười nhóm 1,000 hộ tổ thành một nhóm “vạn hộ”, do một vạn người hợp thành, người lãnh đạo gọi là Trưởng vạn hộ. Trưởng vạn hộ do Thiết Mộc Chân lựa chọn, bởi vì ông biết rõ người như thế nào mới có thể đảm đương trách nhiệm.

Người ta nói rằng, Thiết Mộc Chân khi đó đã có 95 ngàn hộ, tính toán trên thực tế có hộ không đủ quân số 1000, cho nên quân số đại khái thấp hơn tám vạn người. Rất rõ ràng, thể chế mới toàn diện này đã phá vỡ giới hạn về thể hệ, dòng tộc, bộ lạc và dân tộc trước kia, nâng cao được hiệu quả chiến đấu, tính cơ động và lòng trung thành của quân đội, đặt nền móng cho thiết kỵ Mông Cổ quét ngang Châu Âu sau này.

Không chỉ có thế, Thiết Mộc Chân còn tuyển chọn từ trong số đó ra 550 người Trưởng thiên hộ, Trưởng bách hộ, Đầu bảng hiệu và con em những người đã không còn chức vụ, nhưng kỹ năng và thể chất đều thuộc hạng ưu tú, tổ chức thành ‘Khiếp Tiết’, tức quân hộ vệ. Trong đó 80 người là bảo vệ ban đêm, 70 người là thị vệ, 400 người là cung thủ, số người sau này dần tăng lên. Các bộ này do bốn người Thiết Mộc Chân rất tin tưởng là Bác Nhĩ Hốt, Bác Nhĩ Thuật, Mộc Hoa Lê, Xích Lão Ôn và con cháu của họ lãnh đạo bốn đội luân phiên trực ban và vào đúng giờ giấc quy định thay đổi ca.

‘Khiếp Tiết’ trong xã hội Mông Cổ là phát triển “người hầu” xuất phát từ việc đã thoát ly bản thân khỏi

bộ tộc của mình để phục vụ chỉ một người. Họ thuộc về quân chủ, không thuộc về toàn bộ bộ tộc. Quân chủ cung cấp mọi thứ cho cuộc sống và bảo hộ cho họ. Địa vị của Khiếp Tiết rất cao, quyền lực rất lớn, thứ nhất là bảo vệ cho Khả Hãn, phương diện khác là lực lượng trung tâm của quân đội Mông Cổ. Ngoài ra, bọn họ còn phụ trách chuyện nhà của hoàng thất như ăn uống, nuôi ngựa, thuốc men, huấn luyện chim ưng v.v.

Kiến lập thánh địa của người Mông Cổ

Cùng với việc xây dựng một đại bản doanh “Khúc Điêu A Lan” ở chỗ hợp lưu của sông Tang Cô Nhi và sông Khách Lỗ Liên, Thiết Mộc Chân còn thành lập một vùng thánh địa bí mật tại đầu thượng nguồn của sông Oát Nan, sông Khách Lỗ Liên và Thổ La Hòa có khởi nguồn từ thánh sơn Bất Nhi Hãn-Hợp Lặc Đôn, để làm quê hương của bộ lạc Mông Cổ. Ông hạ lệnh bất kỳ ai cũng không được lập bản doanh ở trên thượng nguồn của ba con sông, và tuyên bố lãnh địa này là bất khả xâm phạm đối với người ngoài, chỉ hoàng thất Mông Cổ mới được vào. Nơi này, họ có thể tiến hành cúng tế, mở các hội nghị bí mật của gia tộc, cử hành những nghi lễ bí mật lớn, thậm chí sau khi họ chết sẽ được an táng ở đây. Có thể nói, lãnh địa này đối với người Mông Cổ có rất nhiều ý nghĩa không giống như bình thường.

Chiêu mộ nhân tài

Để gia tăng nhân khẩu, tăng trưởng tài vật, cải tiến kỹ thuật để bảo đảm được lượng sản xuất lớn, lưu trữ

và cung ứng, Thiết Mộc Chân hạ lệnh cho những người thông hiểu ngôn ngữ các địa phương, người giỏi giao tiếp, người giỏi quản lý nhân khẩu các bộ lạc, tiếp đãi và chiêu mộ nhân tài, tham gia những việc như đối ngoại xã giao và buôn bán v.v. Trong đó có cả những người thợ khéo tay người Hán.

Thiết Mộc Chân sau này khi bàn về đạo dùng người có nói: “Người trí dũng song toàn, giao cho họ quản lý việc binh, người hoạt bát nhanh nhẹn, giao họ việc quản lý quân nhu, người đần độn thì giao cho họ cái roi, cho họ chăn gia súc”. Đây có lẽ là những kinh nghiệm mà ông đã rút ra từ thực tiễn.

Không nghi ngờ gì, những cải cách của Thiết Mộc Chân đã đặt định nền móng quan trọng cho việc ông thống nhất Mông Cổ và chinh phục thế giới sau này, phong thái vương giả của ông quả thật rất sống động.

Chương 4: Chinh phục thảo nguyên

Sau khi đánh bại người TaTar, Thiết Mộc Chân quay về việc đầu tiên là thảo phạt người Chủ Nhi Cần thuộc bộ lạc Khất Nhan. Bởi vì trong lúc Thiết Mộc Chân giao tranh với người TaTar, người Chủ Nhi Cần vốn đã nhận lời xuất binh không chỉ nghe lời dèm pha, bội tín quên nghĩa, mà còn tranh thủ cơ hội chiếm đoạt đại bản doanh của ông. Họ đã giết chết mười mấy thuộc hạ, cướp đi 50 bộ y phục, đồng thời chiếm đoạt tài sản của ông. Điều này khiến Thiết Mộc Chân rất tức giận, thêm vào đó trước kia người Chủ Nhi Cần vi phạm quy định của người Mông Cổ, dùng kiếm đâm trọng thương Biệt Lạc Cổ Đài một cách đê hèn. Thiết Mộc Chân sau khi đánh xong người TaTar, liền phát động chiến tranh với người Chủ Nhi Cần và bắt sống được thủ lĩnh Tát Sát Biệt Khất và người em của ông ta là Thái Xuất.

Xét xử công khai ở Hốt Lý Lạc Đài - Thiết Mộc Chân tăng thêm trợ lực

Điều đáng chú ý là, Thiết Mộc Chân đã cải biến cách làm trước kia, tức là ông không để các thành viên bộ lạc bại trận chạy thoát để tìm cách phản công lại, mà tổ chức đại hội Hốt Lý Lạc Đài, chủ trì công khai xét xử Tát Sát Biệt Khất và Thái Xuất. Ông nói, “Trước đây khi tổ chức yến tiệc bên rừng sông Oát Nan, người của người đã đánh đầu bếp, lại còn chém vào xương bả vai của Biệt Lạc Cổ Đài. Ta xét trên tình huynh đệ, đã không



Người anh hùng trên thảo nguyên Thiết Mộc Chân (Ảnh: Epoch Times)

truy cứu thêm, mà muốn chung sống hòa bình. Nay đến lúc báo thù lớn của tổ tiên, các người là thủ lĩnh đứng đầu, lại quên mất kẻ thù gia tộc, đợi sáu ngày vẫn không thấy đến, không đi báo thù thì thôi, các người lại giúp đỡ kẻ thù, coi người nhà như kẻ địch. Ngày đó các người bầu ta là Khả Hãn, nói với ta những gì, thì hãy theo lời thề của các người lúc đó mà thực hiện đi.”

Tát Sát Biệt Khất và Thái Xuất trong lòng hổ thẹn, đành đưa đầu chịu chết. Hành động này của Thiết Mộc Chân không chỉ là cảnh cáo đối với tất cả các quý tộc đồng minh, cũng là để nói cho các thuộc hạ của mình về tầm quan trọng của sự trung thành.

Sau đó, Thiết Mộc Chân chiếm cứ lãnh địa của người Chủ Nhi Cầm, đồng thời phân công lại các thành viên Chủ Nhi Cầm trong gia tộc của họ, cho họ trở thành



*Tượng điêu khắc Mộc Hoa Lê ở thành phố Ulan Bator, Mông cổ.
(Ảnh: Shutterstock)*

thành viên trong “Khiếp Tiết”, thuộc đội ngũ riêng của ông. Ông còn đem một cô nhi là Bác Nhĩ Hốt của người Chủ Nhi Cần về cho mẫu thân Hạ Ngạch Luân nhận làm con nuôi, trở thành Lục đệ của ông. Trước đó, ông cũng thu nhận nuôi dưỡng các đứa trẻ từ các bộ tộc bại trận là Miệt Nhi Khất Dịch, người Thái Diệc Dịch Ô, người TaTar, mỗi nơi một đứa trẻ, bọn họ đều trở thành em trai của ông.

Cho dù những hành động này xuất phát từ nhân tố tình cảm hay nhân tố chính trị, thì Thiết Mộc Chân đều thể hiện rõ chí hướng khoan dung nhân từ của mình, tức là ông tiếp nhận những người không có quan hệ huyết thống vào gia tộc của mình, cho dù họ là người của bên thua trận, rồi chia sẻ quyền lợi với họ. Tác dụng của điều này thể hiện rất rõ ràng đối với việc đoàn kết các bộ tộc trên phạm vi to lớn hơn.

Sử sách có nói người Chủ Nhi Cần có hào khí, gan dạ, dũng cảm, không ai địch nổi. Sau khi Thiết Mộc Chân thu phục được bọn họ, lại cho họ làm đội bảo vệ riêng cho mình, thì như hổ mọc thêm cánh, đã làm mạnh mẽ lực lượng của ông. Đây cũng là một nhân tố quan trọng để ông có thể thống nhất các bộ lạc Mông Cổ. Ngoài ra, trong lúc chinh phạt người Chủ Nhi Cần, Mộc Hoa Lê trong “Mông Cổ tứ kiệt” cùng em trai và mấy người không cùng đẳng cấp cũng đến gia nhập đội ngũ của Thiết Mộc Chân. Sau này Mộc Hoa Lê cùng Bác Nhĩ Thuật là những cánh tay đắc lực của Thành Cát Tư Hãn. Họ trầm ổn cương nghị, nhiều mưu lược, giỏi bắn cung.

Xác định chiến thuật để phá từng kẻ địch

Sau khi đánh bại người Chủ Nhi Cần, đồng thời thu nhận bọn họ vào đội bảo vệ riêng, Thiết Mộc Chân dẫn thuộc hạ bắt đầu xuống hạ lưu sông Khắc Lỗ Luân. Nơi sông Khắc Lỗ Luân khởi nguồn là núi Kent thuộc Mông Cổ ngày nay, là một nhánh của hồ Hồ Luân trong hệ thống sông Ngạch Nhĩ Cổ Nạp thượng nguồn Hắc Long Giang. Thiết Mộc Chân ở chỗ hợp lưu của sông Tang Cô Nhi và sông Khắc Lỗ Luân xây dựng doanh trại chính. Sau này ở đây trở thành đô thành, được gọi là “Khúc điêu A Lan”. Nơi đây gần sông nước, lại có đồng cỏ chăn nuôi rộng lớn, hơn nữa cách nơi sinh của Thiết Mộc Chân và Thánh sơn Bất Nhi Hãn Hợp Lạc Đôn không xa. Ngọn núi Thánh Sơn này có ý nghĩa rất đặc thù trong cuộc đời của Thiết Mộc Chân. Tại nơi ở mới, Thiết Mộc Chân tiếp tục phát triển lớn mạnh lực lượng của mình, quy mô của bộ lạc tiếp tục được mở rộng.

Khi đội ngũ của Thiết Mộc Chân mới lớn mạnh, Trát Mộc Hợp và Thái Diệt Dịch Ô đã dự định liên hợp với bộ lạc Miệt Nhi Khất Dịch và Nãi Man, hình thành vòng tròn bao vây tiêu diệt Thiết Mộc Chân. Nhưng vì cách nghĩ của các bộ lạc không giống nhau, đều hy vọng bộ lạc khác ra tay trước, bản thân mình là ngư ông đắc lợi, cho nên chưa thể hình thành “đồng minh công thủ”. Sau khi Thiết Mộc Chân đánh bại người TaTar, Trát Mộc Hợp sinh ra lo lắng, bèn một lần nữa liên hợp các bộ lạc lại để xây dựng đồng minh quân sự.

Đối với việc này, Thiết Mộc Chân cũng lo lắng bị tấn công ba mặt, vì thế quyết định dùng chiến thuật phá vỡ từng cái một. Ông cùng với Vương Hãn bàn bạc

quyết định tấn công bộ lạc Miệt Nhi Khất Dịch trước. Sau chiến thắng, ông trang bị cho quân đội của Vương Hãn trước, còn mình quay trở về bản doanh, đề phòng Trát Mộc Hợp và Thái Diệc Dịch Ô tập kích. Trát Mộc Hợp và người Thái Diệc Dịch Ô bị ép phải bỏ ý định tấn công, điều này khiến cho người Miệt Nhi Khất Dịch sinh oán hận trong lòng và lại một lần nữa khiến cho đồng minh quân sự tan rã.

Năm 1199 nhân cơ hội đồng minh quân sự tan rã, Thiết Mộc Chân cùng Vương Hãn tiến đánh bộ tộc Nãi Man. Con thứ của thủ lĩnh bộ tộc Nãi Man là Cổ Xuất Cổ Đôn Bất Diệc Lỗ cho rằng đại quân không thể nào vượt qua núi cao, nên không có sự chuẩn bị. Nhưng Thiết Mộc Chân và Vương Hãn dẫn quân men theo sông mà đến, đột phá được đại bản doanh của Bất Diệc Lỗ. Bất Diệc Lỗ bỏ trốn, Vương Hãn thu được rất nhiều gia súc, tài vật. Lo lắng phải chia chiến lợi phẩm cho Thiết Mộc Chân, Vương Hãn đã cho người thu quân trước.

Thiết Mộc Chân lòng dạ rộng rãi, có ơn tất báo cũng không để tâm. Trong khi truy đuổi Bất Diệc Lỗ, Thiết Mộc Chân và Vương Hãn gặp chiến tướng của Nãi Man là Khả Khắc Tiết Ngột. Trước đêm hai bên giao chiến, Vương Hãn dẫn quân lặng lẽ rút lui, nguyên nhân là nghe người gièm pha nói Thiết Mộc Chân chuẩn bị đầu hàng Nãi Man, là người không thể tin được.

Ngày hôm sau, Thiết Mộc Chân phát hiện bị bỏ lại nên cũng dẫn quân rời đi. Khả Khắc Tiết Ngột truy đuổi quân của Vương Hãn, không chỉ bắt thê tử và những người hầu của người con trai duy nhất của Vương Hãn là Tang Côn, mà còn bắt một nửa dân chúng, bầy ngựa, lương thực ở cửa núi Thiếp Liệt Cách Thốc của Vương

Hãn. Vương Hãn hướng tới Thiết Mộc Chân cầu cứu, Thiết Mộc Chân không tính đến hiềm khích, lập tức phái “Mông Cổ tứ kiệt” là Mộc Lê Hoa, Bác Nhĩ Thuật, Bác Nhĩ Hốt và Xích Lão Ôn dẫn binh tiến đánh, cứu được người bị bắt, đem về trả cho Vương Hãn. Tiếp sau đó người em của Thiết Mộc Chân là Hợp Tát Nhi lại tiến đánh Nãi Man một lần nữa, Nãi Man bị thua nặng nề, từ đó thế lực của Nãi Man bị yếu dần.

Khi Thiết Mộc Chân và Vương Hãn giao tranh với bộ tộc Nãi Man, hai người con trai Thoát Hắc Thoát A của thủ lĩnh Miệt Nhi Khất Dịch, đã đầu hàng Vương Hãn, nhân cơ hội chạy thoát về nơi ở của bộ tộc. Bọn họ và người Thái Diệc Dịch Ô chuẩn bị liên hợp lại đợi thời cơ tấn công Thiết Mộc Chân. Quả thực, Thiết Mộc Chân luôn lo lắng khi mình xuất chinh thì hậu phương sẽ bị tập kích, dẫn đến cục diện hai mặt cùng có địch. Vì thế vào năm 1200, ông và Vương Hãn lại một lần nữa xuất binh đánh liên quân Thái Diệc Dịch Ô và Miệt Nhi Khất Dịch.

Thiết Mộc Chân lệnh cho nhóm của Mộc Hoa Lê mai phục trên nhiều quả núi, còn mình dẫn đầu đội quân tinh nhuệ, phục kích người Thái Diệc Dịch Ô, dẫn dụ bọn họ tiến vào vòng vây mai phục. Thủ lĩnh Tháp Nhi Hốt của Thái Diệc Dịch Ô dẫn quân đánh trả rất mãnh liệt. Thiết Mộc Chân vừa đánh vừa lui, để cho bọn họ lọt vào vòng vây. Quân của Vương Hãn đánh vào đoạn giữa của người Thái Diệc Dịch Ô chia cắt họ thành hai nhóm, khiến cho các bộ tộc Thái Diệc Dịch Ô ở phía trước và phía sau không cách nào ứng cứu được nhau. Người Thái Diệc Dịch Ô nhanh chóng tán loạn. Thiết Mộc Chân và Vương Hãn bắt được rất nhiều người, ngựa. Những



Cuối cùng Thiết Mộc Chân ở chỗ hợp lưu của sông Tang Cô Nhi và sông Khắc Lỗ Luân xây dựng doanh trại chính. Sau này, nơi đây trở thành đô thành, được gọi là “Khúc điệu A Lan”. (Ảnh minh họa: Tranh sắc thu trên sông Khắc Lỗ Luân/Shutterstock)

người còn lại chạy về bộ lạc Nãi Man. Người Thái Diệc Dịch Ô từ đó về sau dựa vào Trát Mộc Hợp và Miệt Nhi Khất Dịch và Nãi Man, không đáng lo ngại.

Mùa thu năm đó, liên quân của Thiết Mộc Chân và Vương Hãn đã đánh tan liên quân của năm bộ lạc là Hợp Đáp Cân, Tán Chích Ngột, Hoảng Cát Lạt, TaTar, Đóa Nhi Biên ở Bồ Ngư Nhi Hải Tử (nay là hồ Baikal). Mùa đông, Thiết Mộc Chân dẫn quân tiến đánh liên quân TaTar, Miệt Nhi Khất Dịch, Thái Diệc Dịch Ô, một lần nữa làm suy yếu lực lượng của bọn họ.

Giao tranh với Trát Mộc Hợp - Trời giúp Thiết Mộc Chân

Ứng phó với sự nổi lên của Thiết Mộc Chân, những quý tộc Mông Cổ như Trát Mộc Hợp vẫn không chịu thừa nhận vị trí lãnh đạo của Thiết Mộc Chân, hơn nữa còn áp dụng chính sách cô lập đối với ông. Họ nâng đỡ cho các bộ lạc bị Thiết Mộc Chân đánh bại. Vào năm 1201, họ đề cử Trát Mộc Hợp làm “Cổ Nhi Hãn”, tức là thủ lĩnh của thủ lĩnh hoặc Khả Hãn của Khả Hãn. Các thủ lĩnh của các bộ lạc thuộc Trát Mộc Hợp đều thề trung thành với ông ta. Cùng năm đó, Trát Mộc Hợp tổ chức xây dựng liên quân 12 bộ lạc. Ông dẫn quân đội chủ lực men theo sông Ngạch Nhĩ Cổ Nạp đi về phía tây nam, đến phía trên cù lao sông San Mộc Liên (nay là sông Cấn), tập kết binh lực của các bộ lạc, chuẩn bị tấn công Vương Hãn của bộ lạc Khắc Liệt Diệt Dịch và Thiết Mộc Chân. Liên quân thảo luận và quyết định rằng, các bộ lạc Thái Diệt Dịch Ô, Miệt Nhi Khất Dịch và bộ lạc TaTar sẽ hợp binh tấn công Thiết Mộc Chân từ phía bắc, Trát Mộc Hợp dẫn các bộ lạc còn lại tấn công Thiết Mộc Chân từ phía đông.

Sau khi Thiết Mộc Chân và Vương Hãn nhận được thông tin, họ nhanh chóng bàn bạc làm thế nào để ứng phó với sự khiêu chiến của Trát Mộc Hợp. Không còn nghi ngờ gì, đây là một trận đọ sức để tranh đoạt quyền lãnh đạo người Mông Cổ. Bên nào thắng lợi, đều sẽ cải biến thế cục trên thảo nguyên.

Cuộc chiến đã đến rất nhanh, quân của hai bên gặp nhau ở Khoát Diệt Điền. Hai bên tự bố trí trận địa của mình, đồng thời đều mời các pháp sư biết pháp thuật

của đạo Shaman đến trợ giúp cho mình. Pháp sư của bên Thiết Mộc Chân trèo lên một dốc cao, liên tục gõ trống của ông đồng thời gõ vào nham thạch thần bí, để nhận được sự ủng hộ của thần linh và khống chế biến hóa của thời tiết. Còn pháp sư của bên Trát Mộc Hợp thi triển pháp thuật dùng cục đá hô phong hoán vũ, nhưng gió mưa trái lại quay ngược trở lại tấn công bọn họ, khiến bọn họ liên tục rơi xuống khe núi. Binh lính của Trát Mộc Hợp vô cùng hoảng sợ, nói “Trời không phù hộ chúng ta”, họ bỏ chạy tán loạn. Không còn cách nào, Trát Mộc Hợp đành phải hạ lệnh rút quân.

Vương Hãn dẫn thuộc hạ của mình truy đuổi Trát Mộc Hợp và quân chủ lực của ông ta. Thiết Mộc Chân ứng chiến với người Thái Diệc Dịch Ô. Vì không muốn để cho bộ tộc Thái Diệc Dịch Ô có cơ hội vùng lên từ đồng tro tàn, Thiết Mộc Chân phân công các tướng, cho họ dẫn quân đi xa, làm một cuộc bao vây lớn đối với các bộ tộc Thái Diệc Dịch Ô, riêng đội quân của ông ở mặt chính diện tấn công người Thái Diệc Dịch Ô. Do các đội quân đi xa, lực lượng đánh trực diện tương đối yếu và mỏng, Thiết Mộc Chân và người Thái Diệc Dịch Ô đã giao tranh rất nhiều hiệp, nhưng không phân thắng bại rõ rệt. Khi trời sắp tối, hai bên tạm thời bãi binh, dựng trại đóng quân trên đồng cỏ mênh mông, đợi ngày mai đánh tiếp.

Trong khi giao đấu lúc chạng vạng tối, Thiết Mộc Chân bị tên bắn vào cổ, máu chảy không ngừng. Sau khi mặt trời lặn sau núi, Thiết Mộc Chân mất đi ý thức, người thị vệ trung thành Giả Lạc Miệt đã ở bên cạnh ông thâu đêm, dùng miệng hút máu đọng ở gần vết thương cho ông. Quá nửa đêm, Thiết Mộc Chân tỉnh dậy, muốn

uống sữa tươi. Lúc này trong tay Giả Lạc Miệt chỉ còn ít nước, ông bất chấp nguy hiểm, lỏa thể chạy vào doanh trại quân địch tìm ngựa mẹ, may mắn đã tìm được một thùng phô-mai, đem về thành công.

Tại sao lại phải lỏa thể? Đối với người Mông Cổ mà nói, lỏa thể trước mặt nhiều người là một hành động mất giá trị con người. Nếu như người Thái Diệc Dịch Ô giữa đêm nhìn thấy có người khỏa thân chạy vào doanh trại, bọn họ sẽ nghĩ là người mình thức dậy đi vệ sinh, khả năng sẽ quay mặt đi. Nếu như bọn họ nhận ra Giả Lạc Miệt, ông ta sẽ giả vờ đầu hàng, đồng thời thanh minh là bản thân bị đồng bọn làm nhục mà chạy sang bên này. Bọn họ có lẽ sẽ tin, bởi vì không có một dũng sĩ Mông Cổ nào lại cố ý để bản thân bị bắt khi đang ở trong trạng thái lỏa thể.

Sau khi uống nước hòa phô-mai, thể lực của Thiết Mộc Chân dần hồi phục, tinh thần rất tốt, ông đưa ra ý chỉ cảm tạ ơn cứu mạng của Giả Lạc Miệt, và nói “Ta sẽ ghi nhớ mãi trong lòng”. Sự trung thành của Giả Lạc Miệt là hình ảnh thu nhỏ của các tướng lĩnh dưới trướng của Thiết Mộc Chân. Nhìn từ tư liệu lịch sử, cho dù là quá khứ hay tương lai, chưa từng có vị tướng tài đặc lực nào phản bội hoặc rút bỏ Thiết Mộc Chân. Thiết Mộc Chân cũng chưa bao giờ trừng phạt hoặc làm hại tới bất kỳ vị tướng tài đặc lực nào. Quân thần đối với nhau tín nhiệm như thế, đây là điều hiếm thấy trong lịch sử.

Có điều, người Thái Diệc Dịch Ô không biết Thiết Mộc Chân bị thương, rất nhiều người trong bọn họ vì sợ hãi, trong đêm lén lút rời khỏi chiến trường. Ngày thứ hai, Thiết Mộc Chân dẫn bộ tướng đánh bại lực



*Thiết Mộc Chân và Giả Lạc Miệt
(Ảnh: KoizumiBS/Wikimedia Commons)*

lượng còn lại của bên địch, đưa những thành viên đó trở thành thuộc hạ của mình. Sau chiến dịch đó, Thiết Mộc Chân lại có được công thần Nạp Nha A sau này.

Nạp Nha A cùng phụ thân và huynh trưởng của ông, bắt được thủ lĩnh Thập Nhi Hốt Đài của bộ lạc Thái Diệc Dịch Ô, người từng cứu Thiết Mộc Chân hồi nhỏ. Nhóm của Nạp Nha A chuẩn bị đưa người này đến tặng cho Thiết Mộc Chân. Trên đường đi, Nạp Nha A nói với phụ thân: “Thiết Mộc Chân sẽ cho rằng ‘người có thể ra tay đối với quân chủ của mình’ là người không đáng tin, có khả năng sẽ giết bọn họ, vì thế tốt nhất thả Thập Nhi Hốt Đài đi”, đồng thời đến chỗ Thiết Mộc Chân thể hiện sự thành tâm thành ý sẽ hết lòng tận sức. Quả nhiên, sau khi nghe nói bọn họ đã thả Thập Nhi Hốt Đài, Thiết Mộc Chân rất hài lòng với cách làm của họ, và đã ban thưởng cho Nạp Nha A.

Khi Thiết Mộc Chân đánh bại người Thái Diệc Dịch Ô, Trát Mộc Hợp cũng bị đánh bại. Ông ta và những bộ tộc đi theo, lo sợ bị giết chết, đều đến đầu hàng Vương Hãn. Vương Hãn lo lắng phải phân chia chiến lợi phẩm mà mình thu được với Thiết Mộc Chân, liền phân từng tốp vận chuyển tài vật về hậu phương. Giữa Vương Hãn và Thiết Mộc Chân đã bắt đầu xuất hiện sự rạn nứt.

Tiêu diệt các bộ lạc TaTar

Đánh bại người Thái Diệc Dịch Ô vào năm 1202, Vương Hãn lệnh cho Thiết Mộc Chân phát động một cuộc chiến tranh nhằm vào người TaTar. Thiết Mộc Chân dẫn quân tiến đánh các bộ tộc của người TaTar như bộ tộc Sát An, A Lạc Xích, Đô Thập Ngột Dịch, A Lỗ Hải, v.v. Hai bên giao tranh ở Đạp Lan Niết Mộc Nhi Cách Tư, nơi con sông Cáp Lạp Cáp Hà đổ ra biển. Bộ

lạc của Thiết Mộc Chân bị hao tổn rất lớn, nhưng cuối cùng đã giành được thắng lợi.

Từ chiến dịch này, đội quân do Thiết Mộc Chân chỉ huy đã hoàn toàn đánh bại các bộ lạc của TaTar. Bộ lạc TaTar từ đó không thể gượng dậy được nữa.

Sự suy tàn của bộ lạc TaTar đã đánh dấu việc các bộ lạc Mông Cổ phía đông đã bị Thiết Mộc Chân chinh phục. Lúc này, phía đông của Thiết Mộc Chân chỉ còn lại bộ lạc Hoằng Cát Lạt thuộc tộc Đông Hồ, phía tây còn lại bộ tộc Nãi Man và Khắc Liệt Diệc Dịch, các bộ lạc Mông Cổ còn lại, đều đã bị ông chinh phục. Không nghi ngờ gì, Thiết Mộc Chân đang đi trên con đường thống nhất Mông Cổ, ông đã hiển lộ ra hoài bão thống nhất tất cả các bộ tộc trên thảo nguyên.

Chương 5: Xung hùng trên thảo nguyên

Trải qua hơn hai mươi năm nỗ lực, Thiết Mộc Chân ngoài việc trở thành thống soái quân sự ưu tú nhất trên thảo nguyên, ông còn chinh phục được đại bộ phận các bộ lạc Mông Cổ, ngoại trừ bộ tộc Ông Cát Lạt Dịch của tộc Đông Hồ (tộc mẫu của Bột Tê), bộ tộc Nãi Man và bộ lạc Khắc Liệt Diệc Dịch. Một số thủ lĩnh của các bộ lạc bị chinh phục đã được bộ tộc Nãi Man và bộ lạc Khắc Liệt Diệc Dịch bảo hộ, có thể khiến cho các bộ tộc Mông Cổ nổi lên làm loạn bất cứ lúc nào. Đặc biệt, Vương Hãn của Khắc Liệt Diệc Dịch đã chấp nhận sự đầu hàng của Trát Mộc Hợp và coi ông ta như một thượng khách, cũng đưa toàn bộ thuộc hạ và tài sản của Trát Mộc Hợp về phía tây. Bộ lạc này luôn có ý định phản bội Thiết Mộc Chân. Tuy nhiên, Thiết Mộc Chân vẫn cử sứ giả đến vấn an Vương Hãn như thường lệ.

Chinh phục bộ tộc Khắc Liệt Diệc Dịch

Để củng cố quan hệ thân thiết giữa hai bên, năm 1203 Thiết Mộc Chân thỉnh cầu liên hôn với Vương Hãn, xin Vương Hãn gả con gái cho con trai trưởng Truật Xích của mình. Vương Hãn lấy lý do Thiết Mộc Chân là con nuôi, Truật Xích thuộc thế hệ cháu, con gái của ông là cô của Truật Xích để từ chối. Ngay lập tức, Thiết Mộc Chân lại đưa ra đề nghị, hy vọng đem con gái của mình là Hỏa Thần Biệt Cát gả cho cháu của Vương Hãn Thốc Táp Hợp. Nếu Vương Hãn đồng ý lời cầu hôn,



*Con trai trưởng Truật Xích của Thành Cát Tư Hãn
(Ảnh: Betta 27/Wikimedia commons)*

tức là thừa nhận Thiết Mộc Chân có địa vị cao hơn Trát Mộc Hợp.

Khi Vương Hãn có ý định đồng ý, Trát Mộc Hợp đã gièm pha rằng, con gái Hỏa Thần Biệt Cát của Thiết Mộc Chân đã xấu xí lại kiêu ngạo, khó có thể lấy làm thê, còn nói Thiết Mộc Chân phái sứ giả đến cầu hôn, tuy ngoài mặt là cầu hôn, thực chất bên trong thuyết phục các tướng sĩ Mông Cổ đầu quân cho Thiết Mộc Chân. Vương Hãn tin những lời đó là thật, rất tức giận, liền từ chối hôn sự, có điều ông cũng không nghe theo kiến nghị của Trát Mộc Hợp và không định dùng binh đối với Thiết Mộc Chân.

Vương Hãn nói với Trát Mộc Hợp, phụ tử Thiết Mộc Chân và Dã Tốc Cai đều có ân với mình, bản thân cũng muốn báo đáp đại ân của họ, muốn chính thức nhận Thiết Mộc Chân làm con trai, trở thành huynh trưởng của Tang Côn, cùng nhau quản lý bộ tộc.

Trát Mộc Hợp sau khi hiểu được thái độ của Vương Hãn, liền thay đổi sách lược, chạy đến Tang Côn gièm pha, nói Thiết Mộc Chân và bộ tộc Nãi Man có ước định, mưu đồ đối với Vương Hãn, muốn ra tay trước để (chiếm ưu thế) mạnh hơn. Tang Côn nghe và tin theo lời gièm pha, quyết định cùng với Thiết Mộc Chân quyết đấu một trận. Ông ta âm thầm liên lạc với nhóm người của thúc phụ Trát Hợp Cảm Bất đã đầu hàng Thiết Mộc Chân. Vừa khớp lúc đó Trát Hợp Cảm Bất cũng muốn ly khai Thiết Mộc Chân để tự mình phát triển, đã đồng ý kế hoạch của Tang Côn, đồng thời đem tình hình đóng quân của năm đội quân ở phía tây của Thiết Mộc Chân nói cho ông ta.

Để được lệnh đồng ý xuất binh của Vương Hãn, Tang Côn trước mặt Vương Hãn nói đủ lời xấu về Thiết Mộc Chân. Lúc đó, Vương Hãn hoàn toàn không tin, cũng không định phái binh đánh Thiết Mộc Chân, nhưng lòng dạ không rộng lượng như ông ta cuối cùng lại tin theo những lời con trai nói, và cũng cho phép tùy ý hành động. Theo chủ ý của Tang Côn, Vương Hãn phái người đưa thư cho Thiết Mộc Chân, nói đã thay đổi suy nghĩ, đồng ý gả con gái cho Truật Xích, mời ông ta đến tham dự tiệc hứa hôn.

Tiệc hứa hôn tiếng Mông cổ gọi là “Bất ngọt lặc trát nhi”, ý nghĩa là “cổ và yết hầu con dê”. Gân thịt chỗ cổ hầu con dê chắc, xương cổ cứng, biểu thị kiên cố lâu dài không xa rời. Trên bữa tiệc hứa hôn dùng món này, biểu thị hôn sự của hai bên không thay đổi, phu thê thành hôn trăm năm hòa hợp. Do đó ăn “bất ngọt lặc trát nhi” cũng trở thành ý nghĩa của tiệc hứa hôn. Phong tục này còn lưu giữ đến ngày nay ở các vùng của Mông Cổ.

Sau khi nhận được thư mời, xuất phát từ sự tin tưởng đối với Vương Hãn, người đã là cha nuôi hơn 20 năm, Thiết Mộc Chân để lại quân đội, chỉ đem theo một số tùy tùng đến nơi yến tiệc, đồng thời định giải thích trước mặt nghĩa phụ, để tránh lời gièm pha ảnh hưởng quan hệ đôi bên. Chắc chắn rồi, nếu như hôn sự thành công, ông ta không chỉ đem bộ tộc của mình cùng bộ tộc Khắc Liệt Diệc Dịch thống nhất, mà tương lai có thể trở thành một trong những người kế thừa của Vương Hãn.

Nhưng, lúc ngủ đêm trên đường đi, Thiết Mộc Chân được biết tiệc hứa hôn là để mưu hại Ông, Vương Hãn sớm đã bố trí xong quân đội, chuẩn bị sát hại ông và



Thành Cát Tư Hãn và Vương Hãn. Thư viện quốc gia của nước Pháp cất giữ. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

tiêu diệt toàn bộ gia tộc, đồng thời tập kích năm đội quân của ông đang đóng ở phía tây. Thiết Mộc Chân biết được Vương Hãn sẽ tập trung toàn bộ lực lượng, mà trước mắt người đơn lực mỏng, liền trốn chạy cùng tùm tùm ít trang bị trước khi Vương Hãn phái người đến bắt, cũng không quên phái người thông báo cho bốn đội quân nhanh chóng rút lui, đến địa điểm tập trung là nơi trú đông ở núi Mão Ôn Đô Nhi.

Khi Vương Hãn dẫn đội quân tinh nhuệ đến, phát hiện lừa trưởng trống không, Thiết Mộc Chân không biết chạy hướng nào. Ngoài đội quân Mông Lục Khắc và đội quân Hốt Diệc Lạc Đáp Nhi kịp chạy đến địa điểm trú đông ở núi Mão Ôn Đô Nhi ra, hai đội quân khác là Hợp Tát Nhi và Oa Khoát Đài đều bị quân của Vương Hãn vây khốn, ở vào tình thế không thể không đột phá vòng vây. Thiết Mộc Chân mới kịp hợp lại với đội quân

của mình thì quân của Vương Hãn đã đến Hợp Lạt Hợp Lạc Chích Đặc trước núi Mão Ôn Đô Nhi rồi.

Thiết Mộc Chân phái đội quân Mông Lục Khắc hộ tống thế tử đi đến căn cứ phía đông là Bồ Ngư Nhi Hải, tức hồ BaiKal ngày nay, rồi phái Chủ Nhi Xa Đãi, Hốt Diệc Lạc Đáp Nhi làm tiên phong, dẫn quân bố trí thế trận, dùng các đội hình dày đặc, đón đánh quân Vương Hãn, cùng với quân tiên phong của Vương Hãn đánh nhau một trận, sử sách gọi là “trận chiến Hợp Lạt Hợp Lạc Chích Đặc”. Quân tiên phong của Vương Hãn bị tiêu diệt, nhưng đợt quân thứ hai của Vương Hãn kịp đến, liền xông vào trong quân của Hốt Diệc Lạc Đáp Nhi. Trong khi giao chiến, Hốt Diệc Lạc Đáp Nhi bị đâm ở trên lưng ngựa, may mắn có thuộc hạ đã liều chết cứu được. Chủ Nhi Xa Đãi phát hiện cánh quân bên trái của mình lộn xộn, lập tức phái binh chi viện, cuối cùng cũng đánh bại được đợt quân thứ hai.

Lúc này Tang Côn dẫn quân đến, ông ta nhìn thấy quân tiên phong bị đánh bại, không đợi Vương Hãn đến, dẫn hơn một nghìn kỵ binh hộ vệ lao vào chiến đấu. Chủ Nhi Xa Đãi biết Tang Côn, bắn một mũi tên về phía ông ta, mũi tên từ má bên trái xuyên qua má bên phải, Tang Côn lập tức ngã ngựa, tướng Khắc Liệt Chư chạy lại cứu ông ta và ra lệnh rút quân.

Lúc này Thiết Mộc Chân trong tay không còn binh để dùng, lại nhìn thấy trời đã tối, không tiện giao đấu lâu, nhân lúc thế tấn công của quân địch yếu, truyền lệnh rút quân, không được để lửa trong doanh trại, suốt đêm rời đi.

Đoàn người của Thiết Mộc Chân đi về hướng đông, ông để cho người già, trẻ nhỏ, người bị thương và bị

bệnh đi trước, bản thân mình dẫn kỵ binh tinh nhuệ đi đoạn hậu, đồng thời thu nạp các binh sĩ thất tán. Trong quân thiếu lương thực, ông cho săn bắt dọc đường. Đi được ba ngày, Bác Nhĩ Thuật người phái đi thông báo cho Hợp Tát Nhi lui binh đuổi kịp. Ông nói với Thiết Mộc Chân, ông và Hợp Tát Nhi đã thoát ra khỏi vòng vây, đang lúc phóng nhanh thì con ngựa đang cưỡi bị quân địch bắn tên chết, ông ta cướp được con ngựa khác để chạy, nhưng tìm khắp nơi mà không thấy Hợp Tát Nhi. Khi đến núi Mão Ôn Đô Nhi, ông chỉ nhìn thấy quân của Vương Hãn, liền lần theo dấu vết mà tới. Tối hôm đó, Bác Nhĩ Hốt đem Oa Khoát Đài đã bị trúng tên về đến, Thiết Mộc Chân rơi nước mắt trị vết thương cho Oa Khoát Đài.

Đoàn người của Thiết Mộc Chân tiếp tục đi về phía đông, đến bờ hồ Ba Lặc Chủ Nạp xa xôi, khu đó nằm ở đông bắc bộ Ô Chu Mục Tâm Kỳ. Còn Hốt Diệc Lặc Đáp Nhi vì phóng ngựa đuổi theo dã thú, nên vết thương do tên bắn tái phát mà chết. Thiết Mộc Chân khóc trong đau đớn và phát lời thề, phải báo thù Vương Hãn.

Lúc đó, bên cạnh Thiết Mộc Chân chỉ còn lại 19 người, họ đến từ chín bộ tộc khác nhau, không cùng dòng máu và tín ngưỡng. Thiết Mộc Chân và 19 người tùy tùng trung thành cùng uống nước hồ đục ngầu, những người tùy tùng thề mãi mãi trung thành với ông, Thiết Mộc Chân cũng thề với họ, nếu như sau này thành tựu nghiệp lớn, đương khi cùng bọn họ đồng cam khổ, sẽ cho họ hưởng những quyền nhất định khác biệt với người khác. Đây là “thề ước Ba Lặc Chủ Nạp” nổi tiếng trong lịch sử.

Thệ ước Ba Lặc Chủ Nạp truyền đi nghĩa huynh đệ, vượt lên quan hệ huyết thống, chủng tộc và tín ngưỡng, nó tiến đến một loại quan hệ quyền lợi và nghĩa vụ được xây dựng trên cơ sở lựa chọn cá nhân và trung thành với nhau. Đây chính là cơ sở cho việc thống nhất nội bộ đế quốc Mông Cổ và phân chia địa vị sau này.

Đoàn người của Thiết Mộc Chân rời khỏi hồ Ba Lặc Chủ Nạp, đi ngược lên phía bắc. Giữa lúc đó, ông phái người đi đến bộ tộc Ông Cát Lạt Dịch chiêu hàng. Bộ tộc Ông Cát Lạt Dịch biết nếu như không đầu hàng thì cũng khó tự bảo vệ. Họ tiến cử nhạc phụ của Thiết Mộc Chân là Đức Tiết Thiên làm thủ lĩnh mới, từ đó quy thuận Thiết Mộc Chân. Mặt khác, ông phái sứ giả gửi lời khiển trách đến Vương Hãn và Trát Mộc Hợp, cũng gửi đi tin tức báo chuẩn bị phản công tới các thuộc hạ phân tán của mình. Quân đội mà ông áp dụng biên chế mới để tổ hợp cũng dần dần theo lên kịp, lại một lần nữa tụ họp dưới trướng của ông. Bọn họ đến gần hồ Hô Luân, nghỉ ngơi dưỡng sức, đợi thời cơ cùng Vương Hãn quyết chiến.

Vương Hãn nhận thấy đã xua tan được thuộc hạ của Thiết Mộc Chân, hơn nữa Thiết Mộc Chân còn đang ở miền đông xa xôi, cho nên không những không đề phòng, mà còn tổ chức yến tiệc ăn mừng ở trong trướng vàng. Nghe được tin tức này, Thiết Mộc Chân quyết định dùng phương thức tập kích bất ngờ tấn công. Ông dẫn quân thần tốc tiến lên, ngựa chạy không ngưng nghỉ, tiêu diệt tất cả các trạm canh gác của Vương Hãn trên thảo nguyên, khiến cho tin tức tiến quân không bị lộ. Quân của Thiết Mộc Chân nhanh chóng bao vây doanh

trại của Vương Hãn, mà lúc đó, binh sĩ của bản doanh Vương Hãn mới phát hiện ra kẻ địch.

Thiết Mộc Chân ở bên ngoài doanh trại, kêu gọi phụ tử Vương Hãn ra ngoài, phụ tử Vương Hãn không nghe, Thiết Mộc Chân hạ lệnh tấn công cùng lúc tứ phía. Bên ngoài doanh trại của Vương Hãn có xây dựng hàng rào, quân của Vương Hãn đã lấy đó làm bình phong để chống lại, không dễ đột phá. Trải qua ba ngày chiến đấu ác liệt, người của Khắc Liệt Diệt Dịch bị đại bại, trong đại bản doanh có tiếng hô lớn xin đầu hàng, Thiết Mộc Chân liền ra lệnh những người đầu hàng 100 người thành một nhóm, tay không lần lượt đi ra khỏi doanh trại, kiểm đếm số người hoàn tất, không hề thấy phụ tử Vương Hãn, hỏi tướng đầu hàng, mới biết họ đã trốn từ ba ngày trước.

Có điều, kết cục của hai người đều không tốt, Vương Hãn chạy tới bộ lạc Nãi Man tránh nạn, nhưng ở biên giới Nãi Man đã bị gian tế giết chết. Tang Côn chạy về hướng nam đến Tây Hạ, giữa đường bị người hầu vứt bỏ, chết khát ở giữa sa mạc. Người hầu này chạy tới chỗ Thiết Mộc Chân đầu hàng thì bị ông giết chết, bởi vì Thiết Mộc Chân ghét nhất người không trung thành, còn Trát Mộc Hợp dẫn một số thuộc hạ chạy đến lãnh địa của Nãi Man.

Đến lúc này, bộ tộc Khắc Liệt Diệt Dịch hùng mạnh đã bị chinh phục, do giữa bộ lạc Khắc Liệt và Thiết Mộc Chân không có thù địch thực sự, quân đội, quý tộc, đất đai, tài vật của họ đều được Thiết Mộc Chân thu nạp. Từ đó Thiết Mộc Chân chiếm cứ thảo nguyên Hồ Luân Bối Nhĩ có nguồn nước và đồng cỏ tốt tươi, thực lực và uy danh của ông nhanh chóng tăng lên. Nãi Man



Thảo nguyên Hô Luân Bối Nhĩ (Ảnh: Shutterstock)

trở thành một trong ba bộ lạc cuối cùng chưa bị Thiết Mộc Chân đánh bại. Những quý tộc các bộ lạc bị đánh bại dưới tay của Thiết Mộc Chân trước sau tập hợp về Hãn Đình của Nãi Man, ý đồ nhờ họ đoạt lại gia súc và cánh đồng cỏ đã mất, nhưng nguyện vọng của bọn họ có được như ý không?

Áp dụng chiến thuật mới với bộ tộc Nãi Man

Thắng lợi của Thiết Mộc Chân khiến người Nãi Man vô cùng lo lắng, bọn họ tập trung lực lượng, tìm kiếm đồng minh trong các bộ lạc có thù địch với Mông Cổ, tấn công Thiết Mộc Chân, nhưng kế hoạch của bọn họ bị bại lộ. Vì để phòng ngừa thế lực các bộ lạc của Mông

Cổ phản loạn, ngày 16 tháng 4 đầu hạ năm 1204, Thiết Mộc Chân cho Triết Biệt, Hốt Tất Lai làm tiên phong, đi trước đánh bộ tộc Nãi Man, nơi quyết chiến tại thảo nguyên Đạt Tát A Lí. Cần nhắc đến việc bản thân từ xa đến, binh mã nhân lực ít hơn so với đối phương, Thiết Mộc Chân liền cho mỗi người lính đốt năm đồng lửa, để che đậy quân số thực của bọn họ, điều này khiến cho người Nãi Man tưởng là “quân đội của người Mông Cổ bố trí khắp thảo nguyên Đạt Tát A Lí, lửa (doanh trại có đốt lửa của bọn họ) còn nhiều hơn cả sao trên trời!”

Kế sách này phát huy tác dụng, làm chậm lại cuộc tiến công của người Nãi Man. Nhận định hỗn loạn về thực lực của người Mông Cổ cũng dẫn đến mâu thuẫn trong các thủ lĩnh người Nãi Man. Bô lão của Nãi Man, “Thái Dương Hãn” sau khi nghe được báo cáo, trong lòng sinh ra khiếp sợ, bày tỏ sự lo lắng đối với con trai mình là Cổ Xuất Lỗ Khắc Hãn, dự định không trực tiếp giao chiến với những người Mông Cổ cứng rắn nữa, mà rút lui về A Lạc Thái sơn, rồi dẫn dụ người Mông Cổ vào sâu trong đất Nãi Man, sau đó sẽ tiêu diệt họ. Cổ Xuất Lỗ Khắc rất không hài lòng đối với sự sợ hãi của phụ thân, thốt ra những lời lẽ mắng chửi đối phụ thân ngay trước mặt người đưa tin, những người khác cũng ra sức chủ trương đánh quân Mông Cổ. Thái Dương Hãn tuy rất tức giận, nhưng vẫn đồng ý nghênh chiến quân Mông Cổ. Họ còn tìm được những người Miệt Nhi Khất Dịch và một đội quân người Mông Cổ phản đối sự thống trị của Thiết Mộc Chân do Trát Mộc Hợp dẫn đầu.

Trong trận chiến, Thiết Mộc Chân chỉ huy đội quân triển khai thế trận, lệnh cho các tướng sĩ áp dụng chiến thuật như sau: “Tiến giống như bụi cây, triển khai thế

trận giống như hồ nước, tấn công giống như cái đục”. “Tiến giống như bụi cây” là nói đội quân phải tự phân tán thành phân đội nhỏ 10 người từ các hướng khác nhau tiến lên, tấn công kẻ địch, sau khi tấn công xong, tiểu đội nhỏ liền sơ tán ra bốn phía, làm cho kẻ địch đã bị thương không thể đánh trả trước khi người tấn công mình biến mất. “Triển khai thể trận giống như hồ nước” là khi tấn công, một hàng dài binh sĩ phía trước bắn tên xong, hàng binh sĩ phía sau sẽ thay thế, như từng đợt sóng thay nhau tấn công kẻ địch. “Tấn công giống như cái đục” là phân đội nhỏ người này nối tiếp người kia làm đội hình mới, tạo thành đội hình hình cái đục, phân đội mũi nhọn vượt qua tiền tuyến đồng thời thâm nhập sâu vào trong lòng địch, xé toang phòng ngự của quân địch.

Đây là kiểu dung hòa giữa biện pháp tác chiến cổ xưa và chiến thuật độc đáo của sách lược săn bắn, chú trọng nhiều hơn vào sự hợp tác mật thiết với nhau trong nội bộ quân đội và hoàn toàn phục tùng chỉ huy. Thiết Mộc Chân lần đầu tiên áp dụng đã thu được hiệu quả, người Nãi Man không chống nổi một kích sợ đến mức tranh nhau chạy trốn. Do chỉ có một con đường chạy trốn trên sườn núi dốc đứng, rất nhiều người Nãi Man vì đêm tối không nhìn rõ đường, đã liên tiếp rơi xuống hẻm núi. Thái Dương Hãn cũng bị bắt sống, con trai Cổ Xuất Lỗ Khắc chạy thoát. Sau đó lại trải qua mấy trận chiến nhỏ, bộ tộc Nãi Man đã bị Thiết Mộc Chân chinh phục triệt để. Ngay lập tức, Thiết Mộc Chân lại truy đuổi và tiêu diệt tàn quân Miệt Nhi Khất Dịch và đã tiêu diệt hết.



Doanh trại Thành Cát Tư Hãn. Hình ảnh từ thời kỳ Y Nhi Hãn Quốc của Mông Cổ, nhà sử học Ra Shid al-Din Hamadani (năm 1247 đến năm 1318) chủ biên «Sử tập». (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Cái chết của Trát Mộc Hợp

Rất nhiều thuộc hạ của Trát Mộc Hợp cùng với người Nãi Man ra đầu hàng Thiết Mộc Chân. Trát Mộc Hợp dẫn một số người chạy trốn đến nơi không có bóng người, dựa vào săn bắn để sinh sống. Một năm sau, thuộc hạ của ông ta vì tuyệt vọng và cam tâm chịu thua, bắt Trát Mộc Hợp trói lại giao cho Thiết Mộc Chân. Mặc dù hai bên có thù hận, nhưng Thiết Mộc Chân luôn đề cao sự trung thành lên trên hết, nên không thưởng cho thuộc hạ của Trát Mộc Hợp, mà giết hết bọn họ.

Đối với Trát Mộc Hợp, Thiết Mộc Chân niệm tình xưa, hy vọng vẫn cùng ông ta là huynh đệ như cũ, nương tựa lẫn nhau, nhưng Trát Mộc Hợp trong lòng cảm thấy xấu hổ, yêu cầu được chết. Ông nói: “Trong đời này, danh tiếng của ta và an đáp (huynh đệ kết nghĩa), từ chỗ mặt trời mọc đến chỗ mặt trời lặn, không ai không biết đến. An đáp có mẫu thân hiền minh, sinh ra huynh là hào kiệt, huynh có các sư đệ đều giỏi giang, bằng hữu của huynh đều là bậc anh hào, huynh có 73 chiến mã, vì thế ta bị an đáp đánh bại. Mà ta từ nhỏ đã mất đi song thân, lại không có huynh đệ, thê tử không khôn khéo, bằng hữu không có ai đáng tin cậy, bởi vậy thiên mệnh bại dưới tay huynh.” Ông ta cầu xin sau khi chết, đem thi thể chôn ở nơi cao, để bảo hộ lâu dài cho con cháu đời sau.

Thời đó, Sa Man giáo cho rằng phạm là khi chết mà bị chảy máu, linh hồn sẽ mãi mãi thống khổ, rất khó lên thiên quốc trường sinh. Thiết Mộc Chân hạ lệnh cho Trát Mộc Hợp được “không chảy máu khi chết, không để lộ thi hài xương cốt nơi hoang dã và được an táng

trọng thế”. Sau đó, Trát Mộc Hợp bị xử tử bằng cách cho vào túi chết ngạt.

Đến đây Thiết Mộc Chân đã hoàn toàn chinh phục các bộ lạc trên khắp cao nguyên Mông Cổ, thống nhất được thảo nguyên Mạc Bắc. Phong cách vương giả mà ông thể hiện sẽ khiến Âu Châu và thế giới chấn động trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

“Lịch sử bí mật của Mông Cổ”

“Nguyên sử”

“Thành Cát Tư Hãn và sự hình thành thế giới ngày nay”

“Lịch sử chiến tranh Trung Quốc” (Triều Nguyên) Xuất bản tại Đài Loan

Chương 6: Xây dựng đại Mông Cổ - Phong công thần - Mở rộng đội quân Khiếp Tiết

Sau khi thống nhất các bộ lạc Mông Cổ, Thiết Mộc Chân đã trở thành người thống trị trên thảo nguyên, ông kiểm soát từ sa mạc Gobi phía Nam đến hết dải đất lạnh giá Bắc cực, từ vùng rừng phía đông bắc đến dãy núi Altai rộng lớn phía tây, cùng hàng trăm nghìn nhân khẩu của các bộ lạc du mục khác nhau. Mặc dù Thiết Mộc Chân đã là chúa tể trên thảo nguyên, nhưng ông vẫn cần được sự chấp thuận của tất cả các bộ tộc, và việc triệu tập Hội nghị Hốt Lý Lặc Đài là điều buộc phải làm.

Danh hiệu tối cao “Thành Cát Tư Hãn”

Năm 1206, Thiết Mộc Chân trở về đầu nguồn sông Óát Nan (nay là sông Onen) gần Thánh sơn Bất Nhi Hãn, tổ chức hội nghị Hốt Lý Lặc Đài. Hội nghị lần này có thể nói là cuộc họp lớn và quan trọng nhất trong lịch sử Mông Cổ, không chỉ cử hành một nghi thức long trọng, mà còn có các hoạt động sôi nổi chúc mừng. Thiết Mộc Chân với “dáng người to cao, thân hình cường tráng, vàng trán rộng, đôi mắt sáng lóe lên sự lạnh lợi như mắt mèo” trở thành nhân vật gây chú ý nhất trong đại hội.

Theo ghi chép của tiểu sử gia người Pháp thế kỷ 17 Croix dựa trên các tài liệu lịch sử ngôn ngữ Ba Tư và ngôn ngữ Đột Quyết, các thuộc hạ của Thành Cát Tư Hãn đã “đặt ông lên một tấm thảm nỉ màu đen trải

trên mặt đất, người được lệnh công bố ‘Tiếng lòng của người dân’, hướng vào ông tuyên bố ‘Ý chí của người dân’, rồi nói: “Mọi quyền hành ban cho ngài đều đến từ thiên thượng. Nếu người dân dưới quyền cai quản của ngài sống sung túc và công bằng, Thượng đế sẽ phù hộ cho sự nghiệp của ngài thành công. Nếu như ngài lạm dụng quyền lực, ngài sẽ bị thất bại thảm hại”. Đó là tuyên cáo về việc Thành Cát Tư Hãn tiếp nhận sứ mệnh từ “Trường Sinh Thiên” [1].

Các thuộc hạ nâng cao tấm thảm Thành Cát Tư Hãn ngồi di chuyển lên trên đầu, đặt ông lên bảo tọa của ngôi vương, rồi bọ họ “quỳ và khấu đầu lạy chín lần trước mặt Hoàng Đế mới, biểu thị rằng bọ họ tuân thủ những lời thề mà họ đã hứa với Thành Cát Tư Hãn”. Trong buổi lễ không thể thiếu những vị pháp sư Shaman. Họ đánh trống, ca tụng linh hồn của thiên nhiên, vẩy sữa ngựa vào khắp không trung và mặt đất, còn người trong bộ lạc đứng thành đội ngũ chỉnh tề, đặt lòng bàn tay hướng lên trên, hướng về “Trường Sinh Thiên” để cầu khẩn, và cuối cùng kết thúc buổi cầu nguyện bằng hai tiếng tụng hô quen thuộc của người Mông Cổ “Hu Lei, Hu Lei, Hu Lei”.

Nghi thức trang trọng này đã công bố địa vị tôn quý của Thành Cát Tư Hãn. Tại hội nghị này, Thiết Mộc Chân đã chọn cái tên mới cho đế quốc Mông cổ là: Đại Mông Cổ Ngột Lỗ Tư, tức ‘nước Đại Mông Cổ’, còn ông được thượng tôn tôn hiệu “Thành Cát Tư Hãn”.

Trong “Hán văn sử tập” thời nhà Nguyên, nhà Minh cho đến thời đầu và giữa đời Thanh và trước những năm cuối nhà Thanh, không có ghi chép về danh hiệu cao quý “Thành Cát Tư Hãn”. “Nguyên sử-Thái Tổ bản

ký” có ghi chép rằng các Vương và quần thần tôn xưng ông với danh hiệu tôn quý là “Thành Cát Tư Hoàng Đế”. Học giả thời Nam Tống Bành Đại Nhã làm sứ thần đi sứ Mông Cổ để liên lạc đánh giáp công triều Kim, biên soạn cuốn “Hắc Thát Sự Lược” cũng ghi chép Thành Cát Tư Hoàng Đế (“Kỳ Chủ Sơ Thiết Hoàng Đế Hiệu Giả, tiểu danh viết Thiết Mộc Chân, Thiết hiệu viết Thành Cát Tư Hoàng Đế”). Nguyên đại Lý Chí Thường “Trường xuân Chân nhân Tây du ký – Quyển thượng” cũng ghi chép là “Chiếu viết Thành Cát Tư Hoàng Đế Sắc Chân Nhân Khâu Sư”. Năm 1998 phát hiện “Thẻ bài Thánh Chỉ Diêm Sơn” bằng bạc có mạ vàng của đời Nguyên, cũng có sách viết “Trời ban, Thành Cát Tư Hoàng Đế Thánh chỉ, tậ”. Rất rõ ràng, khả năng lớn nhất có thể là, cuối triều Thanh do trong tập sử phương Tây ghi lại là “Thành Cát Tư Hãn” đồng thời truyền vào Trung Quốc, mới dẫn đến việc sau này trong Hán văn sử tập xuất hiện sử dụng cả hai cách hoặc là chỉ dùng “Thành Cát Tư Hãn”.

Liên quan đến hàm nghĩa của “Thành Cát Tư Hãn”, có nhiều cách nói khác nhau, trong đó có một cách nói đến từ học giả người Pháp Percy, ông cho rằng ‘Thành Cát Tư’ là cách đọc vòm hóa (palatalization) của Úy Ngột Nhi ngữ của người Đột Quyết, ý nghĩa là biển, có ý nghĩa tương đồng với ‘biển’ của ngôn ngữ Mông Cổ, cho nên ‘Thành Cát Tư Hãn’ có nghĩa là ‘Đại Hải Hãn’, tức “Quân chủ của Đại Hải Nguyên”. Hơn nữa từ Thành Cát Tư Hãn trở xuống, Hoàng đế Mông Cổ thường có tôn hiệu “Đại Hải Hãn”.

Theo “Mông Cổ mật sử” đại bộ phận các học giả tiếng trung đều tán đồng với kiến giải của ông Percy.



Cảnh đăng cơ của Thành Cát Tư Hãn vào mùa xuân năm 1206, hình ảnh từ thời kỳ nước Y Nhi Hãn Mông Cổ do nhà sử học Rashid al-Din Hamadani (1247-1318) chủ biên "Tập sử". (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Hơn nữa, từ tôn hiệu này chúng ta không khó để nhận ra, người Mông Cổ rất sùng bái vị anh hùng này.

Thiết Mộc Chân trong Đại hội Hốt Lý Lặc Đài được bầu chọn là Đại Hãn, cũng đánh dấu việc, về mặt hình thức pháp luật nhà nước, chế độ tuyển chọn Hãn ở Đại hội Hốt Lý Lặc Đài đã được xác lập, nó trở thành nội dung chủ yếu của “Đại Trát Tát”, bộ sách luật của Thành Cát Tư Hãn, và được ghi vào “thanh sách”, đồng thời ban bố đến khắp lãnh thổ Mông Cổ và các Hãn quốc. Từ đó, Đế quốc Mông Cổ chính thức quy định trên pháp luật là việc tiến cử Đại Hãn nhất thiết phải thông qua Hội nghị Hốt Lý Lặc Đài. Khi Hốt Tất Liệt khai sáng ra triều Nguyên cũng tiếp tục dùng quy định này, phàm là thay đổi Đế vị, cũng phải cử hành nghi thức Hốt Lý Lặc Đài, chỉ có điều trong “Nguyên sử” nó bị đổi thành “Đại Triều Hội”.

Không nghi ngờ, sự kiến lập của nước Đại Mông Cổ đã đánh dấu việc Thành Cát Tư Hãn có đủ lực lượng để kháng lại nước Kim và các lực lượng khác, mà lực lượng này trong tương lai sẽ làm chấn động cả thế giới.

“Thôi Bối Đồ” của Nhà Đường, quẻ tượng thứ 25 đã dự ngôn về việc kiến lập triều Nguyên và khí số của cả triều Nguyên. Trong hình có vẽ chiếc rìu sắt, phần cán có 10 đốt, giải thích sơ lược là: đầu rìu (Thiết), cán rìu (Mộc), ám chỉ Nguyên Thái Tổ gọi là Thiết Mộc Chân; cán rìu có 10 đốt, ý nghĩa là tiếp theo triều Nguyên sẽ có 10 vị Hoàng đế. Một bức tranh đơn giản đã khắc họa được xu thế của một triều đại một cách rõ nét.

Phong thưởng công thần

Sau khi được tôn là Thành Cát Tư Hãn, Thiết Mộc Chân hoàn toàn không quên các công thần đã đi theo mình thống nhất sa mạc rộng lớn, ông hạ chỉ rằng: “Người có công cùng tạo dựng đất nước, khi lập ra các tổ thiên hộ, thì được phong là Thiên hộ trưởng”, ở đây có gần 100 người bao gồm Tốc Bất Đài, Triết Biệt, v.v. Với giọng nói hùng hồn, ông liệt kê từng chiến công hiển hách mà bọn họ đã lập nên trong thời gian kiến lập đất nước Mông Cổ, có những chuyện mà ngay cả người được phong cũng đã quên mất, mà Thành Cát Tư Hãn lại rành rọt kể lại, khiến các tướng sĩ vô cùng xúc động.

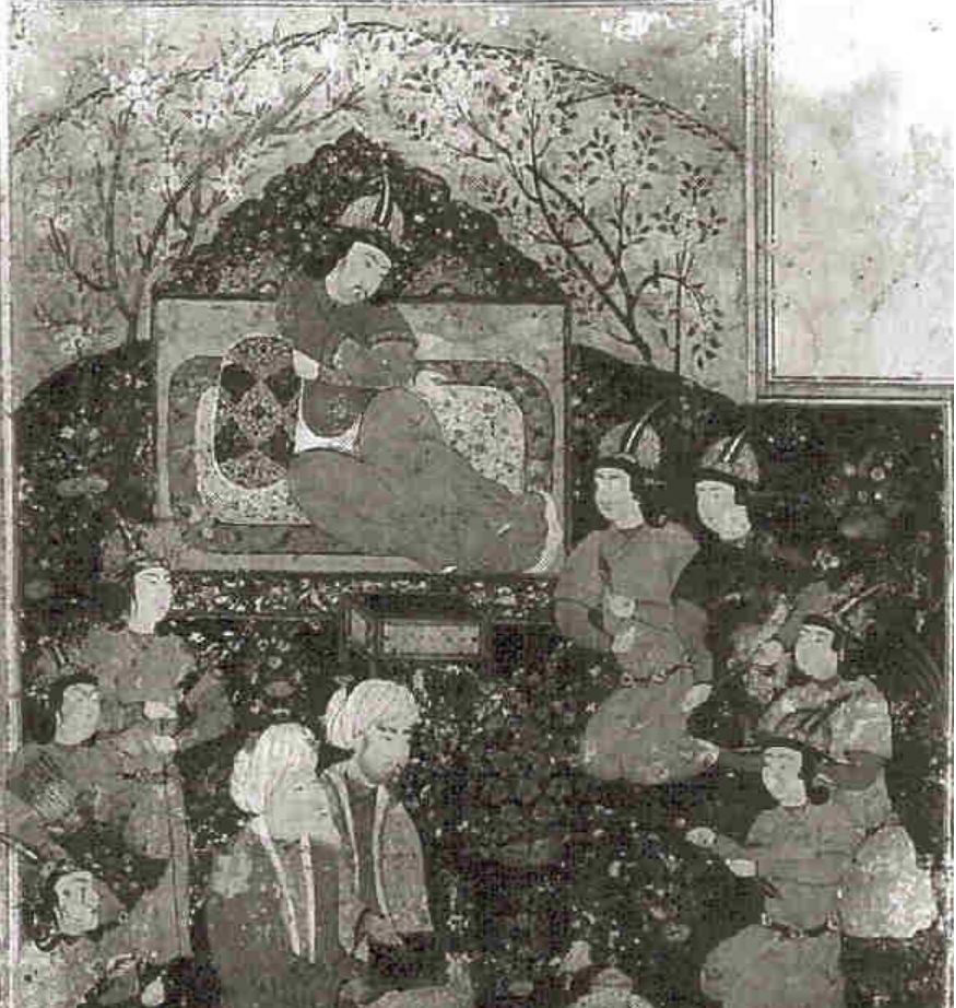
Ông nói với Sát Lạt Hợp, phụ thân của Mông Lự Khắc: Ông đã cùng sống và trưởng thành cùng chúng ta, ông thật phúc đức và đem lại may mắn, công lao và ân huệ của ông đối với Trẫm là rất nhiều. Ví dụ trong đó có một sự việc: “Khi hai người Vương Hãn và Tang Côn an đáp dùng quý kế lừa Trẫm, giữa đường nghỉ ở nhà phụ thân của Mông Lự Khắc, nếu như không phải ông – phụ thân của Mông Lự Khắc khuyên can, thì Trẫm đã rơi vào vòng nước xoáy hoặc rơi vào chảo lửa rồi. Trẫm cảm ơn sâu sắc ân đức của người, cho đến đời đời con cháu của Trẫm, mãi mãi không bao giờ quên! Trẫm ghi nhớ công đức của người, đặc biệt sắp đặt chỗ ngồi ở bên cạnh, xin mời người ngồi. Xin mời người mỗi năm, mỗi tháng đều có thể đến tham dự hội nghị. Trẫm sẽ cấp bổng lộc cho người, cho đến đời đời con cháu của người, vĩnh viễn được hưởng”.

Trong ý chỉ cho Bác Nhĩ Thuật, ông kể tỉ mỉ việc Bác Nhĩ Thuật đã giúp đỡ ông: “Cương vị của khanh ở trên mọi người, chín lần bị tội đều được miễn phạt, cho khanh, Bác Nhĩ Thuật đứng ra quản lý cánh phải vạn hộ ở A Lạc Đài Sơn”. Ông hạ chỉ cho Mộc Hoa Lê “quản lý vạn hộ cánh tả ở Hợp Lạc Ôn Chích Đôn Sơn”. Cho Khoát Nhi Xích, Nạp Nha A đều sở hữu vạn hộ, cho Hốt Tất Lai quản lý công việc quân đội, chấp thuận cho Giả Lạc Miệt, Bác Nhĩ Hốt “chín lần phạm tội đều được miễn phạt”, còn lần đầu tiên nói rằng: “Hốt Tất Lai, Giả Lạc Miệt, Tốc Bất Đài, Triết Biệt mỗi lần tác chiến đều xung phong hãm trận, lao ra phía trước, là ‘Tứ mãnh’ của Trẫm. Khi Trẫm lệnh các người đến nơi Trẫm muốn đến thì đến đó các người nghiền nát được cả những tảng đá cứng rắn, chọc thủng được những sườn núi, đập vỡ những tảng đá rực sáng, đoạn đứt được dòng nước sâu”.

Đối với con cháu những người tử trận, Thành Cát Tư Hãn chưa từng quên lãng họ, dựa vào công lao của cha ông họ mà phong thưởng.

Những ý chỉ tương tự như vậy còn có khá nhiều. Cùng với việc ban thưởng cho các công thần có công, Thành Cát Tư Hãn cũng ban thưởng cho các thành viên gia tộc của mình nhưng tương đối ít. Mẹ của ông Phu nhân Hạ Ngạch Luân Thái hậu của Đế quốc Mông Cổ, đệ đệ bé nhất và hai con trai nhỏ Oa Khoát Đài và Đà Lô, mỗi người chỉ được phân năm ngàn người. Con trai trưởng Thuật Xích, con trai thứ Sát Hợp Đài mỗi người chỉ nhận được lần lượt là chín ngàn và tám ngàn người. Ngoài ra, Thành Cát Tư Hãn còn bổ nhiệm người mà mình tín nhiệm nhất phụ trợ các thành viên trong

gia đình, như chăm lo quản lý Hạ Ngạch Luân, em nhỏ Thiết Mộc Cách và Sát Hợp Đài, để tránh xảy ra bất trắc.



Thành Cát Tư Hãn phân đất đai cho bốn người con trai. Tranh minh họa, từ thế kỷ 16 của Ta'rikh-i guzida-i Nusratnama, thư viện nước Anh. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Bổ nhiệm Đại Đoạn Sự Quan

Trong khi phong thưởng công thần, lục đệ của Thành Cát Tư Hãn, Thất Cát Hốt Đột Hốt, đưa trẻ người TaTar bị vớt bỏ được Hạ Ngạch Luân nuôi dưỡng, là người đầu tiên đứng lên xin được phong. Thành Cát Tư Hãn không chỉ đồng ý cho cậu ta “chín lần phạm tội không bị phạt”, mà còn bổ nhiệm cậu ta là người đầu tiên đảm nhận chức Đại Đoạn Sự Quan, trách nhiệm chủ yếu của Đại Đoạn Sự Quan gồm hai nhiệm vụ, thứ nhất là thẩm đoán hình ngục, tố tụng, quản lý quyền về tư pháp; thứ hai là quản lý việc phân phối các hộ dân. “Tất cả các chi tiết xử án, đều phải ghi vào thanh sách, lưu truyền đời đời, bất kỳ người nào cũng không được sửa đổi”. Màu sắc của sách xanh chính là màu sắc thần thánh của Trường Sinh Thiên mà Thành Cát Tư Hãn tôn sùng. Ngoài ra, Thành Cát Tư Hãn còn hạ lệnh, khi Thất Cát Hốt Đột Hốt thẩm xét các vụ án, đội túc vệ của quân Khiếp Tiết tham gia nghe phán xét, để có tác dụng giám sát đôn đốc.

Đoạn Sự Quan tối cao của nước Đại Mông Cổ, được coi là chức quan hành chính tối cao, quyền lực rất lớn, có thể so sánh với chức Tế tướng ở Trung Nguyên. Dưới nó, lại thiết lập Đoạn Sự Quan ở địa phương, quản lý bách tính trong khu vực của mình.

Sau khi có quyền hành lớn như vậy, Thất Cát Hốt Đột Hốt xây dựng chương mục, xác lập quy chế, thưởng phạt phân minh, vô luận là địa vị cao hay thấp, đều không nhẹ tay, hơn nữa tuân theo nguyên tắc thực sự cầu thị, xử án công chính. Ông còn lặp đi lặp lại nhiều lần khuyên bảo phạm nhân phải nói lời chân thật,

không phải vì sợ hãi mà khai nói lung tung. Thất Cát Hốt Đột Hốt là người thành thật trung hậu liêm khiết, làm việc cẩn thận tỉ mỉ, phương thức xử án của ông đã đặt định vững cơ sở cho Đoạn Sự Quan của Mông Cổ xử án sau này.

Mở rộng đội quân Khiếp Tiết

Trong quá trình thống nhất Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của đội quân Khiếp Tiết, ‘Muốn chế phục cường địch, chỉ có dùng vũ lực; vì binh lực ít, nên chỉ có cách là phát triển tinh binh, nâng cao sức chiến đấu.’ Do đó Thành Cát Tư Hãn giáng chỉ mở rộng đội quân Khiếp Tiết, đưa nó trở thành đội quân ở trong quân đội Mông Cổ. Khiếp Tiết quân là tiếng Mông Cổ có ý nghĩa “Phiên trực túc vệ”, Hán văn đa số dịch là “túc vệ”, có ý là luân phiên túc trực bảo vệ.

Trước đây phụ trách canh gác bảo vệ ban đêm chỉ có 80 người, phụ trách bảo vệ ban ngày luân phiên chỉ có 70 người, hiện nay phải mở rộng lên đến một vạn người, bao gồm một ngàn quân túc vệ, một ngàn tay cung tiễn, tám ngàn lính đơn lẻ. Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh muốn “Từ trong số con trai của vạn hộ trưởng, thiên hộ trưởng, bách hộ trưởng cùng con trai của người xuất thân trắng (dân tự do), chọn lựa người có võ nghệ, người có thân thể, dáng vẻ khỏe mạnh, người có thể đến chỗ trẫm làm việc hiệu quả, đều có thể tiến vào đội hộ vệ luân phiên. Khi con trai của thiên hộ trưởng được tuyển, có thể mang mười tùy tùng và một người em trai đi cùng. Khi con trai của bách hộ trưởng

được tuyển, có thể mang năm tùy tùng và một người em trai đi cùng, Người phù hợp điều kiện kể trên nếu tự nguyện gia nhập đội quân Khiếp Tiết, bất kỳ ai cũng không được ngăn cản.”

Sau khi tuyển chọn đề bạt xong vạn người, Thành Cát Tư Hãn lại hạ chỉ: “Trẫm lấy một vạn người luân phiên bảo vệ ở bên cạnh Trẫm, làm quân trung tâm của Trẫm!” Trong đó tám ngàn người bảo hộ Đại Hãn vào ban ngày, hai ngàn người bảo hộ ban đêm. Ông còn quy định chế độ luân phiên trực của quân Khiếp Tiết, tiêu chuẩn trách phạt và tất cả chức trách đảm nhận. Ví dụ như Khiếp Tiết phân thành bốn ca, mỗi ca thì ba ngày đổi một lần, bốn Khiếp Tiết trưởng là do “Mông Cổ tứ kiệt” Bác Nhĩ Hốt, Bác Nhĩ Thuật, Mộc Hoa Lê và Xích Lão Ôn đảm nhiệm. Công việc gồm bảo vệ Đại Hãn, chăm lo các công việc trong cung, quản lý hầu nữ, các quan trong cung, quản lý lều trướng xe cộ trong cung, kiểm soát việc ăn uống trong cung, kiểm soát công việc ra vào cung trướng v.v. Đồng thời xác nhận rõ ràng rằng vị trí của người hộ vệ cao hơn chức Thiên hộ trưởng ở bên ngoài.

Dựa theo các quy định, “Túc vệ thần thánh bất khả xâm phạm, bất kể người nào cũng không được ngồi vào vị trí của túc vệ, không được bước qua túc vệ, không được dựa vào người túc vệ, nếu không sẽ cho bắt giữ”. “Ban đêm chưa được túc vệ cho phép, không được đi lại tại khu vực cấm gần đại trướng của Đại Hãn và tiến nhập vào khu cấm của đại trướng; người vi phạm, túc vệ có thể đem giam giữ, đợi ngày kế tiếp thẩm vấn. Có việc gấp cần bẩm báo, trước tiên phải được túc vệ cho phép và phải cùng túc vệ tiến vào đại trướng”.

Quan tổng chỉ huy đội quân Khiếp Tiết, do tướng quân Nạp Nha A thống lĩnh. Không có mệnh lệnh của Thành Cát Tư Hãn, bất kỳ ai cũng đều không được điều động quân Khiếp Tiết, bao gồm cả việc điều động tướng quân Nạp Nha A, ai tự tiện điều động, sẽ phải chịu trừng phạt nghiêm khắc. Vào thời chiến, quân Khiếp Tiết trực tiếp tiếp nhận hiệu lệnh từ Khả Hãn, theo Đại Hãn thân chinh.

Vì để cho con cháu đời sau coi trọng đội quân Khiếp Tiết, Thành Cát Tư Hãn còn xác lập cho nó một địa vị không thể lay chuyển, “Đối với một vạn binh lính hộ vệ luân phiên sát thân của Trẫm tuyển chọn từ trong 95 nhóm thiên hộ, thì con cháu kế vị của Trẫm phải đời đời tưởng nhớ đến họ, giống như nhớ đến báu vật mà Trẫm để lại, không được để họ phải chịu bất kỳ ủy khuất nào, phải hậu đãi họ, coi một vạn người hộ vệ luân phiên của Trẫm như Thần hộ vệ!”

Kỹ năng nổi tiếng nhất của đội quân Khiếp Tiết chính là đang phi ngựa vẫn có thể bắn cung, xoay 180 độ cũng có thể lập tức nhắm trúng, tấn công kẻ địch. Bọn họ thường dùng kiểu trận hình bán nguyệt để đột kích kẻ địch, tiến hành bao vây từ hai phía, khi loại chiến thuật kiểu này chưa có hiệu quả ngay lập tức, bọn họ liền nhanh chóng rút lui, dụ cho kẻ địch đuổi theo. Bằng cách này Thành Cát Tư Hãn đã đào tạo ra đội quân tinh nhuệ của Mông Cổ, đóng vai trò quan trọng khi Thành Cát Tư Hãn cùng những người thừa kế của ông chinh phục thế giới trong tương lai. Thông qua đội quân bất khả chiến bại này, Thành Cát Tư Hãn cùng những người kế thừa đã khiến cả thế giới phải chấn động.



Tượng binh sĩ Mông Cổ. (Ảnh: Shutterstock)

Ngoại trừ đội quân Khiếp Tiết, Thành Cát Tư Hãn còn có đội quân cánh tả cùng đội quân cánh hữu, sức chiến đấu của họ cũng giống như đội quân Khiếp Tiết, không thể khinh thường.

Vương quyền vững chắc

Sau khi xây dựng nhà nước Đại Mông Cổ không lâu, Thầy cúng giáo phái Shaman Khoát Khoát Xuất có mưu đồ lợi dụng sức ảnh hưởng của tôn giáo, cạnh tranh với vương quyền của Thành Cát Tư Hãn. Khoát Khoát Xuất bản thân là người con thứ tư trong bảy người con của Mông Lặc Khắc được Thành Cát Tư Hãn coi như phụ thân, chính ông ta trong Hội nghị Hốt Lý Lặc Đài cử hành vào năm 1206, thay mặt cho Thượng Thiên ban

cho Thiết Mộc Chân danh hiệu “Thành Cát Tư Hãn”. Cũng vì thế, ông được Thành Cát Tư Hãn tín nhiệm, nhưng sau này ông lại trở thành người tự cho mình là đúng, ngang tàng hống hách.

Khoát Khoát Xuất cùng với bảy huynh đệ của mình kết thành một đảng, lợi dụng sự ảnh hưởng to lớn của giáo phái Shaman đối với người Mông Cổ, lôi kéo bách tính của các bộ lạc về phía mình, ý đồ muốn quyền lực của tôn giáo cùng song song tồn tại với quyền lực của Khả Hãn, muốn cùng Thành Cát Tư Hãn phân chia quyền lực. Bọn họ ngang ngược càn rỡ, ngay cả người em trai của Thành Cát Tư Hãn là Cáp Tát Nhi cũng bị bọn họ vô cớ ấu đả. Khoát Khoát Xuất tìm cơ hội chia rẽ quan hệ giữa Thành Cát Tư Hãn và Cáp Tát Nhi, Thành Cát Tư Hãn cũng có một lần tin theo lời đồn. Sau có mẫu thân và Bột Nhi Thiếp nhắc nhở, Thành Cát Tư Hãn đã nhìn rõ mục đích thực sự của Khoát Khoát Xuất, ông quả quyết trừ bỏ Khoát Khoát Xuất, lệnh cho Mông Lược Khắc ước thúc những người con khác của mình, buộc họ phải cẩn thận giữ gìn hành vi. Thành Cát Tư Hãn vì vậy mà giữ vững được vương quyền.

[1] *Trường Sinh Thiên: Vị thần tối cao của người Mông Cổ, tiếng Mông Cổ là Mongke Tangri*

Tài liệu tham khảo:

“Mông Cổ mật sử”

“Nguyên sử”

“Thành Cát Tư Hãn và sự hình thành thế giới ngày nay”

“Lịch sử chiến tranh các thời đại Trung Quốc” (Nguyễn Triều) Đài Loan xuất bản

“Thành Cát Tư Hãn pháp điển”

Chương 7: Ban bố Đại Trát Tát - Tín ngưỡng Trường Sinh Thiên nhập pháp điển

Tại Hội nghị Hốt Lý Lạc Đài vào năm 1206, Thành Cát Tư Hãn ban bố pháp luật căn bản của nước Đại Mông Cổ, cũng là Đại Pháp lệnh “Đại Trát Tát”. “Đại Pháp lệnh” còn được gọi là “Thành Cát Tư Hãn pháp điển”. Cho dù là Hoàng Đế, quý tộc, hay quan, quân, dân đều phải thống nhất tuân theo. Bộ pháp điển này được coi là bộ pháp điển bằng văn tự đầu tiên trên thế giới được ứng dụng rộng rãi nhất, cũng được coi là văn kiện có tính hiến pháp sớm nhất trên thế giới.

Trong ngôn ngữ Mông Cổ, “Trát Tát” có nghĩa là quân lệnh, pháp lệnh. Thông thường trước mỗi trận chiến, tướng lĩnh Mông Cổ đều hiệu lệnh cho binh sĩ một số mệnh lệnh, trong đó có một số quân lệnh và pháp lệnh bắt buộc phải tuân thủ, những lệnh này áp dụng với tất cả mọi người. Từ đó người Mông Cổ dần dần đem một số quân lệnh và pháp lệnh này đưa lên thành chế độ tương ứng, yêu cầu mọi người tuân theo.

Ví như năm 1202, trước khi diễn ra chiến dịch Thành Cát Tư Hãn dẫn quân tấn công người TaTar, ông đã từng ban bố quân lệnh như sau: “Khi chiến thắng quân địch, không được tham lam của cải. Chiến thắng kẻ địch, toàn bộ của cải đó đều thuộc về chúng ta, chúng ta sẽ cùng nhau phân chia. Nếu như bị kẻ địch tấn công phải rút lui, lui đến chỗ trận địa ban đầu xuất phát thì



Tượng Thành Cát Tư Hãn. (Ảnh: Shutterstock)

phải phản công; người lui đến chỗ trận địa ban đầu xuất phát mà không phản công, sẽ xử tử!" Mục đích chính của quân lệnh là các thuộc hạ sau khi giành được thắng lợi sẽ phân phối chiến lợi phẩm, không phải vì cướp đoạt chiến lợi phẩm mà để cho kẻ thua trận có cơ hội chạy trốn, dẫn đến việc bọn họ có thể tập hợp phản kích lại.

Ví như năm 1204, Thành Cát Tư Hãn ban bố Trát Tát lệnh liên quan đến việc biên chế tổ chức Thiên hộ, Bách hộ, Thập hộ, cắt cử quan quân sự, tổ chức quân Khiếp Tiết.

Hai quân lệnh nêu trên đều được thu thập trong “Đại Trát Tát”. Từ khi còn rất sớm, Thành Cát Tư Hãn có lẽ đã nhìn thấy con đường thống nhất Mông Cổ, cho

nên ông bắt đầu chính thức suy nghĩ đến pháp điển và chế độ của quốc gia.

Tháp Tháp Thống A sáng tạo ra chữ viết Mông Cổ - Biên soạn “Đại Trát Tát”

Trên thực tế, vào thời kỳ đầu người Mông Cổ hoàn toàn không có chữ viết của mình, vì thế Trát Tát lệnh không có ghi chép rõ ràng, mà dựa vào phương thức truyền miệng và ghi nhớ để truyền đạt. Mãi cho đến năm 1204 khi Thành Cát Tư Hãn tấn công bộ lạc Nãi Man, quan giữ ấn của bộ tộc Nãi Man là Tháp Tháp Thống A người Úy Ngột Nhi bị bắt làm tù binh sáng tạo ra chữ viết, mới có sự thay đổi.

Căn cứ vào ghi chép trong “Nguyên sử”, Tháp Tháp Thống A bụng đầy kinh sách, thông minh cơ trí, ăn nói khéo léo, tinh thông văn tự Hồi Hột của nước Nãi Man, được triều đình Nãi Man trọng dụng. Ông không chỉ được Thái Dương Hãn tôn là quốc sư, mà còn là đại thần giữ kim ấn của triều đình Thái Dương Hãn, đồng thời quản lý tiền tài và lương thảo.

Khi Thành Cát Tư Hãn tiến đánh bộ tộc Nãi Man, Thái Dương Hãn bị thương mà chết, quý tộc và đại thần Nãi Man chạy trốn khắp nơi. Tháp Tháp Thống A cũng ôm giữ ấn vàng của nước Nãi Man chạy trốn, bị người Mông Cổ bắt sống. Ông bị đưa đến trước trướng của Thành Cát Tư Hãn, Thành Cát Tư Hãn vốn đã từng nghe nói về tài năng của ông ta, quyết định đích thân thẩm vấn ông.

Thành Cát Tư Hãn hỏi: “Đất đai và bách tính của Nãi Man đều đã thuộc về ta, ông ôm ấn vàng chạy trốn thì

có tác dụng gì?” Tháp Tháp Thống A đáp, “Đây là chức trách của ta, ta không tiếc cái chết để hoàn thành chức trách này, sao có thể dám có cách nghĩ khác được!”

Sau khi nghe xong, Thành Cát Tư Hãn cảm thán Tháp Tháp Thống A là một quân thần trung trinh, ông tiếp tục hỏi về tác dụng của kim ấn, Tháp Tháp Thống A nói: “Những giấy tờ quan trọng về quốc khố như xuất nhập tiền tài và lương thực, việc triều đình Hãn bỏ nhiệm nhân sự ... đều phải dùng kim ấn làm ấn giám, để làm bằng tín.” Thành Cát Tư Hãn rất tán thành.

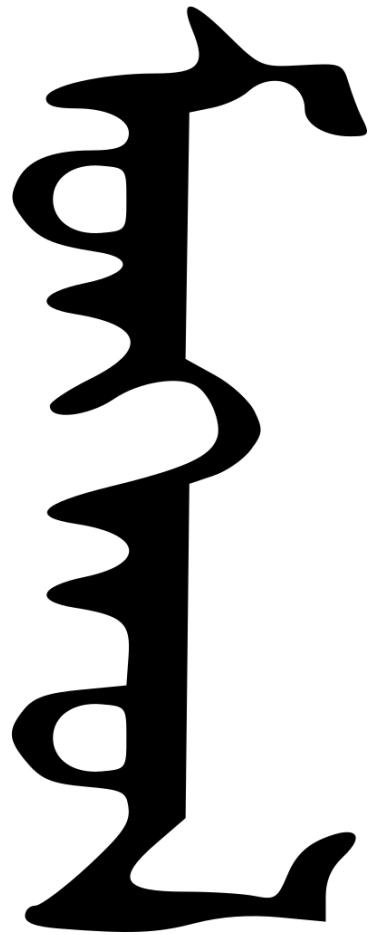
Từ đó về sau, nước Đại Mông Cổ cũng bắt đầu sử dụng con dấu, dùng đại ấn triều Hãn để xử lý các sự việc trọng đại. Thành Cát Tư Hãn còn bổ nhiệm Tháp Tháp Thống A làm ngự tiền đại thần, quản giữ đại ấn Đại Hãn Mông Cổ. Vì khí phách của Thành Cát Tư Hãn cùng lòng cảm phục mà Tháp Tháp Thống A từ đó trở thành tả hữu đi theo Thành Cát Tư Hãn, thành tâm cống hiến sức lực của mình.

Thành Cát Tư Hãn còn cho Tháp Tháp Thống A – người biết rõ văn tự Uy Ngột Nhi (còn gọi là “Cao Xương Hồi Hột”) truyền dạy cho các Vương tử chữ viết Hồi Hột, lấy “chữ Uy Ngột Nhi ghi lại ngôn ngữ Mông Cổ”, cũng lệnh cho ông lấy chữ cái Hồi Hột sáng tạo ra chữ viết Mông Cổ kiểu Hồi Hột. Loại văn tự này viết từ phải qua trái, từ trên xuống dưới. Trong “Mông Thát bị lục”, Mạnh Củng thời Nam Tống đã gọi văn tự này tựa như “Trung Hoa địch phổ tự dã”. Miêu tả của một vị người Tống khác là Bành Đại Nhã trong tác phẩm “Hắc Thát sự lược” càng thêm thú vị: “Kỳ sự thư chi dĩ mộc trượng, như kinh xà khúc dẫn, như thiên thư phù triện, như khúc phổ ngũ phàm công xích...”

Thành Cát Tư Hãn còn lệnh cho Tháp Tháp Thống A đem một loạt Trát Tát lệnh được ban bố trước và sau khi xây dựng nước Đại Mông Cổ quốc, lựa chọn biên soạn thành văn, đóng làm sách xanh (sách bằng thanh tre), cất trong rương vàng, tức “Đại Trát Tát”.

Thành Cát Tư Hãn quy định, mỗi khi có tình huống như Đại Hãn mới lên kế vị, các Vương tập họp bàn bạc đại sự và quân đội điều động, ... đều phải tụ tập đông người đọc “Đại Trát Tát”, dựa vào đó chấp hành. Nghi thức này đã được bảo lưu rất tốt.

Dùng chữ cái Mông Cổ viết từ “Mông Cổ”. (Ảnh: Phạm vi công cộng)



Nội dung chủ yếu của “Đại Trát Tát”

Thời cuối nhà Nguyên đầu nhà Minh, Đại Trát Tát bị hủy trong chiến loạn, thất truyền hơn 600 năm, nội dung của nó bị tản mác ở trong rất nhiều tư liệu lịch sử. Các tư liệu lịch sử, văn hiến không những nhiều, phức tạp mà còn liên quan đến tám loại chữ viết như tiếng Anh, chữ Mông Cổ kiểu cổ, chữ Mông Cổ hiện đại, và

chữ Hán v.v. Việc khôi phục nội dung quay trở lại như cũ là công việc rất khó khăn.

Năm 2007, sau khi trải qua 14 tháng nghiên cứu, Viện Nghiên cứu Luật Cổ điển và Xã hội học Nội Mông Cổ đã hoàn chỉnh được nội dung chủ yếu của “Đại Trát Tát”, trong đó đề cập đến rất nhiều phương diện như chế độ nhà nước, chế độ quản lý xã hội, chế độ lao dịch thuế khóa, chế độ trạm dịch, pháp luật quân sự, pháp luật về hành vi, pháp luật tố tụng...

Điều thứ nhất của “Đại Trát Tát” chính là “Thần ban cho Thành Cát Tư Hãn Đại Trát Tát (pháp lệnh) là không thể nghi ngờ”, một lần nữa minh xác rằng quyền lực của Thành Cát Tư Hãn đến từ Thượng Thiên. Điều thứ hai yêu cầu tất cả người Mông Cổ phải tuân theo Đại Trát Tát, “Như vậy Trường Sinh Thiên sẽ phù hộ chúng ta hoàn thành đại nghiệp”, “Đại Trát Tát không thể cải biến, nhất định phải ngàn năm, vạn năm, đời đời tuân thủ”.

Từ điều thứ 3 đến điều thứ 8, “Đại Trát Tát” xác lập chế độ Hốt Lý Lặc Đài (đại hội), tức Đại Hãn nhất định phải được đề cử tại đại hội, bất kỳ thành viên gia đình nào chưa qua đề cử mà cướp ngôi Hãn vị, đều bị xử tử hình. Ngoài ra, yêu cầu các nhi tử của nước Đại Mông Cổ quốc phải học chữ viết Úy Ngột Nhi; người nam tròn 15 tuổi có nghĩa vụ lao dịch trong quân đội; mỗi người bất luận giàu nghèo hay sang hèn đều bình đẳng tham gia lao động; mỗi người đều có tự do tín ngưỡng, tôn trọng bình đẳng với tất cả các tôn giáo, tôn giáo nào cũng không được hưởng đặc quyền.

Điều thứ 9 và điều thứ 10, quy định các tổ chức xã hội thực hành chế độ thập tiến, tức là phân ra Thập hộ,

Bách hộ, Thiên hộ và Vạn hộ. Thành lập chế độ hộ tịch, tức mỗi người đều thuộc về sự quản lý của Thập hộ, Bách hộ, Thiên hộ, không được tùy ý di chuyển, đồng thời tham gia lao dịch.

Điều thứ 11 đến điều thứ 13, đề cập đến điều khoản trong chế độ lao dịch và thuế. Để ủng hộ tôn giáo, “Các giáo chủ tôn phái, giáo sĩ được miễn nộp thuế, miễn lao dịch trong quân đội và trong các dịch quán”, “Người dân nghèo, y sư và người có học vấn được miễn nộp thuế”.

Điều thứ 14 đến điều thứ 17, nói về chế độ dịch trạm, chỉ rõ chức trách dịch trạm bao gồm thu thập tình báo, truyền lại tin tức, bảo hộ thông thương, bảo hộ thông hành của quan lại và sứ giả. Dựa vào hệ thống thừa dịch tốc độ nhanh được mệnh danh là “Phi tiễn tin tức”, Thành Cát Tư Hãn không chỉ khiến tin tức nhanh chóng truyền đi các nơi, mà có thể khiến cho người ta nhận kịp thời mệnh lệnh. Người ta nói rằng Mông Cổ có hệ thống trạm dịch kéo dài qua toàn bộ các khu hạt của Đế quốc Đại Mông Cổ, từ dãy núi A Nhĩ Thái Sơn (Altai) ở phía tây đến khu vực phía đông rồi xuyên qua Trường Thành đến khu vực lối vào Trung Nguyên. Điều này khá quan trọng đối với việc Thành Cát Tư Hãn chinh chiến bốn phương.

Trong các điều khoản đề cập đến phương diện quân sự, điều thứ 18 đến điều thứ 21 nói đến săn bắn, “Nước Đại Mông Cổ xây dựng chế độ huấn luyện quân sự lấy săn bắn làm trọng”, trong đó có nội dung “Sau khi săn bắn kết thúc, phải phóng sinh các con vật bị thương, con vật còn nhỏ và các con cái”.

Từ điều 22 đến điều 34, đề cập đến công việc liên quan đến chiến tranh như tuyên chiến, tổ chức quân

đội, chức trách của tướng lĩnh, giao chiến, phân phối tài vật, bảo hộ người tử trận, v.v. Điều thứ 35 đến điều thứ 41 nói về chế độ Khiếp Tiết.

Có 18 điều khoản của luật pháp đề cập đến hành vi của người Mông Cổ, như “Dân chúng đối đãi người trong nước phải ôn thuận”, “Những lời nói được ba vị hiền nhân trở lên đồng ý sẽ là lời nói đáng tin cậy”, “Khen thưởng người ít uống rượu, trọng dụng người không uống rượu”, “Giết người sẽ bị xử tử hình”, “Người nam cùng người nữ công khai thông gian hoặc thông gian bị bắt tại chỗ, người thông gian bị xử tử hình”, “Lấy bùa môn tà đạo làm tổn thương người khác, xử tử hình”, “Nói dối xử tử hình”, “Trộm cắp tài sản quan trọng của người khác, xử tử hình”, “Bảo hộ thảo nguyên, bảo hộ ngựa, bảo hộ nguồn nước” v.v. Có thể thấy rõ ràng rằng, người Mông Cổ coi việc tùy ý giết người, thông gian, nói dối là tội nghiêm trọng, và xử những người phạm vào tội này với hình phạt rất nặng.

“Đại Trát Tát” còn đề cập rằng nếu như thành viên gia tộc hoàng kim Mông Cổ vi phạm pháp lệnh, cũng sẽ bị xử phạt. Phương thức xử phạt có giáo huấn bằng lời nói, lưu đày, giam vào ngục và thông qua hội nghị gia tộc đưa ra quyết định xử lý. Gia tộc hoàng kim là chỉ gia tộc Thành Cát Tư Hãn. Việc chấp hành pháp luật và gánh vác trách nhiệm bắt đầu từ tầng cao nhất, từ Đại Hãn và các thành viên gia tộc.

Từ nội dung của “Đại Trát Tát” không khó để nhận ra, trong Đế quốc Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn đề xướng tự do bình đẳng, tự do tín ngưỡng, yêu cầu mỗi người dân trên đất Mông Cổ yêu thương kính trọng lẫn nhau, không thông gian, không trộm cướp, không tạo chứng



Thảo nguyên Mông Cổ. (Ảnh: Shutterstock)

cứ giả, không bỏ chủ và mưu phản, tôn trọng người nghèo khổ, tôn trọng thầy thuốc, người có học vấn và giáo sĩ v.v. Không nghi ngờ gì, pháp điển ẩn chứa nội hàm chế độ dân chủ, nó được coi là chế độ cộng hòa chính thể của quý tộc Mông Cổ.

Tôn sùng “Trường Sinh Thiên” là tín ngưỡng duy nhất của Thành Cát Tư Hãn

Điều thứ nhất của “Đại Trát Tát” là “Thần ban cho Thành Cát Tư Hãn Đại Trát Tát (pháp lệnh) là không thể nghi ngờ”, một lần nữa minh xác quyền lực của Thành Cát Tư Hãn đến từ Thượng Thiên. Điều thứ hai yêu cầu tất cả người Mông Cổ nhất định phải tuân theo

Đại Trát Tát, “Nhu vậy Trường Sinh Thiên sẽ phù hộ chúng ta hoàn thành đại nghiệp”. Có thể nói, tôn sùng “Trường Sinh Thiên” là tín ngưỡng cả đời của Thành Cát Tư Hãn.

Trong “Mông Cổ mật sử”, từ “Trường Sinh Thiên” cùng với “Thượng Thiên” hoặc “Thiên” thường xuyên xuất hiện, trong đó từ “Trường Sinh Thiên” tổng cộng xuất hiện 14 lần. Lần đầu tiên xuất hiện ở tiết thứ 172, khi Thành Cát Tư Hãn mắc bẫy Vương Hãn của Khắc Liệt Diệt Dịch. Quân đội gặp phải đột kích, bỏ chạy tán loạn, Thành Cát Tư Hãn nhìn thấy Bác Nhĩ Thuật đâm vào ngực nói: “Trường Sinh Thiên biết!” Lần cuối cùng xuất hiện vào tiết thứ 275, Ba Đặc Nhĩ nói: “Được Trường Sinh Thiên phù hộ” công phá thành Miệt Cách Dịch, bắt được người dân Oát Lỗ Tốc Dịch, khiến cho dân của 11 nước quy thuận. Oát Lỗ Tốc Dịch là tổ tiên của một số người thuộc về các nước Nga, Belarus, Ukraina ngày nay.

Trong 14 lần xuất hiện, ngoại trừ một lần nói “Trường Sinh Thiên biết” ra, tổng cộng có bốn lần nói “Được Trường Sinh Thiên phù hộ”, có năm lần nói “khí lực của Trường Sinh Thiên”, tổng cộng có ba lần nói “Trường Sinh Thiên làm chủ” và “Thánh chỉ của Trường Sinh Thiên”, còn có một lần nói “Trường Sinh Thiên mở rộng then cửa cho chúng ta”.

Có học giả nước ngoài cho rằng, cách nhìn đối với Thượng Thiên của người Mông Cổ là được kế thừa từ quan niệm “Thượng Thiên” của bộ tộc Hung Nô và Đột Quyết, ví như trong bia văn của Đột Quyết có cách nói trời sinh Khả Hãn. Quan sát cụ thể khái niệm “Trường Sinh Thiên” mà Thành Cát Tư Hãn tôn sùng, mặc dù

không có nội hàm tư tưởng phong phú giống “Thiên mệnh quan” của người Hán, nhưng hẳn là cũng có nội dung như Thượng Thiên làm chủ, Thượng Thiên phù hộ, Thượng Thiên chỉ định quân chủ trong nhân gian. Những điều này cũng nói lên vì sao trong nghi thức dâng cơ Thành Cát Tư Hãn phải tiếp nhận mệnh lệnh tuyên cáo của “Trường Sinh Thiên”, vì sao “Trường Sinh Thiên” được viết trong “Đại Trát Tát”. Đó chính là Thành Cát Tư Hãn cùng người kế nhiệm thậm chí toàn thể người Mông Cổ đều phải nhớ kỹ, quyền lực của Đại Hãn Mông Cổ đến từ Thượng Thiên, chỉ có tuân theo ý chỉ của Thượng Thiên mới được Thượng Thiên bảo hộ.

“Đại Trát Tát” theo bước chân Mông Cổ tây chinh

Sau đó, “Đại Trát Tát” cũng truyền nhập vào thế giới phương Tây, những nơi đội quân Mông Cổ đến, đặc biệt nơi họ kiến lập Hãn quốc, tất phải phổ biến luật pháp của Thành Cát Tư Hãn.

Sau khi đội quân Mông Cổ kết thúc tây chinh lần thứ nhất, Thành Cát Tư Hãn đem đất đai bao la mở mang được phong cho bốn đích tử (con của chính thất), trong đó đất phong của con trưởng Truật Xích ở Khâm Sát. Sau khi đại quân Mông Cổ tây chinh lần thứ hai, con trai của Truật Xích là Bạt Đô kiến lập Khâm Sát Hãn quốc (cũng gọi là Kim Trướng Hãn quốc) định đô ở thành Tát Lai (Sarai, nay là nơi sông Volga đổ ra biển Caspi), bắt đầu sự thống trị 200 năm của người Mông Cổ đối với La Tư (một khu vực gần hoặc thuộc Nga ngày nay).



*Cảnh quân Mông Cổ chinh chiến trong tập tranh Ba Tư tinh tế được lưu trữ tại thư viện quốc gia Berlin (Diez Album).
(Ảnh: Phạm vi công cộng)*

Sau khi Bạt Đô thành lập Kim Trướng Hãn quốc tại La Tư, ông dốc sức phổ biến “Đại Trát Tát”. Trong đất phong của Truật Xích thì Mạc Tư Khoa (Mátxcova) – La Tư chỉ là một mảnh đất phong rất nhỏ, nhưng người Mông Cổ tại đất La Tư đã gây dựng hệ thống bưu chính cỡ lớn, đăng ký nhân khẩu, chỉnh đốn quân chế, trưng thu thuế má, cải thiện tin tức giao thông của bình nguyên Đông Âu, do đó thúc đẩy Mátxcova-La Tư phát triển thành Đế quốc Nga sau này (Nga La Tư). 40

năm sau khi Hội nghị Hốt Lý Lặc Đài năm 1206 được cử hành, nhà truyền giáo người Ý Plancarpin từ Mông Cổ trở về, trong tác phẩm “Sử Mông Cổ” (Plancarpin hành ký) có viết: “So với bất kỳ dân tộc nào trên thế giới, thì người Mông Cổ phục tùng người thống trị của mình hơn hết. Họ sùng kính cấp trên, không dám bịa đặt, giữa người với người ít có tranh cãi hoặc mưu sát, chỉ có hành vi trộm cắp nhỏ nhoi. Nếu trong bọn họ có người bị mất gia súc, người nhặt được rất có thể sẽ trả lại cho chủ cũ, không chiếm thành của riêng. Nữ nhân coi trọng tiết tháo, cho dù họ trong lúc vui đùa thỏa thích cũng thế”. Đây là sự thay đổi to lớn do Thành Cát Tư Hãn ban bố “Đại Trát Tát” mang tới.

Chương 8: Tam chinh Tây Hạ đắc trợ lực - Kiếm chỉ Đại Kim Quốc

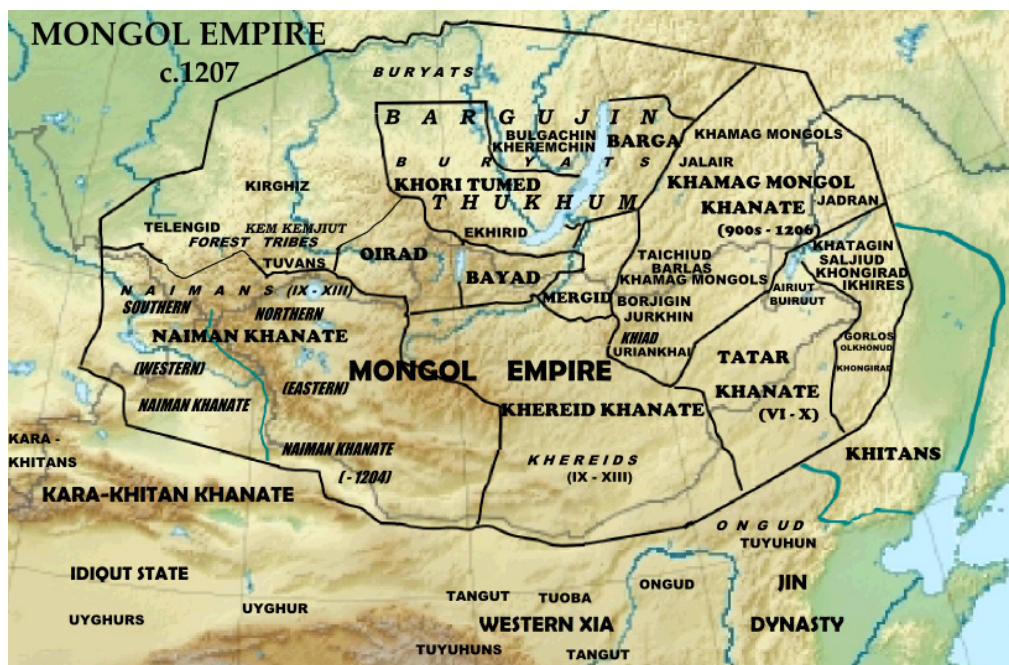
Năm 1204 sau khi chinh phục bộ lạc Nãi Man, Thiết Mộc Chân cử người đi sứ đến các nước và các bộ lạc lân cận, bộ lạc Khất Nhi Cát Tư ở phía bắc (nơi thượng nguồn sông Yenisei) và châu Khiêm Khiêm (nay là khu tự trị Tuva thuộc Nga), yêu cầu họ không được thu nhận người Nãi Man và đối lập với người Mông Cổ. Sứ thần cũng nói cho hai bộ lạc rằng, nếu như không muốn làm kẻ địch của người Mông Cổ, phải lập tức đầu hàng. Thủ lĩnh của hai bộ lạc tự biết không khả năng đối địch với người Mông Cổ, nên đã đầu hàng Thiết Mộc Chân.

Sứ thần của Thiết Mộc Chân tiếp tục đến Thổ Phiên ở phía nam (nay thuộc Thanh Hải, Tây Tạng), cũng dùng ngôn từ như vậy để hiểu dụ thủ lĩnh của Thổ Phiên, nhưng thủ lĩnh Thổ Phiên từ chối đầu hàng và đuổi sứ giả ra khỏi nước. Thiết Mộc Chân vì thế muốn thảo phạt Thổ Phiên, nhưng lại lo nước Tây Hạ vốn có quan hệ tốt với Thổ Phiên thừa cơ phát động tấn công. Ngoài ra, Tây Hạ còn có hiệp ước đồng minh với nước Kim, vì thế Thiết Mộc Chân quyết định tấn công Tây Hạ, nước nằm trên đường tây chinh trước, rồi mới đánh Thổ Phiên và nước Kim.

Nhìn từ vị trí địa lý, tây bắc của Tây Hạ giáp với bộ lạc Nãi Man, phía đông bắc giáp với bộ lạc Khắc Liệt, và Tây Hạ có quan hệ hữu hảo với hai bộ lạc này. Sau khi Thành Cát Tư Hãn tiêu diệt hai bộ lạc này, phía tây của Tây Hạ trực tiếp giáp với Mông Cổ, các nước tiếp giáp

biên giới như, phía đông là nước Kim, phía nam tiếp giáp với biên cương tây bắc của Triều Tống, tây nam là phía tây của Thổ Phiên và Uy Ngột Nhi.

Năm 1205, Thiết Mộc Chân dẫn quân đánh Tây Hạ, đây là quốc gia chính quy đầu tiên mà ông thực sự tiến đánh. Khi đó người Mông Cổ gọi Tây Hạ theo cách gọi của Kim quốc là “Thổ Phiên Hà Tây” hoặc “Đường Ngột Đặc”. Vì Tây Hạ có ký kết minh ước với nước Tống và đã lâu không có chiến tranh, họ thấy bất ngờ đối với sự đột nhiên xâm nhập của người Mông Cổ. Họ biết không cách nào chống lại được người Mông Cổ, Quốc Quân Tây Hạ hạ lệnh các thành phòng thủ vững chắc, lấy



Bản đồ đế quốc Mông Cổ năm 1207.
(Ảnh: Khiruge/Wikimedia Commons)

phòng ngự là chính. Người Mông Cổ mặc dù am hiểu dã chiến, nhưng do không có kinh nghiệm tác chiến và thiếu khí giới công thành, lại không cách nào cầm cự lâu, nên chỉ cướp đoạt một số tài vật, gia súc, v.v. tại biên trấn Tây Hạ sau đó quay về.

Năm 1206, sau khi Thành Cát Tư Hãn thành lập nước Đại Mông Cổ, gặp phải cục diện thế chân vạc của ba quốc gia như Kim, Tây Hạ, Nam Tống ở phía nam. Thành Cát Tư Hãn ý chí hùng hực bắt đầu cân nhắc thảo phạt nước Kim để trả mối thù xưa. Đúng dịp có bốn người đầu hàng đến từ Kim quốc tiết lộ rằng Hoàng đế nước Kim bạo ngược ngang tàng, Thành Cát Tư Hãn ngay lập tức cùng các đại thần bàn bạc việc chinh phạt, nhưng vẫn đắn đo nhiều, chưa dám tùy tiện xuất binh, mà một lần nữa hướng mục tiêu về Tây Hạ. Một mục đích trong đó chính là hủy đi liên minh giữa nước Kim và Tây Hạ, quét sạch chướng ngại tiến công nước Kim.

Tây Hạ và nước Kim đi tới suy tàn

Nước Tây Hạ do tộc Đẳng Hạng, một nhánh dân tộc Khương sinh sống ở phía Tây Bắc thành lập. Năm 1038, Nguyên Hạo chính thức lập nước và xưng đế, lấy đô thành là Phủ Trung Hưng (khu vực bên trong Ninh Hạ ngày nay). Thời kỳ phụ tử Càn Thuận và Nhân Hiếu thống trị, Tây Hạ tôn sùng văn hóa Hán, đặc biệt là Nhân Hiếu. Ông lấy nho giáo trị quốc, học theo chế độ của triều Tống, thành lập trường Thái học, một lần nữa tu sửa hiệu đính quốc gia nhạc luật, xây Khổng miếu để tế tự Khổng Tử, phổ biến chế độ khoa cử v.v. Ngoài ra, Nhân Hiếu còn tín ngưỡng Phật Pháp, tổ chức nhiều



Kim Thái Tổ Hoàn Nhan A Cốt Đả, người sáng lập ra triều Kim. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

nhân lực phiên dịch kinh Phật. Dưới sự cai trị của hai vị Quốc Quân hùng tài đại lược, tôn sùng văn hóa người Hán, sùng kính Phật, quốc lực của Tây Hạ từng cường thịnh một thời, có thể lần lượt đối kháng với các nước Liêu, Kim, Tống.

Kim quốc do Hoàn Nhan A Cốt Đả của bộ Hoàn Nhan thuộc tộc Nữ Chân định cư tại lưu vực Hắc Long thành lập vào năm 1115, định đô tại phủ Hội Ninh (nay là A Thành Nam, Hắc Long Giang). Từ đó về sau, Kim quốc bắt đầu cường đại. Sau khi diệt được nước Liêu, Kim quốc phát động tấn công nước Tống, bắt Tống Huy Tông, Khâm Tông và hơn ba ngàn thành viên hoàng thất cùng đại thần làm tù binh, khiến Bắc Tống diệt vong. Khi Nam Tống tạm yên ổn ở Lâm An, nhà Kim đã thống trị đại bộ phận lãnh thổ phương bắc Trung Quốc.

Kim quốc cũng tôn sùng văn hóa Hán và Khổng Tử, đặc biệt là Hoàng đế thứ ba Kim Hy Tông. Từ thuở nhỏ Hoàng đế Kim Hy Tông đã tiếp thụ văn hóa Hán, nung nấu. Sau khi đăng cơ, ông lập tức thúc đẩy cải cách chế độ triều Hán và trọng dụng người Hán, tôn sùng nho học. Chế độ quan lại là chế độ ba tỉnh (bộ) lấy Thượng thư Tỉnh là trung tâm, cơ bản Hán hóa. Bắt đầu từ Kim Hy Tông, nước Kim tôn trọng Khổng Tử đồng thời xây dựng miếu thờ Khổng Tử. Người Kim tới thời kỳ cuối đã tự xưng là “Người Hán”.

Khi Mông Cổ quật khởi, nước Kim và Tây Hạ đều bắt đầu đi đến suy sụp, nói chung đây là tất của yếu lịch sử.

Chinh phạt Tây Hạ lần thứ hai

Mùa thu năm 1207, Thành Cát Tư Hãn lần thứ hai đi chinh phạt Tây Hạ, một trong những mục đích là để tích lũy nhiều kinh nghiệm công thành hơn. Lúc này, nội bộ triều đình Tây Hạ xuất hiện cuộc tranh giành quyền lực. Hạ Tương Tông Lý An lại ngu ngốc vô năng,

chìm đắm trong tử sắc, đối với việc người Mông Cổ tấn công cũng không có nhiều sự chuẩn bị gì.

Quân Mông Cổ tiến công vào Tây Hạ đầu tiên ở trọng điểm giao thông thành Oát La Hải (nay là Hậu Kỳ Tây Cảnh trong Ô Lạp Đặc ở Nội Mông Cổ). Trước khi công thành, quân Mông Cổ áp dụng chiến thuật tấn công tâm lý, thả những người chặn cừu Tây Hạ bắt được trên đường về nước, để họ nói cho người trong thành: “Nếu như ở trong thành cố thủ, sau khi phá thành sẽ giết sạch người trong thành.” Nhưng người Tây Hạ không nghe theo, vẫn dựa vào thành trì cố thủ. Quân Mông Cổ vì thiếu biện pháp công thành, đánh lâu mà không hạ được, hai bên giằng co nhau hơn bốn mươi ngày.

Thành Cát Tư Hãn sau đó đã dùng hỏa công, công phá được thành Oát La Hải. Đại quân Mông Cổ tiến vào chiếm giữ thành, Vua Tương Tông Tây Hạ triệu tập các lộ quân bên phải phản công, nước Kim cũng phái binh trợ giúp, hai bên giằng co lẫn nhau mất khoảng thời gian năm tháng, quân Mông Cổ từ đầu đến cuối khó mà tiến thêm. Mùa xuân năm sau, do thiếu lương thảo, Thành Cát Tư Hãn lệnh lui binh. Lần độ sức này hai bên đều tổn thất không nhỏ.

Tam chinh Tây Hạ - Liên minh Kim Hạ tan vỡ

Sau hơn một năm tu chính, mùa thu năm 1209 Thành Cát Tư Hãn dẫn quân lần thứ ba về phía tây chinh phục Tây Hạ. Nguyên nhân chủ yếu là do quốc chủ của Kim quốc lên mưu đồ ám sát Thành Cát Tư Hãn vì ông không chịu quy tiếp nhận chiếu thư lên ngôi.

Thành Cát Tư Hãn cũng muốn thoát khỏi quan hệ lệ thuộc vào nước Kim, dự tính phát động chiến tranh với nước này, nhưng trước đó muốn đề phòng Tây Hạ vốn có quan hệ đồng minh với nước Kim sẽ trợ giúp họ.

Lúc này, Úy Ngột Nhi (Cao Xương Hồi Hột) đã chủ động thần phục Thành Cát Tư Hãn, điều này khiến khu vực Hà Tây của Tây Hạ đã mất đi vùng hòa hoãn ở giữa với Mông Cổ. Sau đó, quân Mông Cổ lại công kích thành Oát La Hải một lần nữa. Tướng lĩnh Tây Hạ, cũng là con trai Tương Tông Lý Thừa Trinh thất bại, Phong Châu (nay là Hồ Hòa Hạo Đặc của Nội Mông Cổ) Tạ Mục khuyến phó soái giữ thành ra hàng, thành Oát La Hải bị quân Mông Cổ chiếm lĩnh.

Sau khi chiếm được thành Oát La Hải, Thành Cát Tư Hãn thừa thắng tiến quân đến đô thành Trung Hưng Phủ của Tây Hạ, cũng tiến gần đến phòng tuyến cuối cùng Khắc Di Môn của Hạ Lan Sơn Tây. Đại tướng của Tây Hạ Ngôi Danh ra lệnh Công Tuy Nhiên tiến hành phục kích, nhưng đã thua quân đội Mông Cổ. Trung Hưng Phủ bị quân đội Mông Cổ bao vây. Lúc này, Thành Cát Tư Hãn cũng không vội công thành, ông muốn thu hút lực lượng quân sự các nơi của Tây Hạ tới, tiêu diệt từng đội.

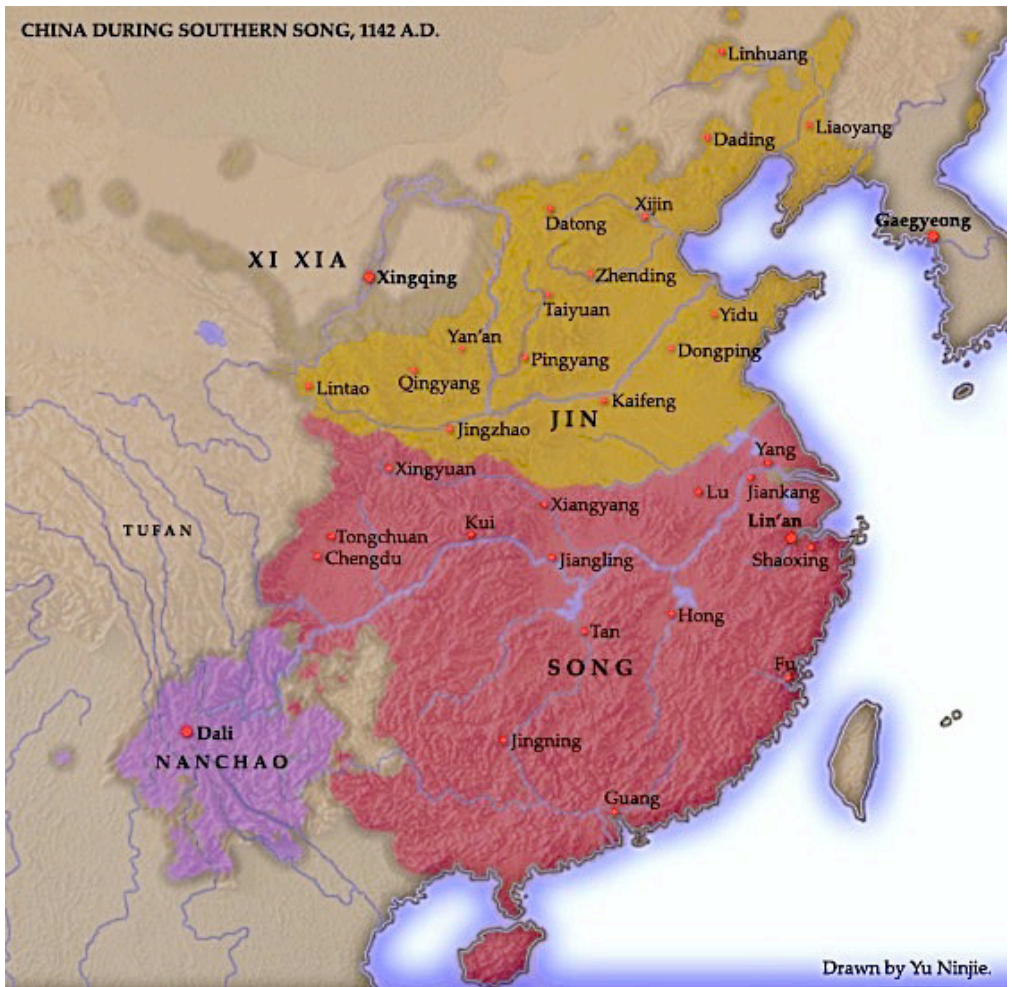
Vây thành hơn một tháng, đội quân viện binh không đến, Tây Hạ cầu viện Kim quốc, Vệ Thiệu Vương của nước Kim cũng ngồi nhìn không cứu. Không đợi viện binh Tây Hạ, Thành Cát Tư Hãn quyết định áp dụng thủy công công thành, đắp bờ dẫn nước sông Hoàng Hà đổ vào thành. Nhưng thành trì chưa kịp chìm, đập đê đã bị vỡ, phá tan doanh trại của quân Mông Cổ.

Để tránh kéo dài thời gian giằng co, Thành Cát Tư Hãn phái sứ giả khuyên Hạ Tương Tông đầu hàng, đưa ra điều kiện ưu đãi, nhưng Tương Tông không muốn đầu hàng, muốn cống nạp mỹ nhân để cầu hòa. Sau khi bồi thường lớn cho Mông Cổ và tiếp nhận điều kiện “phụ Mông phạt Kim”, hai bên ký kết hòa ước. Đạt được mục đích thu phục Tây Hạ, Thành Cát Tư Hãn lui binh.

Từ đó, Tây Hạ cùng Đại Mông Cổ sống chung hòa bình được mười năm, việc này khiến cho Thành Cát Tư Hãn rảnh tay tiến đánh nước Kim, bình định vùng đất phía tây (nay là Tân Cương) cùng các nước và bộ lạc nhỏ ở phía Tây hồ Baikal. Sau khi chấp nhận điều kiện của Mông Cổ “Phụ Mông phạt Kim”, Tây Hạ không thể không đi theo Mông Cổ tấn công nước Kim vốn là đồng minh của mình. Điều này nhanh chóng làm suy yếu quốc lực của nước Kim cùng Tây Hạ, khiến sau này Tây Hạ bị diệt, nước Kim bị cô lập.

Điều đáng chú ý là, thông qua ba lần giao chiến cùng Tây Hạ, Thành Cát Tư Hãn đã nắm vững được một kiểu đánh mới nhằm vào tường thành kiên cố vây quanh thành đô. Ông không ngừng thử các phương pháp công thành, như chặt đứt tiếp tế hậu cần xung quanh địch thủ, quét sạch các thôn làng xung quanh thành trì, dồn dân chúng vào trong thành làm tiêu hao lương thực; dùng tảng đá cùng nước lấp sông hộ thành, dẫn nước vào thành v.v.

Không chỉ có thế, Thành Cát Tư Hãn còn phát hiện, những thợ thủ công người Hán ở Tây Hạ thành thạo chế tạo khí giới vây thành đến mức nào, như khí cụ bắn, máy ném đá. Những khí giới này có thể sử dụng tảng đá to từ đằng xa để phá hủy tường thành. Thành



Bản đồ Vương triều Tây Hạ, Vương triều Kim, Vương triều Nữ Chân, Vương triều Tống cùng Vương quốc Đại Lý năm 1142. (Ảnh: Yu Ninjie/Wikimedia Commons)

Cát Tư Hãn rất coi trọng những người này, ông hạ lệnh ban thưởng cho những người thợ thủ công đầu hàng trong cuộc chiến, lựa chọn những người thợ từ trong tù binh, nhận vào quân đội Mông Cổ, trở thành đội quân công binh của Mông Cổ. Trong các cuộc chiến sau đó,

dựa vào kinh nghiệm và các bài học cùng vũ khí công thành, quân Mông Cổ tiếp tục tấn công các thành trì và lần nào cũng thành công.

Sự thuần phục từ các bộ lạc - Thành Cát Tư Hãn được trợ lực

Vào lúc chinh phục Tây Hạ, Thành Cát Tư Hãn không quên thu phục các bộ lạc và các nước nhỏ ở các khu vực xung quanh Mông Cổ. Năm 1207, Thành Cát Tư Hãn phái con trưởng Truật Xích dẫn quân đi đến khu rừng Siberia ở phương bắc, không cần tốn sức cũng chiêu hàng được bộ lạc ở khu rừng đó. Đối với việc này, Thành Cát Tư Hãn hết sức hài lòng, và đem những bộ lạc này ban thưởng cho Truật Xích.

Năm 1210, Hốt Tất Lai phụng chỉ xuất chinh Hợp Nhi Lỗ Ngột Dịch. Hợp Nhi Lỗ Ngột Dịch là bộ lạc dùng ngôn ngữ Đột Quyết, ban đầu ở một dải tại Ngạch Nhĩ Tề Tư Hà và Ô Luân Cổ Hà ở phía tây dãy núi A Nhĩ Thái Sơn (Altai). Vào đầu thế kỷ thứ 8, dưới sự tấn công của Hãn quốc Đột Quyết, Hợp Nhi Lỗ Ngột Dịch dần dần dời xuống phía nam đến gần Bắc Đĩnh (nay là phía bắc Cát Mộc Tát Nhĩ thuộc Tân Cương), sau tiếp tục dời về phía tây nay là đông nam hồ Ba Nhĩ Khách Thập. Vào thế kỷ 12, họ trở thành chư hầu của Tây Liêu, bên trong lãnh địa có những thành như Hải Áp Lập (nay gần Ca Bạc Nhĩ ở phía đông hồ Ba Nhĩ Khách Thập), thành A Lực Ma Lý (nay là tây bắc Hoắc Thành Tân Cương), v.v. Quân chủ của Hợp Nhi Lỗ Ngột Dịch tự xưng là “A Nhi Tư Lan Hãn”, chịu sự giám sát của Thiếu Giám do Tây Liêu cắt cử.

Tây Liêu do Gia Luật Đại Thạch người Khiết Đan thành lập vào năm 1124. Đến năm 1141 Tây Liêu trở thành bá chủ Trung Á. Bộ tộc Úy Ngột Nhi (Cao Xương Hồi Hột), nước Tây Khách Lạt Hãn, nước Đông Khách Lạt Hãn và bộ tộc Hoa Lạt Tử Mô, lần lượt thần phục Tây Liêu trong thời kỳ cường thịnh. Sau khi Mông cổ quật khởi, Tây Liêu có chiều hướng suy yếu. Khi đội quân Mông Cổ đến, A Nhi Tư Lan Hãn của Hợp Nhi Lỗ giết chết Thiếu Giám của Tây Liêu, đầu hàng và theo Hốt Tất Lai vào triều diện kiến Đại Hãn. Thành Cát Tư Hãn thấy họ không đánh mà hàng, đã ban ơn cho họ, giáng chỉ gả con gái cho ông ta. Từ đó trở đi gia tộc A Nhi Tư Lan Hãn của Hợp Nhi Lỗ và hoàng tộc Thành Cát Tư Hãn kết thành quan hệ liên hôn.

Diệc Đô Hộ (tôn hiệu truyền đời của Quốc Vương) của bộ tộc Úy Ngột Nhi phụ thuộc Tây Liêu, nghe tin Thành Cát Tư Hãn hưng khởi, đánh diệt Nãi Man, hai lần đánh chiếm Tây Hạ, quyết định thoát khỏi sự giám trị bạo ngược của Thiếu Giám nước Tây Liêu, đầu quân cho Thành Cát Tư Hãn khoan dung độ lượng. Năm 1209, ông ta giết chết Thiếu Giám của Tây Liêu, sai sứ thần yết kiến Thành Cát Tư Hãn tỏ ý quy thuận. Mùa xuân năm 1211, ông ta tự mình diện kiến và thỉnh cầu cưới con gái của Thành Cát Tư Hãn. Thành Cát Tư Hãn thấy ông ta chủ động quy thuận, đồng ý đem con gái gả cho ông ta. Từ đó, Vương tộc Diệc Đô Hộ cùng Hoàng tộc Thành Cát Tư Hãn cũng tạo thành quan hệ thông gia đời đời.

Chỗ khác biệt với các nước cùng bị chinh phục khác chính là, bộ tộc Úy Ngột Nhi (Cao Xương Hồi Hột) một mặt là phiên thần của Đại Hãn Mông Cổ, tất phải



Hình ảnh Vương của Cao Xun Hồi Hộ cúng dường (người cúng dường trong bức bích họa Đôn Hoàng). (Ảnh: Phạm vi công cộng)

thực hiện nghĩa vụ của phiên thần như cống nạp của cải, tiến cống, xuất binh tòng chinh v.v. Nhưng một phương diện khác, Quốc Vương Diệc Đô Hộ cũng có quyền tự chủ nhất định đối với lãnh địa và người dân của mình. Quan trọng hơn hết, vào thế kỷ thứ 13, tộc Úy Ngột Nhi tín ngưỡng vào Phật giáo, văn hóa cao hơn Mông Cổ. Nhiều người Úy Ngột Nhi vẫn sống theo kiểu du mục, về mặt ngôn ngữ và phong tục gần với người Mông Cổ. Người Mông Cổ trước khi hấp thu lượng lớn văn hóa Hán, thì chủ yếu hấp thu văn hóa Úy Ngột Nhi. Vào giữa thế kỷ thứ 13, Cuốn ‘Mông Cổ bí sử’ được Tất Đồ Xích người Úy Ngột Nhi ghi chép lại từ những câu chuyện truyền miệng của người Mông Cổ. Đây là cuốn sách đầu tiên nói về lịch sử Mông Cổ. Ngoài ra, Úy Ngột Nhi nằm ở vị trí qua lại giao thương giữa phương đông và phương tây, đối với việc giao lưu về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa phương đông và phương tây thời đại Mông Nguyên cũng đóng vai trò rất quan trọng.

Kiểm chỉ nước Kim lấy huyết cừu cầu Trường Sinh Thiên phù hộ

Sau ba lần chinh phục Tây Hạ và bức ép họ phải chấp nhận điều kiện “Phụ Mông phạt Kim”, Thành Cát Tư Hãn đã cắt đứt vây cánh của nước Kim, đem mũi kiếm hướng tới nước này, nơi trong một thế kỷ qua đã thống trị đại bộ phận khu vực phương bắc.

Các bộ lạc Mông Cổ từ rất lâu đã một lòng thần phục nước Kim, nhưng người Mông Cổ lại có hận thù sâu sắc với người Kim. Nguyên lai thúc phụ Yêm Ba Hài của phụ thân Thành Cát Tư Hãn Dã Tốc Cai từng

là tù binh của người TaTar, và bị đưa đến nước Kim. Người Kim đã đem danh tướng phản nghịch đóng đinh trên lửa gỗ đến chết. Các bộ lạc Mông Cổ vì thế nhiều lần giao tranh với người Tatar và người Kim. Ngoài ra, nước Kim không chỉ yêu cầu bộ lạc Mông Cổ cống nạp, còn mỗi ba năm lại phái binh lên hướng bắc tiểu sát, gọi là “giám định” cho đến năm 1190 mới ngưng lại. Sự tàn bạo của người Kim khiến người Mông Cổ rất căm hận, đòi đòi không quên.

Khi Thành Cát Tư Hãn thống nhất các bộ lạc Mông Cổ, vì giao tranh với người Tatar nên đã từng có hiệp ước đồng minh và đồng ý thần phục nước Kim, hàng năm tiến cống, được nước Kim trao tặng chức quan. Thành Cát Tư Hãn sau khi thống nhất thảo nguyên, thành lập nước Đại Mông Cổ, ông muốn thoát khỏi sự khống chế của nước Kim.

Một lần, Vệ Vương Doãn Tế của nước Kim đến thu nhận đồ tiến cống, Thành Cát Tư Hãn dứt khoát từ chối. Doãn Tế sau khi về nước, thỉnh cầu xuất binh thảo phạt, bị Hoàng đế nước Kim từ chối. Năm 1208, Doãn Tế (Hoàn Nhan Vĩnh Tế, hậu thế xưng ông là ‘Vệ Chiêu Vương’) lên ngôi, phái sứ giả đến yêu cầu Thành Cát Tư Hãn xưng thần với tân Hoàng đế. Thành Cát Tư Hãn tỏ ý khinh thường, không những không quỳ để tiếp nhận chiếu thư kể vị, còn hướng về đô thành nước Kim nói: “Ta nói Hoàng đế Trung Nguyên là Thiên tử được chỉ định, hạng tầm thường như thế này cũng làm hoàng đế ư? Vì sao phải lạy?”, nói xong ông lên ngựa rời đi, để lại sứ giả đứng chết trân. Vệ Chiêu Vương nghe chuyện đã rất tức giận, ý đồ đọit khi Thành Cát Tư Hãn vào tấn cống sẽ bắt giết. Sau khi Thành Cát Tư Hãn

biết liền tuyệt giao với nước Kim, cũng cắt đứt quan hệ thần phục.

Năm 2011, Thành Cát Tư Hãn hạ quyết tâm tấn công nước Kim trên quy mô lớn. Mùa xuân, ông mở Hội Nghị Hốt Lý Lạc Đài bên bờ sông Khách Lỗ Liên, cùng với các phương bàn luận việc chinh phạt nước Kim. Ngoài việc báo thù cho tổ tiên, Thành Cát Tư Hãn còn đưa ra một lý do xuất chinh nữa là rửa mối nhục cho người Khiết Đan bị người Kim đuổi đi. Hội nghị cũng mời hai sứ thần của Úy Ngột Nhi và nước Tây Hạ vừa ký kết đồng minh tham dự.

Sau khi được thuộc hạ và các nước đồng minh ủng hộ, Thành Cát Tư Hãn đã lên Thánh Sơn Mông Cổ ở gần đó, quỳ lạy chín lần, nói về sự bất mãn đối với người nước Kim, đồng thời cũng cầu khẩn: “A, Trường Sinh Thiên! Ta đã trang bị đầy đủ rồi, lập thế muốn báo thù cho tổ tiên ta. Hoàng đế triều Kim sát hại tổ tiên của ta Yên Ba Hài Hãn, xin cho phép ta báo thù này, và xin giúp sức cho ta!”

Trước khi xuất chinh, Thành Cát Tư Hãn tự nhốt mình trong trướng ba ngày ba đêm, còn những người Mông Cổ khác đợi quyết định của Trường Sinh Thiên và mệnh lệnh của Thành Cát Tư Hãn, cũng luôn thầm đọc bằng tiếng Mông Cổ “Hu lei, hu lei, hu lei”. Đến lúc bình minh ngày thứ tư, Thành Cát Tư Hãn từ trong đại trướng bước ra, hướng tới dân chúng tuyên bố “Trường Sinh Thiên” sẽ cho phép chúng ta báo thù, cũng báo hiệu bọn họ sẽ giành được thắng lợi.

Lúc đó nhìn từ bề ngoài, so sánh lực lượng giữa nước Đại Mông Cổ và nước Kim là chênh lệch rất lớn. Năm 1211, nhân khẩu nước Đại Mông Cổ khoảng 70

vạn người, quân đội 15 vạn (trong đó 10 vạn là quân Mông Cổ thuộc nước Đại Mông Cổ, còn lại là đội quân đầu hàng từ các bộ lạc). Nước Kim có nhân khẩu hơn 5 ngàn vạn, đội quân tự xưng tới 100 vạn. Vậy nên cũng khó trách ngay lúc đó Hoàng đế nước Kim nói: “Bọn chúng (người Mông Cổ) làm sao dám xâm phạm?”

Không lâu sau, Hoàng đế Kim quốc biết rằng cuối cùng ai phải sợ hãi.

Tài liệu tham khảo:

“Lịch sử bí mật của Mông Cổ”

“Lịch sử triều đại nhà Nguyên”

“Thành Cát Tư Hãn và sự hình thành thế giới ngày nay”

“Lịch sử các cuộc chiến tranh Trung Quốc” (Nhà Nguyên)

“Sự trỗi dậy và sụp đổ của Đế chế Mông Cổ”

“Thời kỳ Tây Hạ” xuất bản tại Đài Loan

Chương 9: Trận đầu thắng Kim, vui mừng được mãnh tướng người Hán

Sau khi được thuộc hạ và các đồng minh ủng hộ cùng sự phù hộ của Trường Sinh Thiên, cuộc chiến chinh phạt nước Kim của Thành Cát Tư Hãn như tên đã lấp vào cung. Khi đó không ai nghĩ được rằng, kể từ lúc mở đầu cuộc chiến với người Nữ Chân, đại quân Mông Cổ không chỉ tiến ra thảo nguyên, mà còn rong ruổi khắp một vùng rộng lớn từ lưu vực sông Ấn (Indus hay còn gọi Sindhu) của Ấn Độ đến lưu vực sông Đa Nuýp, từ Thái Bình Dương đến phía đông Địa Trung Hải. Trong khoảng thời gian ba mươi năm sau đó, người Mông Cổ đã đánh bại bất kỳ đội quân nào mà họ đụng phải, giành được tất cả các pháo đài, và công hãm được tất cả các thành trì.

Người Mông cổ có thể bước ra ngoài thảo nguyên, đến những vùng đất cách xa quê hương của mình. Ngoại trừ việc toàn bộ người dân đều biên chế làm binh lính, thuở nhỏ đã thành thạo cưỡi ngựa bắn tên, còn có hai nguyên nhân không thể coi thường. Một là họ rất thích hợp hành quân quãng đường dài, họ mang theo bên mình những đồ vật hữu dụng, ví dụ như y phục cần thiết khi thời tiết quá khắc nghiệt, đá đánh lửa, bình đựng nước cùng túi da đựng sữa bò, cái giũa, thông lọng, kim may, tiểu đao cùng rìu chuôi ngắn v.v. mỗi nhóm mười người còn mang theo một cái lều nhỏ.

Một lý do khác nữa, bọn họ về phương diện ăn uống rất đơn giản, chủ yếu là thịt, thịt khô, sữa, pho



Kỵ binh Mông Cổ. (Ảnh: Shutterstock)

mát. Họ có thể di chuyển liên tục mười ngày mà không cần dừng lại nhóm lửa nấu cơm, khát có thể uống máu ngựa. Điều này khiến họ không cần mang lương thảo đi theo hoặc đường dây tiếp tế hậu cần khổng lồ, chỉ cần có đầy đủ ngựa đi theo bọn họ. Việc này dễ hành quân thần tốc hơn hẳn cách hành quân của quân đội truyền thống, và càng có tính cơ động hơn.

Tính cơ động của đội quân Mông Cổ còn thể hiện ở chỗ hoàn toàn là kỵ binh, không hề có một bộ binh. Chủ lực của các đội quân mà người Mông Cổ phải đối mặt đều là bộ binh. Ngoài các phương pháp tác chiến tích lũy được trên thảo nguyên như chiến thuật hành động nhanh chóng tiêu diệt kẻ địch, như đã nói ở trên, giao chiến với Tây Hạ, cũng khiến cho Thành Cát Tư Hãn có

rất nhiều những người thợ thủ công dân tộc Hán, nắm vững cách đánh nhắm vào các thành trì kiên cố.

Trong cuộc chiến tranh với nước Kim sau này, đặc tính của đội quân Mông Cổ và tài năng thống soái trác việt của Thành Cát Tư Hãn đã được thể hiện rõ hơn nữa.

Sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước mỗi cuộc chiến

Có người từng nói “Triều Kim như biển cả, còn Mông Cổ như một vốc cát nhỏ”, cho nên người nước Kim không sợ người Mông Cổ tấn công. Nhưng kết quả sau cùng lại là “Vốc cát” lấp đầy “Biển cả”. Đây không chỉ là sự dũng mãnh thiện chiến của Thành Cát Tư Hãn và người Mông Cổ cùng với tính độc đáo đặc biệt của họ, mà do họ đã làm tốt công việc chuẩn bị trước khi chiến đấu, đúng là biết mình biết người.

Sau khi diệt được nước Liêu, cương thổ Nước Kim bao la, phía nam tới sông Hoài và dãy Tần Lĩnh, phía Tây dựa vào phía Đông của Lục Bàn Sơn thuộc Tần An Lũng Tây, phía Bắc từ sườn dãy núi Đại Hưng An hướng đến thượng du của Hắc Long Giang (sông Amur), phía Đông trải rộng tới sông Tùng Hoa, rồi cho tới cửa sông Amur gần eo biển TaTary thuộc miền viễn đông nước Nga ngày nay, diện tích quốc thổ lên tới 3.61 triệu km². Diện tích theo ngày nay bao gồm các tỉnh Đông Bắc, Hà Bắc, Hà Nam, Sơn Đông, Sơn Tây cùng An Huy và một phần địa khu của Hồ Bắc. Tại phương bắc, vì đề phòng người Mông Cổ tập kích quấy rối, nước Kim đã tu sửa và xây dựng một Trường Thành dài hơn ba ngàn dặm tại chỗ giao giới giữa Mông Cổ và nước Kim. Đây là thách thức mà Thành Cát Tư Hãn phải đối mặt.

Để tấn công nước Kim, Thành Cát Tư Hãn về đối nội đã thu nạp và trọng dụng nhiều hiền tài, chuyên cần việc quân. Về đối ngoại, ngoài việc chinh phục Tây Hạ, thu phục các thế lực xung quanh Mông Cổ, cắt đứt chi viện từ bên ngoài của nước Kim, bảo đảm an toàn cho hậu phương, mở một khoảng trống ở phía tây Trường Thành của nước Kim, Thành Cát Tư Hãn còn chiêu nạp bộ lạc Uông Cổ Dịch là thủ vệ đường hào biên giới của nước Kim, liên kết hôn nhân với họ, khiến cho khu vực từ Âm Sơn trở về phía Bắc thành căn cứ địa tấn công nước Kim.

Ông cũng chiêu nạp tướng lĩnh trấn thủ biên cương của nước Kim làm nội ứng, lợi dụng mọi ngã đường, thu thập tình báo chính trị, quân sự của triều Kim, chặn các tin tình báo bên trong Mông Cổ, giấu kín ý đồ xuất binh, v.v. Trước khi xuất binh, Thành Cát Tư Hãn còn phái một nhóm nhỏ quân đội tiến hành thâm nhập dò xét nguồn nước, nơi đóng quân và môi trường xung quanh.

Bước đi mỹ mãn nhất của Thành Cát Tư Hãn là chia rẽ được người Khiết Đan và người Kim. Ông công khai tuyên bố phạt Kim cũng là báo thù cho người Khiết Đan. Sau khi những người họ hàng Khiết Đan, vốn được coi là có cùng ngôn ngữ với người Mông Cổ, bị người Nữ Chân diệt quốc, tất nhiên họ không cam tâm phục tùng. Vì thế, hành động chinh phục nước Kim của Thành Cát Tư Hãn giành được sự ủng hộ của người Khiết Đan, không ít người Khiết Đan tìm đến nương tựa vào người Mông Cổ. Từ đó về sau, người Khiết Đan trở thành trợ lực cho Mông Cổ phạt Kim.

Trước khi tấn công nước Kim, Thành Cát Tư Hãn đã hàng phục Tây Hạ, cắt đứt một cánh tay của nước



Bức tranh về người đàn ông tộc Nữ Chân đi săn. Tác phẩm hội họa thế kỷ 15. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Kim, lại chiêu hàng bộ tộc Uông Cổ Dịch, cho họ trở thành người dẫn đường xuống phía nam, liên lạc với người Khiết Đan, khiến cho nội bộ nước Kim sinh biến. Đủ các động tác chuẩn bị, thể hiện rõ ràng Thành Cát Tư Hãn là vị chiến lược gia vĩ đại

Ngược lại, Vệ Thiệu Vương vô năng của nước Kim tuy biết Thành Cát Tư Hãn có lòng không thần phục, nhưng ỷ vào lực lượng của mình vượt xa Mông Cổ và có

Trường Thành, trước giờ chưa từng để mắt đến người Mông Cổ, nên chỉ phòng bị sơ sài. Vệ Thiệu Vương lại cho bắt nhốt các đại thần nhắc nhở mình. Trong nước quân sự yếu kém, kinh tế suy tàn, tài chính khó khăn lại không tự biết, binh lực chủ yếu đều bố trí tại biên giới Kim-Tống. Nước Tống phái binh tiến đánh nước Kim vào năm 1206, nhưng thua trận, đến năm 1208 hai bên ký kết “đàm phán hòa bình Gia Định”.

Căn cứ theo ghi chép của “Kim sử”, sau khi Vệ Thiệu Vương kế vị, trong nước nhiều lần xảy ra dị tượng, có động đất, sao băng, xuất hiện hắc khí, đại hạn, nhật thực, v.v., đây tựa hồ như điềm báo rằng chính quyền nước Kim đang bị Thiên Thượng vứt bỏ.

Trận đầu ở pháo đài Ô Sa, bước đầu đánh bại nước Kim

Mùa xuân năm 1211, Thành Cát Tư Hãn dẫn bốn con trai Truật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài, Đà Lô chỉ huy mười mấy vạn quân xuất binh phạt Kim. Vệ Thiệu Vương của nước Kim biết được Thành Cát Tư Hãn đem quân tiến đánh nước Kim thấy hết sức bất ngờ, lập tức phái Niêm Hợp Hợp là Chiêu thảo sứ lộ Tây Bắc thương lượng nghị hòa, nhưng bị Thành Cát Tư Hãn từ chối. Vệ Thiệu Vương khẩn cấp triệu tập các đại thần thương thảo đối sách. Lúc này phòng thủ Tây Bắc có Bình chương Chính sự Độc Cát Tư Trung (tên gốc là Thiên Gia Nô) và Tham tri Chính sự Hoàn Nhan Thừa Dụ. Địa vị của hai người này cũng ngang với Tể tướng.

Ngay lúc này, Thành Cát Tư Hãn cùng đại quân Mông Cổ dưới sự dẫn đường của bộ tộc Uông Cổ Dịch,

người đang trấn giữ pháo đài bên ngoài đèo Cư Dung Quan, đi vòng qua đầu tây của Trường Thành, chuyển hướng Đông Nam, thẳng đến pháo đài Ô Sa thuộc huyện Hưng Hòa, thành phố Ô Lan Sát Bố (Ulanqab) khu tự trị Nội Mông Cổ ngày nay. Tờ pháo đài này do Bình Chương chính sự Độc Cát Tư Trung của nước Kim cho xây dựng vào năm 1210, để phòng ngừa người Mông Cổ đột phá Trường Thành, và tập kết binh lực ở doanh trại Ô Nguyệt phía sau pháo đài Ô Sa. Lúc ấy, Thành Cát Tư Hãn từng mệnh lệnh cho Triết Biệt tập kích tiêu diệt quân Kim đi xây dựng pháo đài Ô Sa.

Sau khi quân Mông Cổ rút lui, người Kim xây dựng lại pháo đài Ô Sa. Pháo đài Ô Sa dễ thủ khó công, có đường ngầm thông với doanh trại Ô Nguyệt, được Độc Cát Tư Trung đích thân cầm binh phòng thủ, nên quân Mông Cổ tiến đánh hơn một trăm ngày mà không đánh hạ được. Trong lo lắng Thành Cát Tư Hãn leo lên ngọn núi nhỏ bên cạnh, hướng lên trời cầu khẩn: “Trường Sinh Thiên, nước Kim giết dòng họ của ta, nếu như ông trời cho ta báo thù, xin Thần giúp ta”. Sau khi cầu nguyện xong, ông mơ hồ thấy được khói bếp ở doanh trại Ô Nguyệt, lập tức biết được nó ở đâu.

Thành Cát Tư Hãn phái đại tướng Triết Biệt vòng ra phía sau pháo đài Ô Sa, thẳng đến doanh trại Ô Nguyệt. Lúc này là tháng bảy, không lâu doanh trại Ô Nguyệt bị Triết Biệt công phá. Bởi vì doanh trại Ô Nguyệt thất thủ, nên pháo đài Ô Sa đã mất đi tác dụng phòng ngự, Thống soái Độc Cát Tư Trung của nước Kim đành phải dẫn binh rút về hướng đông. Thành Cát Tư Hãn chiếm lĩnh được pháo đài Ô Sa, lệnh phá hủy nó. Thắng lợi đầu tiên của trận đánh pháo đài Ô Sa khiến cho sĩ khí

của người Mông Cổ lên rất cao, họ chinh đồn lực lượng một tháng sau tiếp tục thẳng tiến phía trước.

Từ đó, quân Mông Cổ chia thành hai cánh: Cánh đông do Thành Cát Tư Hãn thân chinh dẫn quân, hướng đến Trung Đô; Cánh tây do các con trai của Thành Cát Tư Hãn là Truật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài suất lĩnh, hướng đến Tây Kinh của nước Kim (nay là thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Lúc đó nước Kim học theo nước Liêu thực hiện chế độ năm kinh đô, tức Liêu Dương Phủ Đông Kinh (nay là thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Ninh), Đại Đồng Phủ Tây Kinh (nay là Đại Đồng Sơn Tây), Đại Định Phủ Bắc Kinh (nay là Ninh Thành Nội Mông Cổ), Biện Kinh Phủ Nam Kinh (nay là Khai Phong tỉnh Hà Nam) cùng Đại Hưng Phủ Trung Kinh (nay là Bắc Kinh).

Tái chiến pháo đài Hội Hà - Kim binh đại bại

Pháo đài Ô Sa và doanh trại Ô Nguyệt thất thủ, Thống soái Độc Cát Tư Trung bị bãi chức, Hoàn Nhan Thừa Dụ khi đó đóng quân ở Dã Hồ Lĩnh được phái đến thống lĩnh việc quân ở Tây Bắc. Hoàn Nhan Thừa Dụ lúc ấy đóng quân tại Dã Hồ Lĩnh (nay là tây bắc huyện Vạn Toàn tỉnh Hà Bắc). Lúc ấy, thổ hào ở bên trong huyện thành thỉnh cầu lấy binh lính địa phương nơi đó làm quân tiên phong, lấy binh lính Hành Tỉnh làm quân chi viện để giao chiến với người Mông Cổ. Hoàn Nhan Thừa Dụ lo lắng thiếu sự viện trợ, nên không dám dùng biện pháp này, chỉ hỏi thăm đường đi Tuyên Đức (nay là Tuyên Hoá). Thổ hào đều chê cười ông ta rằng: “Khe

suối quanh co, tôi ở đây cả đời đã biết rất rõ. Hành Tỉnh (Hoàn Nhan Thừa Dụ) không biết dùng sức mạnh của địa lợi mà đánh trận, mưu để ngoài tai rồi, nay bại vậy”.

Đêm đó, Hoàn Nhan Thừa Dụ dẫn binh đi về phía nam tiến về Tuyên Bình (huyện thuộc sự quản lý của Tuyên Đức, thành phố Trương Gia Khẩu ngày nay), quân đội Mông Cổ lập tức đến theo. Quân Mông Cổ tại đây đã gặp bảy ngàn tinh binh của tướng trấn thủ Tây Kinh Hồ Sa Hổ đến tiếp viện từ trước. Bảy ngàn người này sau một ngày kịch chiến với gần mười vạn đại quân Mông Cổ tại Dã Hồ Lĩnh, đến chạng vạng tối mới bị đánh bại. Người Mông Cổ đã chiếm được Dã Hồ Lĩnh, cướp tài vật rồi rời đi. Tiếp sau đó, quân Mông Cổ lại giành được các huyện Đại Thủy Lạc, Phong Lợi.

Hoàn Nhan Thừa Dụ tập kết 30 vạn đại quân (nói quá lên thành 40 vạn) tại khu vực sông Hội Hà của Tuyên Bình (nay là phía tây Vạn Toàn, Hà Bắc), để chống lại sự tấn công của người Mông Cổ. Trước khi khai hỏa chiến dịch, nước Kim cử Thạch Mạt Minh An đi đàm phán với Thành Cát Tư Hãn. Nhưng Thạch Mạt Minh An là người Khiết Đan, nên với sự khuyên bảo của Thành Cát Tư Hãn, ông đã đầu hàng, cũng cung cấp tin tức tình báo bố trí canh phòng của quân Kim.

Sau khi phân tích tình hình quân địch, Thành Cát Tư Hãn quyết định áp dụng chiến thuật tập trung đột phá. Ông đích thân dẫn quân tấn công các trại ở trong thành Hội Hà (nay là Hoài An thuộc tỉnh Hà Bắc), lệnh cho Mộc Hoa Lê dẫn đội quân cánh tả mở cuộc đột kích từ đường thông Hoan Nhi Chủy (nay là một vùng Sơn Chủy ở phía bắc Đắc Thắng Khẩu). Giao tranh cả ngày



*Chiến tranh Mông Kim năm 1211, chiến dịch tiêu diệt 40 vạn quân kim của quân Mông Cổ ở Dã Hồ Linh. Hình ảnh từ “Sử tập”.
(Ảnh: Phạm vi công cộng)*

từ sáng đến tối, quân Kim chiến đấu ngoan cường, quân Mông Cổ không có tiến triển gì.

Ngày hôm sau, trước khi tấn công, Mộc Hoa Lê trước mặt ba quân hướng về Thành Cát Tư Hãn xin thề: “Bọn giặc đông chúng ta ít, không quyết tử, không thể thắng được!” Đội cảm tử của quân Mông Cổ với chí sĩ cao ngất dưới sự dẫn đầu xung phong của Mộc Hoa Lê, giết một mạch hướng đến đại bản doanh trung tâm của Hoàn Nhan Thừa Dụ. Thành Cát Tư Hãn chỉ huy đại quân theo sau tiến vào trận địa của địch. Quân Kim vì chỉ huy điều động không giỏi, lòng người tan rã, chạy trốn tứ phía, tướng quân Hoàn Nhan Cứu Quân tử trận.

Hoàn Nhan Thừa Dụ chạy về pháo đài Hội Hà, vẫn còn chưa kịp nghỉ lấy sức, đã bị đội quân Mông Cổ bao

vây. Sau một hồi kịch chiến, quân Kim gần như đã bị tiêu diệt, Hoàn Nhan Thừa Dụ một mình chạy trốn. Chiến dịch này người Mông Cổ lấy 10 vạn binh mã chiến thắng được ít nhất 30 vạn tinh binh của quân Kim, sức chiến đấu dũng mạnh của họ đã chấn động cả nước Kim. Hoàn Nhan Thừa Dụ bị miễn chức vụ tể tướng, thay bằng Đồ Đơn Dật được coi là đa mưu hơn phụ trách chiến sự Mông-Kim. Sự khác biệt với việc Độc Cát Tư Trung bại trận bị miễn chức quan ở chỗ, Hoàn Nhan Thừa Dụ thua trận thê thảm như vậy, trái lại chỉ bị giáng chức làm Tổng quản binh mã lộ Hàm Bình. Vua Kim thưởng phạt không rõ ràng, cũng khiến chí khí toàn quân sa sút.

Chiếm được Tây Kinh và Đông Kinh

Sau thắng lợi giành được pháo đài Hội Hà vào tháng tám, tháng chín quân Mông cổ cánh đông lại chiếm được Đức Hưng Phủ (nay là Trác Lộc tỉnh Hà Bắc), tướng trấn thủ Cư Dung Quan bỏ trốn. Triết Biệt dẫn quân tiến vào Cư Dung Quan, tiến đến dưới thành Trung Đô của nước Kim (nay là Bắc Kinh). Trung Đô ra lệnh giới nghiêm, Đồ Đơn Dật phái 2 vạn viện binh đến từ đông bắc và ba ngàn binh mã của Thuật Hồ Cao Kỳ ở Hà Bắc, từ đó có thể thấy được phần nào sự trống không của nước Kim ở phía Bắc sông Hoàng Hà. Thành lũy của Trung Đô kiên cố, lại có trọng binh phòng thủ, quân Mông Cổ đánh thành không được phải bỏ vây thành, cũng chỉ cướp đoạt ở mấy vùng lân cận rồi rời đi.

Trong “Kim sử” có nói, “Khi đó, Đức Hưng Phủ, Hoàng Châu, Xương Bình, Hoài Lai, Tấn Sơn, Phong

Nhuận, Mật Vân, Phủ Ninh, Tập Ninh, phía đông đến Bình, Loan, phía nam đến Thanh, Thương, từ Lâm Hoàng qua Liêu Hà, tây nam đến Hân, Đại, đều quy về Đại Nguyên.” Đại quân Mông Cổ do Thành Cát Tư Hãn thống soái dũng mãnh như thế.

Còn cánh quân phía tây dưới sự thống lĩnh của các con trai Thành Cát Tư Hãn lần lượt đánh chiếm các vùng đất như Vân Nội (nay thuộc đông nam Thổ Đặc Mặc Đả Kỳ khu nội Mông Cổ), Đông Thắng (nay là TogToh thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ), Sóc Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), trong tháng 11 đánh chiếm Đại Đồng Tây Kinh. Tướng trấn giữ Tây Kinh của nước Kim là Hồ Sa Hổ nghe tin quân Mông Cổ đến, vớt thành bỏ chạy vào Trung Đô.

Hai cánh quân Mông Cổ đã bắt và cướp được số lượng lớn người, gia súc và của cải ở vùng đất ngày nay thuộc Hà Bắc và phía bắc của Sơn Tây rồi rút về phía bắc biên giới nước Kim. Trong những người bị bắt bao gồm cả những nhân tài người Hán về các phương diện mà người Mông Cổ có nhu cầu cấp thiết.

Lúc đó, Thư Mục Lỗ Ngạch Sâm người Khiết Đan ở Bá Châu vì báo thù nhà Kim diệt nước Liêu, dẫn hơn 100 người đầu hàng Thành Cát Tư Hãn, hiến kế tiến Đông Kinh (nay là Liêu Dương thuộc tỉnh Liêu Ninh), nơi gốc rễ của nước Kim. Thành Cát Tư Hãn theo kế đó, phái Triết Biệt thống soái quân cánh trái tiến công Đông Kinh. Tháng 12, Triết Biệt tiến đánh Đông Kinh, lần đầu đánh không được, bèn giả vờ lùi 500 dặm, sau thừa cơ quân canh giữ lơ là, lấy kỵ binh nhẹ phi suốt ngày đêm quay trở lại, đánh một trận tập kích xong, cướp bóc lớn một tháng rồi thu quân về.

Cuộc tấn công năm 1211 của Thành Cát Tư Hãn vào nước Kim đã kết thúc với thắng lợi của đội quân Mông Cổ. Có điều, khi đó người Mông Cổ phạt Kim vẫn là tiêu diệt kẻ địch, hủy hoại thành trì, sau đó cướp đoạt tài vật và con người rồi trở về. Do vậy, sau khi quân Mông Cổ đi rồi, thành trì tan nát lại được người Kim chiếm lĩnh xây dựng lại. Còn những quan binh của quân Kim bị người Mông Cổ bắt làm tù binh, được sắp xếp lại biên chế, bảo lưu chức vụ cho họ, phụ trách các công việc như áp tải vận chuyển tài vật, v.v. Người trung thành được phân đến các đội chiến đấu của quân đội Mông Cổ.

Do Mông Cổ thiếu thợ thủ công kỹ thuật, nên trong số tù binh phạm là thành thạo một nghề gì, thì người Mông Cổ đều cho họ mang theo gia đình, sắp xếp ổn thỏa cho họ. Những thợ thủ công người Hán bắt được trong cuộc chiến với Tây Hạ lần trước cùng những người thủ công trong đội quân Mông Cổ đã tạo ra ngày càng nhiều các loại dụng cụ dùng trong cuộc sống và trong chiến đấu, tăng cường thêm sức chiến đấu của đội quân Mông Cổ một bước nữa.

Mãnh tướng giỏi binh pháp Quách Bảo Ngọc

Trong năm đầu tiên phát động cuộc tấn công vào nước Kim, Thành Cát Tư Hãn còn vui mừng bắt được một viên mãnh tướng người Hán. Ông ta là Quách Bảo Ngọc thông hiểu thiên văn, binh pháp, giỏi cưỡi ngựa bắn tên. Ông là hậu duệ của danh tướng đời Đường Quách Tử Nghi. Những năm cuối triều Kim, ông được phong làm “Quận công Phần Dương” kiêm Mãnh An

(Mãnh An: là tên gọi tổ chức quân đội thời kỳ đầu nhà Kim, cai quản ba ngàn hộ. Khi quân Kim xuôi hướng nam xuống Trung Nguyên, có một số binh lính Mãnh An di chuyển về vùng đất Hà Bắc, Sơn Đông, nhận ruộng định cư, tương đương với tổ chức ở địa phương. Ông lãnh binh đóng quân ở Định Châu (nay là huyện Định ở Hà Bắc). Năm 1211, Mộc Hoa Lê đánh bại tướng Độc Cát Tư Trung của nước Kim, Quách Bảo Ngọc dẫn binh lính dưới trướng của mình đầu hàng quân Mông Cổ.

Mộc Hoa Lê đưa Quách Bảo Ngọc vừa thông hiểu binh pháp lại vừa hiểu biết tình hình Trung Nguyên tiến cử với Thành Cát Tư Hãn. Thành Cát Tư Hãn hỏi ông ta về kế sách lấy Trung Nguyên. Quách Bảo Ngọc bảo, thế lực của nước Kim ở Trung Nguyên vẫn còn rất lớn, không thể xem nhẹ, nên chinh phục Thổ Phiên nước Nam Chiếu ở khu vực tây nam trước, sau đó lợi dụng các lực lượng này tấn công nước Kim, nhất định có thể thống nhất Trung Nguyên.

Ông còn hiến kế cho Thái Tổ: “Vào thời kỳ đầu xây dựng quốc gia, nên ban những mệnh lệnh mới.” Thành Cát Tư Hãn nghe theo đề nghị của ông, ban hành năm điều lệnh mới như hành quân tác chiến không được giết người vô tội; ngoại trừ tù nhân mang trọng tội có thể bị xử tử hình ra, những phạm nhân khác có thể xem xét và xử bị đánh trượng; về chế độ tuyển quân theo hộ, người Mông Cổ, người Sắc Mục mỗi đình là một quân, người Hán có bốn khoảnh [1] ruộng, ba người đình thì đăng ký một người xung quân; thanh niên mười lăm tuổi trở lên được tính là đình, sáu mươi tuổi phá lão, hộ trạm và hộ quân giống nhau, dân làm nghề thủ công

giới hạn một khoảnh ruộng; nghiêm cấm các tầng đạo gây bất lợi cho quốc gia và gây hại với dân.

Quách Bảo Ngọc là người túc trí đa mưu, được Thành Cát Tư Hãn coi trọng xem là tâm phúc. Ông theo Mộc Hoa Lê dẫn quân xuống phía nam, lại theo Thành Cát Tư Hãn tây chinh, đã đưa ra nhiều mưu kế cho Thành Cát Tư Hãn. Nhiều lần lập chiến công nên ông được làm chức Đoạn Sự Quan. Năm 1226 trên đường quân đội Mông Cổ quay trở về phía đông, ông chết vì bệnh trong doanh trại ở Hạ Lan Sơn.

[1] Khoảnh: tương đương 100 mẫu Trung Quốc, khoảng 6.67 hecta.

Chương 10: Chiếm lĩnh Trung Đô - Giành được một nửa giang sơn nước Kim

Cuộc tiến công của Thành Cát Tư Hãn vào nước Kim năm 1212 đã kết thúc bằng thắng lợi của đội quân Mông Cổ. Đại quân Mông Cổ đồn trú tại biên giới phía bắc của nước Kim để chinh đốn lực lượng. Hai tướng quân nước Kim là Lưu Bá Lâm và Giáp Cốc Trường Ca đã đến đầu hàng, họ sau này đều trở thành tướng tài dưới trướng của Thành Cát Tư Hãn. Tướng quân Triết Biệt đánh hạ được Đông Kinh của nước Kim, khiến cho Kim Thiên Hộ Gia Luật Lưu Ca người Khiết Đan vốn một lòng muốn phục quốc đã công khai phản lại nước Kim vào đầu năm 1212, ông ta tự xưng là “Đô nguyên soái”, trong mấy tháng đã phát triển đến hơn mười vạn người. Ông gặp đội quân Mông Cổ đang tiến vào Liêu Đông, Gia Luật Lưu Ca lấy danh nghĩa quân Khiết Đan gia nhập vào nước Đại Mông Cổ, và biểu thị trung thành với Thành Cát Tư Hãn.

Nước Kim phái binh thảo phạt Gia Luật Lưu Ca, Thành Cát Tư Hãn cử ba ngàn kỵ binh đến chi viện, quân Kim liên tục thua trận, hơn nửa tổn thất không ít binh lực. Phía Đông Bắc bị mất kiểm soát, và một cánh Hà Bắc đã mất, chỉ dựa vào Sơn Tây thì không đủ sức chèo chống. Thêm nữa Vua Kim mềm yếu vô năng, triều đình mục nát, quốc khố trống rỗng, còn có nước Tống kiềm chế ở phía nam, khiến cho nước Kim trên dưới đều không có niềm tin chiến thắng đối với

đội quân Mông Cổ. Xem ra có được nước Kim với 5,000 vạn nhân khẩu, đã là người khổng lồ chân đất rồi.

Liên tục công Kim - Tái vây Trung Đô - Kim quốc nội loạn

Mùa thu năm 1212, lần thứ hai Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh tấn công nước Kim. Thành Cát Tư Hãn dẫn quân chủ lực vây đánh Tây Kinh, Nguyên soái, Tả đô giám của nước Kim là Áo Đồn Tương dẫn quân tiếp viện. Thành Cát Tư Hãn dụ họ vào vòng vây phục kích ở Mật Cốc Khẩu tại đông bắc Tây Kinh, tiêu diệt được toàn bộ. Sau đó ông tiếp tục tiến đánh thành Tây Kinh. Lúc công thành, Thành Cát Tư Hãn bị trúng tên lạc, liền hạ lệnh rút lui.

Tháng 03/1213, Gia Luật Lưu Ca tự xưng Vương tại Đông Bắc, quốc hiệu là Liêu, trong sử sách gọi là nước Đông Liêu, phụ thuộc vào nước Đại Mông Cổ. Tháng 07, Thành Cát Tư Hãn lần thứ ba nam hạ đánh Kim. Trước tiên họ đánh chiếm pháo đài bên cạnh Trường Thành mà trước kia họ đã từng vứt bỏ sau được quân Kim khôi phục lại. Tiếp theo họ đánh hạ được phủ Tuyên Đức, phủ Đức Hưng, dẫn quân chủ lực giao chiến với quân Kim ở huyện Hoài Lai thuộc đông nam Tuyên Đức (nay là phía đông Hoài Lai tỉnh Hà Bắc).

Quân Kim do tướng quân Hoàn Nhan Cương và Thuật Hổ Cao Kỳ thống soái hơn mười vạn người. Giao chiến mấy trận, quân Kim không địch lại được phải tháo chạy. Quân Mông Cổ thừa thắng truy kích thẳng đến cửa bắc Cư Dung Quan.



“Tranh màu xanh trù điệp ở Cư Dung” của Đồng Bang Đạt đời Thanh. (Ảnh: Bảo tàng Cố Cung quốc gia cung cấp)

Cư Dung Quan là nơi hiểm yếu, phân thành hai cửa nam bắc, giữa hai cửa có hai ngọn núi kẹp lại, ở giữa có khe sâu, dễ thủ khó công. Nước Kim cho trọng binh đóng ở đây, cũng luyện sắt phong bế chặt chẽ đóng cửa chỗ hẹp, còn đặt chông sắt ở bên ngoài cách Cư Dung Quan hơn một trăm dặm, nghiêm phòng quân Mông Cổ tấn công. Thành Cát Tư Hãn cũng lường được nếu tấn công ở đó chắc chắn gặp nhiều nguy hiểm, lệnh tránh chỗ mạnh, tìm chỗ yếu, chỉ lưu một bộ phận nhỏ binh lực tại cửa bắc đánh nghi binh. Ông lại phái tướng quân Trát Bát Nhi Hỏa người đã từng đi sứ qua nước Kim dẫn đường cho Triết Biệt đi theo đường nhỏ bất ngờ đánh chiếm cửa nam. Nam bắc giáp công, giành được Cư Dung Quan. Thành Cát Tư Hãn tự mình dẫn quân chủ lực vòng xuống phía nam.

Người Kim sau khi biết được ý đồ của người Mông Cổ, vội phái Áo Đồn Tương dẫn quân đến ngăn trở. Đợi khi đội quân này kịp đi đến Tử Kinh Quan (nay là tây bắc huyện Dịch, tỉnh Hà Bắc), đại quân Mông Cổ khi đó đã qua quan ải, Thành Cát Tư Hãn lệnh cho Mộc Hoa Lê chống lại quân của Áo Đồn Tương. Hai bên giao chiến tại Ngũ Hồi Lĩnh, quân Kim đại bại, quân Mông Cổ đi về hướng đông.

Lúc này nước Kim xuất hiện nội loạn. Trước tiên nói đến tướng trấn giữ Tây Kinh là Hồ Sa Hổ. Năm 1211 sau khi Hồ Sa Hổ trốn về Trung Đô, ông ta không chỉ không bị trị tội, còn được thăng làm Hữu phó nguyên soái, quyền Thượng thư Tả thừa. Ông ta càng thêm không kiêng nể ai, tự xin hai vạn quân bộ binh và kỵ binh đóng ở Tuyên Đức Châu, nhưng triều đình chỉ phát cho ba ngàn lính, lệnh cho đóng ở Quỳ Xuyên.

Tháng giêng năm 1212, Hồ Sa Hổ thỉnh cầu được chuyển nơi đóng quân, triều đình không vừa ý, bị hỏi tội, rồi bị bãi chức về quê. Năm sau, Hồ Sa Hổ lại được mời đến Trung Đô, dự bàn việc quân, nhưng nhóm người của Tể tướng Đồ Đơn Dật cho rằng không thể tin dùng Hồ Sa Hổ, nên ông ta lại bị bãi quan. Sau khi bị bãi quan, Hồ Sa Hổ tích cực kết giao với người hầu và thái giám xung quanh Hoàng đế Hoàn Nhan Vĩnh Tế để cầu được phục chức. Tháng Năm, ông ta lần nữa được bổ nhiệm làm Hữu phó nguyên soái, thống soái mấy ngàn lính vũ vệ quân, đóng ở bắc thành Trung Đô.

Khi đại quân Mông Cổ ngày càng tới gần, Hữu phó nguyên soái Hồ Sa Hổ không chỉ không chuẩn bị nghênh chiến, ngược lại sa vào việc săn bắn. Việc này bị Hoàng đế Hoàn Nhan Vĩnh Tế trách mắng, Hồ Sa Hổ rất bất mãn. Tối ngày 25/08, Hồ Sa Hổ dẫn quân tiến vào bên trong Trung Đô, giết chết quân canh, bao vây hoàng cung, giết chết Hoàng đế Hoàn Nhan Vĩnh Tế và thuộc hạ. Lúc đầu ông ta nghĩ mình sẽ đăng cơ làm Hoàng đế, nhưng Tể tướng Đồ Đơn Dật khuyên ông ta rằng, Hoàng đế nước Kim từ trước đến nay đều mang họ Hoàn Nhan, nay ông giết Hoàng đế, muốn thay vào đó, nếu như người trong thiên hạ phản đối, hoàng vị cũng không ngồi lâu được.

Hồ Sa Hổ cho rằng có lý, ủng hộ lập Hoàn Nhan Tuân Vi làm Hoàng đế, trong lịch sử gọi là Kim Tuyên Tông. Vì Hồ Sa Hổ có công lao, nên được phong các chức như Thái sư, Thượng thư lệnh, Đô nguyên soái, và được ban đất phong Vương, nắm giữ quyền hành lớn nhất trong triều.

Đối diện thế tiến công của binh lính Mông Cổ, Nguyên soái hữu giám quân Thuật Hổ Cao Kỳ nhiều lần thua liên tiếp. Hồ Sa Hổ uy hiếp ông ta rằng, nếu như đánh nữa mà không thắng, sẽ xử theo quân pháp. Lần này xuất trận, Thuật Hổ Cao Kỳ lại thua. Sợ bị giết nên ông ta vào ngày 15/10, dẫn quân tiến vào Trung Đô, giết chết Hồ Sa Hổ, sau đó mới đến gặp Hoàng đế để thỉnh tội. Hoàng đế Kim Tuyên Tông miễn tội cho ông, đồng thời bổ nhiệm ông làm Tả phó nguyên soái, các tướng sĩ đi cùng đều có phong thưởng không giống nhau. Sau đó, Hoàng đế Kim Tuyên Tông hạ chiếu truy phong Hoàn Nhan Vĩnh Tế là Vệ Vương, thụy là Thiệu, hậu thế gọi ông là “Vệ Thiệu Vương”.

Lúc này đại quân Mông Cổ đã công phá được Dịch Châu, Trác Châu, thẳng đến công chiếm Cư Dung Quan, hai cánh quân ép sát Trung Đô. Xem xét kỹ thì thấy Trung Đô ở thế hiểm lại kiên cố, khó mà lập tức đánh hạ, nên Thành Cát Tư Hãn chỉ giữ lại một ít quân bao vây Trung Đô, còn lại chia quân thành ba cánh, quét sạch các châu ở phía bắc Hoàng Hà.

Quét sạch các châu ở phía bắc Hoàng Hà

Ba đạo quân được phân bổ như sau: Ba hoàng tử của Thành Cát Tư Hãn là Truật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài làm cánh hữu, theo Thái Hành đi về phía nam, lấy được các châu như Bảo, Toại, An Túc, An, Định, Hình, Minh, Từ, Tương, Vệ, Huy, Hoài, Mạnh, Lược Trạch, Lộ, Liêu, Thấm, Bình Dương, Thái Nguyên, Cát, Thấp, Bạt Phần, Thạch, Lam, Hân, Đại, Vũ rồi quay về; Các em trai của Thành Cát Tư Hãn là Cáp Tát Nhi và Oát Trần Na

Nhan, Chuyết Xích, Bạc Sát làm cánh tả, theo đường bờ biển đi về phía đông, giành được các quận Kế Châu, Bình, Loan, Liêu Tây rồi quay về; Thành Cát Tư Hãn cùng với hoàng tử Đà Lôi làm cánh giữa, lấy được các quận như Hùng, Bá, Mạc, An, Hà Gian, Thương, Cảnh, Hiến, Thâm, Kỳ, Lãi, Ký, Ân, Bộc, Khai, Hoạt, Bác, Tế, Thái An, Tế Nam, Tân, Lệ, Ích Đô, Truy, Duy, Đãng, Lai, Nghi. Ông lại lệnh cho Mộc Hoa Lê tiến đánh Mật Châu.

Mùa đông tháng Mười, Thành Cát Tư Hãn thu binh về gần Trung Đô, ba đạo quân lần lượt trở về, hội sư ở Đại Khẩu phía tây Trung Đô. Trong khoảng thời gian một năm này, ngoại trừ 11 thành ở các quận huyện của Hà Bắc chưa bị đánh hạ, còn lại đều bị quân Mông Cổ chiếm giữ.

Nước Kim dời đô - Mông Cổ giành được Trung Đô

Đại quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn đóng tại phía bắc ngoại ô Trung Đô cho đến tháng Ba mùa xuân năm 1214, các tướng lĩnh xin lệnh thừa thắng phá Trung Đô, Thành Cát Tư Hãn không đồng ý, mà phái sứ thần nói với Hoàng đế Kim Tuyên Tông rằng, “Các quận huyện Sơn Đông, Hà Bắc của nước Kim đã rơi vào tay ta, các ngươi chỉ còn lại thành Yên Kinh (Trung Đô) thôi. Thiên Thượng dường như đã khiến ngươi trở nên suy yếu, ta lại khiến cho ngươi rơi vào cảnh hiểm nguy, Thiên Thượng sẽ nhìn ta như thế nào đây? Cho nên ta dự định đưa quân về, nhưng (thuộc hạ của ta không đồng ý), ngươi có biện pháp gì để tiêu trừ được sự phẫn nộ của các tướng lĩnh của ta?”



Vì để giải vây cho Trung Đô, Kim Tuyên Tông phải hòa đàm với Mông Cổ, năm 1214 đem công chúa Kỳ Quốc con gái của Vệ Thiệu Vương (nhân vật cưỡi ngựa ở bên trái bức hình) tặng cho Thành Cát Tư Hãn cầu hòa, sau đó Mông Cổ lui về khu Mạc Bắc. Hình ảnh trích xuất trong "Sử tập". (Ảnh: Tài sản công)

Hoàng đế Kim Tuyên Tông cùng các đại thần bàn bạc, có người chủ chiến, có người chủ hòa, định đợi sau khi binh lính Mông Cổ rút quân, sẽ tính kế đánh sau. Hoàng đế Kim Tuyên Tông phái sứ thần đi cầu hòa, đưa công chúa Kỳ Quốc con gái Vệ Thiệu Vương cùng gấm vóc, năm trăm đồng nam đồng nữ, và ba ngàn con ngựa cống nạp cho Thành Cát Tư Hãn, phái Thừa tướng

Hoàn Nhan Phúc Hưng tiễn Thành Cát Tư Hãn ra khỏi Cư Dung Quan. Sau khi ký hòa ước, Thành Cát Tư Hãn rút binh, quân Mông cổ quay trở về phía bắc. Nước Kim có cơ hội tạm thời nghỉ ngơi.

Tháng Năm, Hoàng đế Kim Tuyên Tông đại xá trong nước, lấy lý do nước yếu binh nhược, tài chính thiếu thốn không thể ở lại Trung Đô. Mặt khác không quan tâm đến đến phản đối của Đồ Đơn Dật và Thái Học Sinh, Hoàng đế quyết định dời đô đến Biện Kinh Nam Kinh (nay là Khai Phong), hy vọng có thể dựa vào thế hiểm yếu của Hoàng Hà để bảo vệ kinh thành, ông cũng ra lệnh cho Hoàn Nhan Phúc Hưng cùng Tham Chính Mạt Niệm tận trung phụ tá Thái tử Thủ Trung ở lại Trung Đô. Có điều, nguyên nhân chính là Kim Tuyên Tông e ngại quân Mông Cổ tái tấn công Trung Đô, khiến mình lâm vào cảnh nguy hiểm.

Khi Hoàng đế Kim Tuyên Tông đi tới thôn quê ở Tây Nam Trung Đô, ông lệnh cho quân hộ tống người Khiết Đan vốn đầu hàng nay giao lại toàn bộ áo giáp, ngựa. Do hàng quân Khiết Đan biết được nước Kim không giữ tín nghĩa, nên buông lời oán giận, thậm chí làm loạn, giết chết chủ soái người Kim, đề cử Chước Đáp người Khiết Đan làm soái, tấn công hướng Trung Đô. Chủ soái Trung Đô Hoàn Nhan Thừa Huy phái binh ngăn cản, Chước Đáp phái người xin hàng Thành Cát Tư Hãn, và cũng thỉnh cầu viện trợ.

Lúc ấy Thành Cát Tư Hãn đang nghỉ tránh nóng tại Ngư Nhi Lạc (nay là tây bắc huyện Trương Bắc tỉnh Hà Bắc, vị trí dọc đông nam cao nguyên nội Mông Cổ). Khi ông nghe nói Hoàng đế Kim quốc dời đô về Nam Kinh và cuộc binh biến của Chước Đáp, đã rất giận dữ nói:

“Kim chủ đã cùng ta hòa hảo chung sống, lại lựa chọn đời đô, là bởi vì có lòng nghi ngờ, chẳng qua là lấy hòa ước để lừa gạt ta đó thôi”.

Thành Cát Tư Hãn lệnh cho tướng Tát Mộc Hợp dẫn quân Mông Cổ, tướng Thạch Mạt Minh An dẫn quân là người Kim đầu hàng đến Cổ Bắc Khẩu, cùng người Khiết Đan của Chưốc Đáp hội hợp, tập trung bao vây Trung Đô. Mùa thu tháng Bảy, Thái tử Thủ Trung của nước Kim về Nam Kinh trước, lòng người Trung Đô càng thêm hoang mang. Tát Mộc Hợp và các tướng áp dụng kế sách vừa vây thành đánh viện binh, vừa chiêu hàng, khiến cho Hữu phó nguyên soái Bồ Sát Kỳ nước Kim và các tướng khác phải đầu hàng, còn chặt đứt thủy vận, tiêu diệt viện binh cùng đội vận lương của nước Kim, khiến Trung Đô lương thực cạn kiệt, không còn viện binh. Ở giữa, Thành Cát Tư Hãn tiếp thu kiến nghị của thuộc cấp Om Mộc Hải, áp dụng kỹ thuật tiên tiến của Trung Nguyên, gây dựng pháo binh Mông Cổ, từ đó chú trọng dùng pháo thạch để công thành.

Tháng Mười, Thành Cát Tư Hãn lại lệnh cho Mộc Hoa Lê tiến quân chinh phạt Liêu Đông, chi viện cho Gia Luật Lưu Ca. Khi Mộc Hoa Lê đi phạt Liêu Đông, các tướng như Cao Châu Lưu Tông, Kim Phác đầu hàng; Trương Kinh ở Cẩm Châu giết Tiết Độ Sứ, tự lập làm Lâm Hải Vương, cũng phái sứ giả đến đầu hàng. Khi đó nước Kim phái Bồ Tiên Vạn Nô dẫn đại quân tiến công Lưu Ca. Dưới sự trợ giúp của người Mông Cổ, Lưu Ca đã đại phá quân Kim tại huyện Quy Nhân Bắc Hà (nay là nội thành Xương Đồ Liêu Ninh), đồng thời thừa thế chiếm lĩnh các châu quận của Liêu Đông, định đô Hàm Bình, gọi là Trung Kinh.

Tháng Giêng năm 1215, Mộc Hoa Lê cùng Gia Luật Lưu Ca công chiếm Đông Kinh của nước Kim, chấp nhận sự đầu hàng của Hoàng Đáp Hổ, tướng trấn thủ nơi đây, và 47 người khác, bình định được 32 thành. Thuộc hạ của Gia Luật Lưu Ca khuyên ông ta xưng đế, nhưng ông ta một mực cự tuyệt. Tháng Mười Một, Gia Luật Lưu Ca bí mật cùng con trai Tiết Đồ mang theo hậu lễ đi Mạc Bắc yết kiến Thành Cát Tư Hãn. Thành Cát Tư Hãn rất vui mừng, ban cho ông ta Hổ phù vàng, và phong ông ta làm Liêu Vương.

Tháng Ba, Hoàng đế Kim Tuyên Tông sau khi được chủ soái Hoàn Nhan Thừa Huy, thủ vệ Trung Đô, dùng phèn chua viết tấu chương cấp báo, bèn chiếu lệnh cho Nguyên soái tả giám quân Hoàn Nhan Vĩnh Tích, Nguyên soái tả đô giám Ô Cổ Luận Khánh Thọ đốc lập dẫn 39,000 quân đi cứu viện Trung Đô. Hoàng đế cũng phái Ngự sử trung Thừa Lý Anh chiêu mộ dân quân chống quân Mông Cổ ở Thanh Châu, Thương Châu thuộc Hà Gian Phủ, lệnh cho ông ta xuất phát từ Thanh Châu, đốc thúc vận chuyển lương thảo đi cứu Trung Đô.

Sau khi Lý Anh đến phủ Đại Danh, chiêu được mấy vạn binh sĩ, lệnh cho mỗi người vác theo ba đấu lương thực, chính ông cũng không ngoại lệ. Trên đường, đội quân của Lý Anh không may gặp đội quân Mông Cổ tại bắc Bá Châu, Lý Anh bởi vì uống rượu say mèm, không thể thống lĩnh quân, nên quân Kim đại bại, Lý Anh chết trận, quân lính bị tiêu diệt hoàn toàn, lương thảo vận chuyển đều bị quân Mông Cổ chiếm đoạt. Tướng Ô Cổ Luận Khánh Thọ và Hoàn Nhan Vĩnh Tích dẫn quân đến Trác Châu, cũng bị quân Mông Cổ đánh tan, hai người dẫn tàn quân chạy tán loạn quay về.

Do viện trợ cho Trung Đô hoàn toàn thất bại, trong ngoài Trung Đô đều bị cắt đứt liên hệ, trong thành nạn đói nghiêm trọng, thậm chí còn xuất hiện tình huống ăn thịt người. Tháng Năm, người Mông Cổ triển khai tác chiến công thành, một lần dùng pháo liền đạt mấy trăm cửa, nhanh chóng phá thành. Do không đủ sức chống đỡ, thêm Hoàn Nhan Thừa Huy uống thuốc độc tự sát, phó soái Mạt Niệm tận trung lẩn trốn, binh lính còn lại trong thành ra đầu hàng.

Sau khi quân Mông Cổ chiếm lĩnh Trung Đô, đổi tên là Yên Kinh, Thành Cát Tư Hãn phái Thất Cát Hốt Đột Hốt, Uông Cổ Nhi cùng Cáp Tát Nhi đi khảo thưởng. Ông cho kiểm tra tài vật bên trong kho của Trung Đô, vận chuyển toàn bộ về thảo nguyên Mông Cổ. Tiểu lại giữ kho của nước Kim tự cho là thông minh đem một chút tài vật đưa cho ba người, chỉ có Thất Cát Hốt Đột Hốt từ chối. Ông nói: “Những tài vật này trước đây đều của Hoàng đế nước Kim, bị chúng ta chiếm đoạt, hiện tại là tài vật của Thành Cát Tư Hãn. Mọi người không thể tự chiếm riêng một phân một hào”. Sau khi Thành Cát Tư Hãn nghe nói, rất tán thưởng Thất Cát Hốt Đột Hốt.

Tháng Bảy, Thành Cát Tư Hãn sai sứ giả đi hiểu dụ Hoàng đế Kim Tuyên Tông: “Nếu như người giao hiến thành trì ở Sơn Đông Hà Bắc, từ bỏ danh hiệu Hoàng đế nước Kim, và đồng ý thay thế Kim chủ là Hà Nam Vương, Mông Cổ sẽ bãi binh”, nhưng Hoàng đế Kim Tuyên Tông từ chối.

Biết được sự tài giỏi của thợ thủ công người Hán, người Mông Cổ ngoài việc công thành chiếm đất, họ đặc biệt chú trọng đến việc tìm kiếm thợ thủ công, có khi một thành liền có được mấy vạn thợ. Có được rất



Năm 1215, quân Mông Cổ bao vây tấn công Trung Đô nước Kim. Hình ảnh trích từ « Sử tập ». (Ảnh: Tài sản công)

nhều thợ thủ công như thế, Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh thành lập đội quân thợ thủ công, xây dựng công xưởng nấu sắt chế tạo binh khí. Ngoài ra, người Mông Cổ còn sáng tạo “Tiển tốc truyền kỵ” trong việc thông tin liên lạc, một ngày chạy nhanh mấy trăm dặm, tốc độ truyền đạt quân lệnh và điều khiển quân đội càng nhanh chóng hơn. Họ rất giỏi về phát huy sở trường của kỵ binh, nên còn được gọi là “Cơn lốc Mông Cổ”.

Giành được một nửa giang sơn nước Kim

Thế tiến công liên tục của binh lính Mông Cổ làm chính quyền nước Kim gặp nguy hiểm trùng trùng. Lúc này, người Mông Cổ đã chiếm lĩnh được 862 tòa thành bao gồm cả Trung Đô, bản đồ của nước Kim đang dần thu nhỏ lại.

Mùa xuân năm 1216, Thành Cát Tư Hãn từ Ngự Nhi Lạc trở lại hành cung Lư Cù Hà (nay là bên bờ sông Khắc Lỗ Luân miền đông Mông Cổ), vì muốn mau chóng công phá Liêu Tây cùng các châu và huyện ở Trung Nguyên, ông gia tăng thêm áp lực đối với Nam Kinh của nước Kim. Ông phái Xa Nhi Tất (tức quan thị vệ) Thoát Luân cùng Mộc Hoa Lê đi bình định một dải các địa phương còn chưa bị đánh hạ của Quan Đông. Trong vòng nửa năm, khu vực này cơ bản được bình định.

Tháng Tám mùa thu năm đó, Thành Cát Tư Hãn lại lệnh cho Tát Mộc Hợp dẫn vạn kỵ binh, đi qua Tây Hạ rồi tiến về Quan Trung, từ vùng đất Hà Tây tiến vào Thiểm Tây, tiến công Đồng Quan. Đồng Quan vững như thành đồng, quân Mông Cổ mới đầu tấn công thấy bất lợi, liền tránh Đồng Quan, tiến vào vùng núi phía nam.

Đường xá vùng núi vô cùng hiểm trở, nhưng những người Mông Cổ gan dạ không hề e ngại, bọn họ đi trên con đường hẹp quanh co, ghép từng cây giáo sắt lại với nhau, dựng lên một “nhịp cầu” ở bên trên khe núi Tuấn Cốc. Trải qua trùng trùng hiểm trở, bọn họ đã trèo tới đỉnh núi, và như từ trên trời giáng xuống, nhanh chóng tới được Nhữ Châu, rồi đột nhiên xuất hiện tại tây nam Biện Kinh Nam Kinh nước Kim, hoàn toàn vượt ra khỏi

dự tính của người Kim. Quân Kim không dám trực tiếp chống lại, lập tức rối loạn.

Tiếp đó, đội quân của Tát Mộc Hợp thẳng đến Biện Kinh. Cách doanh trại Hạnh Hoa hai mươi dặm, đội quân của Tát Mộc Hợp gặp đội quân Hoa Mạo là nghĩa quân địa phương đến tiếp viện cho người Kim. Binh lính Mông Cổ không chiếm được thế thượng phong, Tát Mộc Hợp liền dẫn quân rút lui đến Thiểm Châu (nay là huyện Thiểm tỉnh Hà Nam). Lúc này nước sông Hoàng Hà vừa vãn đóng băng, binh lính Mông Cổ đã vượt sông Hoàng Hà để chinh đồn quân đội.

Tháng Mười Một, đội quân Mông Cổ lần nữa tiến đánh Đồng Quan, An Tây Quân Tiết Độ Sứ Nê Bàn Cổ Bồ Lỗ Hổ tử trận, Đồng Quan bị binh lính Mông Cổ đánh hạ. Tuy được phái tới cứu viện nhưng do sợ hãi mà không dám khai chiến với người Mông Cổ, chỉ ngồi nhìn Đồng Quan thất thủ nên Hoàn Nhan Vĩnh Tích bị Hoàng đế Kim quốc cắt đi tước vị, điều này khiến quân Kim trên dưới càng thêm nản lòng.

Sau khi đánh hạ Đồng Quan, trải qua một thời gian chinh đồn, Tát Mộc Hợp dẫn quân lấy được Hiệp Châu, v.v. rồi mới đông tiến, lần nữa tiến quân hướng Biện Kinh. Khi đến gần thành Biện Kinh, Tát Mộc Hợp điều tra phát hiện trong đồn của quân Kim có trọng binh, khó mà đánh nhanh được, ông quyết định vượt lên trên phía bắc sông Hoàng Hà, bao vây tấn công phủ Bình Dương (nay là huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây).

Cảm giác bất lực tột độ khi đối kháng đại quân Mông Cổ, Hoàng đế Kim Tuyên Tông phái sứ giả đến Thành Cát Tư Hãn xin hòa. Thành Cát Tư Hãn chuẩn bị đồng ý, liền hạ chiếu để Tát Mộc Hợp thu binh. Không

muốn ủng hộ công mà rút lui, Tát Mộc Hợp liền phái người hướng đến Hoàng đế Kim quốc lại một lần nữa đưa ra điều kiện như trước: Lấy các thành trì ở Sơn Đông Hà Bắc chưa bị đánh hạ ra hiến, đồng thời từ bỏ danh hiệu Hoàng đế nước Kim, Mông Cổ sẽ bãi binh”, nhưng Hoàng đế nước Kim lần nữa từ chối, hòa đàm lại gặp trở ngại.

Từ khi Thành Cát Tư Hãn phát động chiến tranh với nước Kim vào năm 1211 đến thời điểm đó, kỵ binh Mông Cổ ở trong ngoài Trường Thành tung hoành ngang dọc, tiêu diệt lượng lớn quân chủ lực và đánh chiếm được một nửa giang sơn của nước Kim. Đội quân Mông Cổ cũng được mở rộng, nhất là sau khi có lượng lớn những người thợ thủ công ở trong quân biết chế tạo dụng cụ và vũ khí, thực lực tăng lên rất nhiều. Có điều, cũng giống như trước đây, đối với rất nhiều châu huyện, sau khi quân Mông Cổ chiếm lĩnh và cướp đoạt thì lại rút đi. Nước Kim lại tiếp tục vật lộn trong sự bất ổn định. Triều Tống ở phía nam nước Kim cũng bởi vì suy yếu đã lâu, không còn sức giao tranh với nước Kim, chỉ là bãi bỏ hòa ước Gia Định, ngừng nộp tiền cống hàng năm. Chúng ta cũng có thể nhìn thấy được dấu hiệu việc Triều Tống cuối cùng cũng bị người Mông Cổ tiêu diệt.

Năm 1217, quân Mông Cổ lại công phá quân Kim tại Vũ Bình và Bá Châu. Tháng 08/1217, do có công bình định Liêu Tây và Liêu Đông, Thành Cát Tư Hãn phong cho Tướng quân Mộc Hoa Lê làm Thái Sư, Quốc Vương, và ban thưởng cuốn lời thề có ấn vàng, chiếu viết: “Tử tôn truyền quốc, thế thế bất tuyệt” (truyền cho con cháu đời đời). Thành Cát Tư Hãn lại lệnh cho ông toàn

quyền chỉ huy 1.3 vạn quân Mông Cổ, một vạn quân bộ binh của Uông Cổ Nhi, đội quân người Khiết Đan đầu hàng Mông Cổ cùng toàn bộ quân người Hán tấn công nước Kim. Ông cũng lệnh cho Mộc Hoa Lê đi chiêu dụ thu nạp các hào kiệt Trung Nguyên, sắp đặt xây dựng hàng tỉnh, quản lý hoạch định Trung Nguyên, còn mình thì dẫn quân chủ lực quay về Mông Cổ, chuẩn bị chinh chiến phía Tây. Thế giới sẽ vì thế mà chấn động.

Chương 11: Thương đội Mông Cổ gặp nạn - Tây chinh Hoa Lạt Tử Mô

Vào năm 1215, khi Thành Cát Tư Hãn tiến đánh nước Kim ở gần Trung Đô, Quốc Vương A Lạp Ô Định – Ma Ha Mạt (Ala Ad-Din Muhammad) của nước Hoa Lạt Tử Mô (Khwarezm-Shah) thuộc khu vực Trung Á đã phái Ba Cáp A Đinh Cát Lạt (Baha Adin Jira), người dẫn đầu đoàn sứ giả, đến yết kiến Thành Cát Tư Hãn, mục đích là thăm dò thực lực quân đội và tình hình các phương diện của Mông Cổ.

Thành Cát Tư Hãn thịnh tình khoản đãi các thành viên đoàn sứ giả, ông biết được nước Hoa Lạt Tử Mô là một nước Hồi giáo lớn, người Hoa Lạt Tử Mô lại biết buôn bán làm ăn nổi tiếng trên thế giới. Đế quốc Mông Cổ hưng khởi, họ đã thấy được cơ hội buôn bán ở đây, nên có rất nhiều thương nhân Hoa Lạt Tử Mô đến Mông Cổ, giao dịch với người Mông Cổ và thu được rất nhiều lợi nhuận, mà Mông Cổ cũng cần những hàng hóa này.

Vì thế, Thành Cát Tư Hãn viết thư cho Ma Ha Mạt, trong đó có một câu “Ma Ha Mạt Khả Hãn, ông thống trị nơi mặt trời lặn, ta thống trị nơi mặt trời mọc”, và cũng nói rõ hai bên có thể duy trì quan hệ hòa bình hữu hảo, muốn để thương nhân tự do thông hành, xúc tiến giao lưu văn hóa, cùng nhau phát triển.

Sau khi Hoa Lạt Tử Mô phái sứ giả đến thăm, năm 1216, Thành Cát Tư Hãn phái sứ giả đáp lễ Hoa Lạt Tử Mô, biểu thị thiện ý kết giao hữu hảo. Nhà sử học Croix nước Pháp đã nói về địa vị của Thành Cát Tư Hãn khi

đó như sau: “Vị quân chủ này không còn lo lắng phía đông và phía tây của Châu Á, cũng không còn lo lắng phía bắc Châu Á, ông hết lòng cùng Hoa Lạt Tử Mô phát triển tình hữu nghị một cách chân thành. Vì thế, ông cử ra ba vị sứ giả mang theo tặng phẩm đi hỏi thăm Hoa Lạt Tử Mô... Người dân của nước họ có nguyện ý cùng nhau tiến hành giao dịch an toàn hay không, thông qua một loại quan hệ là đồng minh lý tưởng của nhau, để được nghỉ ngơi lấy sức và phần vinh giàu có. Điều này đối với bất kể vương quốc nào mà nói đều là một loại hạnh phúc lớn lao”.

Thế nhưng, Thành Cát Tư Hãn rốt cuộc bị thất vọng.

Hoa Lạt Tử Mô quật khởi

Khởi nguồn của Hoa Lạt Tử Mô là vương triều Hồi giáo Sunni ở Ba Tư thuộc khu vực Trung Á. Giữa thế kỷ 12, quốc vương Gia Luật Đại Thạch của nước Tây Liêu đã dùng mười năm để chinh phục bốn nước Tây Ca Lạt Hãn, Đông Ca Lạt Hãn, Cao Xương Hồi Hột và vương quốc Hoa Lạt Tử Mô, khiến họ trở thành những nước phụ thuộc vào mình. Lúc đó thủ đô Tây Liêu là Hồ Tư Oát Nhĩ Đóa, nghe nói đại thi nhân Lý Bạch thời Đường được sinh ra ở nơi này. Cương vực (lãnh thổ) của nó: phía bắc đến sông Y Lê (sông Ili, thuộc Kazakhstan), phía nam đến thượng du của sông Tích Nhĩ (sông Syr Darya), phía tây đến Đất La Tư (nay là phía tây Thông Lĩnh tức dãy núi Pamir thuộc Tajikistan), phía đông đến Ba Nhĩ Tư Hãn (nay là đông nam hồ Y Tắc Khắc tức là hồ Issyk-Kul thuộc Kyrgyzstan).

Năm 1200, Ma Ha Mạt của nước Hoa Lạt Tử Mô lên ngôi, lãnh thổ của ông ta phía đông bắc đến sông Tây Nhĩ (sông Siril), tây nam đến vịnh Ba Tư, đông nam đến sông Ấn Độ, phía tây bắc đến A Triết Nhĩ Bái Chiêm (nay là Azerbaijan). Khi thực lực của quốc gia Tây Liêu suy yếu, Ma Ha Mạt có tâm không thần phục. Lúc này, mấy nước khá lớn mạnh ở khu vực Trung Á ngoài trừ Tây Liêu, Hoa Lạt Tử Mô, còn có vương triều Cổ Nhĩ nằm ở vị trí của Afghanistan và phía bắc của Ấn độ ngày nay. Năm 1204, Tây Liêu cùng với Hoa Lạt Tử Mô liên thủ đánh bại vương triều Cổ Nhĩ. Vương triều Cổ Nhĩ và Hoa Lạt Tử Mô có nền tảng tín ngưỡng giống nhau, nên lựa chọn sáp nhập vào Hoa Lạt Tử Mô.

Vì để thoát khỏi sự thống trị của Tây Liêu, vào năm 1208, Ma Ha Mạt tiến công nước phụ thuộc Tây Liêu là Tát Mã Nhĩ Hãn (Samarkand nay thuộc Uzbekistan), nhưng bị Tây Liêu đánh bại. Không lâu sau, trong nước Tây Liêu có nổi loạn, quân chủ của Tát Mã Nhĩ Hãn là Tư Mạn • Y Bản • Dịch Bặc Lạp Hân (Osman Ibn Ibrahim) phản bội Tây Liêu, tự lập làm Hãn. Ma Ha Mạt lại cùng Osman liên hợp, đuổi thế lực Tây Liêu ra khỏi khu vực Hà Trung. Sau đó, Ma Ha Mạt đánh bại Osman, chiếm lĩnh khu vực Hà Trung

Năm 1211, sau khi bộ tộc Nãi Man bị diệt, Cổ Xuất Lỗ Khắc (Khuất Xuất Luật), là con trai của Thái Dương Hãn – thuộc bộ tộc Nãi Man chạy đến Tây Liêu để dựa vào Cổ Nhi Hãn (tức Gia Luật Trục Lỗ Cổ). Nhân lúc Cổ Nhi Hãn xuất chinh, ông ta ở hậu phương đã tạo phản, đồng thời liên hợp với Hoa Lạt Tử Mô lật đổ Cổ Nhi Hãn, cướp đoạt quyền chính và trở thành quân chủ mới của Tây Liêu. Nước phụ thuộc của nó là Hãn Quốc Tây



Di chỉ thành phố Hoa Lạt Tử Mô ở vùng ngoại ô Urgench thuộc Uzbekistan. (Ảnh: Shutterstock)

Khách Lạt bị Hoa Lạt Tử Mô thôn tính, Hãn Quốc Đông Khách Lạt bị Cổ Xuất Lỗ Khắc thôn tính, Cao Xương Hồi Hột quay về thần phục Thành Cát Tư Hãn.

Chinh phục thế lực tàn dư ở xung quanh - Diệt Tây Liêu

Khi đang tấn công nước Kim, đồng thời biểu đạt tình hữu hảo với nước Hoa Lạt Tử Mô, Thành Cát Tư Hãn còn tiếp tục điều động tướng lĩnh chinh phục các thế lực xung quanh.

Năm 1217, Thành Cát Tư Hãn phái một trong “Mông Cổ tứ kiệt” Bác Nhĩ Hốt mang quân đi giao chiến với người Thốc Mã Dịch. Họ cư trú ở khu vực giữa hồ

Bối Gia Nhĩ (tức hồ Baikal) và Khắc Lạp Tư Nặc Á Nhĩ Tư Khắc (nay là thành phố Krasnoyarsk thuộc Siberi ở Nga), thủ lĩnh của họ là Nữ Vương Bột Thoát Khôi Thập Nhi Hồn, là quả phụ của thủ lĩnh trước. Bị phục kích, Bác Nhĩ Hốt không chuẩn bị trước đã phải bỏ mình. Thành Cát Tư Hãn lại cho quân tiến đánh một lần nữa, cuối cùng cũng giành được thắng lợi. Nữ vương Bột Thoát Khôi Thập Nhi Hồn bị bắt. Vì để an ủi người nhà của Bác Nhĩ Hốt, Thành Cát Tư Hãn đem một số người Thốc Mã Dịch phân chia cho họ.

Cùng năm đó, Tốc Biệt Đài, một trong “Mông Cổ tứ mãnh”, phụng chỉ xuất quân truy tập tàn quân Miệt Nhi Khất Dịch, đuổi đến một nơi nay là Vùng Chuy nằm ở phía nam Kazakhstan, và tiêu diệt hết.

Năm 1218, Triết Biệt phụng chỉ tiến công Tây Liêu. Sau khi Triết Biệt thống soái quân Mông Cổ với khí thế không gì có thể ngăn cản, Cổ Xuất Lỗ Khắc chạy trốn đến Ba Đạt Hách Thượng (là Badakhshan thuộc Nước Tajikistan ngày nay), sau bị dân bản xứ bắt đưa đến cho Triết Biệt xử tử.

Sau khi Tây Liêu thuộc về Thành Cát Tư Hãn, nước Đại Mông Cổ và Hoa Lạt Tử Mô tiếp giáp nhau, càng thuận tiện hơn cho quan hệ qua lại giữa hai nước. Hai bên đã ký kết hiệp định thông thương hòa bình trong năm đó.

Thương đội Mông Cổ bị hại, Thành Cát Tư Hãn quyết ý tây chinh

Năm 1218, căn cứ hiệp nghị thông thương, Thành Cát Tư Hãn cho thành lập Thương đội lớn gồm 450

người, dùng 500 con lạc đà chở hàng hóa quý giá như vàng, bạc, tơ lụa, hàng dệt từ lông lạc đà, da hải ly, lông chồn, v.v., đồng thời mang theo thư Thành Cát Tư Hãn gửi cho Ma Ha Mạt, lên đường đến Hoa Lạt Tử Mô. Trong các thành viên của Thương đội, ngoại trừ sứ giả Mông Cổ là Ngột Đột Nạp, thì các thành viên khác đều là người Hồi giáo. Điều này thấy rõ Thành Cát Tư Hãn cân nhắc kỹ lưỡng đến vấn đề tín ngưỡng.

Trong thư Thành Cát Tư Hãn viết: “Chúng ta nên đảm bảo cho cả những con đường thông thường và những con đường hoang vu được bình an mở cửa, từ đó các thương nhân có thể qua lại an toàn và không bị hạn chế”. Điều này cũng cho thấy mong muốn thực sự của Thành Cát Tư Hãn về giao hảo giữa hai nước.

Nhưng, sau khi Thương đội đi vào khu vực Ngoa Đáp Lạt (Otrar) nay là thượng du sông Tích Nhĩ (Syr Darya) phía nam Kazakhstan, và là thành phố sát biên giới của Hoa Lạt Tử Mô, bởi vì tướng Diệc Nạp Lạc Xuất Hắc (hiệu là Hải Nhi Hãn) tham tài, bắt giữ Thương đội giam lại, và phái người bẩm báo với Ma Ha Mạt rằng, trong Thương đội có mật thám của Thành Cát Tư Hãn. Ma Ha Mạt không tìm hiểu rõ tình trạng, hạ lệnh xử tử các thành viên trong Thương đội và tịch thu toàn bộ tài vật. Cuối cùng, chỉ có một người may mắn thoát khỏi, từ trong lao ngục chạy thoát được, về thông báo cho Thành Cát Tư Hãn sự việc Thương đội bị hại.

Trong sách sử ghi, Hoa Lạt Tử Mô là một quốc gia chưa thành thực, không giống như quốc gia của Thành Cát Tư Hãn có pháp điển ổn định như “Đại Trát Tát”, cũng không có đủ lực lượng quân sự để chống lại người



Đội quân Mông Cổ xuất chinh (Ảnh: do Epoch Times chế tác)

Mông Cổ. Quân chủ Ma Ha Mạt có tính khí nóng nảy, làm việc không biết tính toán trước sau.

Sau khi nghe nói thành viên Thương đội bị hại, Thành Cát Tư Hãn vô cùng tức giận. Nhưng lúc đầu, ông vẫn hy vọng hai bên có thể thông qua phương thức hòa bình giải quyết, nên phái đoàn ba sứ giả do Ba Hợp Lạt dẫn đầu đến Hoa Lạt Tử Mô, yêu cầu Ma Ha Mạt giao người gây ra họa và đưa ra biện pháp thuyết phục. Nhưng Ma Ha Mạt không chỉ không trách phạt Diệc Nạp Lạc Xuất Hắc (vì người này là họ hàng của mẫu thân ông ta), còn chỉ trích Thành Cát Tư Hãn. Ông ta không những cho sát hại Ba Hợp Lạt mà còn lệnh cạo râu của hai phó sứ đi theo. Người Mông Cổ xem râu là sự tôn nghiêm của người đàn ông, cưỡng ép cạo râu như vậy giống như tước đoạt sự tôn nghiêm của người Mông Cổ. Chuyện này khiến Thành Cát Tư Hãn càng thêm phẫn nộ.

Sách sử viết, ông “khóc trong giận dữ, trèo lên một đỉnh núi, sau khi bỏ mũ cởi đai bày đặt đồ cúng xong, ông quỳ xuống đất cầu trời, xin trợ giúp báo thù, không ăn uống gì và cầu nguyện ba ngày rồi mới xuống núi”. Không thể nhịn được nữa Thành Cát Tư Hãn quyết định tự mình dẫn đại quân đến Hoa Lạt Tử Mô đòi lấy câu trả lời. Ông lệnh cho Mộc Hoa Lê tiếp tục tấn công nước Kim, lệnh cho em trai Oát Xích Cân ở lại trấn thủ Mông Cổ.

Phân binh bốn lộ - Hội sư ở kinh đô mới của Hoa Lạt Tử Mô

Tháng 6/1219, người Mông Cổ bắt đầu cuộc Tây chinh. Đại quân Mông Cổ xuất phát từ bờ sông Khắc Lỗ Luân. Bốn con trai Thuật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài, Đà Lô của Thành Cát Tư Hãn và các đại tướng Tốc Bất Đài, Triết Biệt, Đại Đoạn Sự quan Thi Cát Hốt Đồ Hốt đi cùng. Ngoài 10 đến 15 vạn kỵ binh Mông Cổ, còn có số lượng binh sĩ đến từ các bộ tộc Duy Ngô Nhĩ, A Lực Ma Lý, Hợp Lạt Lỗ Đích Úy Ngột Nhi, Đột Quyết cùng các thầy thuốc người Hán và binh lính thợ thủ công hiệp trợ. Nước Tây Hạ từ chối xuất binh.

Trong đội quân của Mông Cổ, phần lớn quân lính đều từng tham gia chiến tranh với nước Kim, cũng có một chút kinh nghiệm thực chiến đối với việc đánh chiếm thành trì, lại thêm sự trợ giúp của thợ thủ công người Hán, người Mông Cổ đã có được khí giới và kỹ thuật công thành. Họ biết dùng cơ giới và kỹ thuật công thành như sử dụng nỏ, pháo, lấy đất đá lấp đầy hào

bên ngoài thành, hoặc xây dựng đài đất cho cao bằng tường v.v.

Nước Hoa Lạt Tử Mô có 40 vạn đại quân, bao gồm lực lượng vũ trang các cấp địa phương, nhưng trên thực tế kỵ binh cơ động tác chiến có thể dùng thì chỉ trên dưới 4 vạn người, hơn nữa không được tôi luyện thường xuyên, năng lực chỉ huy của Ma Ha Mạt không thể sánh với Thành Cát Tư Hãn. Ấn tượng của ông ta đối với người Mông Cổ chỉ dừng lại ở chỗ giỏi tác chiến trên thảo nguyên, không thể đánh các thành phố có bố trí phòng vệ kiên cố. Vì thế về mặt chiến lược, Hoa Lạt Tử Mô sử dụng biện pháp là không đối đầu với quân Mông Cổ ở các thảo nguyên, đem đại bộ phận quân đội đóng giữ tại thành thị, chỉ lấy số lượng ít quân để duy trì giao thông ở giữa các thành phố với quy mô chiến đấu nhỏ. Ông ta cho rằng, đợi một thời gian, quân Mông Cổ lương thảo không đủ tất phải tự động rút lui, đến lúc đó có thể thừa thắng truy kích. Chiến lược như vậy cũng quyết định kết cục thất bại của Hoa Lạt Tử Mô.

Mùa thu năm đó, đại quân Mông Cổ đến sông Tích Nhĩ, chuẩn bị tiến đánh thành Ngoa Đáp Lạt. Căn cứ vào tình báo, Thành Cát Tư Hãn biết được nơi đây có tường thành rất cao, quân coi giữ đông, trong một năm cũng không thể đánh hạ, mà sách lược của đối phương cũng là cố thủ lâu dài. Vì vậy, Thành Cát Tư Hãn định ra kế hoạch tác chiến giai đoạn đầu, tức trước tiên chia quân đánh chiếm thành lũy các nơi, còn ông tự mình chỉ huy đánh thành Bu Ha La (tức Bukhara thuộc Uzbekistan ngày nay), rồi sau đó hội sư (hội quân).

Sở dĩ đánh thành Bu Ha La, là bởi vì nó ở giữa Tát Mã Nhĩ Hãn tân đô của Hoa Lạt Tử Mô (nay

thuộc Uzbekistan) và cố đô Ô Nhĩ Căn Kỳ (nay thuộc Turkmenistan). Lấy được thành Bu Ha La, quân lính Mông Cổ có thể ngăn chặn được giao thông giữa Hoa Lạ Tử Mô và Hà Trung Phủ, và có thể cắt đứt chi viện từ bên ngoài tới các thành bị vây trên sông Tích Nhĩ.

Đại quân Mông Cổ chia thành bốn lộ quân: Lộ thứ nhất do hai con trai Sát Hợp Đài và Oa Khoát Đài của Thành Cát Tư Hãn dẫn quân bao vây Nga Đạp Lạp, sau đó ngược sông đi lên; Lộ quân thứ hai do con trưởng Thuật Xích chỉ huy. Đây là quân cánh phải, tấn công các trại dọc theo sông Tích Nhĩ. Mục tiêu chủ yếu là các



Bức tranh sơn dầu của thành phố Samarkand, thủ đô mới của Khwarizmo. (Shutterstock)

thành Chiên Đích, Dương Cát Cán, rồi mới ngược sông lên phía bắc; Lộ thứ ba do tướng quân A Lạt Hắc, Tắc Diệc Khách Thốc cùng Thập Hải dẫn năm ngàn kỵ binh chinh chiến ở thung lũng Phí Nhĩ Cán Nạp phía đông nam sông Tích Nhĩ (nay là Pergana ở Uzbekistan), tiến đánh thành Hạo Hãn (tên gọi khác là Hốt Chiên), là cánh quân bên trái; Lộ thứ tư do Thành Cát Tư Hãn cùng con thứ tư Đà Lô dẫn năm vạn binh mã, thuộc cánh quân giữa, vượt qua sông Tích Nhĩ, theo hướng tây nam vượt qua Sa mạc Đỏ tấn công chớp nhoáng thành Bu Ha La.

Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh cho các cánh quân trong thời gian quy định phải giành được mục tiêu, và hội sư tại Tát Mã Nhĩ Hãn. Đối với hành động của người Mông Cổ, Ma Ha Mạt biết rất ít, thậm chí còn đắm chìm trong cuồng vọng “Thất đất binh chúng, đầu tiên túc dĩ điền chi” (nghĩa là “bọn quân Mông Cổ này, bọn ta đông thế chỉ cần mỗi người ném một cái roi là đủ để vùi lấp chúng rồi). Bởi vậy khi binh lính Mông Cổ đến dưới chân tường thành, Ma Ha Mạt vô cùng kinh hoàng. Do người Mông Cổ xuất kích từ nhiều phía, khiến cho Ma Ha Mạt phải phân chia binh từ Tát Mã Nhĩ Hãn đi các nơi tiếp viện, làm giảm binh lực ở đô thành.

Trận chiến công thành Ngoa Đáp Lạt của lộ quân thứ nhất rất gian khổ. Thành này chia làm hai thành nội và ngoại, thành trì kiên cố, lương thảo sung túc, trước có ba vạn quân coi giữ, sau lại có một vạn quân tiếp viện. Quân Mông Cổ tiến đánh năm tháng, mà không hạ được. Sau sĩ khí của quân lính sa sút, hai tướng trấn thủ thì một người muốn giữ vững, một người muốn đầu hàng, và chuyện này để người Mông Cổ biết được.

Sau khi công phá được thành, quân lính Mông Cổ còn triển khai chiến đấu trên đường phố trong thành nội với quân trấn thủ và dân thường. Quân trấn giữ tàn dư đều bị giết chết.

Lộ quân thứ hai của Thuật Xích tới trước một tòa thành cổ tên là Tích Cách Nạp Khắc, sai sứ giả đi chiêu hàng, sứ giả bị giết. Thuật Xích lập tức hạ lệnh tiến công. Tấn công liên tục bảy ngày đêm thì bắt đầu hạ được. Sau đó liên tiếp hạ mấy thành, tướng trấn thủ thành là Chiên Đích sợ quá chạy trốn trong đêm, quân Mông Cổ thuận lợi tấn công vào trong thành.

Lộ quân thứ ba đầu tiên bao vây tấn công thành Biệt Nạp Khắc Thắc (nay là gần thành phố Cinoz thuộc Uzbekistan), hạ trong ba ngày, rồi đem nhập toàn bộ thợ thủ công trong thành vào quân Mông Cổ. Sau đó, họ xuất phát hướng đến thành Hạo Hãn. Tướng trấn thủ thành Hạo Hãn là Thiếp Mộc Nhi Diệt Lý vô cùng dũng mãnh, vền vẹn chỉ có một ngàn người chống lại quân lính Mông Cổ, không địch lại được bèn lùi về một hòn đảo nhỏ ở khu vực Hà Trung, vất vả đào tẩu, cuối cùng tìm đến nơi con trai của Ma Ha Mạt là Trát Lan Đình.

Lộ quân thứ tư là cánh quân giữa do Thành Cát Tư Hãn đích thân chỉ huy, cũng là quân chủ lực của Mông Cổ. Khi bọn họ đi được nửa đường đến thành Bồ Cáp Lạp, dọc đường qua trấn Táp Nhi Nạp Hắc, người dân trong trấn vì sợ hãi đều trốn ở trong pháo đài. Thành Cát Tư Hãn sai người truyền đạt khẩu dụ chiêu hàng, dân bản xứ đồng ý đầu hàng. Vì thế trừ một đội trung binh, và hủy hoại tường thành ra, bách tính trong trấn này hoàn toàn không tổn thất, vẫn an cư lạc nghiệp.

Lộ quân thứ tư tiếp tục hàng phục được thành Nột Nhi, và tiến đến thành Bồ Cấp Lạp. Thành này cũng chia làm thành nội thành ngoại, có hai ngàn kỵ binh Đột Quyết cùng hai vạn trai tráng thường dân đóng giữ. Người Mông Cổ bao vây tấn công đến ngày thứ ba, kỵ binh Đột Quyết thừa phá vây, bị đội quân Mông Cổ bao vây tiêu diệt, thành ngoại bị chiếm đóng. Những người còn lại trong thành nội kiên trì giữ thêm 12 ngày, thành trì mới bị công phá. Tình hình chiến trận vô cùng khốc liệt, người giữ thành đều tử trận, dân thường và quân Mông Cổ cũng thương vong rất nhiều.

Sau khi thành Bồ Cấp Lạp bị công hãm, người Mông Cổ hoàn toàn cắt đứt giao thông giữa tân đô Tát Mã Nhĩ Hãn và cố đô Ô Nhĩ Căn Kỳ của Hoa Lạt Tử Mô. Phòng tuyến sông Tích Nhĩ của Hoa Lạt Tử Mô đã trở nên không còn chút ý nghĩa nào, toàn bộ vùng Hà Trung đều lộ ra trước mặt người Mông Cổ.

Như vậy bốn lộ quân Mông Cổ đã hoàn thành mục tiêu định trước, giờ đều hướng mũi kiếm chỉ vào Tát Mã Nhĩ Hãn. Thành Tát Mã Nhĩ Hãn ở vị trí xung yếu, mặt phía bắc là sa mạc Cơ Cát Nhĩ Khố Mẫu (Qizilqum), mặt phía nam là Thiết Môn Quan (nay là phía tây Kiệt Nhĩ Tân Đặc (Derbent) thuộc khu vực nam Uzbekistan) có vị trí hiểm yếu, bắc có sông Tích Nhĩ, phía nam sông A Mẫu (sông Amu Darya), phải nói là vị trí chiến lược trọng yếu, nhân khẩu ở đây có trên 10 vạn người. Lúc này, Ma Ha Mạt lệnh cho tướng quân A Nhĩ Bát Hãn thống lĩnh 11 vạn (cũng có chỗ nói là 6 vạn) lính đánh thuê từ các bộ tộc Do Khang Lý (thuộc Đột Quyết), bộ tộc Tháp Cát Khắc, và còn tu sửa thêm nhiều thành lũy,

công sự phòng ngự rất kiên cố. Nhưng Ma Ha Mạt tự mình trong lòng sợ hãi, nên đã rời khỏi Tát Mã Nhĩ Hãn.

Người Mông Cổ có thể thuận lợi hạ được thành Tát Mã Nhĩ Hãn hay không?

Chương 12: Hoa Lạt Tử Mô diệt vong, Khâu Xứ Cơ tiết lộ thiên cơ

Sau khi 4 cánh quân của Mông Cổ đều giành được thắng lợi, vào tháng 5 năm 1220 đã tập hợp ở dưới thành Tát Mã Nhĩ Hãn, đồng thời từ đây bắt đầu hành trình quét ngang Trung Á.

Trước đây trong các cuộc chinh phục, sau khi hạ được các thành phố, người Mông Cổ sẽ cử người đến phân chia thường dân theo nghề nghiệp của họ. Các ngành nghề chuyên nghiệp bao gồm nhân viên thư ký, bác sĩ, nhà thiên văn học, quan tòa, thầy bói, giáo sư, mục sư, thợ thủ công v.v., Người Mông Cổ đặc biệt cần người thợ thủ công hiểu được nhiều loại ngôn ngữ, thợ thủ công có thể là thợ rèn, thợ mộc, thợ gốm, thợ dệt, thợ nhuộm, thợ làm giấy, thợ may, thợ đá quý, nhạc công, thợ cắt tóc, làm nghề thuốc, đầu bếp và những người biểu diễn giải trí v.v.. Họ hoặc là đi theo quân đội, hoặc là bị đưa đến đế quốc Mông Cổ. Họ hoàn toàn không cần đánh trận và chặn thả gia súc, chỉ cần làm tốt ngành nghề của mình. Mà những nhân tài này có đóng góp rất lớn đối với sự phát triển và lớn mạnh của đế quốc Mông Cổ.

Điều thú vị chính là, **Thành Cát Tư Hãn** còn có ý thông qua ngòi bút của văn nhân mà phóng đại số người chết trong chiến tranh, còn cho phép dân chúng tự do tuyên truyền những tin đồn có quan hệ đến ông hoặc người Mông Cổ mà người nghe cũng cảm thấy khó tin, ví dụ như người Mông Cổ sẽ tuyển chọn ra một đoàn

đại biểu từ trong thành phố bị chinh phục để đi đến thành phố chưa bị chinh phục và kể lại sự lợi hại của người Mông Cổ. Bởi vậy, khi chúng ta đọc xem những ghi chép của người đời sau liên quan đến sự tàn sát trong cuộc chinh phục Á-Âu của người Mông Cổ, chúng ta cần tiến hành khảo chứng một cách thận trọng, có lẽ một số con số là quá khoa trương.

Có nhà nghiên cứu từng tiến hành kiểm tra tình hình của các thành phố sau khi bị người Mông Cổ chinh phục, sau đó phát hiện, con số thương vong rất hiếm khi vượt qua một phần mười nhân khẩu. Mặc dù tại mảnh đất hoang mạc khô cằn này, cốt người có thể giữ mấy trăm năm thậm chí mấy ngàn năm, nhưng không có phát hiện bất cứ dấu vết gì về lời đồn rằng mấy triệu người đã bị người Mông Cổ đồ sát.

Bởi vậy, có học giả cho rằng, Thành Cát Tư Hãn hoàn toàn không phải là một kẻ sát nhân hàng loạt, nói chính xác hơn, ông không phải là một kẻ hủy diệt thành phố. Ông đã đốt cháy hoặc phá hủy một số thành phố, ngoài việc lập uy để người Mông Cổ có thể không chiến mà thắng, còn có cân nhắc dựa trên cơ sở của chiến lược. Bởi vì ông muốn tập trung thương mại nhiều hơn trên các tuyến đường mà quân đội có thể dễ dàng theo dõi và kiểm soát, từ đó làm cho việc kinh doanh giao thương và giao tiếp với Âu Châu trở nên thuận tiện hơn.

Trận chiến Tát Mã Nhĩ Hãn

Sau khi Đại quân Mông Cổ tập kết tại Tát Mã Nhĩ Hãn, Thành Cát Tư Hãn trước tiên hạ lệnh quét sạch các thành lũy bên ngoài, cắt đứt viện binh, sau đó tiến

hành bao vây. Khi Thành Cát Tư Hãn biết được Ma Ha Mạt (Muhammad) đã rời khỏi Tát Mã Nhĩ Hãn, ông lập tức phái Triết Biệt, Tốc Bất Đài cùng Thoát Hốt Sát Nhi dẫn ba vạn quân truy kích Muhammad.

Thành Cát Tư Hãn thấy Tát Mã Nhĩ Hãn thành cao rãnh sâu, liền hỏi quân sư Quách Bảo Ngọc có kế gì hay để phá thành hay không. Quách Bảo Ngọc cho rằng: *“Thành này dễ thủ khó công, không nên hành động hấp tấp, lại thêm các tướng sĩ hành quân mấy ngày liền đều rất mệt mỏi, chi bằng đầu tiên nghỉ ngơi chỉnh đốn, bàn lại kế sách”*. Thành Cát Tư Hãn rất tán thành.

Vào ngày thứ ba khi vòng vây của quân Mông Cổ chưa thành hình, tướng trấn giữ Tát Mã Nhĩ Hãn là A Nhĩ Bát Hãn đã chủ động tiến công, phái năm ngàn bộ kỵ binh Tháp Cát Khắc xuất kích. Người Mông Cổ thì áp dụng phương thức thường dùng là vừa đánh vừa rút lui, dẫn dụ người Tháp Cát Khắc đến vòng mai phục ở bên ngoài, toàn bộ người Tháp Cát Khắc tử trận, nhưng người Mông Cổ cũng thương vong rất nhiều. Còn quân Khang Lý cho là mình cùng tộc với người Mông Cổ, sớm có ý nghĩ nương tựa, nên cũng không trợ giúp người Tháp Cát Khắc.

Vào ngày thứ tư, Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh công thành, cư dân trong thành đều rất sợ hãi. Bởi vì người Mông Cổ thường xuyên thả tù nhân vào thành, tuyên truyền chính sách ưu đãi tù binh của mình, lại thêm các loại pháo đá và tên nỏ không ngừng tập kích, khiến cho người quyết giữ thành càng ngày càng ít. Đến ngày thứ năm, binh lính Khang Lý trong thành lần lượt đầu hàng, lãnh tụ tôn giáo trong thành cũng đến quân doanh của Thành Cát Tư Hãn xin hàng, Thành Cát Tư Hãn đều

thiện đãi họ. Tiếp theo đó, quân dân trong thành mở thành đầu hàng. Quân Mông Cổ tiến vào trong thành, tiêu diệt quân trấn giữ bên trong, chỉ có A Nhĩ Bát Hãn dẫn một ngàn quân trong đêm chạy trốn.

Thành Cát Tư Hãn lệnh cho quốc công thái sư Gia Luật A Hải ở lại trong thành tổ chức quân đội, để hàng quan Ba Khắc Hạt Lặc Miệt Lý Khắc và Nha Lạt Ngõa Xích phụ trách thu thuế, quản lý hàng dân, tuyển chọn ba vạn nhân công trong thành, phân chia đưa về các doanh trại quân Mông Cổ, tuyển ba vạn trai tráng khác làm ký quân, bổ sung cho đội công thành.

Sau khi định xong thành Tát Mã Nhĩ Hãn, Thành Cát Tư Hãn lệnh cho tam quân tu chỉnh ngay tại chỗ, mình thì đóng quân ở giữa Tát Mã Nhĩ Hãn và Na Hắc Sa Bố, để chuẩn bị cho cuộc tấn công mới.



Tát Mã Nhĩ Hãn thuộc Uzbekistan là thành phố có lịch sử nổi tiếng ở khu vực Trung Á. (Ảnh: Shutterstock)

Trận chiến Ô Nhĩ Căn Kỳ

Ô Nhĩ Căn Kỳ (Urgench) là cố đô của Hoa Lạt Tử Mô (Khwarizm, người Mông Cổ gọi là Ngọc Long Kiệt Xích), nằm bên kia sông Amu Darya, phải vượt qua bằng cầu, hơn nữa công sự phòng ngự và tường thành kiên cố, quân coi giữ lại đông đảo, do mẫu thân của Ma Ha Mạt là Thái hậu Thốc Nhi Hãn khống chế, tướng trấn giữ trong thành là Hốt Mã Nhĩ, chỉ huy đại quân có đến 11 vạn người. Mùa thu năm 1220, sau khi quân Mông Cổ tu chỉnh và bổ sung thêm, Thành Cát Tư Hãn đã hạ lệnh cho Truật Xích, Sát Hợp Đài cùng Oa Khoát Đài dẫn lộ quân 1 và 2 cùng tù binh trai tráng đến đánh Ô Nhĩ Căn Kỳ, Truật Xích làm Thống soái. Lại phái binh đóng tại biên giới phía bắc Hô La San, để phòng ngừa người Hoa Lạt Tử Mô chạy trốn xuống phía nam.

Đội quân tiên phong của Mông Cổ đến dưới thành Ô Nhĩ Căn Kỳ cướp súc vật để dẫn dụ khiến tướng giữ thành phải điều bộ binh và kỵ binh đuổi theo, người Hoa Lạt Tử Mô trúng phục kích, tử vong rất nhiều. Quân Mông Cổ liền theo đuôi bại binh tiến vào Hải Lan Môn, sau do đêm tối cho nên lại rút lui.

Bởi vì Thành Cát Tư Hãn từng hứa sẽ đem Ô Nhĩ Căn Kỳ làm đất phong cho Truật Xích, mặc dù Sát Hợp Đài cho là nên tấn công mạnh, nhưng Truật Xích lại lệnh cho thủ hạ không được phép thiêu hủy và cướp bóc, mà sai sứ giả đi triệu dụ cư dân đầu hàng, nhưng gặp phải cự tuyệt. Truật Xích liền chuẩn bị khí cụ để công thành, đồng thời phái ba ngàn quân Mông Cổ chiếm giữ cầu Amu Darya, nhưng bị binh sĩ giữ thành bao vây tấn công, nên không một ai sống sót.

Trải qua trận này, sĩ khí quân trấn giữ tăng cao. Quân Mông Cổ bị bất lợi, thêm nữa Thuật Xích và Sát Hợp Đài bất đồng ý kiến, hiệu lệnh không thống nhất, dẫn đến kỷ luật buông lỏng, sĩ khí sa sút. Ngoài ra, quân trấn giữ không ngừng xuất kích, tạo thành thương vong cho quân Mông Cổ, bởi vậy 6 tháng mà chưa hạ được Ô Nhĩ Căn Kỳ.

Thành Cát Tư Hãn tại Thập Lý Hàn (nay thuộc Afghanistan) sau khi nhận được báo cáo của ba con trai, biết được nguyên nhân đánh lâu không hạ được là do giữa ba anh em không hòa thuận, bởi vậy nghiêm khắc trách mắng, cũng đổi Oa Khoát Đài làm thống soái, quy định thời hạn đánh hạ thành trì. Sau khi Oa Khoát Đài nhậm chức thống soái, hết sức điều hòa mâu thuẫn giữa hai vị huynh trưởng, đồng thời xem trọng kỷ luật, đối với binh sĩ nghiêm khắc ước thúc, quân uy liền được khôi phục.

Vào Tháng 4 năm 1221, Oa Khoát Đài hạ lệnh tổng tiến công. Cùng ngày đó, người Mông Cổ trèo thang vào thành, phóng hỏa đốt cháy. Quân trấn giữ kiên trì phòng thủ, liều chết chống cự, trong thành nhiều phụ nữ cũng tham gia chiến đấu. Trải qua bảy ngày chiến đấu kịch liệt, người Mông Cổ mới chiếm lĩnh được toàn thành, quân trấn giữ bị tiêu diệt toàn bộ. Người Mông Cổ chọn lựa ra 10 vạn nhân công cùng phụ nữ trẻ em đưa về nước Mông Cổ, còn đem 5 vạn trai tráng sắp xếp vào biên chế quân. Người ta nói rằng đây là sự khởi đầu của cộng đồng người Hồi giáo ở phương Đông.

Ô Nhĩ Căn Kỳ thất thủ, đánh dấu việc toàn bộ các khu vực Hà Trung bị quân Mông Cổ chiếm lĩnh, và sau khi mấy thành phố lớn của Hoa Lạt Tử Mô bị người

Mông Cổ chiếm đóng, cũng có nghĩa là Hoa Lạt Tử Mô cách thời điểm diệt vong cũng không còn xa.

Công chiếm Tháp Lý Hàn

Sau khi trận chiến trên sông kết thúc, Thành Cát Tư Hãn đã lệnh cho Đà Lôi dẫn một bộ phận bộ binh vượt sông Amu Darya tiến đánh Hô La San (Khorasan), lấy được thành phố Mưu Phu và Nội Sa Phủ Nhĩ (Nishapur), còn mình thì dẫn quân xuống phía nam tấn công Thắc Nhĩ Mê (nay là phía bắc Termez, thuộc khu vực Đông Nam bộ của Uzbekistan), mười ngày thì hạ được thành. Sau đó phái một bộ phận binh lực đến Ba Đạt Cáp Thương (nay là khu vực bắc của dãy núi Hindu Kush thuộc đông bắc bộ Afghanistan) tìm kiếm lương thảo, quân chủ lực thì ở bờ bắc sông Amu Darya trú đông.

Mùa xuân năm 1221, Thành Cát Tư Hãn dẫn quân vượt qua sông Amu Darya, đi qua thành Ba Lý Hắc (Balkh) (nay là phía tây Mazar-i-Sharif thuộc bắc Afghanistan) đến Tháp Lý Hàn, quân và dân chúng trong thành Ba Lý Hắc tự động quy thuận. Trong núi Tháp Lý Hàn có một pháo đài, mà đất thế của nó rất hiểm trở, tòa thành kiên cố, quân thủ thành đã nhiều lần dũng cảm, lương thảo lại sung túc, có thể trường kỳ thủ vững.

Thành Cát Tư Hãn trước tiên phái người chiêu dụ chiêu hàng, quân trấn giữ quyết không hàng. Quân Mông Cổ liền bao vây tứ phía, tấn công liên tục và kịch chiến sáu tháng mà không hạ nổi. Cuối cùng, Thành Cát Tư Hãn dùng các phương thức như thông qua việc

tạo giá gỗ, vận chuyển đất thành đống cao bằng tường thành, đuổi tù binh cùng kỵ quân làm đội dùng thang thứ nhất để công thành. Kỵ binh thủ thành có thể đào thoát, nhưng bộ binh toàn bộ bị diệt. Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh ở lại chân núi Tháp Lý Hàn trú hạ tránh nóng.

Vào Tháng 10 năm đó, Đà Lô đã đánh hạ được các thành như Mã Lỗ Sát Diệp Khả, Mã Lỗ, Tích Lạt Tư v.v, tháng 4 năm sau lại đi tấn công Nhĩ Sa Bất Nhi (nay là Nishapur thuộc đông bắc Iran). Trong quá trình công thành, phò mã của Thành Cát Tư Hãn – tiên phong Thoát Hốt Sát Nhi đã trúng tên mà chết, Đà Lô lập tức áp dụng các loại thủ đoạn như máy bắn nỏ, máy ném đá, thang mây liên tục công thành, còn cho lấy tảng đá từ các vùng núi lân cận để tập kết lượng lớn đá pháo dưới chân thành, cuối cùng mới hạ được thành.

Sau khi chiếm lĩnh một số thành phố chính của nước Hoa Lạt Tử Mô, Thành Cát Tư Hãn lệnh cho con trưởng Thuật Xích trấn thủ, đồng thời tại các thành bố trí chức vị Đạt Lỗ Hoa Xích (đốc quan), phụ trách điều tra nhân khẩu, tuyển quân tùy tùng, thành lập trạm dịch tình báo, trưng thu thuế má và chuẩn bị tiến công vật phẩm.v.v. Hai cha con Nha Lạt Ngõa Xích, Mã Lý Hốt Dịch ở thành Ô Nhĩ Căn Kỳ (thuộc tộc Hốt Lỗ Mộc Thạch) đã trình bày biện pháp quản lý thành ấp với Thành Cát Tư Hãn và nhận được sự đồng ý, Thành Cát Tư Hãn phái Mã Lý Hốt Dịch cùng Đạt Lỗ Hoa Xích cùng quản lý các thành phố Trung Á như Bố Cáp Lạp, Tát Mã Nhĩ Hãn, Ô Nhĩ Căn Kỳ, đưa Nha Lão Ngõa Xích trở về, để ông quản lý Trung Đô (nay là Bắc Kinh).

Đây là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử của Mông Cổ. Trước kia, người Mông Cổ chỉ biết chinh

phục, không biết quản lý thành phố như thế nào. Từ lúc này trở đi, họ đã bắt đầu có ý thức quản lý các thành phố bị chinh phục.

Truy kích Ma Ha Mạt, đánh bại Trát Lan Đình

Nghe nói Tát Mã Nhĩ Hãn năm ngày đã bị công phá, Ma Ha Mạt vô cùng bất ngờ, ông ta cùng các tướng bàn bạc bước tiếp theo nên như thế nào. Một phe cho là nên lui về giữ Iraq, một phe khác cho là nên trốn đến Ấn Độ, mà con trai Trát Lan Đình lại cho rằng nếu phải chạy trốn lòng vòng, còn không bằng cùng Thành Cát Tư Hãn quyết một trận tử chiến. Nhưng mà, Ma Ha Mạt lại phát ra lời than vãn : “Hoa Lạt Tử Mô phải chịu nạn là thiên ý như thế, không phải sức người có khả năng vãn hồi”. Liền mang theo tàn binh bại tướng chạy trốn tới Nhĩ Sa Bất Nhi, mỗi ngày đều cố tìm niềm vui để quên đi nỗi thống khổ.

Chưa được mấy tuần lễ, quân Mông Cổ liền truy kích tới. Ma Ha Mạt sợ quá lại chạy trốn tới Ca Tật Ninh (nay là thành phố Qazvin ở tây bắc thủ đô Tehran của Iran). Ở nơi đó, ông ta lại triệu tập ba vạn quân Iraq chuẩn bị tử thủ, nhưng khi nghe nói Oa Khoát Đài, Sát Hợp Đài cùng Thác Lôi đang dẫn quân chủ lực xuống phía nam để hạ thành Ca Tật Ninh, những binh mã trên liền chạy mất một nửa. Rơi vào đường cùng, Ma Ha Mạt tiếp tục chạy trốn, nhưng dù ông ta trốn ở đâu, người Mông Cổ đều truy đuổi đến đó.

Cuối cùng, không còn đường nào có thể đi, Ma Ha Mạt đã trốn đến một hòn đảo nhỏ hoang vu gần bờ

biển. Tìm không thấy tăm tích của ông ta, Triết Biệt và Tốc Bất Đài đành phải tiến đánh pháo đài Cáp Luân nơi mẩu hậu cùng phi tần của Ma Ha Mạt lánh nạn tạm thời, cũng hạ được rất nhanh. Khi Ma Ha Mạt biết được thê thiếp và mẩu hậu rơi vào tay người Mông Cổ thì liền ngắt xỉu, trong cơn tuyệt vọng đã tìm đến cái chết. (Sau đó thê thiếp cùng mẩu hậu của ông ta đã bị đưa đến đế quốc Mông Cổ.)

Trước khi lâm chung, Ma Ha Mạt gọi mấy con trai đến bên cạnh, dặn dò từng người, đồng thời lập người con hữu dũng hữu mưu Trát Lan Đình làm Thái tử. Sau khi ông ta mất, Trát Lan Đình triệu tập một số tàn binh bại tướng, tiếp tục chống lại người Mông Cổ. Mùa thu năm 1221, Trát Lan Đình tại Parwan ở dưới chân núi Hindu Kush đã đánh bại 3 vạn quân Mông Cổ do Thất Cát Hốt Đột Hốt thống lĩnh, tiêu diệt 1.5 vạn quân địch. Đây cũng là trận thua duy nhất trong cả chiến dịch Tây chinh của Mông Cổ.

Thế là Thành Cát Tư Hãn đích thân dẫn 5 vạn đại quân đến đây, trên đường đi, tại nơi Phạm Diên Bảo gần Ba Mễ Dương (nay là thị xã Bamyán thuộc Afghanistan) đã gặp phải sự chống cự quyết liệt, cháu trai Thành Cát Tư Hãn, con trai Sát Hợp Đài là Mộc A Thốc Can trúng tên bỏ mình. Mộc A Thốc Can là thiếu niên dũng mãnh, cưỡi ngựa bắn cung đều giỏi, là người cháu mà Thành Cát Tư Hãn vô cùng yêu quý. Sau đau thương và phần nộ, Thành Cát Tư Hãn hạ lệnh ngày đêm thay nhau tấn công mạnh, thành này cuối cùng cũng bị đánh hạ, trên thành dưới thành đều vô cùng thê thảm.

Sau khi trải qua trận chiến Phạm Diên Bảo, đại quân của Thành Cát Tư Hãn và quân của Trát Lan Đình

đã có một trận quyết chiến ở gần sông Indus. Lúc này, hai vị tướng trong quân của Trát Lan Đình bởi vì tranh nhau một con ngựa Ả Rập mà bất hoà, một người trong đó thậm chí vì thế mà dẫn thuộc hạ rời đi, điều này không thể nghi ngờ đã làm suy yếu thực lực của Trát Lan Đình, Trát Lan Đình không địch lại Thành Cát Tư Hãn, cơ hồ toàn quân bị diệt, bèn dẫn 4,000 tên bộ hạ bỏ trốn về hướng Ấn Độ.

Khi người Mông Cổ truy đuổi đến bờ sông Indus, Thành Cát Tư Hãn thương tiếc Trát Lan Đình anh dũng, nên muốn bắt sống để quy hàng, liền lệnh các tướng sĩ bao vây Trát Lan Đình. Nhưng Trát Lan Đình đã tìm ra cơ hội từ trên vách đá phóng ngựa nhảy xuống sông Indus, bơi tới bờ bên kia. Bởi vì người Mông Cổ không giỏi dưới nước, đành phải mặc kệ ông ta bỏ chạy. Thành Cát Tư Hãn nhìn quanh trái phải mấy người con trai, tán thán nói: “Cầu phụ lại có Hổ con, người này có thể là tấm gương cho các con noi theo”.

Đến đây, vương quốc Hoa Lạt Tử Mô đã gần như diệt vong. Còn Trát Lan Đình chạy trốn tới Ấn Độ một mực hy vọng phục quốc, ông sau đó đã chiến đấu tại các vùng như Ba Tư, Iraq, Caucasus v.v, nhưng liên tục gặp phản kháng. Năm 1231, ông bị ám sát tại Thổ Nhĩ Kỳ, nước Hoa Lạt Tử Mô triệt để diệt vong.

Khâu Xứ Cơ tiết lộ thiên cơ

Trong tiểu thuyết “Truyện Anh hùng xạ điêu” và “Thần điêu hiệp lữ” của cố nhà văn Kim Dung ở Hồng Kông, có một vị đạo sĩ rất nổi danh tên là Khâu Xứ Cơ, kỳ thực, trong lịch sử đúng là có người này. Ông được

tôn sùng là một trong “Bắc Thất Chân” của giáo phái Toàn Chân, là sư tổ của phái Long Môn, sống vào thời cuối nhà Kim đầu nhà Nguyên. Lúc ấy phái Toàn Chân cực thịnh một thời, danh tiếng của Khâu Xứ Cơ cũng lên đến đỉnh điểm. Ông không chỉ nhận được sự kính trọng của Kim Thế Tông, Kim Chương Tông, Kim Vệ Thiệu Vương và Kim Tuyên Tông, ông còn hữu duyên gặp mặt Thành Cát Tư Hãn, và cũng nhận được sự kính trọng tương tự.

Tháng 5 năm 1219, Thành Cát Tư Hãn phái đoàn sứ giả Lưu Trọng Lộc mang theo chiếu thư đến Sơn Đông mời Khâu Xứ Cơ đến đế quốc Mông Cổ, trên chiếu thư trước tiên là nói về công tích của Thành Cát Tư Hãn: “Trời ghét Trung Nguyên kiêu căng xa xỉ, trẫm ở phía bắc hoang dã không hề sinh ra thèm muốn, ngược lại còn thuần chất phác, không dám xa xỉ mà theo thói quen tiết kiệm, mỗi chút ăn mỗi chút mặc, cùng con trâu con ngựa chia sẻ ngọt bùi. Coi dân như con đỏ, nuôi kẻ sĩ như huynh đệ, mưu tính chính là vì hòa, tích lũy ân đức, luôn lấy thân mình làm gương mẫu trước dân chúng, lâm trăm trận ta không bao giờ đi cuối, trong 7 năm đã thành đại nghiệp, trên dưới và bốn phương là thống nhất”. Sau đó nói nguyên nhân có được công tích như vậy chủ yếu là bởi vì sự thống trị của nước Kim có vấn đề, cho nên Thành Cát Tư Hãn mới được trời phù hộ, có được địa vị tôn quý, tiến tới “Nam tiếp giáp Man Tống, bắc tiếp Hồi Hột, đông Hạ Tây Di, đều xưng thần phò tá trẫm”.

Tuy nhiên, điều Thành Cát Tư Hãn lo lắng chính là như thế nào bình trị, như thế nào an thiên hạ. Ông nghe nói Khâu Xứ Cơ “thân theo quy tắc, am hiểu vạn vật,

tìm hiểu sâu xa về triết lý nghèo, đạo đầy đức dày, lưu giữ sự nghiêm túc vốn có của người quân tử xưa, ôm ấp sự thanh cao của người chân. Ở lâu trong nham cốc, giấu thân ẩn hành”, bởi vậy vô cùng ngưỡng mộ, muốn mời ông “tạm khuất bước tiên, không nghĩ đến việc sa mạc quá xa xăm”, “hoặc lấy việc lo đại sự cho dân, hoặc lấy thuật giúp trăm giữ mình” mà đến chỉ giáo Thành Cát Tư Hãn. Tuy là Hoàng đế hạ chiếu, nhưng sự khẩn thiết, khiêm tốn về ngôn từ đã hiện rõ trên giấy.



Ảnh vẽ Vương Trùng Dương và Bắc Thất Chân. Người ngồi ngay ngắn ở giữa là Vương Trùng Dương. Khâu Xứ Cơ ngồi đầu tiên bên tay trái. (Ảnh: Tài sản công)

Khâu Xứ Cơ chưa từng được nước Kim và Hoàng đế triều Tống hạ chiếu mời, xem thư xong nói: “Ta thuận theo thiên lý mà hành, không dám làm trái hành xử của thiên sứ”, liền đồng ý đi. Từ đó có thể biết, Khâu Xứ Cơ hiểu được Thành Cát Tư Hãn là người thừa thiên mệnh mà đến.

Tháng giêng năm 1220, Khâu Xứ Cơ 73 tuổi dẫn đầu mười tám đệ tử lên đường đi về phía Tây. Mấy tháng sau thì đến Yên Kinh thuộc quyền cai trị của nước Đại Mông Cổ (nguyên là Trung Đô của triều Kim, tháng 5 năm 1215 bị đế quốc Mông Cổ chiếm lĩnh và đổi tên là Yên Kinh), đoàn Khâu Xứ Cơ nhận được sự nhiệt tình tiếp đãi của các quan viên Mông Cổ. Khi Khâu Xứ Cơ nghe nói Thành Cát Tư Hãn đã thống binh tây chinh, cân nhắc đến việc mình tuổi tác đã cao, liền viết trần tình biểu, hẹn cùng Thành Cát Tư Hãn gặp mặt tại Yên Kinh.

Đang bề bộn với chiến sự, Thành Cát Tư Hãn cũng không có cách nào trở về Yên Kinh, liền để Gia Luật Sở Tài viết hồi phúc chiếu thư, nói về tình huống của mình, lại lấy ví dụ việc Đạt Ma đi về phía đông giảng Pháp, Lão Tử đi về phía tây Thiên Trúc giáo hóa người Hồ, để lần nữa mời Khâu Xứ Cơ đi về phía tây. Khâu Xứ Cơ liền tiếp tục đi về phía tây vào mùa xuân năm 1221.

Trước khi đi, Khâu Xứ Cơ biết được Lưu Trọng Lộc muốn tuyển chọn mỹ nữ cho Thành Cát Tư Hãn, ông lập tức khuyên can, đồng thời lấy chuyện sử làm gương, nói rõ việc quân chủ chìm vào thanh sắc sẽ nguy hại đối với quốc gia. Thành Cát Tư Hãn sau khi biết được, cũng cho cấm chỉ.

Sau đó, đoàn Khâu Xứ Cơ ra khỏi Cư Dung Quan, đi qua Biệt Thất Bát Lý, Bất Lạt (nay là thành phố Bác La thuộc Tân Cương), thông qua Thiết Môn quan (cũng gọi là Tùng quan, nay gọi là Quả Tử Câu) đến A Lục Ma Lý, đi về phía tây vượt qua sông Y Lê (sông Ili), trải qua chặng đường gian khổ, vào mùa đông năm đó đã tới Tát Mã Nhĩ Hãn. Nhưng lúc đó Thành Cát Tư Hãn đã rời đi, trú đóng tại hành cung Bát Lỗ Vịnh thuộc Đại Tuyết Sơn (nay là dãy Hindu Kush). Bởi vì ven đường tuyết lớn ngập núi, Khâu Xứ Cơ chỉ có thể chờ đợi đến đầu xuân.

Thượng tuần tháng 3 năm 1222, Thành Cát Tư Hãn từ hành cung truyền chỉ nói: “Muốn gặp gặp chân nhân, hy vọng chân nhân không ngại mệt nhọc, mau tới hành cung, để sớm được cầu Đạo”. Thế là, đoàn Khâu Xứ Cơ dưới sự bảo vệ của đại quân Mông Cổ, đi hơn hai mươi ngày đã tới hành cung. Ông được Thành Cát Tư Hãn nhiệt liệt đón chào.

Thành Cát Tư Hãn xưng Khâu Xứ Cơ là “Thần tiên”, cùng với ông trò chuyện rất nhiều lần, hỏi về trị quốc và kế sách dưỡng sinh. Khi Thành Cát Tư Hãn hỏi thăm có thuốc gì để trường sinh, Khâu Xứ Cơ nói thẳng “Có đạo để bảo vệ sinh mệnh, chứ không có thuốc trường sinh”. Thành Cát Tư Hãn khen ngợi thành thật, liền cho sắp đặt cạnh cung trưởng của Đại Hãn hai cái trướng, để nhóm người Khâu Xứ Cơ ở đó.

Khâu Xứ Cơ còn đề nghị với Thành Cát Tư Hãn là đạo nhân khi gặp Thành Cát Tư Hãn có thể thực hiện lễ tiết chấp tay trước ngực cong người cúi đầu, không quỳ lạy, Thành Cát Tư Hãn đồng ý. Đối với việc Thành Cát Tư Hãn mời ăn cơm cùng, Khâu Xứ Cơ biểu thị mình là

người xuất gia, không muốn cuốn vào chuyện chính trị bên trong cung đình, bởi vậy từ chối. Thành Cát Tư Hãn tỏ ra là đã hiểu. Có thể thấy được, Thành Cát Tư Hãn đối với Khâu Xứ Cơ lễ ngộ có thừa.

Sau đó, Thành Cát Tư Hãn hạ chiếu để Gia Luật Sở Tài đem cuộc đối thoại giữa hai người biên tập thành “Huyền Phong Khánh Hội lục”. Từ đó, chúng ta có thể nhìn thấy nội dung thuyết “Đạo” của Khâu Xứ Cơ. Ông nói người tu đạo đầu tiên phải giới sắc, bởi vì “kinh doanh áo cơm, thì cực khổ để suy nghĩ, mặc dù tán khí, mà tán rất ít, tham lam sắc dục, thì hao tổn tinh thần, cũng tán khí, mà tán rất nhiều”. Nếu muốn biết thuật tu luyện, nhất định phải “bỏ đi ham muốn giảm bớt dục vọng, cố tinh thủ thần”.

Ông chỉ rõ con đường học đạo tu chân gian nan, cho nên thế nhân không muốn làm theo, mà phản đạo trực dục, ngày càng sa đọa lại rất dễ dàng, bởi vậy thế nhân nhiều người theo đó hoặc không thể từ đó ngộ đạo.

Khâu Xứ Cơ còn nói cho Thành Cát Tư Hãn rằng ông vốn là thiên nhân, thượng thiên trao cho ông sứ mệnh “trừ tà bỏ bạo”, “khắc gian khắc khó”, chò đến công thành hạn tất, lập tức thăng thiên trở lại vị trí cũ. Bởi vậy trên thế gian phải “giảm thanh sắc, tĩnh thị dục”, như vậy mới có thể Thánh thể an khang. Còn phải làm nhiều việc thiện, tế dân cứu thế, bởi vì “*làm việc thiện tiến đạo, thì thăng thiên làm tiên; làm ác phản đạo, thì xuống đất làm quỷ*”; Thành Cát Tư Hãn vốn đến từ thiên thượng, “*nếu như hành thiện tu phúc, thì khi thăng thiên, vị trí hơn chức trước; không làm việc thiện tu phúc, thì trái lại*”.

Ngoài việc nói cho Thành Cát Tư Hãn các thuật trị quốc bảo vệ dân, ví như phải “kính thiên ái dân”, làm việc thiện, thanh tâm quả dục v.v, Khâu Xứ Cơ còn giảng phương pháp tu thân dưỡng mệnh. Thành Cát Tư Hãn thu được ích lợi không nhỏ, nói rằng: “Ân cần dạy về Đạo, kính cẩn như nghe mệnh lệnh vậy. Những việc này đều khó làm, thế nhưng không dám bất tuân theo tiên mệnh, chuyên cần mà thực hiện”.

Chờ đợi gần một năm sau, mùa xuân năm 1223, Khâu Xứ Cơ từ biệt Thành Cát Tư Hãn. Trên đường trở về, Thành Cát Tư Hãn liên tục phát đi bốn thánh chỉ, ngoại trừ miễn trừ thuế lao dịch cho giáo phái Toàn



Bách Vân Quán ở Bắc Kinh, bắt đầu xây dựng Vào khoảng giữa thế kỷ 8. (Ảnh: Shutterstock)

Chân và phái binh lính hộ tống ra, còn thỉnh thoảng gửi thư tín ân cần thăm hỏi Khâu Xứ Cơ đi đường có mạnh khỏe hay không.

Một trong 18 đệ tử đi theo Khâu Xứ Cơ tây hành là Lý Chí Thường, đã căn cứ vào những điều nghe và thấy trên đường tây hành, mà sau đó viết thành cuốn sách “Trường Xuân chân nhân Tây Du Ký”.

Tháng 5/1227, Thành Cát Tư Hãn lại hạ chỉ đem Thiên Trường Quan đổi tên là Trường Xuân Cung (nay là Bạch Vân Quán ở Bắc Kinh), Bắc Cung Tiên Đảo là Vạn An Cung, xuống chiếu lệnh cho Khâu Xứ Cơ nắm giữ Đạo giáo trong thiên hạ. Chiếu thư bên trong cũng nhắc đến: “Trẫm thường niệm thần tiên, thần tiên không quên trẫm vậy”. Tháng 8, Khâu Xứ Cơ tại Trường Xuân Cung vũ hóa, hưởng thọ 80 tuổi. Sau đó ba ngày, Thành Cát Tư Hãn cũng băng hà. Hai người nhất định có duyên phận không tầm thường.

Chương 13: Chinh phục Caucasus và Nam Nga - Kiến lập tứ Đại Hãn quốc

Tháng 9 năm 1222, Thành Cát Tư Hãn vượt sông Amu Darya, đóng doanh trại tại phía đông thành Tát Mã Nhĩ Hãn, tháng 10 hạ chiếu hồi sư, đoàn thương nhân bị bắt làm tù binh đi thành hàng dài trước đại quân Mông Cổ, tiến về phía Bukhara (thuộc Uzbekistan ngày nay).

Mùa xuân năm 1223, tại thủ đô Tashkent của Uzbekistan ngày nay, cách Bukhara hơn 600 cây số, Thành Cát Tư Hãn cử hành một lễ yết kiến lớn, rồi tiến hành một cuộc đi săn quy mô lớn tại phía bắc thảo nguyên Kyrgyzstan ngày nay, và ông cũng ở thảo nguyên Sở Hà tránh nóng suốt mùa hè năm đó.

Năm 1224, ông đến Thạch Hà (sông Irtysh) trú hạ (sống qua mùa hạ), tháng 2 năm sau trở lại hành cung Thổ La Hà (sông Tuul, nay thuộc bắc bộ của Mông Cổ). Sở dĩ hành trình trở về không nhanh không chậm, là bởi vì Thành Cát Tư Hãn còn đang chờ đợi Triết Biệt và Tốc Bất Đài đang thống lĩnh quân Mông Cổ chinh chiến ở đại lục Á-Âu.

Chinh chiến tại khu vực phía bắc của nam dãy núi Caucasus (Kavkaz)

Mùa xuân năm 1220, khi Thành Cát Tư Hãn lệnh cho Triết Biệt và Tốc Bất Đài truy kích Ma Kha Mạt của Hoa Lạt Tử Mô, thì từng nói với họ rằng, có thể kết thúc

chiến tranh trong 3 năm, rồi sẽ từ thảo nguyên Kipchak trở về thảo nguyên Mông Cổ. Thảo nguyên Kipchak nằm ở miền Tây Nam nước Nga, và hạ du sông Volga. Hiên nhiên, là Thành Cát Tư Hãn muốn để Triết Biệt và Tốc Bất Đài hiểu thêm một bậc về tình hình đại lục Á Âu.

Bởi vậy, Triết Biệt và Tốc Bất Đài sau khi đuổi Ma Kha Mạt đến biển Caspi và bắt được mẹ cùng thê tử của ông ta, thì tiến về phía nam đến Iraq, sau khi tập kích chiếm được thành phố Khố Mộc, đánh mãi đến Ha Mã Đan (nay thuộc khu vực tây Iran) thì dừng lại. Sau đó tiến lên phía bắc, tiến sát đô thành Đại Bất Lý sĩ (Tabriz) của Azerbaijan, Quốc Vương Azerbaijan dâng vàng bạc xin hòa, thế là quân Mông Cổ rời khỏi biên giới nước này, và trải qua một mùa đông giá lạnh ở bình nguyên Mugan thuộc bờ tây biển Caspi.

Đầu năm 1221, Triết Biệt và Tốc Bất Đài phái một đội người và ngựa tiến vào bên trong lãnh thổ vương quốc Gruzia (còn gọi là Georgia). Nữ vương Gruzia vốn tưởng rằng quân Mông Cổ bởi vì trời giá rét sẽ không động binh, cho nên phái sứ giả đến hai nước là Azerbaijan và Giả Tật Liệt ước định vào mùa xuân cùng nhau chống lại quân Mông Cổ. Không ngờ, quân Mông Cổ đến trước. Tại Gruzia có hai bộ tộc Đột Quyết Man và Khúc Nhi Thắc theo Đạo Hồi vốn bị ức hiếp đã lâu, bởi vậy lũ lượt gia nhập đội quân Mông cổ, và làm người dẫn đường cho họ.

Quân Mông Cổ liền lấy hai bộ tộc đó làm tiên phong, tiến công Gruzia, rất nhanh chóng thẳng tiến đến thành Tbilisi (nay là thủ đô Tbilisi của Georgia). Nữ vương Gruzia vội vàng phái đội quân vạn người nghênh chiến. Hai đội quân tiên phong không địch lại được, khiến

người Gruzia tưởng lầm là quân Mông Cổ không có gì là ghê gớm, vì thế trúng kế “Dụ địch thâm nhập” của quân Mông Cổ, rơi vào vòng mai phục, Triết Biệt dẫn binh diệt hơn một nửa quân địch. Bởi vì bản thân cũng bị tổn thương, thêm nữa ở Gruzia rừng cây rậm rạp, địa thế hiểm yếu, không thể tiến quân, Triết Biệt và Tốc Bất Đài liền quay trở về gần Đại Bất Lý Sĩ, Quốc Vương ở đây lại lần nữa dâng lên vàng bạc, quân Mông Cổ chuyển hướng tấn công Mã Lạp Cái (tức Maragheh thuộc Azerbaijan), chỉ trong mấy ngày thì thành bị hạ.

Tháng 3, quân Mông Cổ từ bỏ ý định tiến đánh Baghdad, lại đến Ha Mã Đan, tấn công quyết liệt ba ngày thì phá được thành. Họ tiếp tục quay về hướng bắc, lần thứ ba tiến vào Đại Bất Lý Sĩ của Azerbaijan, Quốc Vương cho tướng giữ thành, còn mình thì trốn đến chỗ khác. Quân Mông Cổ biết thành này phòng trì kiên cố, cho nên vợ vét tiền bạc rồi đi, nhưng đánh hạ được thành Tát Lạp Bạc ở gần đó (nay là Sarab thuộc đông Azerbaijan, Iran).

Tháng 10, quân Mông Cổ bắc tiến tấn công đô thành Allan của người Can Trát, họ nghe nói người Can Trát thường chiến đấu với người Gruzia, dùng mánh thiện chiến, bởi vậy tìm kiếm vàng bạc rồi rời đi. Về sau, một lần nữa tiến vào bên trong Gruzia, Nữ Vương nước này vội vàng điều ba vạn quân chuẩn bị tham gia đội quân thập tự của Âu Châu để ngăn chặn quân Mông Cổ.

Triết Biệt, Tốc Bất Đài vẫn áp dụng theo phương pháp cũ, dụ địch xâm nhập sâu, đã tiêu diệt hơn phân nửa của ba vạn đại quân Gruzia, sau đó lại tiêu diệt kỵ binh tinh nhuệ của Gruzia. Quân Gruzia đành phải lui về giữ Tbilisi, đây chính là “Trận chiến Gruzia” trứ danh.

Quân Mông Cổ vốn định tiến công Tbilisi, nhưng cần nhắc đến địa hình Gruzia núi cao rừng rậm, bất lợi đối với kỵ binh cơ động, cho nên tiếp tục chuyển sang tấn công phía bắc dãy núi Caucasus. Mãi đến năm 1243, do đại quân Mông Cổ một lần nữa tây chinh, Gruzia mới hoàn toàn thần phục đế quốc Mông Cổ, trở thành một nước chư hầu.

Đầu năm 1222, quân Mông Cổ từ bình nguyên Mugan ở phía nam Azerbaijan đi theo hướng đông tiến vào Thiết Lý Ông (nay là Syria), công phá thủ phủ của nó, rồi dự tính tiến công khe núi Darband. Theo mệnh lệnh của Thành Cát Tư Hãn, họ phải thừa thắng tiến lên phía bắc để tấn công Kipchak. Người Kipchak là một chi của các bộ lạc du mục Đột Quyết, lãnh địa của họ là ở phía Bắc của khu vực bao gồm biển Caspi, bắc Caucasus và Hắc Hải, phía đông tiếp giáp bộ lạc Khang Lý (phía bắc biển Aral), Bắc tiếp với vương quốc Kiev Rus, phía Tây là các nước Hungary v.v.

Dãy núi Caucasus địa thế hiểm trở, rất khó vượt qua, mà cửa ải Darband là cửa khẩu trọng yếu phía nam của người Ba Tư để phòng ngự các dân tộc phương bắc xâm nhập, vào thời Alexander đại đế có xây thành Darband, được gọi là “Cổng sắt lớn Alexander”. Vì để thông qua cửa ải hiểm yếu này, người Mông Cổ cưỡng ép nước Thiết Lý Ông phải đưa các quý tộc tới dẫn đường, họ chọn tuyến đường đi theo bờ tây của biển Caspi lên phía bắc, nên đã thuận lợi vượt qua.

Sau khi quân Mông Cổ tiến vào lưu vực sông Tanarek ở phía bắc Caucasus, người A Lan liên kết với người Kipchak và các bộ tộc khác chặn đánh người Mông Cổ. Hai quân giao chiến, chưa phân thắng bại. Triết Biệt



Hình vẽ đại tướng Túc Bất Đài của đế quốc Mông Cổ
(Ảnh: Tài sản công)

xem xét kỹ tình thế ta ít địch nhiều, biết không thể địch nổi, liền áp dụng sách lược phân hoá. Ông phái sứ giả mang lễ vật đi gặp thủ lĩnh của bộ tộc Kipchak, nói: “Chúng ta là người cùng một bộ lạc (tức là chủng Đột Quyết), đều từ cùng một dòng tộc mà ra, hà tất lại trợ giúp người A Lan tộc khác. Chi bằng bắt tay giảng hòa, chúng tôi nguyện lấy vàng bạc đem tặng”.

Người Kipchak vì thế mà thay đổi, liền rời bỏ đồng minh mà đi. Quân Mông Cổ thừa cơ tiến công, đại phá liên quân A Lan, các bộ tộc ở khu vực vùng núi Caucasus lần lượt đầu hàng chấp nhận thua trận. Sau khi giành được thắng lợi, Triết Biệt và Tốc Bất Đài lại bắt ngờ tiến công bộ tộc Kipchak đang không có chút gì phòng bị. Họ tuyên bố: Khu vực Kipchak là đất phong của Thuật Xích – con trưởng của Đại Hãn Mông Cổ, cho nên tất cả người Kipchak và các dân tộc khác trên đất này đều là thần dân Mông Cổ, đều phải chịu sự thống trị của Thuật Xích. Người Kipchak không phục, nhao nhao chạy trốn.

Bộ tộc Kipchak có thủ lĩnh tên là Ca Địch Diên, từng đem con gái gả cho công tước Michis, công quốc Garis của nước Nam La Tư (tức nước Nga ngày nay), Ca Địch Diên dẫn thuộc hạ chạy trốn tới Kiev thỉnh cầu xuất binh tương trợ. Còn quân Mông Cổ thì theo đuôi Ca Địch Diên tiến vào bên trong vương quốc Kiev Rus.

Trận chiến sông Kalka và đại thắng liên quân Kiev Rus

Tại sao bộ tộc Kipchak lại có quan hệ thông gia với Nam La Tư (nam Rus)? Điều này phải bắt đầu từ lịch sử

xa xưa. Ngay từ thế kỷ 1 sau Công nguyên, người Slav đã sinh sống ở lưu vực sông Dnepr, sông Oder, sông Wisla, sông Bug thuộc trung và Đông Âu. Đến thế kỷ 6, người Slav phân thành Đông Slav, Tây Slav và Nam Slav, người Đông Slav chủ yếu sinh sống ở một dải từ Kiev đến hồ Ilmen, và trở thành tổ tiên của người Nga, người Belarus và người Ukraine.

Thế kỷ 7 đến thế kỷ 8, người Đông Slav đã hình thành một quốc gia thực thể lấy Kiev và Novgorod làm trung tâm. Thế kỷ 9, Hoàng tử Lukri của Novgorod chinh phục Kiev và các công quốc ở bờ tây sông Dnepr, tạo thành một đại công quốc lấy Kiev làm trung tâm, người thống trị xưng là Đại công tước, quốc gia gọi Kiev Rus. Lukri đem quốc thổ chia làm mấy nước, rồi phân chia phong chức mà trị, lấy Kiev làm đô thành.

Thế kỷ 10, Kiev Rus tiếp nhận chính giáo phía đông từ đế quốc La Mã lân cận ở phía đông. Kiev Rus tại thời đại Yaroslav thống trị dần dần cường thịnh. Thế kỷ 12, Kiev Rus phân chia thành hơn 10 công quốc nhỏ. Thế kỷ 13, các công quốc ấy lúc phân lúc hợp, hỗn chiến lẫn nhau, khi đó toàn bộ lãnh thổ Kiev Rus không lớn, biên giới phía đông không vượt qua sông Hanga – một nhánh của sông Volga. Bởi vì người Kipchak trên thảo nguyên Trung Á thường xuyên quấy nhiễu trong đất Kiev Rus, cho nên các đại công tước ở khu vực nam bộ của Kiev Rus vì để tránh bị xâm nhiễu và chống cự lại các công quốc khác, nên đã lựa chọn làm thông gia với các bộ tộc Kipchak.

Sau khi thủ lĩnh Ca Địch Diên của bộ tộc Kipchak chạy tới Kiev Rus để cầu viện sự giúp đỡ của con rể, đại

công tước Mstislav Mstislavich liên lạc với các vương công ở miền nam Kiev Rus. Sau khi thương thảo, họ nhất trí quyết định cùng nhau chống lại người Mông Cổ, hơn nữa muốn chủ động tấn công và muốn ngăn chặn từ ngoài biên giới.

Triết Biệt và Tốc Bất Đài nghe nói người Kiev Rus chuẩn bị liên hợp công kích quân Mông Cổ, liền phái sứ giả đến Kiev hội kiến các vị vương công. Sứ giả bày tỏ rằng Mông Cổ không có ý đồ xâm chiếm Kiev Rus, chỉ là thảo phạt người Kipchak, hưởng hồ người Kipchak hàng năm quấy nhiễu biên giới Kiev Rus, chi bằng cùng



*Cổng hoàng Kim – Cổng thành cổ ở Kiev của Kiev Rus.
(Ảnh: Shutterstock)*

Mông Cổ hợp binh cùng thảo phạt người Kipchak, cùng chia thành quả. Các vương của Kiev Rus không nghe theo, còn giết chết sứ giả Mông Cổ.

Thế là Triết Biệt và Tốc Bất Đài quyết chí tấn công địch, vì muốn dụ quân địch rời xa biên giới, quân Mông Cổ rút lui đến sông Kalka (thuộc Ukraine ngày nay), đồng thời phái người chạy đến chỗ Thuật Xích trú đóng ở phía đông biển Caspi thỉnh cầu tiếp viện, Thuật Xích bèn chia già nửa quân số đi cứu.

Mùa xuân năm 1223, đại công tước Mstislav Mstislavich liên hợp với quân đội của các công quốc Kiev và quân của bộ tộc Kipchak, tạo thành mười vạn đại quân, đuổi theo đến sông Đông. Còn Triết Biệt và Tốc Bất Đài do viện binh đã tới, liền từ sông Kalka đi về hướng tây, một đạo quân qua sông Đông bày trận mà đợi, một đạo quân đến đông nam biển Azov, từ băng đến Hắc Hải, cướp bóc một trận lớn rồi quay về, hai đạo quân lại tái hợp. Do thấy tình hình chênh lệch quân số quá lớn, Triết Biệt và Tốc Bất Đài lại phái sứ giả đi gặp các vương công của Kiev Rus, cũng cam đoan “Tuyệt đối không xâm phạm, xin chớ dụng binh”. Các vương công của Kiev Rus cảm thấy người Mông Cổ chẳng qua cũng chỉ có vậy, thế là kiên quyết muốn đánh với người Mông Cổ một trận.

Thân vương Galich tự tin có thể chiến thắng quân Mông Cổ, dẫn đầu thuộc hạ và hơn vạn kỵ binh vượt qua phía đông sông Dnepr, đánh tan được quân tiên phong Mông Cổ, các vương khác cũng theo đó qua sông, mà quân Mông Cổ vừa đánh vừa rút lui. Liên quân Kiev Rus sau khi truy đuổi 12 ngày, thì tới bờ sông Kalka,

lúc này, quân Mông Cổ đã trận địa sẵn sàng đón chờ quân địch. Hai quân đối diện cách nhau con sông.

Liên quân Kiev Rus chia làm 2 khu nam bắc đóng quân, đạo quân phía Nam gồm quân Kiev và quân Chernigova, đạo quân phía Bắc gồm quân Gariz và quân Kipchak. Triết Biệt phái ra 6 ngàn kỵ binh giả vờ đánh liên quân, tiến công không thắng lại giả vờ thua trận chạy, các vương trẻ tuổi của liên quân Kiev Rus thì thừa thắng xông lên. Thân vương Galich nóng lòng tiêu diệt người Mông Cổ mà coi thường quân địch nên liều lĩnh tiến lên, chỉ huy đội quân phía Bắc vượt qua sông trước.

Ngày 31/5/1223, quân Mông cổ và đội quân phía Bắc của Kiev Rus có một trận đại chiến bên bờ sông Kalka. Quân Mông Cổ cắt đứt đường lui của đội quân phía Bắc, cũng vì tấn công mạnh mẽ nên đã làm vỡ tung đội quân này của Kiev Rus. Đội quân phía Bắc đại bại, Thân vương Galich sợ tới mức vứt bỏ lại tướng sĩ, một mình chèo thuyền sang bờ bên kia trốn thoát, đồng thời đem toàn bộ thuyền bè trên sông Kalka thiêu hủy để phòng quân Mông Cổ truy kích. Kết quả, Bắc quân của Kiev Rus gần như bị tiêu diệt toàn bộ, người ta nói trong số đó có 6 vị quý tộc.

Đội quân phía Nam của Kiev Rus ở bờ bên kia đối diện tận mắt chứng kiến sự thất bại của đội quân phía Bắc, nhưng án binh bất động, chỉ mong phòng ngự được. Còn quân Mông Cổ sau khi đánh bại Bắc quân, thừa thắng đưa quân vượt sông. Đội quân phía Nam hai mặt trước sau đều có địch, cho nên vội vàng chống cự được ba ngày thì đầu hàng.



*Trận chiến sông Kalka ngày 31/5/1223. Hình ảnh trích từ “Sử tập”.
(Ảnh: Tài sản công)*

Trong trận chiến sông Kalka, liên quân của Kiev Rus tổn thất 7 vạn quân, có 6 vị vương công bị xử tử, và 70 quý tộc tử trận. Quân Mông Cổ nhờ áp dụng các loại chiến thuật đánh phá nên đã giành được thắng lợi to lớn.

Sau đó, quân Mông Cổ tiến quân thần tốc vào trong Kiev Rus, còn tiến vào bán đảo Crum, nhanh chóng đánh chiếm được Hắc Thành. Có điều, quân Mông Cổ không tiến thêm một hành động nào đối với Kiev Rus.

Mùa đông năm 1223, Triết Biệt và Tốc Bất Đài phụng chỉ của Thành Cát Tư Hãn quay về đông, dọc đường qua nơi sinh sống của bộ tộc Bất Lý A Nhĩ (nay là Tatarstan thuộc Nga). Người Bất Lý A Nhĩ dẫn quân ngăn trở, quân Mông Cổ lấy đội quân phục kích tiêu diệt toàn bộ người Bất Lý A Nhĩ, cuối cùng Bất Lý A Nhĩ thuần phục Mông Cổ. Sau đó quân Mông Cổ còn hàng phục người Tát Khắc Tân ở khu vực biển Caspi. Tiến đến là bộ tộc Khang Lý, thủ lĩnh bộ tộc Khang Lý đem quân chống cự, sau khi bại trận mới đầu hàng Mông Cổ.

Năm 1224, Tốc Bất Đài mang theo rất nhiều chiến lợi phẩm, dẫn quân về hội sư với Thành Cát Tư Hãn ở khu vực phía tây Mông Cổ, Triết Biệt thì phụng mệnh ở lại trấn giữ thảo nguyên Kipchak. Không lâu sau, kiêu tướng đã nhiều lần lập được chiến công Triết Biệt qua đời vì bạo bệnh tại đất Khang Lý ở phía tây biển Aral.

Khúc nhạc dạo đầu cho cuộc chinh phục Âu Châu của Mông Cổ

Hai vị tướng Triết Biệt và Tốc Bất Đài trong khi phụng mệnh đi truy kích Ma Kha Mạt của Hoa Lạt Tử

Mô, chinh chiến dọc suốt dãy núi Caucasus, thậm chí phía bắc lên đến tận lưu vực sông Đông và sông Dnepr, liên tục suốt 3 năm, với hành trình hơn 5,000km, có thể nói là chiến thắng dồn dập. Không chỉ chinh phục 14 nước, phá hơn 40 tòa thành, diệt gần 17 vạn quân địch, hơn nữa còn khiến cho các nước Trung Á như Azerbaijan, Gruzia, Rus, v.v và người dân Âu Châu biết đến uy danh của Thành Cát Tư hãn và người dân Mông Cổ. Có thể nói, cuộc trình sát bằng vũ lực của họ tới khu vực Âu-Á là khúc nhạc dạo đầu cho cuộc chinh phục Âu Châu sau này.

Trong 3 năm chinh chiến, Triết Biệt và Tốc Bất Đài đã vận dụng các chiến thuật chủ yếu trong tác chiến như: Truy kích chiến, phục kích chiến, vây thành chiến, tập kích chiến, vận động chiến, tiêu diệt chiến và phân hóa tan rã kẻ địch, tiêu diệt từng bộ phận, v.v. Mà đây cũng là những chiến thuật mà Thành Cát Tư Hãn đã vận dụng trong khi công chiến với Hoa Lạt Tử Mô và các thành phố Trung Á khác.

Lần đầu tiên Tây chinh có một kết thúc

Năm 1219, Thành Cát Tư Hãn phát động chinh chiến với nước Hoa Lạt Tử Mô, đến năm 1225 thì quay trở về Mông Cổ, lần đầu tiên Tây chinh để người Mông Cổ tấn công các nước tiểu Trung Á, đập tan liên quân Kiev Rus, có một kết thúc uy chấn Trung Á và khu vực Đông Âu. Những nơi quân Mông Cổ đi qua bao gồm miền đông của Âu Châu, phía bắc của Iran và một khu vực rộng lớn của Ấn độ ngày nay, phạm vi rất rộng, ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử thế giới, là điều hiếm

có. Thắng lợi mà quân Mông Cổ giành được hiển nhiên không thể tách rời con mắt chiến lược và quyết sách đúng đắn của Thành Cát Tư Hãn.

Nói một cách cụ thể, trong cuộc Tây chinh này, về mặt chính trị, Thành Cát Tư Hãn đã giành được sự hàng phục của các nhân vật đại biểu cho quý tộc, quan lại, lãnh tụ tôn giáo, thủ lĩnh quân sự, v.v. Về mặt quân sự, nhằm thẳng vào đặc điểm phòng thủ của quân coi giữ, căn cứ tình huống khác nhau mà áp dụng các chiến thuật như vây thành, đột nhiên tập kích, vận động chiến, v.v, để đánh bại đối phương. Đồng thời thực thi biện pháp dùng cả ân và uy, áp dụng chính sách đối đãi khác nhau với người đầu hàng và người chống cự, với quân nhân và dân thường. Các nghệ nhân và các phần tử trí thức đều được chọn lựa ra, hoặc theo quân phục dịch, hoặc đưa về Mông Cổ. Mà những người này sau khi trở về đế quốc Mông Cổ, một bộ phận dân tộc Trung Á đã phân tán khắp nơi ở Trung Quốc dần dần đồng hóa với các dân tộc trong Trung Quốc; một bộ phận dân tộc Trung Á khác tập trung cư ngụ tại vùng tây bắc Trung Quốc tạo thành bộ phận chính của dân tộc Hồi.

Còn như có một số ít người Hán hoặc người đã Hán hóa trong quân đội Mông Cổ, được lựa chọn lưu lại tại vùng đất bị chinh phục, ở nơi đó sinh sôi nảy nở, cũng đem văn hóa Trung Hoa truyền bá ra bên ngoài.

Tây chinh cũng khiến cho đế quốc Mông Cổ từ quốc gia đến cá nhân đều tăng thêm tài phú, nhiều phương diện như kỹ thuật quân sự, kỹ thuật sản xuất, quản lý xã hội và văn hóa của Mông Cổ cũng được tăng lên mạnh mẽ. Điều quan trọng hơn là, cuộc tây chinh của

Thành Cát Tư Hãn đã tiêu trừ hàng rào cản trở sự câu thông kinh tế văn hóa giữa Đông và Tây phương, rút ngắn khoảng cách thông thương, và quan hệ qua lại giữa Đông- Tây phương đã bắt đầu tấp nập.

Phân phong vùng đất chinh phục được - xây dựng 4 nước Đại Hãn

Sau khi Thành Cát Tư Hãn giành được thắng lợi, năm 1225, ông đem đất đai chinh phục được phân đất phong hầu cho ba người con trai của mình. Ba chi dòng tộc Thuật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài gọi là các Vương phía Tây.

Con trưởng Thuật Xích được phong Kipchak, Hoa Lạt Tử Mô và đất cũ là nước Khang Lý, một vùng thảo nguyên Kipchak nằm giữa dải sông Đông và sông Volga ở phía tây biển Aral, phía bắc biển Caspi đều thuộc Thuật Xích. Thuật Xích qua đời trước Thành Cát Tư Hãn, đất phong này thuộc về con của ông là Bạt Đô. Bạt Đô sau đó mở rộng địa bàn, trên cơ sở đó thành lập “nước Kipchak Hãn”. Nước Hãn này cách đô thành Mông Cổ mấy vạn dặm, ngựa trạm tốc hành cũng phải mất hơn 200 ngày.

Lãnh địa mà con thứ Sát Hợp Đài được nhận từ đất cũ Tây Liêu và nước Úy Ngột Nhi vươn xa đến tận Tát Mã Nhĩ Hãn và Bồ Cáp Lạp, bao gồm cả khu vực nam và bắc của Thiên Sơn, và lưu vực của sông Yuletus và sông Manas cho đến khu vực giữa hai con sông ở Trung Á là sông Amu Darya và sông Sry Darya ngày nay (thời kỳ mạnh nhất là từ dãy núi Altai đến biển Aral). Năm 1222, thành lập nước Hãn Sát Hợp Đài, lúc mới đầu đóng đô

ở Huyasi gần Alimari (Gulza), chính là tây bắc thị trấn Thủy Định huyện Hoắc Thành, Tân Cương ngày nay.

Lãnh địa của con trai thứ ba Oa Khoát Đài là đất cũ Nãi Man, nay là một dải phía tây thượng du sông Obi đến phía đông hồ Baikhah đều thuộc về Oa Khoát Đài. Năm 1225, thành lập nước Hãn Oa Khoát Đài.

Theo lệ cũ của Mông Cổ, sau khi Thành Cát Tư Hãn qua đời, con út Đà Lôi sẽ được nhận lãnh địa trực tiếp từ cha, chính là vùng trung tâm Mông Cổ ở dải sông Oran và sông Kelulian, sau này trở thành cương vực của triều Nguyên.

Các nước Hãn do con cháu của Thành Cát Tư Hãn kiến lập và nắm giữ, đã thúc đẩy có hiệu quả sự câu thông giữa phương Đông và phương Tây. Mà quy chế của hội nghị Hốt Lý Lặc Đài sau này cũng được mở rộng cho việc thống trị những nước Hãn này, bao gồm việc bầu chọn Hãn Mông Cổ, bàn bạc quyết định những việc quân sự và chính trị lớn, ký kết hiệp ước đồng minh giữa các nước Hãn, v.v.

Chương 14: Gia Luật Sở Tài thực hiện hoài bão - Mộc Hoa Lê chinh Kim

Trong cuộc đời chinh chiến của Thành Cát Tư Hãn, vô luận là thống nhất các bộ lạc trên thảo nguyên, hay là chinh phục Tây Hạ, nước Kim và rất nhiều nơi thuộc Trung Á, đều không thể thiếu các văn thần võ tướng trung thành tuyệt đối phò tá ông.

Trong mắt họ, Thành Cát Tư Hãn tuân theo thiên mệnh, dũng cảm cương nghị, tấm lòng rộng mở, khoan dung thành tín, nhìn xa trông rộng, rất giỏi về nhìn người và dùng người, và đây cũng là nguyên nhân khiến họ cam tâm tình nguyện dốc sức vì ông. Dưới trướng của Thành Cát Tư Hãn, họ đánh đông dẹp tây, bày mưu tính kế, vì Thành Cát Tư Hãn và hậu duệ của ông mà kiến tạo nên một đế quốc Mông Cổ cường thịnh, và vì nó mà nỗ lực hết sức mình.

Trong đó bao gồm những người được xưng là “Mông Cổ tứ kiệt” Bác Nhĩ Hốt, Mộc Hoa Lê, Bác Nhĩ Thuật và Xích Lão Ôn, “Mông Cổ tứ mãnh” Tốc Bất Đài, Giả Lạc Miệt, Triết Biệt, Hốt Tất Lai, họ đều là đại tướng khai quốc của đế quốc Mông Cổ, lập nên những công lao hiển hách. Trong các bề tôi quan văn, người được Thành Cát Tư Hãn cùng người thừa kế Oa Khoát Đài tán thưởng và tin cậy nhất, chính là Gia Luật Sở Tài.

Gia Luật Sở Tài tiếp thụ sâu văn hóa Hán

Gia Luật Sở Tài xuất thân từ gia đình quý tộc Khiết

Đan, là cháu chín đời của Liêu Thái tổ Gia Luật A Bảo Cơ, là cháu 8 đời của Đông Đan Vương Gia Luật Bội, con trai Hữu thừa Thượng thư của triều Kim Gia Luật Lý, có thể nói là dòng dõi Hoàng tộc chân chính. Lúc ông vừa chào đời, phụ thân Gia Luật Lý rất am hiểu về chiêm bốc liền tiên đoán nói: “Ta năm 60 tuổi mà được đứa con này, nhà ta là có ngựa non ngàn dặm. Ngày sau tất thành vĩ khí, hơn nữa xứng đáng để nước khác dùng”. Phụ thân còn dùng điển cố “Tuy Sở hữu tài, Tấn thực dụng chi” trong “Xuân Thu Tả thị truyện”, đặt tên cho con trai là “Sở Tài”.

Lúc Gia Luật Sở Tài 2 tuổi, phụ thân qua đời, ông là do mẫu thân nuôi dưỡng thành người. Lúc 12 tuổi, Gia Luật Sở Tài bắt đầu vào thư viện đọc sách, học tập thi thư lễ nghĩa của Nho gia. Gia thế Gia Luật Sở Tài đại diện cho tầng lớp Sĩ ở nước Kim, thường sống ở Yên Kinh. Nước Liêu bắt đầu từ Thái tổ Gia Luật A Bảo Cơ, đã bắt đầu tôn sùng văn hóa Hán, học theo chế độ nhà Hán để quản lý nước Khiết Đan. Mà nước Kim cũng bắt đầu từ Hoàng đế thứ ba là Kim Hi Tông, thúc đẩy cải cách theo chế độ nhà Hán, trọng dụng người Hán, thúc đẩy tôn sùng Nho học. Điều này khiến cho đô thành Yên Kinh tự nhiên có nền tảng văn hóa Hán sâu đậm, giúp nhiều thế hệ gia tộc Gia Luật tiếp thu văn hóa của người Hán, hình thành gia phong biết đọc sách hiểu lễ nghĩa.

Trong điều kiện như vậy, Gia Luật Sở Tài từ nhỏ đã học tập Hán tịch, tinh thông Hán văn, tuổi còn trẻ đã “đọc rộng hiểu nhiều, bên cạnh việc thông hiểu thiên văn, địa lý, luật lệ, thuật số cùng học thuyết của hai nhà Thích, Lão, y học và bốc quẻ, hạ bút thành văn, nổi

bật khác người”, mà lý tưởng của ông là dựa theo học thuyết của Nho gia để quản lý thiên hạ.

Năm 1206, Gia Luật Sở Tài không hưởng thụ thân phận con trai của Tế tướng, mà trực tiếp tham gia khoa cử khảo thí, xếp hạng ưu tú nhất trong những người tham dự, bởi vậy được triệu tập trao tặng duệ chức, về sau nhậm chức Đồng Tri ở Khai Châu.

Năm 1214, Kim Tuyên Tông dời xuống phía nam đến Biện Kinh, huynh trưởng của Gia Luật Sở Tài là Gia Luật Biện Tài, Gia Luật Thiện Tài đều đi theo, Gia Luật Sở Tài lưu lại ở Trung Đô, được thừa tướng trấn giữ Yên Kinh là Hoàn Nhan Thừa Huy bổ nhiệm làm Tả hữu ti viên ngoại lang.

Thành Cát Tư Hãn chiêu mời Gia Luật Sở Tài

Năm 1215, sau khi quân Mông Cổ tấn công và chiếm được Trung Đô, Thành Cát Tư Hãn không quên chiêu mời quý tộc Khiết Đan làm việc cho mình. Ông liền phái người điều tra nghe ngóng, biết được hậu duệ của Hoàng tộc nước Liêu là Gia Luật Sở Tài tài hoa hơn người, kinh luân đầy bụng, liền hạ chiếu triệu tập ông.

Gia Luật Sở Tài sở dĩ tiếp nhận sự triệu tập của Thành Cát Tư Hãn, ngoài việc thất vọng rất lớn đối với việc quân thần nước Kim không để ý đến bách tính, cũng đã thấy rõ đại thế của thiên hạ – đó chính là nước Kim diệt vong, việc người Mông Cổ lấy được thiên hạ chỉ là vấn đề thời gian, hơn nữa lòng mang khát vọng muốn làm nhiều việc có ích cho muôn dân thiên hạ. Bởi vậy, ông rời khỏi Trung Đô, trải qua khó khăn nguy

hiếm, tiến về đại trướng của Thành Cát Tư Hãn tại Mạc Bắc.

Đối với việc nhìn thấy đại trướng của Đại Hãn, trong “Tây Du lục” Gia Luật Sở Tài đã miêu tả như thế này: “Sông núi đan xen vào nhau, sắc núi, sắc trời hòa cùng sắc cỏ chiếu sáng lẫn nhau, xe trướng như là những đám mây màu trắng rải rác trên thảo nguyên, các tướng sĩ đông đảo như là mưa rơi, ngựa trâu phủ kín vùng quê, ánh sáng của binh giáp chiếu sáng cả bầu trời, trước doanh trướng khói lửa chiếu rọi lẫn nhau, liên tiếp vạn dặm. Nghìn xưa đến nay, chưa từng rầm rộ như thế”. Mà người làm nên sự rầm rộ này chính là Thành Cát Tư Hãn. Hiển nhiên, còn chưa gặp Thành Cát Tư Hãn, ông đã thán phục năng lực phi thường của Thành Cát Tư Hãn.

Tiếp sau đó, Gia Luật Sở Tài yết kiến Thành Cát Tư Hãn trong đại trướng. Thành Cát Tư Hãn anh hùng khí khái đã khiến Gia Luật Sở Tài tín phục. Cũng giống như vậy, với dáng vẻ khôi ngô, dung nhan tuấn mỹ, chàng thanh niên Khiết Đan 29 tuổi râu rử xuống ngực, cũng lọt vào tuệ nhãn của Thành Cát Tư Hãn. Ông đã thân thiết gọi anh là “Ngô đồ Tát Hợp Lý”, ý là “Người râu dài”.

Sau khi bàn chuyện kỹ với Gia Luật Sở Tài, Thành Cát Tư Hãn nói: “Người này có thể dùng, có thể lưu làm tả hữu, để trừ bị mưu kế”. Và sau lần “vạn dặm long đình yết thiên tử” này, Gia Luật Sở Tài cũng gửi gắm hy vọng rất lớn vào Thành Cát Tư Hãn, ông hy vọng mình có thể phụ tá Đại Hãn thành tựu nghiệp lớn. Ông từng hiến sách lược “Tây chinh” thế giới cho Thành Cát Tư Hãn, và nhận được rất nhiều sự tán thưởng.

耶律晉卿像



Gia Luật Sô Tài. (Ảnh: Tài sản công)

Theo hầu trong cuộc tây chinh và chinh phục Tây Hạ

Mùa hạ năm 1219, Thành Cát Tư Hãn tây chinh nước Hoa Lạt Tử Mô, Gia Luật Sở Tài rất được Thành Cát Tư Hãn tín nhiệm, cũng trở thành một trong những người theo hầu tin cậy. Cùng nhau xuất trận, chiến sự diễn ra vô cùng thuận lợi, đại quân Mông Cổ liên tiếp hạ được các thành thị như Bồ Ha La, Tát Mã Nhĩ Hãn, v.v, chiếm lĩnh được vùng đất rộng lớn nằm giữa sông Tích Nhĩ (Syr Darya) và sông A Mỗ (Amu Darya). Sau đó, quân Mông Cổ lại đánh tới khu vực ngày nay là Afghanistan, sông Ấn Độ, Caucasus, phía nam nước Nga. Gia Luật Sở Tài luôn yên trước ngựa sau cạnh Thành Cát Tư Hãn để bói quẻ cát hung, bày mưu tính kế, và cũng giảng về đạo trị quốc và an dân.

Thành Cát Tư Hãn rất tin vào Trường Sinh Thiên, hết sức coi trọng năng lực bói quẻ cát hung của Gia Luật Sở Tài. Mỗi lần xuất chinh, Thành Cát Tư Hãn nhất định đều để Gia Luật Sở Tài tiến hành bói quẻ, và cũng có lúc Thành Cát Tư Hãn dùng phương pháp bói quẻ truyền thống của Mông Cổ là đốt xương đùi dê để xác nhận. Những dự đoán của Gia Luật Sở Tài đều rất linh nghiệm.

Ví dụ như năm 1220, sau khi quân Mông Cổ đánh hạ được thị trấn quan trọng Bồ Ha La, Tát Mã Nhĩ Hãn của nước Hoa Lạt Tử, xuất hiện thiên tượng mùa đông có sét đánh. Thành Cát Tư Hãn liền hỏi là điềm báo gì. Gia Luật Sở Tài nói: “Quốc vương Ma Ha Mạt của nước Hoa Lạt Tử Mô chết ở nơi hoang dã”. Cuối năm, Ma Ha Mạt quả nhiên chết ở một hòn đảo nhỏ trên biển Caspi.

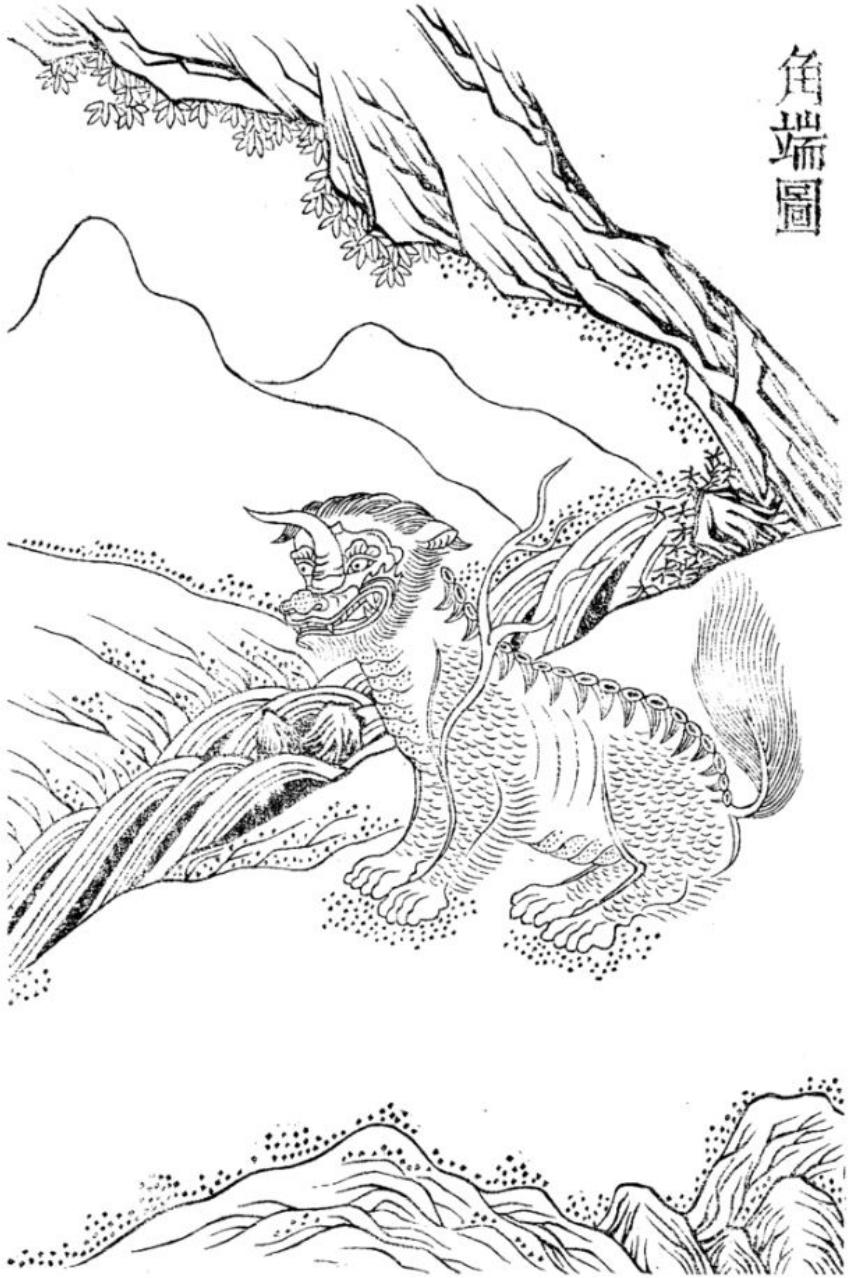
Lại như, năm 1222, Gia Luật Sở Tài còn thông qua thiên tượng “Trường tinh kiến phương tây”, tiên đoán cái chết của Tuyên Tông nước Kim. Năm sau quả nhiên ứng nghiệm.

Còn vào năm 1224, khi đại quân của Thành Cát Tư Hãn trú đóng tại Thiết Môn quan (nay là Uzbekistan), thị vệ phát hiện một con quái thú, nó có thân thể như hươu, đuôi thì giống đuôi ngựa, toàn thân màu xanh lục, trên đầu còn mọc ra một chiếc sừng, kỳ lạ hơn là còn có thể nói tiếng người. Nó nói cho thị vệ của Thành Cát Tư Hãn: “Quân chủ của các người nên sớm thu quân về nước”. Bọn thị vệ hoảng sợ vô cùng, đem việc này báo cáo cho Thành Cát Tư Hãn.

Thành Cát Tư Hãn cũng rất kinh ngạc nghi hoặc bất định, liền hỏi thuộc hạ, Gia Luật Sở Tài với kiến thức uyên bác đưa ra giải thích: Loại quái thú này gọi là “Giác đoan”, một ngày có thể chạy 18 ngàn dặm, thông hiểu các loại ngôn ngữ. Giác đoan là biểu tượng cho điều xấu, sự xuất hiện của nó biểu thị sát phạt quá nhiều, đây là Thiên thượng nhắc nhở bệ hạ. Hi vọng bệ hạ có thể thuận theo thiên ý, sớm thu quân về, như vậy mới có càng nhiều phúc phận. Thành Cát Tư Hãn nghe theo, rất nhanh chóng hạ chiếu về nước. Câu chuyện này được ghi lại trong “Nguyên sử” và được khắc trên mộ của Gia Luật Sở Tài.

Ngoài việc xem quẻ dự đoán, Gia Luật Sở Tài còn là thư ký Hán văn của Thành Cát Tư Hãn, phàm là văn thư chữ Hán của triều đình nhà Hãn Mông Cổ, đều do ông thụ lý. Năm 1222, Chân nhân Khâu Xử Cơ nhận lời mời của Thành Cát Tư Hãn tới hành dinh Đại Tuyết Sơn, Gia Luật Sở Tài phiên dịch toàn bộ quá trình và

角端圖



“Giác Đoan đồ”, trích từ “Cổ kim đồ thư tập thành. Bác vật vưng biên, cầm trùng điển, quyển thứ 58”. (Ảnh: Tài sản công)

tham dự cuộc gặp gỡ giữa Thành Cát Tư Hãn và Khâu Xử Cơ. Trong “Tây Du lục” nhắc đến Khâu Xử Cơ “lời lẽ bình bình khi đối đáp cùng những câu chuyện tràn ngập thần khí”, còn “Huyền Phong khánh hội lục” do ông làm chủ bút thì ghi chép các nội dung bàn về Đạo của Khâu Xử Cơ và Thành Cát Tư Hãn v.v.

Ngoài ra, năm 1220 sau khi Tát Mã Nhĩ Hãn bị công hãm, Gia Luật Sở Tài nhận lệnh đóng tại nơi đó quản lý sự vụ đồn điền. Trong hai năm ở đó, ông dành thời gian rảnh rỗi, đi xem xét cảnh sắc tự nhiên, sản vật vùng đất và phong tục người dân, ghi chép kỹ càng thành trì, lâm viên, khí hậu, nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp cùng các loại sản vật, v.v.. Ông còn ghi chép những cảnh tượng giao lưu văn hóa đông tây như cô gái địa phương học điệu múa Hán, kỹ nữ gảy đàn cầm của người Hồ, v.v, sáng tác nhiều bài thơ miêu tả phong cảnh tự nhiên, phong tục xã hội và cuộc sống.

Thành Cát Tư Hãn sau khi tây chinh trở về, lập tức xuất chinh Tây Hạ, Gia Luật Sở Tài lại lần nữa đi theo. Trong quá trình chinh phạt Tây Hạ, Gia Luật Sở Tài không ngừng dâng lời can gián cấm chỉ quan lại các châu quận tự tiện giết chóc, khiến cho nạn tham lam, bạo ngược được kiềm chế. Ngoài ra, ông còn hết sức bảo tồn thư tịch và y dược, nên đã cứu được không ít sinh mệnh.

Thành Cát Tư Hãn trước khi mất, từng chỉ vào Gia Luật Sở Tài căn dặn người kế thừa: “Người này là trời ban cho nhà ta, sau này việc chính trị dân sinh của quốc gia, đều có thể ủy thác cho ông ấy”.

Sau khi Oa Khoát Đài lên kế vị, quả nhiên trọng dụng Gia Luật Sở Tài, lập ông làm Trung thư lệnh (Tể



*Trong “Sử tập” miêu tả buổi lễ Oa Khoát Đài dâng cơ.
(Ảnh: Tài sản công)*

tướng). Gia Luật Sở Tài tích cực khôi phục văn trị, từng bước thực thi phương án “Lấy Nho giáo trị quốc” và chủ trương chính sách “Định chế độ, nghị lễ nhạc, lập tông miếu, xây cung thất, sáng lập trường học, thiết bày khoa cử, chọn nhân tài ẩn dật, cầu ý kiến của bô lão, tiến cử người hiền, cầu sự chính trực, khuyến khích nông tang, kiềm chế chơi bời lười biếng, giảm hình phạt, thu thuế nhẹ, đề cao danh tiết, phê phán phóng túng, bỏ đi nhân viên thừa, phế truất ác quan, tôn sùng hiếu thuận, cứu giúp người khốn khổ”, được khen là “Bề tôi của xã tắc”, có cống hiến to lớn đối với việc thống nhất Trung Nguyên của đế quốc Mông Cổ.

Mộc Hoa Lê chinh Kim

Tháng 8 năm 1217, bởi vì có công bình định Liêu Tây và bình định lại Liêu Đông, Mộc Hoa Lê được Thành Cát Tư Hãn phong làm Thái sư, Quốc vương, được ban thưởng quyển kim ấn khen ngợi, chiếu viết: “Con cháu truyền nối, đời đời không dứt”. Thành Cát Tư Hãn mỗi lần xuất hành, đều làm thêm lá cờ lớn gồm chín lều chuyên dụng. Ông đem lá cờ lớn chín lều này ban cho Mộc Hoa Lê, và nói với các chư tướng: “Mộc Hoa Lê dựng cờ này phát hiệu lệnh, như trẫm đích thân giá lâm”.

Ông lại lệnh cho Mộc Hoa Lê được toàn quyền thống suất 1.3 vạn quân Mông Cổ, 1 vạn bộ binh Uông Cổ cùng các quân người Khiết Đan, người Hán đầu hàng người Mông Cổ tấn công nước Kim, chiêu nạp hào kiệt Trung Nguyên, kiến lập cấp tỉnh, kinh lược Trung Nguyên,

còn mình thì dẫn quân chủ lực quay trở về Mông Cổ, chuẩn bị tây chinh.

Từ đó, Mộc Hoa Lê toàn quyền phụ trách chỉ huy cuộc chiến tấn công nước Kim. Ông thay đổi thói quen trước đây của người Mông Cổ chỉ đánh chiếm và đoạt đất mà không giữ thành, trọng dụng lực lượng vũ trang địa phương nguyện ý thần phục Mông Cổ, như cha con Sử Bình Trực, Sử Thiên Nghê là thủ lĩnh quân Thanh Lạc Hà Bắc và nguyên soái Thạch Thiên Ứng của Hưng Trung Phủ, cùng thổ hào Dịch Châu, trấn thủ Kim Trung Đô Trương Nhu.v.v, kết hợp với sở trường của quân Mông Cổ, đánh chiếm được mấy chục thành các nơi như Liêu Tây, Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, tại mỗi nơi đều thiết lập quan viên trấn thủ.

Mùa thu năm 1220, Mộc Hoa Lê dẫn quân đến Mãn Thành (nay là Bảo Định, Hà Bắc), thủ lĩnh lực lượng vũ trang địa phương Võ Tiên tại Chân Định phủ (nay là huyện Chính Định, Hà Bắc) đầu hàng, Mộc Hoa Lê tiếp thu kiến nghị của Sử Thiên Nghê, hạ lệnh nghiêm cấm cướp bóc bách tính, bởi vậy rất thu phục được lòng dân. Sau đó, ông dẫn kỵ binh tinh nhuệ tiến vào Tế Nam, thu hàng người cai quản Tế Nam của Nam Tống Nghiêm Thực cùng với 30 vạn hộ thuộc 8 châu do ông ta cai quản như Châu Tương, Châu Ngụy, Châu Từ, v.v., lệnh cho giữ chức Thượng thư tỉnh sự, lại thu phục những người như Tiết Độ Sứ Võ Quý ở châu Hình nước Kim, thủ lĩnh Thạch Tịch của nghĩa quân trung thành với nước Tống, An Phủ Sứ kiêm tổng quản Trương Lâm của Kinh Đông nước Tống, không đánh mà lấy được một vùng đất đai rộng lớn.

Trong lúc giao chiến kịch liệt ở Hoàng Lăng Cương (nay là phía đông Lan Khảo, Hà Nam), Mộc Hoa Lê linh hoạt dùng binh, tự mình xuống ngựa đốc chiến, ra lệnh cho tướng sĩ giương cung cùng bắn, đánh bại 20 vạn quân Kim, chiếm được Vệ Châu, Đan Châu. Mùa đông năm sau, ông lấy luôn cả Gia Châu (nay là huyện Giai thuộc Thiểm Tây), Tuy Đức, cũng bố trí mai phục đánh vào ban đêm tại phía đông thành Diên An, đánh bại ba vạn quân Kim, chém chết bảy ngàn người.

Năm 1222, Mộc Hoa Lê dẫn quân bao vây tấn công Kinh Triệu phủ (nay là Tây An), bởi vì 20 vạn quân Kim cố thủ, không đánh được, ông liền cho giữ lại sáu ngàn quân cầm cự cùng quân Kim, còn phái ba ngàn người trấn giữ Đồng Quan; tự mình dẫn quân chủ lực về phía tây đánh chiếm Phượng Tường, nhưng hơn một tháng không hạ được.

Mùa xuân năm thứ hai, khi Mộc Hoa Lê vượt sông Hoàng Hà đến Văn Hỉ (nay thuộc huyện Văn Hỉ, Sơn Tây) thì lâm bệnh qua đời, hưởng thọ 54 tuổi. Trước khi lâm chung, Mộc Hoa Lê nói với em trai của mình là Đái Tôn rằng: “Ta vì muốn giúp quốc gia thành đại nghiệp, mặc giáp cầm gươm gần 40 năm, đánh đông dẹp tây, không có điều gì phải ân hận, chỉ tiếc chưa đánh hạ Biện Kinh (nay là Khai Phong, Hà Nam)! Người phải cố gắng.”

Trên thực tế, trải qua 6 năm chinh chiến, Mộc Hoa Lê trước sau đã chinh phục đại bộ phận quốc thổ triều Kim, san bằng tất cả thực lực của quân Kim, cũng thu phục được rất nhiều hàng tướng của triều Kim. Sau khi ông mất đi, con ông là Bột Lỗ thừa kế tước vị, lĩnh quân tiếp tục chinh phạt nước Kim.



*Tượng Mộc Hoa Lê ở thành phố Ulan Bator, Mông Cổ
(Ảnh: Shutterstock)*

Bề tôi đắc lực của Thành Cát Tư Hãn

Mộc Hoa Lê sinh ra ở phía đông A Nan Thủy, lịch sử ghi lại rằng khi ông sinh ra, có một luồng khí trắng tốt lành bay ra từ trong đại trướng. Một vị vu thần trên thảo nguyên nhìn thấy cảnh tượng này, kinh ngạc thốt lên “đứa trẻ này thật phi thường”.

Sau khi trưởng thành, Mộc Hoa Lê trầm ổn cương nghị, túc trí đa mưu, vạm vỡ khôi ngô, cánh tay dài như vượn, rất giỏi về bắn cung, có thể kéo căng cung hai thạch (khoảng 200 cân), oai hùng trên thảo nguyên nổi tiếng một thời. Ông cùng với Bác Nhĩ Thuật, Bác Nhĩ Hốt, Xích Lão Ôn cùng đem lòng trung thành và dũng cảm để phò tá Thành Cát Tư Hãn, người thời đó tôn xưng bốn người là “Xuyết Lý Ban – Khúc luật”, tiếng Hán có nghĩa là “Tứ kiệt”.

Có một năm, Thành Cát Tư Hãn xuất chinh thất bại, bị mất doanh trướng, ban đêm, ông chỉ có thể nằm trên đám cỏ. Không may là, đêm đó tuyết lại rơi nhiều, Mộc Hoa Lê và Bác Nhĩ Thuật cùng mở tấm lông cừu ra để che chắn gió tuyết cho Đại Hãn, từ chạng vạng tối mãi cho đến sáng hôm sau, thậm chí ngay cả bước chân cũng không nhúc nhích.

Còn có một hôm, Thành Cát Tư Hãn mang theo hơn 30 kỵ binh, đi tới một chỗ giữa sơn cốc. Đột nhiên một đám quân giặc từ trong rừng rậm bên cạnh xuất hiện và bắn tên. Trong lúc nhất thời, tên bắn ra như mưa. Mộc Hoa Lê lập tức giương cung lấp tên, bắn liền ba mũi, trúng ba người. Thủ lĩnh quân địch hỏi: “Ông là ai?” Ông trả lời: “Ta là Mộc Hoa Lê.” Sau đó Mộc Hoa Lê tháo yên ngựa, cầm trong tay làm tấm chắn, bảo hộ

Thành Cát Tư Hãn rút lui. Những kỵ binh còn lại phản kích, quân giặc chạy tứ tán.

Trong mấy chục năm, Mộc Hoa Lê đi theo Thành Cát Tư Hãn đánh đông dẹp tây, lập nên những chiến công hiển hách, và cũng mấy lần cứu Thành Cát Tư Hãn thoát khỏi nguy nan.

Năm 1206, Thành Cát Tư Hãn thống nhất các bộ lạc Mông Cổ, bước lên ngôi vị Hoàng đế. Khi mới lên ngôi, Đại Hãn liền nói với Mộc Hoa Lê và Bác Nhĩ Thuật: “Hiện ở trong nước được bình ổn, phần lớn là công lao của các ngươi. Các ngươi đối với ta, tựa như cái càng của xe, như cánh tay của thân người không thể thiếu được, các ngươi phải hiểu rõ ý này của ta, không được thay đổi cái tâm phò tá ta lúc ban đầu”. Ngay sau đó, ông lập Mộc Hoa Lê và Bác Nhĩ Thuật làm Tả, Hữu vạn hộ trưởng, ban cấp cho họ đầy đủ thị vệ và nghi trượng tương ứng, ban thưởng cho họ sự đãi ngộ như vương của nước chư hầu.

Sau đó, Thành Cát Tư Hãn lại phong Mộc Hoa Lê làm Thái sư, Quốc vương, ban thưởng ấn tín hoàng kim và lời khen ngợi. Ở đế quốc Mông Cổ, Mộc Hoa Lê là người đầu tiên được thụ phong vương vị. Trong “Tân nguyên sử” của triều Kim nói, ông biết nhìn người và biết dùng người, có khí phách của Thành Cát Tư Hãn.

Chương 15: Chinh phục Tây Hạ - Lưu di sách diệt Kim - Trở về Trời trường sinh

Khi Thành Cát Tư Hãn dẫn theo từng xe từng xe chiến lợi phẩm và rất nhiều tù binh trở về thảo nguyên Mông Cổ, thì nơi đây sôi động hẳn lên, mọi người thâu đêm suốt sáng vừa ca vừa múa, uống rượu chúc mừng.

Thế nhưng, Thành Cát Tư Hãn ngược lại không hề lãng phí thời gian vào nghỉ ngơi, sự hùng tâm tráng chí thúc đẩy ông đi đến một cuộc viễn chinh mới. Mục tiêu đầu tiên ông chọn sau khi Tây chinh trở về là nước đã phản bội mình – Tây Hạ.

Cuộc chiến diệt Hạ

Từ khi Thành Cát Tư Hãn phát động cuộc chiến trừng phạt nhằm vào nước Kim, tuy có điều ước hòa bình giữa Tây Hạ và nước Đại Mông Cổ, nhưng cũng không cách nào che đậy được sự mê muội của vua Tây Hạ, sự hủ bại của quan trường, và khí số sắp tận của Vương triều Tây Hạ. Năm 1211, Tề Vương Lý Tuân Húc phát động chính biến đoạt chính quyền, chính là Tây Hạ Thần Tông. Mặc dù ông ta muốn xoay chuyển tình hình, cũng từng muốn liên minh với nước Kim chống lại Mông Cổ, nhưng lại bị nước Kim cự tuyệt. Ông ta cũng không dám quyết đoán tự mình khai chiến với Thành Cát Tư Hãn, đành phải tiếp tục kéo dài chính sách “Phụ Mông phạt Kim”, điều này khiến trong nội bộ càng thêm bất ổn.

Năm 1217, Thành Cát Tư Hãn phái sứ giả đến, yêu cầu Quốc quân Tây Hạ đưa quân cùng Tây chinh. Hạ Thần Tông khi đó còn chưa tỏ thái độ, đại thần dưới trướng A Sa Cấm Bất đã nói: “ Binh lực không đủ, làm Đại Hãn cái gì!” rồi đuổi sứ giả về. Thành Cát Tư Hãn nghe giọng điệu cuồng vọng, mỉa mai đã rất tức giận, ông thân chinh dẫn đại quân lần thứ tư phát binh tiến đánh Tây Hạ, bao vây tấn công Trung Hưng Phủ. Quân thần Tây Hạ ra sức cố thủ, nhưng trải qua hai mươi mấy ngày mà đại quân Mông Cổ cũng không chịu rời đi. Hạ Thần Tông rời thành trốn đến Linh Châu (là thành cổ nổi tiếng ở Tây Bắc, Ninh Hạ ngày nay), lệnh cho Thái tử Lý Đức Vượng cố thủ. Lý Đức Vượng chỉ còn cách sai sứ giả đi cầu hòa. Thành Cát Tư Hãn có ý định tây chinh Trung Á và Âu Châu, đồng ý buông tha Tây Hạ, dự định lúc trở về sẽ lại chinh phạt Tây Hạ.

Bởi vì Thành Cát Tư Hãn không rảnh để bận tâm đến Tây Hạ, nên chính quyền Tây Hạ vẫn tiếp tục kéo dài hơi tàn. Năm 1223, do không muốn trở thành vị vua mất nước, Hạ Thần Tông đem ngôi vị truyền cho con trai Lý Đức Vượng, là Hạ Hiến Tông. Hạ Hiến Tông quyết định sử dụng chính sách “Liên Kim kháng Mông” một lần nữa, là lần thứ hai liên minh với nước Kim, đồng thời nhân lúc đại quân Mông Cổ Tây chinh, đã liên hợp với các bộ lạc xung quanh Mông Cổ tấn công người Mông Cổ.

Sau khi Thành Cát Tư Hãn biết tin, ông đã ra lệnh cho Bột Lỗ là tướng am hiểu Hán địa Trung nguyên, tấn công Tây Hạ từ phía đông và phía tây, chiếm được Ngân Châu của Tây Hạ (thuộc Thiểm Tây ngày nay), bắt

sống tướng Tháp Hải của Tây Hạ, và giết mấy vạn quân Tây Hạ, giành được hàng ngàn vạn gia súc.

Năm 1225, Thành Cát Tư Hãn tây chinh trở về đến Mạc Bắc, quyết ý triệt để chinh phục Tây Hạ. Trước khi chinh phạt, Thành Cát Tư Hãn phái sứ giả đi gặp Hạ Hiến Tông, chất vấn chuyện ngày xưa chế giễu. Hạ Hiến Tông biết đại nạn đã đến và không thể trốn tránh, liền buông lời thà rằng đánh với Mông Cổ một trận.

Vào tháng 02/1226, Thành Cát Tư Hãn phát động cuộc chiến đại quy mô, thời gian kéo dài tới một năm rưỡi. Lúc ấy Thành Cát Tư Hãn bị thương ở bắp chân do con ngựa đột nhiên hoảng sợ khiến ông bị ngã ngựa, và sau đó bị sốt, nhưng ông cũng quyết không từ bỏ.

Quân Mông Cổ chia làm hai lộ, một lộ mười vạn quân chủ lực do Thành Cát Tư Hãn tự mình suất lĩnh, đầu tiên công phá thành Hắc Thủy ở phía tây thành Oát La Hải, sau đó đánh bại Đại tướng của Tây Hạ A Sa Cảm Bất ở Hạ Lan Sơn, mùa hạ thì đến Đạt Hồn Thùy Sơn. Một lộ quân Mông Cổ khác do Đại tướng A Đáp Xích dẫn đầu, lần lượt hạ được Cam Châu (nay là Trương Dịch – Cam Túc), Sa Châu và Túc Châu (nay là Tửu Tuyền – Cam Túc).

Mùa thu, đại quân Mông Cổ tiếp tục đánh hạ được các huyện như Tây Lương Phủ (nay là Võ Uy – Cam Túc), qua Hoàng Hà chín lần, lấy được Ứng Lý (nay là khu Sa Ba Đầu thành phố Trung Vệ); Tháng 11 mùa đông, tiến đánh Linh Châu (phía tây nam của Linh Vũ Ninh Hạ). Từ đây về sau, đại quân Mông Cổ thuận lợi công chiếm các vùng như Tích Thạch Châu, Tây Ninh, ép thẳng đến đô thành Trung Hưng Phủ của Tây Hạ.

Nhìn khí thế quân Mông Cổ như chẻ tre liên tiếp áp tới gần, Hạ Hiến Tông vì quá lo lắng mà chết, năm đó 46 tuổi. Để vị được truyền cho cháu trai Nam Bình Vương Lý Hiến kế thừa, là mặt đế nhà Hạ. Đây là vị Hoàng đế cuối cùng của Tây Hạ.

Mùa xuân năm 1227, Thành Cát Tư Hãn thấy trước việc nhà Hạ tiêu vong là kết cục được định sẵn, ông lệnh một số quân ở lại tấn công thành Hạ Vương, còn mình dẫn quân tiến vào đất Kim, liên tiếp phá được các châu Lâm Thao (nay thuộc Cam Túc), châu Tây Ninh, châu Long Đức, và châu Đức Thuận. Đang lúc tấn công nhưng chưa phá được Phụng Tường, Thành Cát Tư Hãn không khỏi tiếc nuối nói với các chư tướng: *“Nếu Mộc Hoa Lê còn tại thế, ta đã không cần phải tới đây đốc chiến!”*

Mùa hạ, Thành Cát Tư Hãn quay trở về hành cung Lục Bàn Sơn tránh nóng, đồng thời phái người đến Trung Hưng Phủ chiêu hàng. Lúc này Trung Hưng Phủ đã bị quân Mông cổ vây khốn nửa năm rồi, trong thành lương thực hết mà không có viện binh, còn phát sinh địa chấn mạnh và ôn dịch. Quân lính và dân chúng nhiều người bị bệnh, khốn khổ không chịu nổi. Cùng đường mặt lộ, Hoàng đế cuối cùng của nhà Hạ đành phải quyết định dâng thành đầu hàng. Hoàng đế thỉnh cầu thư thả một tháng, để người dân ở Trung Hưng Phủ rời đi. Thành Cát Tư Hãn đồng ý.

Cũng trong thời gian đó, nước Kim một lần nữa phái Hoàn Nhan Hợp Châu, Áo Đồn A Hổ đến giảng hòa, nhưng bị từ chối. Sau khi Ai Tông của nước Kim lên ngôi, ông đã có một loạt cải cách về nội chính và ngoại giao, cũng bố trí những binh sĩ trung thành dững



*Tượng võ sĩ Tây Hạ khai quật được ở Hắc Thủy Thành.
(Ảnh: Tài sản công)*

cảm canh gác để đề phòng sự tấn công của quân Mông Cổ. Do đó, trong suốt một năm quân Mông Cổ ở các châu Đại Xương Nguyên, Đảo Hợp Cốc, Đồng Quan, Lan Quan, Phượng Tường, Cựu Vệ đã đánh mấy trận mà đều thua và gặp bất lợi.

Một tháng sau, Hoàng đế cuối cùng của nhà Hạ dẫn theo các đại thần cùng các lễ vật như kim ngân khí mãnh, ngựa, lạc đà, v.v, tiến về Lục Bàn Sơn đầu hàng. Lúc này, Thành Cát Tư Hãn đã băng hà tại hành cung, con trai thứ tư Đà Lôi tạm thời thống soái đội quân Mông Cổ. Hoàng đế cuối cùng của nhà Hạ sau đó bị giết. Đến đây, Tây Hạ chính thức tuyên cáo diệt vong, mà cuộc chiến Mông Cổ diệt Tây Hạ kéo dài 22 năm cũng tuyên bố kết thúc.

Sau khi Tây Hạ diệt vong, một vị tướng Mông Cổ là Sát Hãn, xuất thân trong bộ tộc Đẳng Hạng, vào thành để vỗ về binh lính và dân chúng trong thành, nên cuộc sống của người dân Tây Hạ vẫn được bảo toàn. Ý nghĩa quan trọng về sự diệt vong của Tây Hạ là khiến cho không còn lực lượng nào kiềm chế hậu phương ở phía tây và phía bắc của Mông Cổ. Mông Cổ có thể toàn tâm toàn ý Nam hạ đánh chiếm nước Kim và nước Tống.

Ảnh hưởng của Tây Hạ đối với đế quốc Mông Nguyên

Mặc dù Tây Hạ diệt vong, nhưng Tây Hạ đã có ảnh hưởng tích cực đối với đế quốc Mông Cổ và triều Nguyên sau này. Đầu tiên, việc Tây Hạ tôn sùng Nho học, tôn sùng Khổng Tử, nuôi dưỡng được rất nhiều nhân tài tín phụng Nho gia. Họ ra làm quan tại vương



“Kim quang minh tối thắng Vương kinh” – Văn khắc của Tây Hạ.
 (Ảnh: Tài sản công)

triều Mông Nguyên, thúc đẩy sự phát triển Nho học trong đế quốc do dân tộc thiểu số kiến lập. Điều này tạo sự ảnh hưởng đối với người Mông Cổ theo cách mà người ta không nhận ra trên bề mặt. Như việc Cao Trí Diệu, cháu trai tướng quốc Tây Hạ Cao Lương Huệ, từng đề nghị với người thống trị Mông Nguyên xin hãy ưu đãi nho sĩ, bảo hộ nho sĩ. Ông còn đề nghị Hốt Tất Liệt thiết lập đài Ngự Sử và cũng được vui vẻ tiếp thu.

Tiếp theo, âm nhạc của Tây Hạ cũng có ảnh hưởng đến người Mông Cổ. Âm nhạc Tây Hạ ban đầu chịu ảnh hưởng sâu sắc của âm nhạc dân tộc Hán, sau hấp thu tinh hoa âm nhạc của rất nhiều dân tộc như Hán, Thổ Phiên, Hồi Hột mà hình thành nên sự đặc sắc của riêng dân tộc mình. Mà người Mông Cổ, “theo như lời của Cao Trí Diệu Hà Tây, vào năm Nguyên Thái tổ thứ nhất, trưng dụng cụ nhạc của Tây Hạ”, “Nghị Phượng Ty nắm vững ba sắc thái âm nhạc tinh tế của người Hán, Hồi Hồi, và Hà Tây”.

Thứ ba, người Tây Hạ sùng bái Phật, có rất nhiều cao tăng đến Tây Hạ truyền pháp. Thông qua người Tây Hạ, người Mông Cổ mới tiếp nhận Tịnh truyền Phật giáo của Thổ Phiên. Việc người Mông Cổ có thể công nhận văn hóa Tây Tạng là không thể thiếu sự thúc đẩy và ảnh hưởng của người Tây Hạ.

Đối với việc phong hiệu cho cao tăng, Tây Hạ chẳng những có Đế sư, còn có Thượng sư, Đại sư, Quốc sư, Đức sư, Nhân sư, Trung sư, Thiền sư, Đại pháp sư... người Mông Cổ kế thừa truyền thống phong hiệu Đế sư.

Hồn quy Trường Sinh Thiên - Lưu lại sách lược diệt Kim

Ngày Kỷ Sửu tháng Bảy là mùa thu năm 1227 (tức ngày 25/8 âm lịch), Thành Cát Tư Hãn đã băng hà do bị bệnh tại hành cung Tát Lý Xuyên Cáp Lão Đồ thuộc huyện Thanh Thủy của Tần Châu, hưởng thọ 66 tuổi. Năm Chí Nguyên thứ 2 (năm 1265), Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt) đã đặt miếu hiệu cho ông là Thái tổ, ba năm sau đặt thụy hiệu là Thánh Võ Hoàng Đế.

Trước khi lâm chung, Thành Cát Tư Hãn nói với tả hữu: “Tinh binh quân Kim tại Đồng Quan, phía nam dựa vào Liên Sơn, phía bắc giới hạn bởi Đại Hà, khó mà phá gấp được. Nếu như mượn đường qua Tống, thì vì Tống, Kim là kẻ thù truyền kiếp, nhất định sẽ cho phép ta mượn đường, sẽ đưa quân xuống đánh đất Đường, Đặng, đánh thẳng tới Đại Lương. Kim gấp, tất trưng dụng binh ở Đồng Quan. Nhưng với quân số đông mấy vạn, ngàn dặm đi viện binh, người ngựa mệt nhọc, mặc dù đến nhưng không thể chiến đấu, phá nó tất được”, tức là phải mượn đường Nam Tống, vòng qua Đồng Quan để diệt Kim.

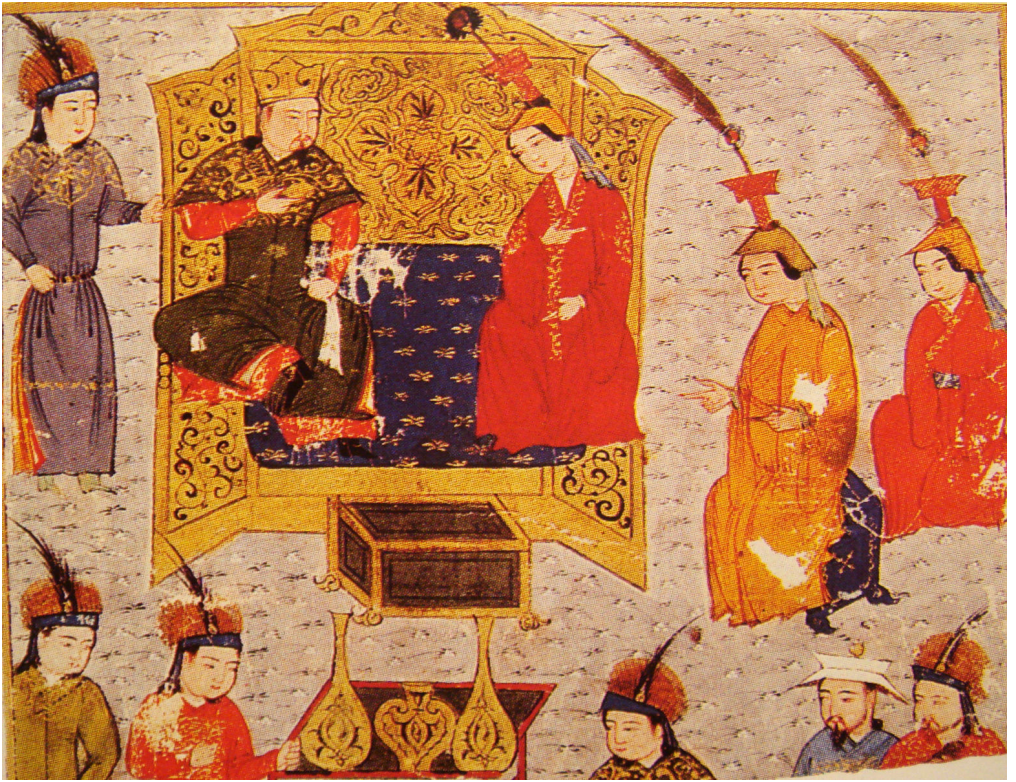
Tin tức Thành Cát Tư Hãn băng hà sau khi nước Hạ đầu hàng mới được tuyên bố, linh cữu của ông do một cỗ xe chiến đơn giản chở về thảo nguyên Mông Cổ. Có người nói ông được mai táng ở Sơn Dương — một thung lũng phong cảnh tú lệ trên Thập Sơn Bất Nhi Hãn Hợp Đôn của ông (nay là núi Kent), dùng xe kéo tay vào trong cốc, nhưng cho đến tận ngày nay, không ai có thể tìm thấy lăng mộ của ông. Nghe nói, có một ngàn binh lính từng cười ngựa giẫm đạp trên mộ

của ông, để xóa đi hết thảy vết tích. Mặc dù không biết ông được mai táng ở chỗ nào, nhưng chính như Khâu Xử Cơ đã từng nói, Thành Cát Tư Hãn nhất định là sau khi hoàn thành sứ mệnh, đã quay trở về Trường Sinh Thiên rồi.

Vấn đề người thừa kế

Trước khi Thành Cát Tư Hãn dự định chinh phạt Hoa Lạt Tử Mô, một người thiếp tên là Dã Toại đã nhắc đến vấn đề người thừa kế, nàng dâng tấu nói: “Vạn vật trên đời đều vô thường (không tồn tại mãi), một khi thân thể đại thụ của Ngài đột nhiên khuynh đảo, những người dân trăm họ đang đoàn kết vững chắc kia sẽ giao cho ai chưởng quản? Trong tứ tử kiệt xuất của Ngài, Ngài giao phó cho ai?” Thành Cát Tư Hãn rất tán thành, cho tổ chức hội nghị Hốt Lý Lặc Đài, trước tiên hỏi cách nhìn nhận của bốn người con.

Trưởng tử Truật Xích cùng thứ tử Sát Hợp Đài cùng đề cử người em trai thứ ba là Oa Khoát Đài kế thừa Hãn vị. Thành Cát Tư Hãn lại hỏi ý kiến Oa Khoát Đài, Oa Khoát Đài nguyện ý dốc hết năng lực của mình đảm nhận. Thành Cát Tư Hãn quay qua hỏi tứ tử Đà Lô. Đà Lô nói: “Con nguyện ở bên cạnh vị huynh do Phụ Hãn chỉ định, đem việc huynh quên nhắc cho huynh biết, đánh thức huynh khi huynh ngủ. Làm người đồng hành theo lệnh của huynh, làm cây roi dài thúc ngựa. Con sẽ luôn kịp thời đáp khi huynh gọi, tiến lên không lạc đội ngũ. Con nguyện cùng huynh đường dài chinh chiến và nguyện chiến đấu hết mình vì huynh ấy.”



Nguyên Duệ Tông Đà Lôì cùng Hiến Ý Trang Thánh Hoàng hậu Toa Lôì Hòa Thiếp Ni. (Ảnh: Tài sản công)

Thành Cát Tư Hãn sau khi cân nhắc suy nghĩ kỹ, đã định ra người thừa kế. Người có tính cách tương đối cẩn thận, có khả năng chính trị xuất chúng, lại là người ôn hòa Oa Khoát Đài sẽ thành người kế nhiệm Đại Hãn.

Thời đại sau Thành Cát Tư Hãn

Khi Thành Cát Tư Hãn băng hà, Oa Khoát Đài đang trên đường chinh chiến, nên tạm thời do Đà Lôì giám quốc. Tháng 8 năm 1229, trong đại hội Hốt Lý Lặc Đài, Oa Khoát Đài được đề cử làm Đại Hãn Mông Cổ, chính

thức kế vị. Ông tuân theo di mệnh của phụ thân, liên kết Tống quốc công phá nước Kim, tiếp tục mở rộng cương thổ, tiêu diệt hoàn toàn nước Kim, chinh phục toàn bộ Hoa Bắc và khu vực Trung Á. Về mặt nội chính, ông trọng dụng Gia Luật Sở Tài quản lý Hoa Bắc và khu vực Trung Nguyên, đề bạt người Hán làm quan, chỉnh đốn nội trị, củng cố cơ sở thống trị của nước Đại Mông Cổ, làm nền tảng cho con trai của Đà Lô là Hốt Tất Liệt xưng đế, và tiêu diệt Nam Tống sau này.

Ngoài ra, sau lần thứ nhất Tây chinh, quân đội Mông Cổ lại tiến hành Tây chinh lần thứ hai trong khoảng thời gian từ năm 1235 đến năm 1242, được các tướng cầm quân như Tốc Bất Đài, Bạt Đô, Quý Do, Mông Kha cùng Bất Lý v.v. Lần Tây chinh này đã chinh phục Kiev Ross, vương quốc Allan và Bulgaria. Quân đội Mông Cổ thậm chí đã tiến tới vùng đất Ba Lan và Hungary, cũng đánh thắng được liên quân của vương quốc Ba Lan và Germanic (tổ tiên của người Đức và Anh), và quân Hungary.

Từ năm 1252 đến năm 1260 quân Mông Cổ tiến hành Tây chinh lần thứ ba, quân Mông Cổ chinh phục được Tây Á, tận đến các nước khu vực Levant (thuộc phía đông Địa Trung Hải), bao gồm nước Mōc Lạt Di, vương triều Ba Cách Đạt A Bạt Tư (Baghdad Abbas) cùng vương triều A Vưu Bố ở Syria, sau đó thành lập Y Nhi Hãn quốc.

Người Mông Cổ ba lần Tây chinh, vượt qua đại lục Á Âu, thậm chí đánh tới một dải gồm Nga, Ba Lan, Hungary, khiến Châu Âu chấn động. Cống hiến lớn nhất của cuộc Tây chinh này là, phía đông bắt đầu từ Thái Bình Dương, phía tây đến biển Baltic, phía nam

đến vịnh Ba Tư. Kim bài của Đại Hãn Mông Cổ có thể chạy khắp các nơi, các con đường bị tắc trước đây đều có thể khai thông. Giao thương giữa đại lục Á Âu vào triều Nguyên đã được tăng cường thêm một bước, có thể nói là một thời cực thịnh. Một phương diện của mối kết giao này được thể hiện trong việc lượng lớn thư tịch về thiên văn, lịch pháp, toán học, y học của Ba Tư, Ả rập, v.v được truyền vào Trung Quốc; một phương diện khác được thể hiện ở chỗ các loại thương phẩm như thuốc nổ cùng các loại kỹ thuật công nghệ, tơ lụa v.v, của Trung quốc tiến vào Châu Âu.



Trận chiến Liệt Cách Ni Ca, diễn ra vào ngày 09/04/1241, một phần cuộc Tây chinh của Mông Cổ. (Ảnh: Tài sản công)

Mối kết giao này làm cho các phương diện như khoa học kỹ thuật ở phương Đông và phương Tây được giao thoa lẫn nhau, tiến thêm một bước thúc đẩy văn hóa phương Đông và phương Tây cùng giao lưu và phát triển. Do đắc được lợi ích từ việc giao lưu này, mới có một bộ sách: “*Marco – Polo du ký*” lần đầu tiên giới thiệu Trung Quốc tới Châu Âu một cách có hệ thống. Trong sách không chỉ giới thiệu phong thổ và tập quán con người ở kinh đô và các thành phố khác của triều Nguyên, mà còn giới thiệu cho người Châu Âu rất nhiều sản vật phong phú, công thương nghiệp và giao thông, tôn giáo, khoa học kỹ thuật và các loại chế độ đã hoàn thiện của triều Nguyên. Điều này đóng góp rất nhiều gợi ý cho sự phát triển của Châu Âu.

Thành Cát Tư Hãn: Thế nhân sẽ kể lại câu chuyện của ta

Trong các chiến tích của bậc hùng tài đại lược Thành Cát Tư Hãn, thế nhân có thể chỉ nhìn thấy một phần trong đó, nhưng chúng ta cũng có lý do tin tưởng rằng, lịch sử tại thời kỳ này đã tạo ra Thành Cát Tư Hãn. Ông lấy loại phương thức đặc biệt này để gia tăng mỗi bang giao qua lại giữa Á Châu và Âu Châu. Còn Thành Cát Tư Hãn đã đánh giá bản thân mình như thế nào?

Trong “Sử thoại Nạp Tích Nhĩ” của Truật Tư Trát Ni, người từng làm quan tại vương triều Cổ Nhĩ ở Khorasan, có ghi lại cuộc đối thoại giữa Thành Cát Tư Hãn và vị giáo sĩ Hồi giáo phục vụ cho ông. Trong một lần nói chuyện, Thành Cát Tư Hãn đại khái nói: “Sau

khi ta chết, một cái tên hàm chứa sức mạnh sẽ được tiếp tục lưu truyền trên thế giới này”.

Hoàn toàn chính xác, mấy trăm năm qua, rất nhiều người, rất nhiều quân chủ và rất nhiều quốc gia đều đang bàn luận về câu chuyện của Thành Cát Tư Hãn. Uy danh của ông không chỉ vang vọng khắp Trung Nguyên đại địa, mà còn vang khắp đại lục Á-Âu.

(Hết)

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông



Lý Bạch



Dương Diên Chiếu



Nhạc Phi



Thành Cát Tư Hãn



Hồ Tắc Liệt



Minh Thành Tổ



Trương Tam Phong



Lý Tự Thành



Khang Hy



Hồng Tú Toàn



Tôn Trung Sơn



Tưởng Giới Thạch